

Tiết 1. Ôn Toán:

TIẾT 80 : LUYỆN TẬP

A. MỤC TIÊU: * Qua tiết học giúp học sinh:

- Củng cố về các phép trừ (không nhớ) trong phạm vi 20; biết trừ nhẩm dạng 17-3
- Củng cố về viết phép tính thích hợp, làm được các bài tập 1, 2, 3, 4,5 trong vở thực hành tiếng việt và toán theo từng đối tượng.

B. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

* GV: Nội dung các bài tập... * HS : Vở bài tập toán...

C. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN																												
<p>I. Kiểm tra bài cũ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS lên bảng làm - Giáo viên nhận xét. <p>II. Dạy học bài mới:</p> <p>1. Giới thiệu bài:</p> <p>2. Thực hành giải các bài tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn cho HS làm các bài tập - HS nêu số bài tập và yêu cầu từng bài. - GV giao bài tập cho hs - HS làm việc cá nhân với bài tập được giao. - GV quan sát giúp đỡ HS yếu. - HS làm xong chữa bài. <p>III. Củng cố - Dẫn dò:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét giờ học, tuyên dương những học sinh học tốt. - Nhắc học sinh học kỹ bài và xem trước bài sau 	<p>Tính: $17 + 2 = \dots$ $18 + 1 = \dots$</p> <p>Bài tập.(Trang 16)</p> <p>Bài 1: Đặt tính rồi tính</p> <table style="width: 100%; text-align: center;"> <tr> <td>$18 - 3$</td> <td>$16 - 2$</td> <td>$19 - 6$</td> </tr> <tr> <td>$17 - 6$</td> <td>$15 - 3$</td> <td>$19 - 4$</td> </tr> </table> <p>Bài 2: Tính nhẩm:</p> <table style="width: 100%; text-align: center;"> <tr> <td>$16 - 1 = \dots$</td> <td>$14 - 2 = \dots$</td> <td>$19 - 7 = \dots$</td> </tr> <tr> <td>$17 - 1 = \dots$</td> <td>$18 - 2 = \dots$</td> <td>$15 - 4 = \dots$</td> </tr> </table> <p>Bài 3: Tính:</p> <table style="width: 100%; text-align: center;"> <tr> <td>$12 + 5 - 3 =$</td> <td>$15 - 4 + 2 = \dots$</td> <td>$19 - 3 - 4 =$</td> </tr> <tr> <td>...</td> <td></td> <td>...</td> </tr> </table> <p>Bài 4: Đố vui:</p> <p>Hãy viết các số 2,2,3,5,5 vào các ô trống thích hợp để khi cộng các số từng hàng ngang hoặc từng cột dọc đều nhận được kết quả bằng 10</p> <table border="1" style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <tr> <td>2</td> <td></td> <td>3</td> </tr> <tr> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>3</td> <td></td> <td>5</td> </tr> </table>	$18 - 3$	$16 - 2$	$19 - 6$	$17 - 6$	$15 - 3$	$19 - 4$	$16 - 1 = \dots$	$14 - 2 = \dots$	$19 - 7 = \dots$	$17 - 1 = \dots$	$18 - 2 = \dots$	$15 - 4 = \dots$	$12 + 5 - 3 =$	$15 - 4 + 2 = \dots$	$19 - 3 - 4 =$	2		3				3		5
$18 - 3$	$16 - 2$	$19 - 6$																										
$17 - 6$	$15 - 3$	$19 - 4$																										
$16 - 1 = \dots$	$14 - 2 = \dots$	$19 - 7 = \dots$																										
$17 - 1 = \dots$	$18 - 2 = \dots$	$15 - 4 = \dots$																										
$12 + 5 - 3 =$	$15 - 4 + 2 = \dots$	$19 - 3 - 4 =$																										
...		...																										
2		3																										
3		5																										

Tiết 2 + 3. Ôn Tiếng việt

BÀI 86: ÔP - ƠP

- I. Mục tiêu:** -HS hiểu được cấu tạo các vần ôp, ơp, các tiếng: hộp lớp.
 -Phân biệt được sự khác nhau giữa vần ôp, ơp.
 -Đọc và viết đúng các vần ôp, ơp, các từ: hộp sữa, lớp học.
 -Đọc được từ và câu ứng dụng.
 -Phát triển lời nói tự nhiên theo chủ đề: Các bạn lớp em.

***Giảm một số câu hỏi trong phần luyện nói.**

II. Đồ dùng dạy học:

- Tranh minh họa từ khóa, tranh minh họa câu ứng dụng.
- Tranh minh họa luyện nói: Các bạn lớp em.
- Bộ ghép vần của GV và học sinh.

III. Các hoạt động dạy học :

Hoạt động GV	Hoạt động HS
<p>1. <u>KTBC</u> : Hỏi bài trước. Đọc sách kết hợp bảng con. Viết bảng con. GV nhận xét chung.</p> <p>2. <u>Bài mới</u>: GV giới thiệu tranh rút ra vần ôp, ghi bảng. Gọi 1 HS phân tích vần ôp. Lớp cài vần ôp. GV nhận xét. HD đánh vần vần ôp.</p> <p>Có ôp, muốn có tiếng hộp ta làm thế nào?</p> <p>Cài tiếng hộp. GV nhận xét và ghi bảng tiếng hộp. Gọi phân tích tiếng hộp. GV hướng dẫn đánh vần tiếng hộp.</p> <p>Dùng tranh giới thiệu từ “hộp sữa”. Hỏi: Trong từ có tiếng nào mang vần mới học. Gọi đánh vần tiếng hộp, đọc trơn từ hộp sữa. Gọi đọc sơ đồ trên bảng. Vần 2 : vần ơp (dạy tương tự) So sánh 2 vần</p> <p>Đọc lại 2 cột vần. Gọi học sinh đọc toàn bảng.</p> <p>Hướng dẫn viết bảng con: ôp, hộp sữa, ơp, lớp học.</p>	<p>Học sinh nêu tên bài trước. HS cá nhân 6 -> 8 em N1 : cải bắp; N2 : bắp bênh.</p> <p>HS phân tích, cá nhân 1 em Cài bảng cài. ô – pờ – ôp. CN 4 em, đọc trơn 4 em, nhóm. Thêm âm h đứng trước vần ôp và thanh nặng dưới âm ô. Toàn lớp.</p> <p>CN 1 em. Hờ – ôp – hôp – nặng – hộp. CN 4 em, đọc trơn 4 em, 2 nhóm ĐT.</p> <p>Tiếng hộp. CN 4 em, đọc trơn 4 em, nhóm. CN 2 em Giống nhau : kết thúc bằng p Khác nhau : ôp bắt đầu bằng ô, ơp bắt đầu bằng ơ. 3 em 1 em.</p> <p style="text-align: right;">Nghỉ giữa tiết.</p> <p>Toàn lớp viết</p>

<p>GV nhận xét và sửa sai. <u>Đọc từ ứng dụng.</u> Giáo viên đưa tranh, mẫu vật hoặc vật thật để giới thiệu từ ứng dụng, có thể giải nghĩa từ (nếu thấy cần), rút từ ghi bảng. Tốp ca, bánh xốp, hợp tác, lợp nhà. Gọi đánh vần các tiếng có chứa vần mới học và đọc trơn các từ trên. Đọc sơ đồ 2. Gọi đọc toàn bảng. 3. Củng cố tiết 1: Hỏi vần mới học. Đọc bài. Tìm tiếng mang vần mới học. NX tiết 1</p> <p style="text-align: center;">Tiết 2</p> <p>Luyện đọc bảng lớp : Đọc vần, tiếng, từ lộn xộn <u>Luyện câu:</u> GT tranh rút câu ghi bảng: Đám mây <u>xốp</u> trắng như bông Ngủ quên dưới đáy hồ trong lúc nào Nghe con cá <u>đớp</u> ngôi sao Giật mình mây thức bay vào rừng xa. GV nhận xét và sửa sai. <u>Luyện nói:</u> Chủ đề: “Các bạn lớp em”. GV treo tranh và gợi ý bằng hệ thống câu hỏi, giúp học sinh nói tốt theo chủ đề “Các bạn lớp em”.</p> <p>GV giáo dục TTTcảm. Đọc sách kết hợp bảng con. GV đọc mẫu 1 lần. GV Nhận xét cho điểm. Luyện viết vở TV. GV thu vở một số em để chấm điểm. Nhận xét cách viết. 4. Củng cố : Gọi đọc bài. 5. Nhận xét, dặn dò: Học bài, xem bài ở nhà, tự tìm từ mang vần vừa học.</p>	<p>Học sinh quan sát và giải nghĩa từ cùng GV.</p> <p>HS đánh vần, đọc trơn từ, CN vài em.</p> <p>CN 2 em. CN 2 em, đồng thanh.</p> <p>Vần ôp, ơp. CN 2 em Đại diện 2 nhóm.</p> <p>CN 6 -> 7 em, lớp đồng thanh.</p> <p>HS tìm tiếng mang vần mới học (có gạch chân) trong câu, 2 em đánh vần các tiếng có gạch chân, đọc trơn tiếng 4 em, đọc trơn toàn câu 5 em, đồng thanh.</p> <p>Học sinh nói theo hướng dẫn của Giáo viên. Học sinh khác nhận xét.</p> <p>HS đọc nối tiếp kết hợp đọc bảng con 6 em. Học sinh lắng nghe. Toàn lớp.</p> <p>CN 1 em- Học sinh khác nhận xét.</p>
--	---

**Tiết 4. Luyện viết: BÀI: CON ỐC – ĐÔI GUỐC – RƯỚC ĐÈN
 KÊNH RẠCH – VUI THÍCH – XE ĐẠP**

I. Mục tiêu :

- Giúp HS nắm được nội dung bài viết, đọc được các từ trong bài viết.
- Viết đúng độ cao các con chữ.
- Biết cầm bút, tư thế ngồi viết.

II. Đồ dùng dạy học:

- Mẫu bài viết, vở viết, bảng ...

III. Các hoạt động dạy học :

Hoạt động GV	Hoạt động HS
<p>1. <u>KTBC</u>: Nhận xét bài viết học kỳ I. Đánh giá chung việc học môn tập viết ở học kỳ I. Kiểm tra sự chuẩn bị học môn tập viết ở học kỳ II.</p> <p>2. <u>Bài mới</u> :</p> <p>Qua mẫu viết GV giới thiệu và ghi tựa bài. GV hướng dẫn học sinh quan sát bài viết. GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu cách viết.</p> <p>Gọi học sinh nêu nội dung bài viết</p> <p>Phân tích viết cao, khoảng cách các chữ {z bài viết</p> <p>HS viết bảng con. GV nhận xét và sửa sai cho học sinh từ zc khi viết hàng viết vào vở tập viết GV theo dõi giúp các em viết hoàn thành bài viết của mình tại lớp.</p> <p>3. <u>Thư u hành</u> : Cho HS viết bài vào tập. GV theo dõi nhắc nhở giúp việc mỗi học sinh viết chậm, giúp các em hoàn thành bài viết</p> <p>4. <u>Cung cõ</u> Hỏi lại nội dung bài viết Gọi HS nêu nội dung bài viết Thu vở chấm mỗi học sinh. Nhận xét .</p> <p>5. <u>Đa</u> <u>đ</u>: Viết bài ở nhà xem bài tiếp.</p>	<p>Học sinh lắng nghe, rút kinh nghiệm cho học kỳ II.</p> <p>HS nêu nội dung bài.</p> <p>HS theo dõi bảng lớp.</p> <p>Con ong, vò hoa, rì zc vè, kè h rauh, vui thích, xe đạp.</p> <p>HS từ phân tích.</p> <p>Học sinh viết : các con chữ {w zc viết cao 5 dòng kẻ {la~k, h. Các con chữ {w zc viết cao 4 dòng kẻ {la~w. Các con chữ {w zc viết cao 3 dòng kẻ {la~t. Các con chữ {keo xuống từ ca 5 dòng kẻ {la~g, kéo xuống từ ca 4 dòng kẻ la~p, con la ~ các nguyên âm viết cao 2 dòng kẻ {(rì h r cao 2.25 dòng kẻ). Khoảng cách giữa các chữ { bảng 1 vòng tròn khép kín.</p> <p>Học sinh viết 1 số từ khó.</p> <p>HS từ phân tích bài viết</p> <p>HS nêu: Con ong, vò hoa, rì zc vè, kè h rauh, vui thích, xe đạp.</p>

Lớp 2A1:

Thứ ba ngày 20 tháng 1 năm 2015

Tiết 1. Ôn Toán:

Tiết 101: LUYỆN TẬP

I. Mục tiêu :

- Thuộc bảng nhân 5.
- Biết tính giá trị của BT số có hai dấu phép tính nhân và trừ trong trường hợp đơn giản.
- Biết giải bài toán có một phép nhân(trong bảng nhân 5).
- Nhận biết được đặc điểm của dãy số để viết số còn thiếu của dãy số đó. Bài tập cần làm: B1(a), 2,3.

II. Chuẩn bị : - Viết sẵn nội dung bài tập 2 vào BP.

III. Các hoạt động dạy học

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p><u>A. Kiểm tra bài cũ:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> -Gọi 2 h/s đọc bảng nhân 5 -Nhận xét đánh giá bài học sinh . <p><u>B. Bài mới:</u></p> <p><u>1. Giới thiệu bài:</u></p> <p><u>2. Luyện tập:</u></p> <p><u>Bài 1:</u> Tính nhẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho 9 h/s nêu lại kết quả trước lớp theo hình thức nối tiếp. - <i>Vậy khi ta thay đổi chỗ các thừa số thì tích có thay đổi không?</i> <p><u>Bài 2 :</u>Y/c h/s nêu y/c</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV viết lên bảng $5 \times 4 - 9 =$ lên bảng -Biểu thức trên có mấy phép tính? <p>Khi thực hiện tính chúng ta thực hiện phép tính nào trước?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Y/C 1 h/s lên bảng thực hiện tính, cả lớp làm nháp $5 \times 4 - 9 = 20 - 9 = 11$ <p>GV h/dẫn h/s nhận xét</p> <ul style="list-style-type: none"> - Y/c h/s làm phần còn lại +Nhận xét chung về bài làm của học sinh. <p><u>Bài 3</u> -Yêu cầu h/s đọc đề bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài toán cho biết gì? Y/C tính gì? <p>Gọi Hs tóm tắt rồi giải</p> <ul style="list-style-type: none"> -Gv nhận xét đánh giá <p><u>C. Củng cố - Dặn dò:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét đánh giá tiết học 	<ul style="list-style-type: none"> -2 HS đọc bảng nhân 5. -Hai học sinh khác nhận xét . HS nhắc lại <ul style="list-style-type: none"> - Một em nêu y/c đề bài bài 1(a) -Cả lớp HĐ theo y/c: nêu kết quả. - H/S nêu lại nối tiếp - H/SKG làm 1 b -<i>Khi đổi chỗ các thừa số trong một tích thì tích không thay đổi .</i> <p>H/s nêu y/c</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biểu thức có 2 phép tính - Thực hiện phép nhân trước - 1 h/s làm bảng lớp, cả lớp làm nháp - Cả lớp làm phần còn lại - Chữa bài <p>Cả lớp làm vở-3 em lên bảng làm .</p> <ul style="list-style-type: none"> -Một em đọc đề bài sách giáo khoa - Lớp làm vở .Một HS lên bảng giải : <ul style="list-style-type: none"> - Một em nêu đề bài , tìm hiểu đề bài. - Một em lên bảng giải bài . <p style="text-align: center;"><u>Giải</u></p> <p>Số giờ Liên học trong 5 ngày là :</p> <p style="text-align: center;">$5 \times 5 = 25$ (giờ)</p> <p style="text-align: center;"><u>Đ/S:</u> 25 giờ</p> <ul style="list-style-type: none"> -Về nhà học bài và làm bài tập .

Tiết 2. TẬP ĐỌC:

CHIM SƠN CA VÀ BÔNG CÚC TRẮNG

I. Mục tiêu:

- Bieỏt ngắt nghồ hụi đúng chỗ, đọc rành mạch được toàn bài.

-Hiếu lười khuyên từ câu chuyện: Hãy để cho chim được tự do ca hát, bay lượn; để cho hoa được tự do tắm nắng mặt trời.(TL được câu hỏi 1,2,4,5.)HSKGTLCH 3.

* **KNS: Xác định giá trị. Thể hiện sự cảm thông. Tư duy phê phán.**

II. Chuẩn bị:

Tranh minh họa, bảng phụ viết các câu văn cần hướng dẫn luyện đọc

III. Các hoạt động dạy học :

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>A. <u>Kiểm tra bài cũ</u> : Yêu cầu Hai em đọc <i>Mùa nước nổi</i> và trả lời câu hỏi.</p> <p>B. <u>Bài mới</u></p> <p>1) <u>Phần giới thiệu</u></p> <p>2) <u>Luyện đọc</u></p> <p>a) <u>Đọc mẫu</u> GV Đọc mẫu diễn cảm bài văn.</p> <p>b, <u>Luyện đọc kết hợp giải nghĩa từ</u></p> <p>* <u>Đọc từng câu</u>: Y/C h/s đọc tiếp nối từng câu</p> <p><u>Hướng dẫn phát âm từ khó</u> :</p> <p>* <u>Đọc từng đoạn</u>: gv chia đoạn y/c h/s đọc từng đoạn trước lớp: HD cách ngắt nghỉ câu khó</p> <p>- Gọi h/s đọc chú giải</p> <p>* <u>Luyện đọc theo nhóm</u> .</p> <p>* <u>Thi đọc trước lớp</u></p> <p>- Lắng nghe nhận xét</p> <p>* <u>Đọc đồng thanh</u>: Đoạn 3,4</p> <p>3, <u>Tìm hiểu bài</u></p> <p>- Chim sơn ca nói về bông cúc... ?</p> <p>- Khi được sơn ca khen ngợi , cúc... ?</p> <p>- Trước khi bị bắt bỏ vào lồng cuộc sống của sơn ca và bông cúc như thế nào ? -</p> <p>- Hai cậu bé đã làm gì khi chim sơn ca chết ?</p> <p>- Việc làm hai cậu bé đúng hay sai ?</p> <p>- Câu chuyện khuyên ta điều gì ?</p> <p>- c) <u>Luyện đọc lại truyện</u></p> <p>Gọi 3-4 em thi đọc cá nhân</p> <p>- GV nhận xét .</p> <p>- Tuyên dương các nhóm đọc bài tốt .</p> <p>C <u>Củng cố dặn dò</u> :</p> <p>- Giáo viên nhận xét đánh giá .</p>	<p>- HS nhắc lại</p> <p>-Lớp lắng nghe đọc mẫu .Đọc chú thích.</p> <p>- Mỗi em đọc một câu trong bài .</p> <p>- HS tìm cách ngắt luyện ngắt giọng.</p> <p>- Bốn HS nối tiếp nhau đọc bài.</p> <p>- Các nhóm thi đọc bài .</p> <p>- Lớp đọc đồng thanh.</p> <p>-Lớp đọc thầm bài trả lời câu hỏi</p> <p>HS trả lời</p> <p>-Cúc ơi, cúc mới xinh làm sao</p> <p>-Cúc cảm thấy sung sướng khôn tả .</p> <p>Bốn em lần lượt đọc nối tiếp.</p> <p>- Hai em đọc lại cả bài chú ý tập cách đọc</p> <p>Hai cậu đặt sơn ca vào một chiếc hộp rất đẹp và chôn cất thật long trọng .</p> <p>- Đầy đủ nghi lễ và rất trang nghiêm</p> <p>- Các cậu làm như vậy là sai</p> <p>Chúng ta cần đối xử tốt với các con vật và các loài cây , loài hoa .</p> <p>- Lắng nghe</p>

Tiết 3. **KỂ CHUYỆN:**

CHIM SƠN CA VÀ BÔNG CÚC TRẮNG

I. Mục tiêu:

- Dựa theo gợi ý, kể lại được từng đoạn của câu chuyện.
- HS khá giỏi biết kể lại được toàn bộ câu chuyện.(BT2).

II . Chuẩn bị:

- Bảng gợi ý tóm tắt của từng đoạn câu chuyện .

III. Các hoạt động dạy học :

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>A. <u>Kiểm tra bài cũ</u> : “Ông Mạnh thắng Thần Gió “.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét học sinh . <p>B.<u>Bài mới</u></p> <p>1) <u>Phân giới thiệu</u> :</p> <p>2) <u>Hướng dẫn kể chuyện</u> .</p> <p>* <u>Đoạn 1</u> : - Đoạn này nói về nội dung gì ?</p> <p>* <u>Đoạn 2</u> : Chuyện gì đã xảy ra vào sáng..?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhờ đâu cú trắng biết được sơn ca bị cầm tù ? <p>* <u>Đoạn 3</u> :-Chuyện gì đã xảy ra với bông cúc trắng? - Khi ở trong lồng sơn ca và cú trắng yêu thương nhau ra sao ?.... –Chim sơn ca dù khát nước phải vật hết nắm cỏ nhưng không đụng đến</p> <p>* <u>Đoạn 4</u> :-Thấy sơn ca chết hai cậu bé đã làm gì? –</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các cậu bé có gì đáng trách ? <p>*<u>Kể lại toàn bộ nội dung câu chuyện</u> .</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chia lớp thành các nhóm nhỏ . - Yêu cầu. - GV nhận xét tuyên dương. <p>C) <u>Củng cố dẫn dò</u> :</p> <ul style="list-style-type: none"> -Giáo viên nhận xét đánh giá . 	<p>-2 em lên kể lại câu chuyện</p> <p>.-Về cuộc sống tự do và sung sướng của sơn ca và cú trắng.....</p> <p>-Chim sơn ca bị cầm tù .</p> <p>-Bông cúc bị hai cậu bé cất cùng với đám cỏ và bỏ vào lồng chim</p> <p>- Bông cúc nghe tiếng hót buồn thảm của sơn ca</p> <p>-Thấy sơn ca chết các cậu đặt sơn ca vào một chiếc hộp thật đẹp....</p> <p>-Nếu các cậu không nhốt chim thì</p> <p>Kể theo gợi ý đoạn 1 (2 – 3 em kể)</p> <ul style="list-style-type: none"> -Một em kể lại đoạn 2 - Một em kể lại đoạn 3 -Một em kể lại đoạn 4 . <p>Một HS kể lại cả câu chuyện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lớp chia thành các nhóm nhỏ -Các nhóm thi kể theo hình thức trên

Tiết 4. Rèn chữ:

CHÍNH TẢ:

CHIM SƠN CA VÀ BÔNG CÚC TRẮNG

I.Mục tiêu :

- Chép lại chính xác bài chính tả, trình bày đúng đoạn văn xuôi có lời nói của nhân vật.
- Làm được bài tập (2) a/ b. HSKG trả lời được câu đố ở BT (3) a/ b

II. Chuẩn bị :

- Bảng phụ viết sẵn đoạn văn .

III. Các hoạt động dạy học

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>A. Bài cũ :</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đọc chiết cành , chiếc lá , hiểu biết , xanh biếc ,.. - Nhận xét ghi học sinh . <p>B. Bài mới:</p> <p>1) <u>Giới thiệu bài</u></p> <p>2) <u>Hướng dẫn tập chép :</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc mẫu đoạn văn, Yêu cầu 2 hs đọc lại đoạn văn -Đoạn văn trích trong bài tập đọc nào ? - Đoạn trích nói về nội dung gì ? - Đoạn văn có mấy câu ? - Lời của sơn ca nói với cúc được viết sau các dấu câu nào ? - Trong bài có các dấu câu nào nữa ? - <p>* <u>Hướng dẫn viết từ khó :</u></p> <ul style="list-style-type: none"> -Giáo viên nhận xét chỉnh sửa . <p>* Chép bài :</p> <p>* Soát lỗi :</p> <p>* Thu 1 số bài và nhận xét lỗi</p> <ul style="list-style-type: none"> -Thu bài nhận xét đánh giá, sửa lỗi. <p>3) <u>Hướng dẫn làm bài tập</u></p> <p><u>Bài 1, 2 :</u> Trò chơi thi tìm từ :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chia lớp thành 4 nhóm , yêu cầu . - Trong 5 phút đội nào tìm được nhiều từ đúng hơn là đội thắng cuộc -Nhận xét bài và chốt lại lời giải đúng. - Tuyên dương nhóm thắng cuộc . <p>C. Củng cố - dặn dò:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Giáo viên nhận xét đánh giá tiết học. 	<p>-HS lên bảng viết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cả lớp theo dõi đọc thầm theo cô giáo -2 em đọc trước lớp , cả lớp đọc thầm theo -Chim sơn ca và bông cúc trắng - Về cuộc sống của chim sơn ca và bông cúc khi chưa bị nhốt vào lồng . - Bài viết có 5 câu -Viết sau hai dấu chấm và dấu gạch đầu dòng. -Dấu chấm , dấu phẩy , dấu chấm cảm - Lớp viết từ khó vào bảng con . - 2 em thực hành viết trên bảng. - Nhìn bảng để chép bài vào vở . -Nghe và tự sửa lỗi bằng bút chì . - Nộp bài . <ul style="list-style-type: none"> - Chia thành 4 nhóm . - Các nhóm thảo luận. - Các nhóm khác nhận xét chéo . <p>Về nhà viết lại những chữ sai.</p>

Thứ tư ngày 21 tháng 1 năm 2015

Tiết 1. Ôn Tiếng việt

Bài 87: EP - ÊP

I. Mục tiêu: -HS hiểu được cấu tạo các vần ep, êp, các tiếng: chép, xếp.

-Phân biệt được sự khác nhau giữa vần ep, êp.

-Đọc và viết đúng các vần ep, êp, các từ: cá chép, đèn xếp.

-Đọc được từ và câu ứng dụng.

-Phát triển lời nói tự nhiên theo chủ đề: Xếp hàng vào lớp.

***Giảm một số câu hỏi trong phần luyện nói.**

II. Đồ dùng dạy học:

-Tranh minh họa từ khóa, tranh minh họa câu ứng dụng.

-Tranh minh họa luyện nói: Xếp hàng vào lớp.

-Bộ ghép vần của GV và học sinh.

III. Các hoạt động dạy học :

Hoạt động GV	Hoạt động HS
<p>1. <u>KTBC</u> : Hỏi bài trước. Đọc sách kết hợp bảng con. Viết bảng con. GV nhận xét chung.</p> <p>2. <u>Bài mới</u>: GV giới thiệu tranh rút ra vần ep, ghi bảng. Gọi đọc sơ đồ trên bảng. Vần 2 : vần êp (dạy tương tự) So sánh 2 vần Đọc lại 2 cột vần. Gọi học sinh đọc toàn bảng. Hướng dẫn viết bảng con: ep, cá chép, êp, đèn xếp. GV nhận xét và sửa sai. <u>Đọc từ ứng dụng</u>: Đọc sơ đồ 2. Gọi đọc toàn bảng. <u>Luyện câu</u>: GT tranh rút câu ghi bảng: GV nhận xét và sửa sai. <u>Luyện nói</u>: Chủ đề: “Xếp hàng vào lớp”. GV giáo dục TTTcảm. Đọc sách kết hợp bảng con. GV đọc mẫu 1 lần. Luyện viết vở TV. GV thu vở một số em để chấm điểm. Nhận xét cách viết.</p> <p>4. <u>Củng cố</u> : Gọi đọc bài. 5. <u>Nhận xét, dặn dò</u>: Học bài, xem bài ở nhà</p>	<p>Học sinh nêu tên bài trước. HS cá nhân 6 -> 8 em N1 : bánh xốp; N2 : lợn nhà.</p> <p>HS phân tích, cá nhân 1 em Cài bảng cài. Giống nhau : kết thúc bằng p Khác nhau : ep bắt đầu bằng e, êp bắt đầu bằng ê.</p> <p style="text-align: right;">Nghỉ giữa tiết.</p> <p>Toàn lớp viết</p> <p>Đại diện 2 nhóm. CN 6 -> 7 em, lớp đồng thanh</p> <p>Học sinh nói theo hướng dẫn của Giáo viên. Học sinh khác nhận xét.</p> <p>HS đọc nối tiếp kết hợp đọc bảng con 6 em. Học sinh lắng nghe. Toàn lớp. CN 1 em</p>

Tiết 2 .Ôn Tiếng việt

BÀI 88 : IP - UP

I.Mục tiêu: -HS hiểu được cấu tạo các vần ip, up, các tiếng: nhịp, búp.

-Phân biệt được sự khác nhau giữa vần ip, up.

-Đọc và viết đúng các vần ip, up, các từ: bắt nhịp, búp sen.-Đọc được từ và câu ứng dụng.

-Phát triển lời nói tự nhiên theo chủ đề: Giúp đỡ cha mẹ.

***Giảm một số câu hỏi trong phần luyện nói.**

II.Đồ dùng dạy học:

-Tranh minh hoạ từ khóa, tranh minh hoạ câu ứng dụng.

-Tranh minh hoạ luyện nói: Giúp đỡ cha mẹ.

-Bộ ghép vần của GV và học sinh.

III.Các hoạt động dạy học :

Hoạt động GV	Hoạt động HS
<p>1.<u>KTBC</u> : Hỏi bài trước. Đọc sách kết hợp bảng con. Viết bảng con.GV nhận xét chung.</p> <p>2.<u>Bài mới</u>: GV giới thiệu tranh rút ra vần ip,up ghi bảng. Gọi HS phân tích vần ip, up. So sánh 2 vần Đọc lại 2 cột vần. Gọi học sinh đọc toàn bảng. H dẫn viết bảng con: ip, bắt nhịp, up, búp sen. GV nhận xét và sửa sai. <u>Đọc từ ứng dụng.</u>Gọi đọc toàn bảng. Đọc vần, tiếng, từ lộn xộn <u>Luyện câu:</u> GT tranh rút câu ghi bảng: GV nhận xét và sửa sai. <u>Luyện nói:</u> Chủ đề: “Giúp đỡ cha mẹ”. GV treo tranh và gợi ý bằng hệ thống câu hỏi, giúp học sinh nói tốt theo chủ đề “Giúp đỡ cha mẹ”. GV giáo dục TTTcảm. Đọc sách kết hợp bảng con. GV đọc mẫu 1 lần. GV Nhận xét cho điểm. Luyện viết vở TV. GV thu vở một số em để chấm điểm. Nhận xét cách viết.</p> <p>4.<u>Củng cố</u> : Gọi đọc bài.</p> <p>5.<u>Nhận xét, dặn dò:</u> Học bài, xem bài ở nhà.</p>	<p>Học sinh nêu tên bài trước. HS cá nhân 6 -> 8 em N1 : cá chép; N2 : đèn xếp.</p> <p>HS phân tích, cá nhân 1 em Cài bảng cài. 3 em 1 em.</p> <p style="text-align: right;">Nghỉ giữa tiết.</p> <p>Toàn lớp viết</p> <p>HS đánh vần, đọc trơn từ, CN vài em. CN 6 -> 7 em, lớp đồng thanh. HS tìm tiếng mang vần mới học (có gạch chân) trong câu, 2 em đánh vần các tiếng có gạch chân, đọc trơn tiếng 4 em, đọc trơn toàn câu và bài 5 em, đồng thanh lớp.</p> <p>Học sinh nói theo hướng dẫn của Giáo viên. Học sinh khác nhận xét.</p> <p>HS đọc nối tiếp kết hợp đọc bảng con 6 em. Học sinh lắng nghe. Toàn lớp. CN 1 em</p>

Tiết 3. Ôn Toán:

ÔN TIẾT 81: PHÉP TRỪ DẠNG 17 - 7.

A. MỤC TIÊU: * Qua tiết học giúp học sinh:

- Củng cố về làm tính trừ (không nhớ) trong phạm vi 20; biết cộng nhẩm dạng 17-7
- Làm được các bài tập 1, 2, 3, 4 trong bài (Trang 23) vở TH TV và toán theo từng đối tượng.
- Giáo dục ý thức tự giác học bài và làm bài tập.

***GT: Yêu cầu viết được phép tính với tóm tắt bài toán.**

B. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

* GV: Nội dung các bài tập... * HS : Vở bài tập toán...

C. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p>I. Kiểm tra bài cũ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS lên bảng làm - Giáo viên nhận xét. <p>II. Dạy học bài mới:</p> <p><i>1. Giới thiệu bài:</i></p> <p><i>2. Thực hành giải các bài tập.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn cho học sinh làm các bài tập trong vở thực hành tiếng việt và toán. - HS nêu số bài tập và yêu cầu từng bài. - GV giao bài tập cho hs - HS làm việc cá nhân - HS làm xong chữa bài. 	<p>Tính: $11 + 6 =$ $14 + 4 =$</p> <p>Bài (Trang 23)</p> <p>1: Đặt tính rồi tính:</p> <p>$12 - 2 =$ $10 + 8 =$ $15 - 5 =$</p> <p>$18 - 8 =$ $14 - 4 =$ $10 + 5 =$</p> <p>Bài 2: Tính nhẩm</p> <p>$10 + 7 =$ $10 + 2 =$ $19 - 9 =$</p> <p>$17 - 7 =$ $12 - 2 =$ $10 + 9 =$</p> <p>Bài 3: Tính</p> <p>$16 + 2 - 8 = \dots$ $18 - 8 + 2 = \dots$</p> <p>$17 + 2 - 9 = \dots$ $13 - 3 + 1 = \dots$</p> <p>Bài 4: Viết phép tính thích hợp:</p> <p style="text-align: center;">$15 - 5 = 10$</p>
<p>III. Củng cố - Dặn dò:</p> <p>GV nhận xét giờ học, tuyên dương những học sinh học tốt.- Nhắc học sinh học kỹ bài và xem trước bài</p>	

Tiết 4. Ôn Toán:

Tiết 82: LUYỆN TẬP

I. MỤC TIÊU

- Giúp HS rèn luyện kỹ năng thực hiện phép trừ và tính nhẩm.
- HS yêu làm được bài 1, 2.

**GT: Yêu cầu viết được phép tính với tóm tắt bài toán.*

II. ĐỒ DÙNG HỌC TẬP

- Que tính.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

1. Ổn định lớp

2. kiểm tra bài cũ

- Chấm nhận xét vở bài tập.
- Nhận xét bài cũ

3. Bài mới

<p>a. Giới thiệu bài: Ghi wafu bài</p> <p>b. Thực hành <i>Bài 1:</i> HS đặt tính theo cột dọc.</p> <p><i>Bài 2:</i> HS nhẩm theo cách thuận tiện nhất.</p> <p><i>Bài 3:</i> HS nhẩm từ trái sang phải.</p> <p><i>Bài 4:</i> HS trừ nhẩm rồi so sánh 2 số. <i>Bài 5:</i> Thực hiện được phép trừ.</p> <p>c. Củng cố - dặn dò</p> <p>-</p>	<p>- HS wou wafu bài.</p> <p>13 3 trừ 3 bằng 0, viết 0. - 3 Hạ 1, viết 1. --- 10</p> <p>- 13 trừ 3 bằng 10.</p> <p style="text-align: center;"> $11 + 3 = 14 = ?$ 11 cộng 3 bằng 14 14 trừ 4 bằng 10 $11 + 3 = 14 = 10$ </p> <p style="text-align: center;"> $12 = 10$ </p>
---	--

Thứ năm ngày 22 tháng 1 năm 2015

Lớp 1A1

Tiết 1: Ôn Tiếng việt

ÔN BÀI 89: IÊP, ƯỚP.

I. MỤC TIÊU: *Sau bài học, HS có thể:

- Nhận biết cấu tạo của vần *iêp, ướp* tiếng *liếp, mướp*. Từ: **Tám liếp, giàn mướp.**
- Nhận ra *iêp, ướp* trong các tiếng, từ khoá, đọc được tiếng từ khoá.
- Phát triển lời nói tự nhiên theo chủ đề: **Nghề nghiệp của cha mẹ.**

***Giảm một số câu hỏi trong phần luyện nói.**

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- * Sách Tiếng Việt 1, tập II) *Bộ ghép chữ thực hành.
- * Tranh minh hoạ cho câu ứng dụng, từ khoá, luyện nói.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

<i>HOẠT ĐỘNG CỦA GV</i>	<i>HOẠT ĐỘNG CỦA HS</i>
<p>I. KIỂM TRA BÀI CŨ: GV yêu cầu HS lên bảng viết - GV nhận xét.</p> <p>II. BÀI MỚI: 1. Giới thiệu bài: iêp, ướp. 2. Luyện tập: * Luyện đọc: - GV kiểm tra HS về cấu tạo tiếng từ - Nhận xét, chỉnh sửa - Giáo viên nhận xét, ghi điểm. * GV ghi câu ứng dụng lên bảng cho HS đọc thầm và tìm tiếng có vần iêp, ướp - HS đọc thầm tìm tiếng có vần mới học: iêp, ướp. - HS luyện đọc tiếng và câu ứng dụng. * Cho HS mở SGK. - GV treo tranh minh hoạ để HS quan sát. - Gọi HS đọc. * Cho HS viết bài vào vở tập viết * GV ghi chủ đề luyện nói lên bảng. - HS đọc lại chủ đề luyện nói. - GV nêu câu hỏi cho HS luyện nói : + Tranh vẽ những ai?(nông dân, GV, bác sĩ, ...) + Trong tranh thứ nhất, cô gái đang làm gì ?(cấy)</p> <p>III. Củng cố, dặn dò: * Cho HS đọc lại bảng bài trong SGK.</p>	<p>nhân dịp, đuổi kịp, chụp đèn.</p> <p>* HS đọc cá nhân; nhóm; lớp đọc</p> <p>* Đọc câu ứng dụng. Nhanh tay thì được Chậm tay thì thua Chân giậm giả vờ Cướp cờ mà chạy.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Đọc SGK: • -HS đọc cá nhân; nhóm; lớp đọc <i>iêp, ướp, tám liếp, giàn mướp.</i> <p>* Nghề nghiệp của cha mẹ. * hoạt động chung - HS trả lời</p>

Tiết 2: Ôn Toán:

TIẾT 83: LUYỆN TẬP CHUNG

A. MỤC TIÊU: * Qua tiết học giúp học sinh:

- Củng cố về các phép trừ (không nhớ) trong phạm vi 20; biết trừ nhẩm dạng 17-7. Tìm số liền trước, liền sau của 1 số. điền đúng số, câu hỏi.
- Củng cố về viết phép tính thích hợp, làm được các bài tập 1, 2, 3, 4,5 trong bài (Trang 24) vở thực hành tiếng việt và toán theo từng đối tượng.

B. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

* GV: Nội dung các bài tập... * HS : Vở bài tập toán...

C. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HS	NỘI DUNG BÀI
<p>I. Kiểm tra bài cũ: Gọi HS lên bảng làm, Giáo viên nx.</p> <p>II. Dạy học bài mới: 1. Giới thiệu bài: 2. Thực hành giải các bài tập - GV hướng dẫn cho học sinh làm các bài tập trong vở thực hành tiếng việt và toán. - HS nêu số bài tập và yêu cầu từng bài. - GV giao bài tập cho hs - HS làm việc cá nhân - HS làm xong GV chữa bài.</p>	<p>Tính: $17 - 2 = \dots$ $18 - 1 = \dots$</p> <p>Bài 1: Viết số thích hợp vào chỗ chấm: a) Số liền sau của 8 Số liền trước của 10 là... là... Số liền sau của 10 là... Số liền trước của 1 là... Số liền sau của 14 là... Số liền trước của 16 là... Số liền sau của 17 là... Số liền trước của 13 là... Số liền sau của 9 là... Số liền trước của 20 là...</p> <p>Bài 2: Đặt tính rồi tính: $16 + 2$ $19 - 7$ $11 + 8$ $14 - 4$</p> <p>Bài 3: Tính: $12 + 4 + 3 = \dots$ $11 + 8 - 5 = \dots$ $18 - 6 - 2 = \dots$ $15 - 5 + 7 = \dots$</p> <p>Bài 4: Nhìn tranh vẽ, viết tiếp vào chỗ chấm để có bài toán: Bài toán: Một giỏ có 10 quả lê và một giỏ có 7 quả lê. Hỏi cả hai giỏ có tất cả bao nhiêu quả lê.</p>
<p>III. Củng cố - Dặn dò: GV nhận xét giờ học, tuyên dương những học sinh học tốt.- Nhắc học sinh học kỹ bài và xem trước bài</p>	

Lớp 2A1.

Tiết 3.TOÁN:

TIẾT 104: LUYỆN TẬP CHUNG

I.Mục tiêu :

- Thuộc bảng nhân 2 , 3 , 4, 5 để tính nhẩm.
- Biết tính giá trị của biểu thức số có hai dấu phép tính nhân và cộng hoặc trừ trong trường hợp đơn giản.
- Biết giải bài toán có một phép nhân.
- Biết tính độ dài đường gấp khúc.

Bài tập cần làm: - Bài 1,3,4,5(a)

II. Chuẩn bị : - Vẽ sẵn các đường gấp khúc bài tập 5 lên bảng .

III. Các hoạt động dạy học.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p><u>A. Bài cũ :</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính độ dài đường gấp khúc ABCD biết độ dài các đoạn thẳng : AB là 4 cm ; BC là 5 cm và CD là 7 cm . - Nhận xét đánh giá bài học sinh . <p><u>B. Bài mới:</u></p> <p><u>1, Giới thiệu bài:</u></p> <p><u>2, Luyện tập</u></p> <p><u>Bài 1: - Tính nhẩm</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức : Thi đọc thuộc trong nhóm - Thi đọc thuộc lòng trước lớp - Giáo viên nhận xét đánh giá <p><u>Bài 2 : (HSKG làm nếu còn t/g)</u></p> <p><u>Bài 3: Gọi h/s nêu Yêu cầu bài</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nêu viết lên bảng $5 \times 5 + 6 =$ Y/c h/s nêu cách thực hiện tính? - Y/c cả lớp làm bài, gọi 3 hs lên làm bảng - Nhận xét bài, kết luận đúng , sai . <p><u>Bài 4: Yêu cầu h/s đọc đề bài</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Khi chữa bài lưu ý h/s: 1 đôi dưa có 2 chiếc dưa. <p style="text-align: center;"><u>Giải</u></p> <p style="text-align: center;">7 đôi dưa có số chiếc dưa là :</p> <p style="text-align: center;">$7 \times 2 = 14$ (chiếc)</p> <p style="text-align: center;">Đ/S : 14 chiếc dưa.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét bài trên bảng và rút kết luận đúng , sai. <p><u>C, Củng cố - Dẫn dò:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét đánh giá tiết học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hai học sinh khác nhận xét . - Một em đọc đề bài .(Tính nhẩm) Thi đọc thuộc trong nhóm - Thi đọc thuộc lòng trước lớp - Nhận xét bạn . - Một em đọc đề bài - H/S nêu cách tính - Lớp thực hiện tính vào vở . - Một em đọc bài làm trước lớp . - Lớp lắng nghe và nhận xét . - Lớp làm vở , 3 em lên bảng làm bài - Lớp lắng nghe và nhận xét . - Một em đọc đề bài . - Một em khác lên bảng giải bài : - Cả lớp làm vào vào vở bài tập . - Một học sinh lên bảng giải bài - Lớp nhận xét bài làm của bạn . - Về nhà học bài và làm bài tập .

Tiết 4. ÔN LUYỆN TỪ VÀ CÂU:

**TỪ NGỮ VỀ CHIM CHÓC.
ĐẶT CÂU HỎI TRẢ LỜI CÂU HỎI: Ở ĐÂU?**

I. Mục tiêu:

- Xếp được tên một số loài chim theo nhóm thích hợp(BT1) .
- Biết đặt và trả lời câu hỏi có cụm từ Ở đâu(BT 2, BT 3).

II. Chuẩn bị :

- Bảng thống kê từ của bài tập 1 . Mẫu câu của bài tập 2 .

III. Các hoạt động dạy học

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>A. Kiểm tra bài cũ : Yêu cầu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét đánh giá . <p>B. Bài mới:</p> <p>1) Giới thiệu bài:</p> <p>2) Hướng dẫn làm bài tập:</p> <p>Bài 1 :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu 1 em nêu yêu cầu - Y/c h/s đọc tên của các cột trong bảng cần điền - Gv giới thiệu tranh ảnh về 9 loại tranh - y/ C h/ s làm mẫu - H/ D h/s chữa bài <p>GV đưa ra đáp án của bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết luận : Thế giới loài chim vô cùng phong phú và đa dạng <p>Bài 2:</p> <p>Yêu cầu 1 hs đọc thành tiếng y/câu của bài tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Y/C h/s thực hành từng cặp hỏi đáp - Ta phải dùng từ : Ở đâu ? - Hai HS thực hành hỏi có từ ở đâu ? - Muốn biết địa điểm của ai đó , của việc gì đó ,..ta dùng từ gì để hỏi ? - Nhận xét học sinh . <p>Bài 3: Yêu cầu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sao chăm chăm chỉ họp ở đâu ? - Sao chăm chỉ họp ở phòng truyền... - Nhận xét ghi điểm học sinh . <p>C, Củng cố - Dẫn dò</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hai em nêu lại nội dung vừa học - Giáo viên nhận xét đánh giá tiết học 	<ul style="list-style-type: none"> - HS hỏi đáp theo mẫu. - Nhận xét bài bạn . <p>HS nhắc lại</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một em đọc đề , lớp đọc thầm theo . - - Quan sát lắng nghe -Gọi tên theo hình dáng - Một em lên bảng làm bài . - Nhận xét bổ sung bài bạn . <p>Cú mèo , gõ kiến , chim sâu , quạ , vàng anh .</p> <p>: Chim cánh cụt ; vàng anh , cú mèo .</p> <ul style="list-style-type: none"> -Gọi tên theo tiếng kêu : - tu hú -Gọi tên theo kiếm ăn : - bói ca <p>Nhiều em nhắc lại</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một em đọc bài tập 2 , lớp đọc thầm - Thực hành hỏi đáp theo cặp . <p>HS1: Bông hoa cúc trắng mọc ở đâu ?</p> <p>-HS2: Bông cúc trắng mọc bên bờ rào</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS1 : Chim sơn ca bị nhốt ở đâu ? - HS2 : Chim sơn ca bị nhốt trong lồng... - Một số cặp lên trình bày trước lớp . <ul style="list-style-type: none"> - Lớp lắng nghe và nhận xét . - Một em đọc đề bài . 2 em thực hành .

Thứ sáu ngày 23 tháng 1 năm 2015

Tiết 1+2: Ôn Toán:

BÀI TOÁN CÓ LỜI VĂN

I. MỤC TIÊU

Giúp HS bước đầu nhận biết bài toán có lời văn thường có:

- Các số gắn với thông tin đã biết.
- Câu hỏi chỉ thông tin cần tìm.

***GT:** - *Bài tập 3 yêu cầu nêu tiếp câu hỏi bằng lời để có bài toán.*

- *Bài tập 4 yêu cầu nhìn hình vẽ, nêu số thích hợp và câu hỏi bằng lời để có bài toán.*

II. ĐỒ DÙNG HỌC TẬP

- Tranh vẽ SGK.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

1. Ôn định lớp

2. Kiểm tra bài cũ

- Chấm vở bài tập

3. Bài mới

a. Giới thiệu bài: Ghi đầu bài

b. Giới thiệu bài toán có lời văn

Bài 1: Yêu cầu HS nêu nhiệm vụ.

- Hướng dẫn HS quan sát tranh vẽ rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm: Có 1 bạn, có thêm 3 bạn đang đi tới. Hỏi có tất cả bao nhiêu bạn?

+ Bài toán cho biết gì?

+ Nêu câu hỏi của bài toán?

+ Theo câu hỏi này ta phải làm gì?

Bài 2: Tương tự bài 1.

Bài 3: HS nêu nhiệm vụ.

- Hướng dẫn HS quan sát tranh vẽ rồi đọc bài toán.

+ Bài toán thiếu gì?

- Chú ý: Có từ “hỏi”, “tất cả”, dấu ? ở cuối câu.

Bài 4: Hướng dẫn HS tự điền số thích hợp, viết tiếp câu hỏi vào chỗ chấm.

- Kết luận: Bài toán thường có những gì?

c. Trò chơi lập bài toán

- Chia nhóm.

- Gắn hình lên bảng, vẽ dấu móc.

Nhóm nêu tốt được thưởng.

d. Củng cố - dặn dò

- Nhận xét tiết học

- HS ñoïc ñầu baøi.

- Viế t số thích hợp vào chỗ chấm.

- HS viế t.

- HS ño c.

- Có 1 bạn, có thêm 3 bạn.

- Có tất cả bao nhiêu bạn?

- Tìm xem có tất cả bao nhiêu bạn.

- Nêu câu hỏi để có bài toán.

- Thi ếu câu hỏi.

- HS tự nêu câu hỏi, ño c toàn bộ bài toán.

- HS viế t.

- Có các số liệu và câu hỏi.

- Các nhóm thảo luận lập bài toán.

- Đại diện nhóm nêu bài toán.

Tiết 3. Ôn Tiếng Việt

**BÀI: BỆP BÊNH – LỘP NHÀ – XINH ĐẸP
BẾP LỬA – GIÚP ĐỠ – ƯỚP CÁ**

I. Mục tiêu :

- Giúp HS nắm được nội dung bài viết, đọc được các từ trong bài viết.
- Viết đúng độ cao các con chữ.
- Biết cầm bút, tư thế ngồi viết.

II. Đồ dùng dạy học:

- Mẫu viết bài 15, vở viết, bảng

III. Các hoạt động dạy học :

Hoạt động GV	Hoạt động HS
<p>1. KTBC: Hỏi tên bài cũ. Gọi 6 HS lên bảng viết.</p> <p>Gọi 1 tổ nộp vở để GV chấm. Nhận xét bài cũ.</p> <p>2. Bài mới : Qua mẫu viết GV giới thiệu và ghi tựa bài. GV hướng dẫn học sinh quan sát bài viết. GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu cách viết.</p> <p>Gọi học sinh nêu nội dung bài viết</p> <p>Phân tích nội dung, khoảng cách các chữ trong bài viết HS viết bảng con. GV nhận xét và sửa sai cho học sinh trên lớp khi viết hành viết vào vở tập viết GV theo dõi giúp các em hoàn thành bài viết của mình trên lớp.</p> <p>3. Thực hành : Cho HS viết bài vào tập. GV theo dõi nhắc nhở động viên học sinh hoàn thành bài viết giúp các em hoàn thành bài viết</p> <p>4. Củng cố: Hỏi lại nội dung bài viết Gọi HS nêu lại nội dung bài viết Thu vở chấm học sinh.</p>	<p>1 HS nêu tên bài viết trên lớp. 6 học sinh lên bảng viết Con ong, vòng guồng, rồi các văn, kính rành, vui thích, xe đạp. Chăm bài tập.</p> <p>HS nêu tựa bài. HS theo dõi bảng lớp. bếp bênh, bếp nhà, xinh đẹp, bếp lửa, giúp đỡ, giúp đỡ. HS trình bày thích.</p> <p>Học sinh nêu : các con chữ {w} zu viết cao 5 dòng kẻ {la~h, b. Các con chữ {w} zu viết cao 4 dòng kẻ {la~w. Các con chữ {keo} xuống thấp ca 5 dòng kẻ {la~g, 4 dòng kẻ {la~p, còn lại các nguyên âm viết cao 2 dòng kẻ {</p> <p>Khoảng cách giữa các chữ {bảng 1 vòng tròn khép kín. Học sinh viết 1 số từ -kho. HS thực hành bài viết HS nêu: bếp bênh, bếp nhà, xinh đẹp, bếp lửa, giúp đỡ, giúp đỡ.</p>

Nhận xét tuyển đi zng.
5. Đa do: Viegbai z nha, xem bai mzi.

Tiết 4. Ôn Tiếng việt

**BÀI: SÁCH GIÁO KHOA – HÍ HOẢY – KHOẺ KHOẢN
ÁO CHOÀNG – KẾ HOẠCH – KHOANH TAY**

I. Mục tiêu :

- Giúp HS nắm được nội dung bài viết, đọc được các từ trong bài viết.
- Viết đúng độ cao các con chữ.
- Biết cầm bút, tư thế ngồi viết.

II. Đồ dùng dạy học:

- Mẫu viết bài 20, vở viết, bảng ...

III. Các hoạt động dạy học :

Hoạt động GV	Hoạt động HS
<p>1. <u>KTBC</u>: Hỏi tên bài cũ. Gọi 3 HS lên bảng viết.</p> <p>Gọi 1 tổ nộp vở để GV chấm. Nhận xét bài cũ.</p> <p>2. <u>Bài mới</u> :</p> <p>Qua mẫu viết GV giới thiệu và ghi tựa bài. GV hướng dẫn học sinh quan sát bài viết. GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu cách viết. Gọi học sinh nêu nội dung bài viết Phân tích nội dung, khoảng cách các chữ {z bài viết HS viết bảng con. GV nhận xét và sửa sai cho học sinh trình bày khi viết bài viết vào vở tập viết GV theo dõi giúp các em hoàn thành bài viết của mình tập viết.</p> <p>3. <u>Thi u hành</u> :</p> <p>Cho HS viết bài vào tập. GV theo dõi nhắc nhở công việc mỗi học sinh viết, giúp các em hoàn thành bài viết</p> <p>4. <u>Củng cố</u> Hỏi lại tên bài viết Gọi HS nêu nội dung bài viết Thu vở chấm mỗi học sinh.</p>	<p>1 HS nêu tên bài viết tuần trước zc. 3 học sinh lên bảng viết bài viết, tập viết, xinh đẹp. Tập viết bảng con: bảng 1 a, giúp viết tập ca. Chấm bài tập.</p> <p>HS trình bày bài.</p> <p>HS theo dõi z bảng tập.</p> <p>Sách giáo khoa, hí hoáy, khoẻ khoản, áo choàng, kế hoạch, khoanh tay. HS trình bày phân tích.</p> <p>Học sinh nêu : các con chữ {w z viết cao 5 dòng kẻ {la z h. Các con chữ {keo xuống thấp ca 5 dòng kẻ {la z g, y. Con lại các nguyên âm viết cao 2 dòng kẻ {riêng âm s viết cao 1,25 dòng kẻ. Khoảng cách giữa các chữ {bảng 1 vòng tròn khép kín. Học sinh viết 1 số từ khó. HS trình bày bài viết</p> <p>HS nêu: Sách giáo khoa, hí hoáy, khoẻ</p>

Nhập xét tuyển dl zng.

5. Đa do: Viegbai z nha, xem bai mzi.

khóa, áo choàng, keghoauh, khoan tay.

TUẦN 22

Thứ hai ngày 26 tháng 1 năm 2015

Tiết 1. Ôn Toán

TIẾT 84: BÀI TOÁN CÓ LỜI VĂN

A. Mục tiêu: *Giúp học sinh:

-Bước đầu có nhận biết các việc thường làm khi giải bài toán có lời văn:

+Tìm hiểu bài toán.

+Trình bày bài giải

***GT:** - *Bài tập 3 yêu cầu nêu tiếp câu hỏi bằng lời để có bài toán.*

- *Bài tập 4 yêu cầu nhìn hình vẽ, nêu số thích hợp và câu hỏi bằng lời để có bài toán.*

B. Đồ dùng:

-Hình vẽ trong SGK.

C. Hoạt động dạy học:

Hoạt động dạy	Hoạt động học
<p>I. <u>Bài cũ:</u> * Gọi 2 em lên bảng làm; - GV nhận xét và ghi điểm</p> <p>II. <u>Bài mới:</u> 1. <u>Giới thiệu bài:</u> 2. <u>Giới thiệu cách giải và trình bày bài toán giải.</u> Bài 1: *Viết bài toán lên bảng (BT 1) Nêu câu hỏi: +Bài toán cho biết gì?+Bài toán hỏi gì? + Ghi tóm tắt lên bảng Hướng dẫn giải: Bài 2, 3,4 (trương tự bài 1)</p>	<p>HS lên bảng $12 + 3 + 1 = 15 + 2 + 3 =$</p> <p>Đọc bài toán (Cá nhân, cả lớp) Lần lượt trả lời Bài giải Có tất cả số bạn là: $1 + 3 = 4$ (bạn) Đáp số :4 bạn</p> <p>Bài 2:</p> <p>Lần lượt trả lời, nêu miệng phép tính giải.</p> <p>Nhắc lại cách trình bày bài giải. Đọc lại bài toán giải vài lượt Dựa vào bài giải cho sẵn để viết tiếp các phần còn thiếu để bài giải được hoàn chỉnh.</p>

<p>III. <u>Củng cố dẫn dò:</u> Xem lại bài tập ở VBT</p>	<p>Đọc lại toàn bộ bài giải. Nêu lại các bước trình bày bài giải</p>
--	--

Tiết 2+3. Tiếng việt **BÀI 90: ÔN TẬP**

I. Mục tiêu: Sau bài học học sinh có thể:

- Hiểu được cấu tạo các vần đã học kết thúc bằng p.
- Đọc và viết một cách chắc chắn các vần có kết thúc bằng p.
- Đọc được từ và câu ứng dụng trong bài, các từ, câu có chứa vần đã học.
- Nghe, hiểu và kể lại theo tranh câu chuyện kể: Ngỗng và tép.

***GT:** Chưa yêu cầu tất cả HS kể chuyện trong mục kể chuyện.

II. Đồ dùng dạy học:

- Bảng ôn tập các vần kết thúc bằng p.
- Tranh minh họa các từ, câu ứng dụng, chuyện kể.

III. Các hoạt động dạy học :

Hoạt động GV	Hoạt động HS
<p>1. <u>KTBC</u> : Hỏi bài trước. Đọc sách kết hợp bảng con. Viết bảng con. GV nhận xét chung.</p> <p>2. <u>Bài mới</u>: GV treo tranh vẽ và hỏi: Tranh vẽ gì? Trong tiếng tháp có vần gì đã học? GV giới thiệu bảng ôn tập và gọi học sinh kể những vần kết thúc bằng p đã được học? GV gắn bảng ôn tập phóng to và yêu cầu học sinh kiểm tra xem học sinh nói đã đầy đủ các vần đã học kết thúc bằng p hay chưa. Học sinh nêu thêm nếu chưa đầy đủ...</p> <p>3. <u>Ôn tập các vần vừa học</u>: a) <u>Gọi học sinh lên bảng chỉ và đọc các vần đã học</u>. GV đọc và yêu cầu học sinh chỉ đúng các vần giáo viên đọc (đọc không theo thứ tự). b) <u>Ghép âm thành vần</u>: GV yêu cầu học sinh ghép chữ cột dọc với các chữ ở các dòng ngang sao cho thích hợp để được các vần tương ứng đã học. Gọi học sinh chỉ và đọc các vần vừa ghép được.</p>	<p>Học sinh nêu tên bài trước. HS cá nhân 6 -> 8 em N1 : giần mướt; N2 : tiếp nối.</p> <p>Cái tháp cao. Ap. Học sinh kể, GV ghi bảng.</p> <p>Học sinh kiểm tra đôi chiếu và bổ sung cho đầy đủ.</p> <p>Học sinh chỉ và đọc 8 em.</p> <p>Học sinh chỉ theo yêu cầu của GV 10 em.</p> <p>Học sinh ghép và đọc, học sinh khác nhận xét.</p>

<p>c) <u>Đọc từ ứng dụng.</u> Gọi học sinh đọc các từ ứng dụng trong bài: đây áp, đón tiếp, áp trúng. (GV ghi bảng) GV sửa phát âm cho học sinh. GV đưa tranh hoặc dùng lời để giải thích các từ này cho học sinh hiểu (nếu cần)</p> <p>d) <u>Tập viết từ ứng dụng:</u> GV hướng dẫn học sinh viết từ: đón tiếp, áp trúng. Cần lưu ý các nét nối giữa các chữ trong vần, trong từng từ ứng dụng... GV nhận xét và sửa sai. Gọi đọc toàn bảng ôn.</p> <p>4. <u>Củng cố tiết 1:</u> Hỏi vần mới ôn. Đọc bài. Tìm tiếng mang vần mới học. NX tiết 1</p> <p style="text-align: center;">Tiết 2</p> <p>Luyện đọc bảng lớp : Đọc vần, tiếng, từ lộn xộn GV nhận xét và sửa sai. + <u>Kể chuyện:</u> Ngỗng và tép. GV gợi ý bằng hệ thống câu hỏi, giúp học sinh kể được câu chuyện: Ngỗng và tép. GV kể lại câu chuyện cho học sinh nghe. GV treo tranh và kể lại nội dung theo từng bức tranh. GV hướng dẫn học sinh kể lại qua nội dung từng bức tranh.</p> <p><u>Ý nghĩa câu chuyện:</u> Ca ngợi tình cảm của vợ chồng nhà Ngỗng đã sẵn sàng hy sinh cho nhau. Đọc sách kết hợp bảng con. GV đọc mẫu 1 lần. GV Nhận xét. Luyện viết vở TV. GV thu vở để chấm một số em. Nhận xét cách viết.</p> <p>5. <u>Củng cố dặn dò:</u> Gọi đọc bài. Nhận xét tiết học: Tuyên dương.</p>	<p>Cá nhân học sinh đọc, nhóm.</p> <p style="text-align: right;">Nghỉ giữa tiết.</p> <p>Toàn lớp viết.</p> <p>4 em.</p> <p>Vài học sinh đọc lại bài ôn trên bảng.</p> <p>HS tìm tiếng mang vần kết thúc bằng p trong câu, 4 em đánh vần, đọc trơn tiếng 4 em, đọc trơn toàn câu và bài 6 em, đồng thanh nhóm, lớp.</p> <p>Học sinh lắng nghe Giáo viên kể.</p> <p>Học sinh kể chuyện theo nội dung từng bức tranh và gợi ý của GV. Học sinh khác nhận xét. Học sinh lắng nghe.</p> <p>Gọi học sinh đọc.</p> <p>Toàn lớp</p> <p>CN 1 em</p>
--	--

Về nhà học bài, xem bài ở nhà, tự tìm từ mang vần vừa học.

Tiết 4. Luyện viết

**BÀI: BỆP BÊNH – LỘP NHÀ – XINH ĐẸP
BẾP LỬA – GIÚP ĐỠ – ƯỚP CÁ**

I. Mục tiêu :

- Giúp HS nắm được nội dung bài viết, đọc được các từ trong bài viết.
- Viết đúng độ cao các con chữ.
- Biết cầm bút, tư thế ngồi viết.

II. Đồ dùng dạy học:

- Mẫu viết bài 15, vở viết, bảng

III. Các hoạt động dạy học :

Hoạt động GV	Hoạt động HS
<p>1. <u>KTBC</u>: Hỏi tên bài cũ. Gọi 6 HS lên bảng viết.</p> <p>Gọi 1 tổ nộp vở để GV chấm. Nhận xét bài cũ.</p> <p>2. <u>Bài mới</u> :</p> <p>Qua mẫu viết GV giới thiệu và ghi tựa bài. GV hướng dẫn học sinh quan sát bài viết. GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu cách viết</p> <p>Goiuou sinh wou noj dung bai-vieg Phah tsch wojcao, khoang cach cac chl {z bai-vieg HS viegbang con. GV nhajp xet va-sl a sai cho hou sinh trl zc khi tieg hanh viegvao vz tap vieg GV theo do{ giup cac em yeg hoan thanh bai-vieg cua mmh taulzp.</p> <p>3. <u>Thl u hanh</u> :</p> <p>Cho HS viegbai-vao tap. GV theo do{ nhao nhz wojng vieh moj sogem viegchajm, giup cac em hoan thanh bai-vieg</p> <p>4. <u>Cung cog</u> Hoi lauteh bai-vieg GoiuHS wou launoj dung bai-vieg</p>	<p>1HS nehi teh bai-viegtuañ trl zc. 6 hou sinh leh bang vieg Con og, woh guog, rl zc weñ, kehh rauh, vui thsch, xe wap. Chagn bai-tokl. HS nehi tl u bai.</p> <p>HS theo do{ z bang lzp. bejp behh, lzp nha~, xinh wep, beg ll a, giup wz{l zp ca. HS tl uphah tsch. Hou sinh nehi : cac con chl {w zu viegcao 5 dong ke{la~h, b. Cac con chl {w zu viegcao 4 dong ke{la~w. Cac con chl {keo xuong tag ca 5 dong ke{la~g, 4 dong ke{la~p, con lai cac nguyeh am viegcao 2 dong ke{ Khoang cach gil a cac chl {bang 1 vong tron kkep ksn. Hou sinh vieg1 sogl ~kho. HS thl u hanh bai-vieg</p> <p>HS nehi: bejp behh, lzp nha~, xinh wep,</p>

Thu vz chagn moj soem.

Nhaph xet tuyeh dl zng.

5.Đaq do~: Viegbai~z nha~xem bai~mzi.

beg ll a, giup wz{l zp ca

Thứ ba ngày 27 tháng 1 năm 2015

Tiết 1. Ôn Toán :

LUYỆN TẬP CHUNG

A- Mục tiêu:

- Củng cố KN thực hành tính trong bảng nhân , chia 2
- Rèn KN tính và giải toán.
- GD HS chăm học toán.

B- Đồ dùng:

- Bảng phụ viết sẵn BT 4, 5.

C- Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò												
<p><u>1/ Kiểm tra:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - đọc thuộc lòng bảng chia 2 - Nhận xét. <p><u>2/ Bài mới:</u></p> <p>Bài 1: BT yêu cầu ta làm gì?</p> <ul style="list-style-type: none"> - - GV nhận xét. <p>Bài 2</p> <ul style="list-style-type: none"> -GV hướng dẫn - Chữa bài, nhận xét. <p>Bài 3: Đọc yêu cầu?</p> <ul style="list-style-type: none"> -GV nêu câu hỏi hướng dẫn <p>Bài 4:</p> <ul style="list-style-type: none"> -GV hướng dẫn - Chấm bài, nhận xét. <p><u>3/ Củng cố:</u> đọc bảng nhân 3?</p> <p>* Dặn dò: Ôn lại bài</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 3- 4 HS đọc - Nhận xét <p><u>*Bài 1:</u>Tính nhẩm</p> <table style="width: 100%; border: none;"> <tr> <td style="text-align: center;">$2 \times 4 = 8$</td> <td style="text-align: center;">$2 \times 9 = 18$</td> <td style="text-align: center;">$2 \times 5 = 10$</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">$8 : 2 = 4$</td> <td style="text-align: center;">$18 : 2 = 9$</td> <td style="text-align: center;">$10 : 2 = 5$</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">$2 \times 3 = 6$</td> <td style="text-align: center;">$2 \times 10 = 20$</td> <td style="text-align: center;">$2 \times 8 = 16$</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">.....</td> <td style="text-align: center;">.....</td> <td style="text-align: center;">.....</td> </tr> </table> <p>Bài 2:1 em lên bảng Lốp làm vở</p> <p style="text-align: center;">Bài giải</p> <p style="text-align: center;">Mỗi lọ coc số bông hoa là</p> <p style="text-align: center;">$20 : 2 = 10(\text{bông})$</p> <p style="text-align: center;">Đáp số: 10 bông</p> <p><u>Bài 3 :</u>Nội phép chia với kết quả thích hợp</p> <ul style="list-style-type: none"> -HS nói <p>Bài 4;Đố vui:Viết số thích hợp vào chỗ chấm</p> <ul style="list-style-type: none"> -Đáp án: 4 đoạn thẳng 	$2 \times 4 = 8$	$2 \times 9 = 18$	$2 \times 5 = 10$	$8 : 2 = 4$	$18 : 2 = 9$	$10 : 2 = 5$	$2 \times 3 = 6$	$2 \times 10 = 20$	$2 \times 8 = 16$
$2 \times 4 = 8$	$2 \times 9 = 18$	$2 \times 5 = 10$											
$8 : 2 = 4$	$18 : 2 = 9$	$10 : 2 = 5$											
$2 \times 3 = 6$	$2 \times 10 = 20$	$2 \times 8 = 16$											
.....											

--	--

Tiết 2. TẬP ĐỌC

MỘT TRÍ KHÔN HƠN TRĂM TRÍ KHÔN

I. Mục tiêu:

- Biết ngắt nghỉ hơi đúng chỗ; đọc rõ lời nhân vật trong câu chuyện.
- Hiểu bài học rút ra từ câu chuyện: Khó khăn, hoạn nạn thử thách trí thông minh của mỗi người; chớ kiêu căng, xem thường người khác. (trả lời được CH 1, 2, 3, 5)
- **Kĩ năng sống: Ứng phó với căng thẳng.**

II. Chuẩn bị:

- GV: Tranh minh họa trong bài tập đọc (phóng to, nếu có thể). Bảng phụ ghi sẵn các từ, câu, đoạn cần luyện đọc.

III. Các hoạt động:

<u>Hoạt động của GV</u>	<u>Hoạt động của HS</u>
<p>A. <u>Khởi động</u> C, Bài mới: 1 <u>Giới thiệu:</u> 2, <u>Luyện đọc</u> a) <u>Đọc mẫu</u> b) <u>Luyện đọc kết hợp giải nghĩa từ</u> * <u>Luyện đọc từng câu:</u> c) <u>Luyện đọc theo đoạn</u> d) <u>Đọc cả bài</u> * <u>Thi đua đọc</u> * <u>Đọc đồng thanh</u> 3. <u>Tìm hiểu bài</u> - <u>Giải nghĩa từ <i>ngầm, cuống quýt.</i></u> - <u>Coi thường nghĩa là gì?</u> - <u>Trón dềng trời nghĩa là gì?</u> - <u>Tim những câu nói lên thái độ của Chồn đối với Gà Rừng?</u> - <u>Chuyện gì đã xảy ra với đôi bạn khi chúng đang dạo chơi trên cánh đồng?</u> <u>Câu chuyện nói lên điều gì?</u></p>	<p>- Theo dõi và đọc thầm theo.</p> <p>- HS nối tiếp nhau đọc.</p> <p>4 HS nối tiếp nhau đọc bài. Mỗi HS đọc một đoạn.</p> <p>- Cả lớp đọc đồng thanh đoạn 1.</p> <p>- <i>Ngầm</i>: kín đáo, không lộ ra ngoài. <i>Cuống quýt</i>: vội đến mức rối lên.</p> <p>- Tỏ ý coi khinh.</p> <p>- <i>Chồn vẫn ngầm coi thường bạn.</i> <i>Ít thế sao? Minh thì có hàng trăm.</i></p> <p>Chúng gặp một thợ săn. Chồn lúng túng, sợ hãi nên không còn một trí khôn nào trong đầu. Câu chuyện muốn khuyên chúng ta hãy bình tĩnh trong khi gặp hoạn nạn. Đồng thời cũng khuyên chúng ta</p>

4. <u>Củng cố – Dẫn dò</u> (3')	không nên kiêu căng, coi thường người khác.
Gọi 2 HS đọc toàn bài và trả lời câu hỏi: Con thích con vật nào trong truyện? Vì sao?	- Con thích Gà Rừng vì Gà Rừng đã thông minh lại khiêm tốn

Tiết 3. KỂ CHUYỆN : MỘT TRÍ KHÔN HƠN TRĂM TRÍ KHÔN

I. Mục tiêu

- Biết đặt tên cho từng đoạn truyện (BT1).
- Kể lại được từng đoạn của câu truyện (BT2).
- HS khá giỏi biết kể lại toàn bộ câu truyện (BT3).

II. Chuẩn bị- GV: Mũ Chồn, Gà và quần áo, súng, gậy của người thợ săn (nếu có). Bảng viết sẵn gợi ý nội dung từng đoạn.

- HS: SGK.

III. Các hoạt động

<u>Hoạt động của GV</u>	<u>Hoạt động của HS</u>
<p><u>A. Khởi động</u> (1')</p> <p><u>B. Bài cũ:</u> <i>Chim sơn ca và bông cúc trắng</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi 4 HS lên bảng, yêu cầu kể chuyện <i>Chim sơn ca và bông cúc trắng</i>. - Nhận xét, đánh giá HS. <p><u>C. Bài mới</u></p> <p><u>1: Hướng dẫn kể chuyện</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Đặt tên cho từng đoạn chuyện</i> - Gọi 1 HS đọc yêu cầu của bài 1. <ul style="list-style-type: none"> - Bài cho ta mẫu ntn? - Bạn nào có thể cho biết, vì sao tác giả sgk lại đặt tên cho đoạn 1 của truyện là <i>Chú Chồn kiêu ngạo</i>? - Vậy theo con, tên của từng đoạn truyện phải thể hiện được điều gì? <p><u>b) Kể lại từng đoạn truyện</u></p> <p><u>2 HS kể chuyện</u></p> <p><u>c) Kể lại toàn bộ câu chuyện</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS kể nối tiếp nhau. - Gọi HS nhận xét. <p>Gọi 4 HS kể lại theo hình thức phân vai.</p>	<p>Đặt tên cho từng đoạn câu chuyện <i>Một trí khôn hơn trăm trí khôn</i>.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mẫu: + Đoạn 1: <i>Chú Chồn kiêu ngạo</i> + Đoạn 2: <i>Trí khôn của Chồn</i> <ul style="list-style-type: none"> - Vì đoạn truyện này kể về sự kiêu ngạo, hợm hĩnh của Chồn. Nó nói với Gà Rừng là nó có một trăm trí khôn, - Tên của từng đoạn truyện phải thể hiện được nội dung của đoạn truyện đó. <p>HS suy nghĩ và trả lời.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS làm việc theo nhóm nhỏ. HS nêu tên cho từng đoạn truyện. Ví dụ: - Mỗi nhóm 4 HS cùng nhau kể lại một đoạn của câu chuyện. Khi 1 HS kể các HS khác lắng nghe để nhận xét, bổ sung cho bạn. - Các nhóm trình bày, nhận xét. <p>4 HS kể nối tiếp 1 lần.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét bạn theo các tiêu chí đã nêu.

-Gọi 1 HS khá kể lại toàn bộ câu chuyện. - Nhận xét, đánh giá từng HS. D. <u>Củng cố – Dẫn dò</u> (3')	- HS kể theo 4 vai: người dẫn chuyện Gà Rừng, Chồn, bác thợ săn. - 1 HS kể chuyện. Cả lớp theo dõi và nhận xét.
--	--

Tiết 4.Rèn chữ:

CHÍNH TẢ : MỘT TRÍ KHÔN HƠN TRĂM TRÍ KHÔN

I. Mục tiêu:

- Nghe – viết chính xác bài chính tả, trình bày đúng đoạn văn xuôi có lời của nhân vật.
- Làm được bài tập 3a.

II. Chuẩn bị: Bảng phụ ghi sẵn các quy tắc chính tả.

III. Các hoạt động

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
<p>A. <u>Khởi động</u> (1')</p> <p>B. <u>Bài cũ</u> (3') Sân chim. - Gọi 3 HS lên bảng. GV đọc cho HS viết. HS dưới lớp viết vào nháp. - Nhận xét, đánh giá HS.</p> <p>C. <u>Bài mới:</u> 1. <u>Hướng dẫn viết chính tả</u> a) <u>Ghi nhớ nội dung đoạn viết</u> - GV đọc đoạn từ <i>Một buổi sáng ... lấy gậy thọc vào lưng.</i> - Đoạn văn có mấy nhân vật? Là những nhân vật nào? - Đoạn văn kể lại chuyện gì? b) <u>Hướng dẫn cách trình bày</u> - Đoạn văn có mấy câu? - Trong đoạn văn những chữ nào phải viết hoa? Vì sao? - Tìm câu nói của bác thợ săn? Câu nói của bác thợ săn được đặt trong dấu gì? c) <u>Hướng dẫn viết từ khó</u> GV đọc cho HS viết các từ khó. Chữa lỗi chính tả nếu HS viết sai. d) <u>Viết chính tả</u> e) <u>Soát lỗi</u> g) <u>Chấm bài</u></p>	<p>Hoạt động lớp, cá nhân.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Theo dõi. - 3 nhân vật: Gà Rừng, Chồn, bác thợ săn. - Gà và Chồn đang dạo chơi thì gặp bác thợ săn. Chúng sợ hãi trốn vào hang. Bác thợ săn thích chí và tìm cách bắt chúng. - Đoạn văn có 4 câu. - Viết hoa các chữ <i>Chợt, Một, Nhưng, Ong, Có, Nói</i> vì đây là các chữ đầu câu. - <i>Có mà trốn đằng trời.</i> - Dấu ngoặc kép. - HS viết: <i>cách đồng, thợ săn, cuống quýt, nấp, reo lên, đằng trời, thọc.</i> <p>Hoạt động lớp, cá nhân.</p>

<p>2: Hướng dẫn làm BT chính tả</p> <p>Bài 3 : Gọi 1 HS đọc yêu cầu.</p> <p>Treo bảng phụ và yêu cầu HS làm.</p> <p>Gọi HS nhận xét, chữa bài.</p> <p>D. <u>Củng cố – Dẫn dò</u> (3')</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc đề bài. - 2 HS lên bảng làm, HS dưới lớp làm vào <i>Vở bài tập Tiếng Việt 2, tập hai.</i> - Nhận xét, chữa bài: <i>giọt/ riêng/ giữa vắng, thở thở, ngắn</i>
--	--

Môn : Học vần
BÀI : OA - OE

- I. Mục tiêu:**
- HS hiểu được cấu tạo các vần oa, oe, các tiếng: hoạ, xoè.
 - Phân biệt được sự khác nhau giữa vần oa, oe.
 - Đọc và viết đúng các vần oa, oe, các từ: hoạ sĩ, múa xoè.
 - Đọc được từ và câu ứng dụng.
 - Phát triển lời nói tự nhiên theo chủ đề: Sức khoẻ là vốn quý nhất.

II. Đồ dùng dạy học:

- Tranh minh hoạ từ khóa, tranh minh hoạ câu ứng dụng.
- Tranh minh hoạ luyện nói: Sức khoẻ là vốn quý nhất.
- Bộ ghép vần của GV và học sinh.

III. Các hoạt động dạy học :

Hoạt động GV	Hoạt động HS
<p>1. <u>KTBC</u> : Hỏi bài trước.</p> <p>Đọc sách kết hợp bảng con.</p> <p>Viết bảng con.</p> <p>GV nhận xét chung.</p> <p>2. <u>Bài mới</u>:</p> <p>GV giới thiệu tranh rút ra vần oa, ghi bảng.</p> <p>Gọi 1 HS phân tích vần oa.</p> <p>Lớp cài vần oa.</p> <p>GV nhận xét.</p> <p>HD đánh vần vần oa.</p> <p>Có oa, muốn có tiếng hoạ ta làm thế nào?</p> <p>Cài tiếng hoạ.</p> <p>GV nhận xét và ghi bảng tiếng hoạ.</p> <p>Gọi phân tích tiếng hoạ.</p> <p>GV hướng dẫn đánh vần tiếng hoạ.</p> <p>Dùng tranh giới thiệu từ “hoạ sĩ”.</p> <p>Hỏi: Trong từ có tiếng nào mang vần mới học.</p>	<p>Học sinh nêu tên bài trước.</p> <p>HS cá nhân 6 -> 8 em</p> <p>N1 : áp trứng; N2 : đón tiếp.</p> <p>HS phân tích, cá nhân 1 em</p> <p>Cài bảng cài.</p> <p>o – a – oa.</p> <p>CN 4 em, đọc trơn 4 em, nhóm.</p> <p>Thêm âm h đứng trước vần oa và thanh nặng dưới âm a.</p> <p>Toàn lớp.</p> <p>CN 1 em.</p> <p>Hờ – oa – nặng – hoạ.</p> <p>CN 4 em, đọc trơn 4 em, 2 nhóm ĐT.</p>

<p>Gọi đánh vần tiếng hoa, đọc trơn từ hoa sĩ. Gọi đọc sơ đồ trên bảng. Vần 2 : vần oe (dạy tương tự) So sánh 2 vần</p> <p>Đọc lại 2 cột vần. Gọi học sinh đọc toàn bảng.</p> <p>Hướng dẫn viết bảng con: oa, hoa sĩ, oe, múa xoè. GV nhận xét và sửa sai. <u>Đọc từ ứng dụng.</u> Giáo viên đưa tranh, mẫu vật hoặc vật thật để giới thiệu từ ứng dụng, có thể giải nghĩa từ (nếu thấy cần), rút từ ghi bảng. Sách giáo khoa, hoà bình, chích choè, mạnh khoẻ Gọi đánh vần các tiếng có chứa vần mới học và đọc trơn các từ trên. Đọc sơ đồ 2. Gọi đọc toàn bảng. 3.Củng cố tiết 1: Hỏi vần mới học. Đọc bài. Tìm tiếng mang vần mới học. NX tiết 1</p> <p style="text-align: center;">Tiết 2</p> <p>Luyện đọc bảng lớp : Đọc vần, tiếng, từ lộn xộn <u>Luyện câu:</u> GT tranh rút câu ghi bảng: Hoa ban xoè cách trắng Lan tươi màu vàng vàng Cành hồng khoe nụ thắm Bay làn hương dịu dàng. GV nhận xét và sửa sai. <u>Luyện nói:</u> Chủ đề: “Sức khoẻ là vốn quý nhất”. GV treo tranh và gợi ý bằng hệ thống câu hỏi, giúp học sinh nói tốt theo chủ đề “Sức khoẻ là vốn quý nhất”. + Các bạn trong tranh đang làm gì? + Hằng ngày em tập thể dục vào lúc nào?</p>	<p>Tiếng hoa. CN 4 em, đọc trơn 4 em, nhóm. CN 2 em</p> <p>Giống nhau : bắt đầu bằng o. Khác nhau : kết thúc bằng a và e. 3 em 1 em.</p> <p style="text-align: right;">Nghỉ giữa tiết.</p> <p>Toàn lớp viết</p> <p>Học sinh quan sát và giải nghĩa từ cùng GV. HS đánh vần, đọc trơn từ, CN vài em.</p> <p>CN 2 em. CN 2 em, đồng thanh.</p> <p>Vần oa, oe. CN 2 em Đại diện 2 nhóm.</p> <p>CN 6 -> 7 em, lớp đồng thanh.</p> <p>HS tìm tiếng mang vần mới học (có gạch chân) trong câu, 2 em đánh vần các tiếng có gạch chân, đọc trơn tiếng 4 em, đọc trơn toàn câu và bài 5 em, đồng thanh nhóm, lớp.</p> <p>Học sinh nói theo hướng dẫn của Giáo viên. Học sinh khác nhận xét. Học sinh tự nói.</p>
---	---

<p>+ Em thích tập thể dục không? + Tập thể dục giúp sức khoẻ em thế nào? + Tại sao nói sức khoẻ là vốn quý nhất? GV giáo dục TTTcảm. Đọc sách kết hợp bảng con. GV đọc mẫu 1 lần. GV Nhận xét cho điểm. Luyện viết vở TV. GV thu vở một số em để chấm điểm. Nhận xét cách viết. 4.<u>Củng cố</u> : Gọi đọc bài. <u>Trò chơi</u>: Tìm vần tiếp sức: Giáo viên gọi học sinh chia thành 2 nhóm mỗi nhóm khoảng 7 em. Thi tìm tiếng có chứa vần vừa học. <u>Cách chơi</u>: Học sinh nhóm này nêu vần, học sinh nhóm kia nêu tiếng có chứa vần vừa học, trong thời gian nhất định nhóm nào nói được nhiều tiếng nhóm đó thắng cuộc. GV nhận xét trò chơi. 5.<u>Nhận xét, dặn dò</u>: Học bài, xem bài ở nhà, tự tìm từ mang vần vừa học.</p>	<p>HS đọc nối tiếp kết hợp đọc bảng con 6 em. Học sinh lắng nghe. Toàn lớp. CN 1 em Đại diện 2 nhóm mỗi nhóm 7 học sinh lên chơi trò chơi. Học sinh dưới lớp cổ vũ tinh thần các bạn trong nhóm chơi. Học sinh khác nhận xét.</p>
--	---

Thứ năm ngày... tháng... năm 2004

Môn : Học vần
 BÀI : OAI - OAY

- I. Mục tiêu:** -HS hiểu được cấu tạo các vần oai, oay, các tiếng: thoải, xoáy.
 -Phân biệt được sự khác nhau giữa vần oai, oay.
 -Đọc và viết đúng các vần oai, oay, các từ: điện thoải, gió xoáy.
 -Đọc được từ và câu ứng dụng.
 -Phát triển lời nói tự nhiên theo chủ đề: Ghé đầu, ghé xoay, ghé tựa.

- II. Đồ dùng dạy học:**
 -Tranh minh hoạ từ khóa, tranh minh hoạ câu ứng dụng.
 -Tranh minh hoạ luyện nói: Ghé đầu, ghé xoay, ghé tựa

-Bộ ghép vần của GV và học sinh.

III. Các hoạt động dạy học :

Hoạt động GV	Hoạt động HS
<p>1. <u>KTBC</u> : Hỏi bài trước. Đọc sách kết hợp bảng con. Viết bảng con. GV nhận xét chung.</p> <p>2. <u>Bài mới</u>: GV giới thiệu tranh rút ra vần oai, ghi bảng. Gọi 1 HS phân tích vần oai. Lớp cài vần oai. GV nhận xét. HD đánh vần vần oai.</p> <p>Có oai, muốn có tiếng thoại ta làm thế nào?</p> <p>Cài tiếng thoại. GV nhận xét và ghi bảng tiếng thoại. Gọi phân tích tiếng thoại. GV hướng dẫn đánh vần tiếng thoại.</p> <p>Dùng tranh giới thiệu từ “điện thoại”. Hỏi: Trong từ có tiếng nào mang vần mới học. Gọi đánh vần tiếng thoại, đọc trơn từ điện thoại. Gọi đọc sơ đồ trên bảng. Vần 2 : vần oay (dạy tương tự) So sánh 2 vần</p> <p>Đọc lại 2 cột vần. Gọi học sinh đọc toàn bảng.</p> <p>Hướng dẫn viết bảng con: oai, điện thoại, oay, gió xoáy. GV nhận xét và sửa sai. <u>Đọc từ ứng dụng</u>. Giáo viên đưa tranh, mẫu vật hoặc vật thật để giới thiệu từ ứng dụng, có thể giải nghĩa từ (nếu thấy cần), rút từ ghi bảng. Quả xoài, khoai lang, hí hoáy, loay hoay. Gọi đánh vần các tiếng có chứa vần mới học</p>	<p>Học sinh nêu tên bài trước. HS cá nhân 6 -> 8 em N1 : mạnh khỏe; N2 : hoà bình.</p> <p>HS phân tích, cá nhân 1 em Cài bảng cài.</p> <p>O – a – i – oai. CN 4 em, đọc trơn 4 em, nhóm. Thêm âm th đứng trước vần oai và thanh nặng dưới âm a. Toàn lớp.</p> <p>CN 1 em. Thờ – oai – thoại – nặng – thoại. CN 4 em, đọc trơn 4 em, 2 nhóm ĐT.</p> <p>Tiếng thoại CN 4 em, đọc trơn 4 em, nhóm.</p> <p>CN 2 em</p> <p>Giống nhau : bắt đầu bằng oa Khác nhau : oay kết thúc bằng y. 3 em 1 em.</p> <p style="text-align: right;">Nghỉ giữa tiết.</p> <p>Toàn lớp viết</p> <p>Học sinh quan sát và giải nghĩa từ cùng GV.</p>

<p>và đọc tron các từ trên. Đọc sơ đồ 2. Gọi đọc toàn bảng. 3.<u>Củng cố tiết 1</u>: Hỏi vắn mới học. Đọc bài. Tìm tiếng mang vắn mới học. NX tiết 1</p> <p style="text-align: center;">Tiết 2</p> <p>Luyện đọc bảng lớp : Đọc vắn, tiếng, từ lộn xộn <u>Luyện câu</u>: GT tranh rút câu ghi bảng: Gọi học sinh đọc câu và bài đọc. Tháng chạp là tháng trồng khoai Tháng giêng trồng đậu, tháng hai trồng cà. Tháng ba cày vỡ ruộng ra Tháng tư làm mạ, mưa sa đầy đồng. GV nhận xét và sửa sai. <u>Luyện nói</u>: Chủ đề: “Ghế đầu, ghế xoay, ghế tựa”. GV treo tranh và gợi ý bằng hệ thống câu hỏi, giúp học sinh nói tốt theo chủ đề “Ghế đầu, ghế xoay, ghế tựa”. GV giáo dục TTTcảm. Đọc sách kết hợp bảng con. GV đọc mẫu 1 lần. GV Nhận xét cho điểm. Luyện viết vở TV. GV thu vở một số em để chấm điểm. Nhận xét cách viết. 4.<u>Củng cố</u> : Gọi đọc bài. <u>Trò chơi</u>: Tìm vắn tiếp sức: Giáo viên gọi học sinh chia thành 2 nhóm mỗi nhóm khoảng 5 em. Thi tìm tiếng có chứa vắn vừa học. <u>Cách chơi</u>: Học sinh nhóm này nêu vắn, học sinh nhóm kia nêu tiếng có chứa vắn vừa học, trong thời gian nhất định nhóm nào nói được nhiều tiếng nhóm đó thắng cuộc. GV nhận xét trò chơi.</p>	<p>HS đánh vắn, đọc tron từ, CN vài em. CN 2 em. CN 2 em, đồng thanh. Vắn ep, êp. CN 2 em Đại diện 2 nhóm. CN 6 -> 7 em, lớp đồng thanh. HS tìm tiếng mang vắn mới học (có gạch chân) trong câu, 2 em đánh vắn các tiếng có gạch chân, đọc tron tiếng 4 em, đọc tron toàn câu và bài 5 em, đồng thanh lớp. Học sinh nói theo hướng dẫn của Giáo viên. Học sinh khác nhận xét. HS đọc nối tiếp kết hợp đọc bảng con 6 em. Học sinh lắng nghe. Toàn lớp. CN 1 em Đại diện 2 nhóm mỗi nhóm 7 học sinh lên chơi trò chơi. Học sinh dưới lớp cổ vũ tinh thần các bạn trong nhóm chơi.</p>
--	--

5. <u>Nhận xét, dẫn dò</u> : Học bài, xem bài ở nhà, tự tìm từ mang vần vừa học.	Học sinh khác nhận xét.
--	-------------------------

Thứ năm ngày 28 tháng 1 năm 2015

Lớp 1A1.

Tiết 1. Ôn Tiếng Việt : BÀI 93 : OAN – OĂN

- I. Mục tiêu:**
- HS hiểu được cấu tạo các vần oan, oăn, các tiếng: khoan, xoăn.
 - Phân biệt được sự khác nhau giữa vần oan, oăn.
 - Đọc và viết đúng các vần oan, oăn, các từ: giàn khoan, tóc xoăn.
 - Đọc được từ và câu ứng dụng.
 - Phát triển lời nói tự nhiên theo chủ đề: Con ngoan, trò giỏi.

**Giảm một số câu hỏi trong phần luyện nói.*

II. Đồ dùng dạy học:

- Tranh minh họa từ khóa, tranh minh họa câu ứng dụng.
- Tranh minh họa luyện nói: Con ngoan, trò giỏi.
- Bộ ghép vần của GV và học sinh.

III. Các hoạt động dạy học :

Hoạt động GV	Hoạt động HS
<p>1. <u>KTBC</u> : Hỏi bài trước. Đọc sách kết hợp bảng con. Viết bảng con. GV nhận xét chung.</p> <p>2. <u>Bài mới</u>: Đọc lại 2 cột vần. Gọi học sinh đọc toàn bảng. Hướng dẫn viết bảng con: oan, giàn khoan, oăn, tóc xoăn. GV nhận xét và sửa sai. <u>Đọc từ ứng dụng</u>. Gọi đọc toàn bảng. <u>Luyện câu</u>: GT tranh rút câu ghi bảng: GV nhận xét và sửa sai. <u>Luyện nói</u>: Chủ đề: “Con ngoan, trò giỏi”. GV treo tranh và gợi ý bằng hệ thống câu hỏi, giúp học sinh nói tốt theo chủ đề “Con ngoan,</p>	<p>Học sinh nêu tên bài trước. HS cá nhân 6 -> 8 em N1 : khoai lang; N2 : hí hoáy.</p> <p>CN 2 em Giống nhau : kết thúc bằng n Khác nhau : oan bắt đầu bằng oa, oăn bắt đầu bằng oă.</p> <p style="text-align: right;">Nghỉ giữa tiết</p> <p>Toàn lớp viết HS đánh vần, đọc trơn từ, CN vài em. HS đọc thầm, phát hiện và gạch chân trên bảng các tiếng có chức vần mới. Đọc trơn các câu ứng dụng.</p> <p>Học sinh nói theo hướng dẫn của Giáo viên.</p>

trò giỏi ỉ”. GV giáo dục TTTcảm. Đọc sách kết hợp bảng con. GV đọc mẫu 1 lần. GV Nhận xét cho điểm. Luyện viết vở TV. GV thu vở một số em để chấm điểm. Nhận xét cách viết. 4. Củng cố : Gọi đọc bài. 5. Nhận xét, dẫn dò : Học bài, xem bài ở nhà, tự tìm từ mang vần vừa học.	Học sinh khác nhận xét. HS đọc nối tiếp kết hợp đọc bảng con 6 em. Học sinh lắng nghe. Toàn lớp. CN 1 em
--	--

Tiết 2. Ôn Toán:

TIẾT 87: LUYỆN TẬP

A. MỤC TIÊU: * Qua tiết học giúp học sinh:

- Củng cố về hiệu đề toán cho gì ?, hỏi gì ? biết bài giải gồm: câu lời giải, phép tính, đáp số; đo độ dài đoạn thẳng (Trang 31) vở TH TV và toán theo từng đối tượng.
- Giáo dục ý thức tự giác học bài và làm bài tập.

B. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

* GV: Nội dung các bài tập... * HS : Vở bài tập toán...

C. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p>I. Kiểm tra bài cũ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS lên bảng làm - Giáo viên nhận xét. <p>II. Dạy học bài mới:</p> <p>1. Giới thiệu bài:</p> <p>2. Thực hành giải các bài tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn cho học sinh làm các bài tập trong vở thực hành tiếng việt và toán. - HS nêu số bài tập và yêu cầu từng bài. - GV giao bài tập cho HS - HS làm việc cá nhân với bài tập được giao. - HS làm xong chữa bài. 	<p>Tính: $11 + 6 =$ $14 + 4 =$</p> <p>Bài (Trang 31)</p> <p>Bài 1: Viết số thích hợp vào chỗ chấm rồi giải bài toán:</p> <p>Tóm tắt:</p> <p>Có :...6... chậu hoa</p> <p>Thêm : .2....chậu hoa</p> <p>Có tất cả :....chậu hoa?</p> <p style="text-align: center;"><i>Bài giải</i></p> <p>Số chậu hoa nhà em có tất cả là:</p> <p style="text-align: center;">$6 + 2 = 8$ (chậu hoa)</p> <p style="text-align: center;">Đáp số: 8 chậu hoa</p>

<p>III. Củng cố - Dẫn dò:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét giờ học, tuyên dương những học sinh học tốt.- Nhắc học sinh học kỹ bài và xem trước bài 	<p>Bài 2:a) Đo độ dài mỗi đoạn thẳng rồi viết số đo vào chỗ chấm: AB dài ..8.cm PQ dài ..6.cm C D dài ..4.cm MN dài ..5.cm b) Khoanh vào tên đoạn thẳng ngắn nhất: AB , \textcircled{CD} , MN , PQ.</p>
--	--

Lớp 2A1.

Tiết 3.TOÁN :

MỘT PHẦN HAI

I. Mục tiêu

- Nhận biết (bằng hình ảnh trực quan) “Một phần hai”, biết đọc, viết $\frac{1}{2}$.
- Biết thực hành chia một nhóm đồ vật thành 2 phần bằng nhau.
- *Gt: Chỉ yêu cầu nhận biết” Một phần hai”, biết đọc, viết $\frac{1}{2}$ và làm bài tập 1.**

II. Chuẩn bị

- Các mảnh giấy hoặc bìa hình vuông, hình tròn, hình tam giác đều.

III. Các hoạt động

<u>Hoạt động của GV</u>	<u>Hoạt động của HS</u>
<p>A. <u>Khởi động</u> (1’)</p> <p>B. <u>Bài cũ</u> (3’) Bảng chia 2.</p> <p style="text-align: center;"><u>Giải</u></p> <p>Số kẹo mỗi bạn được chia là: $12 : 2 = 6$ (cái kẹo)</p> <p><u>Đáp số:</u> 6 cái kẹo.</p> <p>C. <u>Bài mới:</u></p> <p>1, <u>Giúp HS nhận biết “Một phần hai”</u></p> <p>* <u>Giới thiệu “Một phần hai” ($\frac{1}{2}$)</u></p> <p>HS quan sát hình vuông và nhận thấy:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình vuông được chia thành hai phần bằng nhau, trong đó có 1 phần được tô màu. Như thế là đã tô màu <u>một phần hai</u> hình vuông. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát hình vuông - HS viết: $\frac{1}{2}$ - HS lặp lại. - HS trả lời. Bạn nhận xét.

<p>- Hướng dẫn HS viết: 1/2; đọc: <i>Một phần hai</i>. <u>Kết luận:</u> <i>Chú ý:</i> 1/2 còn gọi là một nửa. 2: Thực hành <i>*Bài 1:</i> HS trả lời đúng đã tô màu 1/2 hình nào. - Gv nhận xét bài làm của HS Trò chơi: Đoán hình nhanh. - Hướng dẫn HS cách chơi. - Hình ở phần b) đã khoan vào 1/2 số con cá. - GV nhận xét – Tuyên dương. <u>D. Củng cố – Dặn dò (3')</u></p>	<p>HS 2 dãy thi đua đoán hình nhanh. (hình A); (hình C); (hình D) HS tiến hành chơi: Hình b đ khoan vào 1/2 số cá.</p>
--	---

Tiết 4. LUYỆN TỪ VÀ CÂU

TỪ NGỮ VỀ LOÀI CHIM. DẤU CHẤM, DẤU PHẨY

I. Mục tiêu:

- Nhận biết đúng tên một số loài chim vẽ trong tranh (BT1); điền đúng tên loài chim đã cho vào chỗ trống trong thành ngữ (BT2)
- Đặt dấu phẩy, dấu chấm vào chỗ thích hợp trong đoạn văn (BT3).

II. Chuẩn bị

- GV: Tranh minh họa các loài chim trong bài. Bài tập 2 viết vào băng giấy, thẻ từ ghi tên các loài chim. Bài tập 3 viết sẵn vào băng phụ.
- Nhận xét, đánh giá từng HS.

III. Các hoạt động

3. Bài mới

<u>Hoạt động của GV</u>	<u>Hoạt động của HS</u>
<p>A. Khởi động (1') B, Bài cũ: (3') Từ ngữ chỉ chim chóc. - Gọi 4 HS lên bảng. C. Bài mới: 1. Giới thiệu bài 2. Hướng dẫn làm bài * Bài 1: Treo tranh minh họa và giới thiệu: Đây là các loài chim thường có ở Việt Nam. Các con hãy quan sát kỹ từng hình và</p>	<p>Quan sát hình minh họa. - 3 HS lên bảng gắn từ: chào mào; 2- chim sẻ; 3- cò; 4- đại bàng; 5- vẹt; 6- sáo sậu; 7- cú mèo.</p>

<p>sử dụng thẻ từ gắn tên cho từng con chim được chụp trong hình.</p> <ul style="list-style-type: none">- Gọi HS nhận xét và chữa bài. <p>*Bài 2: GV gắn các băng giấy có ghi nội dung bài tập 2 lên bảng. Cho HS thảo luận nhóm. Sau đó lên gắn đúng tên các loài chim vào các câu thành ngữ.</p> <ul style="list-style-type: none">- Gọi HS nhận xét và chữa bài. <p>*Yêu cầu HS đọc.</p> <ul style="list-style-type: none">- GV giải thích các câu thành ngữ, tục ngữ cho HS hiểu: <p>*Bài 3 : Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì? Treo bảng phụ, gọi 1 HS đọc đoạn văn.</p> <ul style="list-style-type: none">- Gọi HS nhận xét, chữa bài.- Yêu cầu HS đọc lại đoạn văn.- Khi nào ta dùng dấu chấm? Sau dấu chấm chữ cái đầu câu được viết ntn? <p><i>D. Cùng cố – Dẫn dò (3')</i></p> <ul style="list-style-type: none">- Trò chơi: Tên tôi là gì?- GV nêu cách chơi và làm mẫu	<p>Đọc lại tên các loài chim.</p> <ul style="list-style-type: none">- Cả lớp nói tên loài chim theo tay GV chỉ.- Chia nhóm 4 HS thảo luận trong 5 phút.- Gọi các nhóm có ý kiến trước lên gắn từ. <p>a) quạ b) cú e) cắt c) vẹt d) khướu</p> <ul style="list-style-type: none">- Chữa bài.- HS đọc cá nhân, nhóm, đồng thanh. <p>1 HS lên bảng làm.</p> <ul style="list-style-type: none">- HS đọc lại bài.- Hết câu phải dùng dấu chấm. Chữ cái đầu câu phải viết hoa.- Vì chữ cái đứng sau không viết hoa.- Vì chữ cái đứng sau được viết hoa. <p>Ví dụ: HS 1: Mình tớ trắng muốt, tớ thường bơi lội, tớ biết bay. HS 2: Cậu là thiên nga.</p>
--	--

Tiết 1. Ôn Toán:

Thứ sáu ngày 3 tháng 2 năm 2015
TIẾT 88: LUYỆN TẬP

Tiết 2. Ôn Toán:

LUYỆN TẬP

A. MỤC TIÊU: * Qua tiết học giúp học sinh:

- Củng cố về biết giải bài toán và trình bày bài giải; biết thực hiện cộng trừ các số đo độ dài.
- Củng cố về viết phép tính thích hợp, làm được các bài tập 1, 2, 3, 4 trong bài .

B. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

* GV: Nội dung các bài tập... * HS : Vở bài tập toán...

C. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p><u>I. Kiểm tra bài cũ:</u></p> <p>- Gọi HS lên bảng làm, Dưới lớp làm bảng con.- Giáo viên nx cho điểm.</p>	<p>Tính: $17\text{cm} - 2\text{cm} = \dots$ $18\text{cm} - 1\text{cm} = \dots$</p>
<p><u>II. Dạy học bài mới:</u><i>1. Giới thiệu bài:</i></p> <p><i>2. Thực hành giải các bài tập.</i></p> <p>- GV hướng dẫn cho HS làm các bài tập</p>	<p>Bài tập.(Trang 32)</p> <p><u>Bài 1:</u> Tính:</p> <p>$5\text{ cm} + 3\text{ cm} = \dots$ $7\text{ cm} - 2\text{ cm} = \dots$</p>

- HS nêu số bài tập và yêu cầu từng bài.
- GV giao bài tập cho HS
- HS làm việc cá nhân với bài tập được giao.
- GV quan sát giúp đỡ HS yếu.
- HS làm xong chữa bài.

$$12 \text{ cm} + 6 \text{ cm} = \dots \quad 16 \text{ cm} - 4 \text{ cm} = \dots$$

$$3 \text{ cm} + 7 \text{ cm} = \dots \quad 15 \text{ cm} - 5 \text{ cm} = \dots$$

$$11 \text{ cm} + 8 \text{ cm} = \dots \quad 18 \text{ cm} - 7 \text{ cm} = \dots$$

Bài 2: Tóm tắt:

Có : 1...gà mẹ Bài giải
 Có : 10..gà con Số con gà có tất cả là:
 Có tất cả: ...con gà? $1 + 10 = 11$ (con gà)
Đáp số: 11con gà

Bài 3: Giải bài toán theo tóm tắt sau:

Bài giải
 Số bạn có tất cả là:
 $6 + 4 = 10$ (bạn)
 Đáp số: 10 bạn

Bài 4: Đố vui:

Viết số thích hợp vào mỗi hình tròn để khi cộng các số trên mỗi đoạn thẳng đều có kết quả bằng 10.: Điền số 7; số 2; số 1

III. Củng cố - Dẫn dờ:

- GV nhận xét giờ học

Tiết 3+4. Ôn Tiếng việt.

BÀI 94 : OANG– OẪNG

- I. Mục tiêu:**
- HS hiểu được cấu tạo các vần oang, oăng, các tiếng: hoang, hoăng.
 - Phân biệt được sự khác nhau giữa vần oang, oăng.
 - Đọc và viết đúng các vần oang, oăng, các từ: vỡ hoang, con hoăng.
 - Đọc được từ và câu ứng dụng.
 - Phát triển lời nói tự nhiên theo chủ đề: áo choàng, áo len, áo sơ mi.

***GT: Giảm một số câu hỏi ở phần luyện nói.**

II. Đồ dùng dạy học:

- Tranh minh họa từ khóa, tranh minh họa câu ứng dụng.
- Tranh minh họa luyện nói: áo choàng, áo len, áo sơ mi.
- Bộ ghép vần của GV và học sinh.

III. Các hoạt động dạy học :

Hoạt động GV	Hoạt động HS
--------------	--------------

<p>1. <u>KTBC</u> : Hỏi bài trước. Đọc sách kết hợp bảng con. Viết bảng con. GV nhận xét chung.</p> <p>2. <u>Bài mới</u>: GV giới thiệu tranh rút ra vần oang, ghi bảng. Gọi 1 HS phân tích vần oang. Lớp cài vần oang. GV nhận xét. HD đánh vần vần oang.</p> <p>Có oang, muốn có tiếng hoang ta làm thế nào? Cài tiếng hoang. GV nhận xét và ghi bảng tiếng hoang. Gọi phân tích tiếng hoang. GV hướng dẫn đánh vần tiếng hoang.</p> <p>Dùng tranh giới thiệu từ “vỡ hoang”. Hỏi: Trong từ có tiếng nào mang vần mới học. Gọi đánh vần tiếng hoang, đọc trơn từ vỡ hoang. Gọi đọc sơ đồ trên bảng. Vần 2 : vần oang (dạy tương tự) So sánh 2 vần Đọc lại 2 cột vần. Gọi học sinh đọc toàn bảng.</p> <p>Hướng dẫn viết bảng con: oang, vỡ hoang, oang, con hoang. GV nhận xét và sửa sai. <u>Đọc từ ứng dụng</u>. Giáo viên đưa tranh, mẫu vật hoặc vật thật để giới thiệu từ ứng dụng, có thể giải nghĩa từ (nếu thấy cần), rút từ ghi bảng. Áo choàng, oang oang, liến thoắng, dài ngoằng. Gọi đánh vần các tiếng có chứa vần mới học và đọc trơn các từ trên. Đọc sơ đồ 2. Gọi đọc toàn bảng.</p> <p>3. <u>Củng cố tiết 1</u>: Hỏi vần mới học.</p>	<p>Học sinh nêu tên bài trước. HS cá nhân 6 -> 8 em N1 : bản khoãn; N2 : cây xoan.</p> <p>HS phân tích, cá nhân 1 em Cài bảng cài.</p> <p>o – a – ng – oang . CN 4 em, đọc trơn 4 em, nhóm. Thêm âm h đứng trước vần oang.</p> <p>Toàn lớp.</p> <p>CN 1 em. Hờ – oang – hoang. CN 4 em, đọc trơn 4 em, 2 nhóm ĐT.</p> <p>Tiếng hoang. CN 4 em, đọc trơn 4 em, nhóm.</p> <p>CN 2 em Giống nhau : kết thúc bằng ng Khác nhau : oang bắt đầu bằng oă. 3 em 1 em.</p> <p style="text-align: right;">Nghỉ giữa tiết.</p> <p>Toàn lớp viết.</p> <p>Học sinh quan sát và giải nghĩa từ cùng GV.</p> <p>HS đánh vần, đọc trơn từ, CN vài em. CN 2 em. CN 2 em, đồng thanh.</p> <p>Vần oang, oang</p>
---	---

<p>Đọc bài. Tìm tiếng mang vần mới học. NX tiết 1 Tiết 2 Luyện đọc bảng lớp : Đọc vần, tiếng, từ lộn xộn <u>Luyện đọc câu ứng dụng</u>: GT tranh rút câu ghi bảng: Cô dạy em tập viết Gió đưa thoảng hương nhài Nắng ghé vào cửa lớp Xem chúng em học bài. GV nhận xét và sửa sai. <u>Luyện nói</u>: Chủ đề: “áo choàng, áo len, áo sơ mi”. GV treo tranh và gợi ý bằng hệ thống câu hỏi, giúp học sinh nói tốt theo chủ đề “Ào choàng, áo len, áo sơ mi”. GV giáo dục TTTcảm. Đọc sách kết hợp bảng con. GV đọc mẫu 1 lần. GV nhận xét. Luyện viết vở TV. GV thu vở một số em để chấm. Nhận xét cách viết. 4.<u>Củng cố</u> : Gọi đọc bài. 5.<u>Nhận xét, dặn dò</u>: Học bài, xem bài ở nhà, tự tìm từ mang vần vừa học.</p>	<p>CN 2 em Đại diện 2 nhóm. CN 6 -> 7 em, lớp đồng thanh. HS tìm tiếng mang vần mới học trong câu ứng dụng, Đọc trơn tiếng 4 em, đọc trơn toàn câu và bài 5 em, đồng thanh lớp. Học sinh nói theo hướng dẫn của Giáo viên. Học sinh khác nhận xét. HS đọc nối tiếp kết hợp đọc bảng con 4 em. Học sinh lắng nghe. Toàn lớp. CN 1 em Học sinh nêu một số kiểu (loại áo) và cho biết các loại áo đó được mặc vào lúc thời tiết như thế nào.</p>
---	--

TUẦN 23

Thứ hai ngày 2 tháng 2 năm 2015

Tiết 1. Ôn Toán

TIẾT 88: LUYỆN TẬP

I. MỤC TIÊU:Giúp HS:

- Rèn luyện kỹ năng giải toán và trình bày bài giải của bài toán có lời văn.
- Thực hiện phép cộng, phép trừ các số đo độ dài với đơn vị đo xăngtimét.
- Giáo dục lòng ham học Toán.

II. CHUẨN BỊ: - GV:Chọn mô hình phù hợp với nội dung các bài tập trong bài.

- HS: • Bộ học toán • Bảng con, phấn, SGK.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p>I.KIỂM TRA:Có 4 bạn nam và 5 bạn nữ. Hỏi có tất cả bao nhiêu bạn? - GV nhận xét và ghi điểm</p> <p>II BÀI MỚI</p> <p>*Thực hành:GVHDHS thực hành làm các bài tập:</p> <p>-Bài 1: GV cho HS tự đọc bài toán, quan sát tranh vẽ. - Cho HS tự tóm tắt và viết số thích hợp vào chỗ chấm để có tóm tắt bài toán. Sau đó HS nêu câu lời giải. Nên cho HS trao đổi ý kiến, lựa chọn câu lời giải thích hợp nhất rồi viết vào bài giải. - Cho HS nhận xét, chữa bài tập - GV chấm một số vở .</p> <p>- Bài 2: Cho HS thực hiện tương tự như bài 1 để có bài giải đúng . - Cho HS nhận xét, chữa bài tập.</p> <p>- Bài 3:. GV cho HS thực hiện tương tự bài 1 - Cho HS nhận xét, chữa bài tập.</p> <p>- Bài 4: Hướng dẫn cách cộng trừ 2 số đo độ dài rồi cho HS thực hiện tính - Nhận xét, chữa.</p> <p>III. Củng cố - Dặn dò: * GV nhận xét giờ học.</p>	<p>1 em lên bảng làm bài giải;</p> <p>- Bài 1: Tóm tắt Có : 4 bóng xanh Có : 5 bóng đỏ Có tất cả :quả bóng? Bài giải Số quả bóng của An có tất cả là: $4 + 5 = 9$ (quả) Đáp số: 9 quả bóng.</p> <p>- Bài 2: Bài giải Số bạn của tổ em có tất cả là: $5 + 5 = 10$ (bạn) Đáp số: 10bạn</p> <p>- Bài 3: (còn thời gian thì làm) Bài Số gà có tất cả là: $2 + 5 = 7$(con) Đáp số: 7 con.</p> <p>- Bài 4: <i>Tính theo mẫu:</i> - HS thực hành cộng trừ theo mẫu.</p>

Tiết 2+3. Ôn Tiếng việt.

BÀI 95 : OANH– OACH

- I.Mục tiêu:** -HS hiểu được cấu tạo các vần oanh, oach, các tiếng: doanh, hoạch.
-Phân biệt được sự khác nhau giữa vần oanh, oach.
-Đọc và viết đúng các vần oanh, oach, các từ: doanh trại, thu hoạch.
-Đọc được từ và câu ứng dụng.
-Phát triển lời nói tự nhiên theo chủ đề: Nhà máy, cửa hàng, doanh trại.

***GT:** *Giảm một số câu hỏi ở phần luyện nói.*

II. Đồ dùng dạy học:

- Tranh minh họa từ khóa, tranh minh họa câu ứng dụng.
- Tranh minh họa luyện nói: Nhà máy, cửa hàng, doanh trại.
- Bộ ghép vần của GV và học sinh.

III. Các hoạt động dạy học :

Hoạt động GIÁO VIÊN	Hoạt động HS
<p>1. <u>KTBC</u> : Hỏi bài trước. Đọc sách kết hợp bảng con. Viết bảng con. GV nhận xét chung.</p> <p>2. <u>Bài mới</u>: GV giới thiệu tranh rút ra vần oanh, ghi bảng. Gọi 1 HS phân tích vần oanh. Lớp cài vần oanh. GV nhận xét. HD đánh vần vần oanh.</p> <p>Có oanh, muốn có tiếng doanh ta làm thế nào? Cài tiếng doanh. GV nhận xét và ghi bảng tiếng doanh. Gọi phân tích tiếng doanh. GV hướng dẫn đánh vần tiếng doanh.</p> <p>Dùng tranh giới thiệu từ “doanh trại”. Hỏi: Trong từ có tiếng nào mang vần mới học. Gọi đánh vần tiếng doanh, đọc trơn từ doanh trại. Gọi đọc sơ đồ trên bảng. Vần 2 : vần oach (dạy tương tự) So sánh 2 vần</p> <p>Đọc lại 2 cột vần. Gọi học sinh đọc toàn bảng.</p> <p>Hướng dẫn viết bảng con: oanh, doanh trại, oach, thu hoạch. GV nhận xét và sửa sai.</p> <p><u>Đọc từ ứng dụng</u>. Giáo viên đưa tranh, mẫu vật hoặc vật thật để giới thiệu từ ứng dụng, có thể giải nghĩa từ (nếu thấy cần), rút từ ghi bảng.</p>	<p>Học sinh nêu tên bài trước. HS cá nhân 6 -> 8 em N1 : sáng choang; N2 : dài ngoẵng.</p> <p>HS phân tích, cá nhân 1 em Cài bảng cài.</p> <p>o – a – nh – oanh . CN 4 em, đọc trơn 4 em, nhóm. Thêm âm d đứng trước vần oanh.</p> <p>Toàn lớp. CN 1 em. Dờ – oanh – doanh. CN 4 em, đọc trơn 4 em, 2 nhóm ĐT.</p> <p>Tiếng doanh. CN 4 em, đọc trơn 4 em, nhóm.</p> <p>CN 2 em</p> <p>Giống nhau : bắt đầu bằng oa. Khác nhau : oach kết thúc bằng ch. 3 em 1 em.</p> <p style="text-align: right;">Nghỉ giữa tiết.</p> <p>Toàn lớp viết.</p> <p>Học sinh quan sát và giải nghĩa từ cùng GV.</p>

Khoanh tay, mới toanh, kế hoạch, loạch xoạch.
Gọi đánh vần các tiếng có chứa vần mới học và đọc trơn các từ trên.

Đọc sơ đồ 2.

Gọi đọc toàn bảng.

3. Củng cố tiết 1:

Hỏi vần mới học.

Đọc bài.

Tìm tiếng mang vần mới học.

NX tiết 1

Tiết 2

Luyện đọc bảng lớp :

Đọc vần, tiếng, từ lộn xộn

Luyện đọc câu ứng dụng: GT tranh rút câu ghi bảng:

Chúng em tích cực thu gom giấy, sắt vụn để làm kế hoạch nhỏ.

GV nhận xét và sửa sai.

Luyện nói: Chủ đề: Nhà máy, cửa hàng, doanh trại.

GV treo tranh và gợi ý bằng hệ thống câu hỏi, giúp học sinh nói tốt theo chủ đề “Nhà máy, cửa hàng, doanh trại.”

GV giáo dục TTTcảm.

Đọc sách kết hợp bảng con.

GV đọc mẫu 1 lần.

GV nhận xét cho điểm.

Luyện viết vở TV.

GV thu vở một số em để chấm điểm.

Nhận xét cách viết.

4. Củng cố : Gọi đọc bài.

5. Nhận xét, dẫn dò: Học bài, xem bài ở nhà, tự tìm từ mang vần vừa học.

HS đánh vần, đọc trơn từ, CN vài em.

CN 2 em.

CN 2 em, đồng thanh.

Vần oanh, oach

CN 2 em

Đại diện 2 nhóm.

CN 6 -> 7 em, lớp đồng thanh.

HS tìm tiếng mang vần mới học trong câu ứng dụng, Đọc trơn tiếng và câu 5 em, đồng thanh lớp.

Học sinh nói theo hướng dẫn của Giáo viên.

Học sinh khác nhận xét.

HS đọc nối tiếp kết hợp đọc bảng con 4 em.

Học sinh lắng nghe.

Toàn lớp.

CN 1 em

Thứ ba ngày 03 tháng 2 năm 2015

Tiết 1.TOÁN:

Tiết 111: SỐ BỊ CHIA – SỐ CHIA – THƯƠNG

I. Mục tiêu:

1.Kiến thức: Giúp HS bước đầu:

- Biết tên gọi theo vị trí, thành phần và kết quả của phép chia.
- Cùng cố cách tìm kết quả của phép chia.

2.Kỹ năng: Nói đúng tên gọi từng thành phần và kết quả của phép chia; làm toán đúng, thành thạo.

II. Chuẩn bị : Bảng phụ ghi sẵn bài tập 1, 3 SGK; phiếu bài tập 1, 3 SGK.

III. Các hoạt động dạy-học chủ yếu:

Hoạt động của giáo viên.	Hoạt động của học sinh.
<p><u>A.Kiểm tra bài cũ :</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi 2HS lên bảng làm bài tập 2/111 - 1 HS đọc bảng chia 2 <p><u>B. Bài mới :</u></p> <p><u>1. Giới thiệu bài:</u> .</p> <p><u>2. Giảng bài:</u></p> <p>* <i>Hoạt động 1:</i> Giới thiệu tên các thành phần và kết quả của phép chia.</p> <p>a. Nêu phép chia: $6 : 2$, yêu HS tìm kết quả. Chỉ vào từng số trong phép chia và nêu tên</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu: Kết quả của phép chia gọi là thương <p>* <i>Lưu ý:</i> $6 : 2$ cũng gọi là thương.</p> <p>* HS nêu ví dụ về phép chia, gọi tên từng thành phần trong phép chia đó.</p> <p>*<i>Hoạt động 2:</i> Thực hành.</p> <p><i>Bài 1-</i> Gọi 1 HS nêu yêu cầu bài tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn làm mẫu 1 dòng. - TỰ các dòng còn lại gọi 2 HS lên bảng làm.. <p>* Cùng cố thành phần tên gọi kết quả của phép chia</p> <p><i>Bài 2 :</i> Tính nhẩm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu học sinh tính nhẩm nêu miệng kết quả <p>* Cùng cố cách tìm kết quả của phép chia</p> <p><i>Bài 3:</i>Gọi 1 HS nêu yêu cầu bài tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn bài mẫu (như SGK). - Từ 1 phép nhân có thể lập được bao nhiêu phép chia tương ứng. <p>* Cùng cố thành phần tên gọi kết quả của phép chia và cách tính kết quả của phép chia</p> <p><u>3. Cùng cố – Dẫn dò :</u></p>	<ul style="list-style-type: none"> - 2 HS lên bảng - Cả lớp làm vào bảng con. - 1 HS đọc bài <p>Tìm kết quả phép chia $6 : 2 = 3$. Đọc: Sáu chia hai bằng ba.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vài HS nhắc lại. - Nêu ví dụ và gọi tên từng thành phần trong phép chia. <ul style="list-style-type: none"> - Tính rồi điền số thích hợp vào ô trống (theo mẫu). - 2 HS lên bảng <p>HS nói tiếp nhau nêu kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết phép chia và số thích hợp vào ô trống (theo mẫu). - Từ phép nhân có thể lập được 2 phép chia tương ứng. - HS lên bảng làm bài.

- Cho HS nhắc lại tên gọi từng thành phần và kết quả của phép chia

- Vài HS nêu

Tiết 2. TẬP ĐỌC

BÁC SĨ SÓI

I. Mục tiêu:

- Đọc trôi chảy, lưu loát toàn bài. Biết nghỉ hơi hợp lí sau các dấu chấm, dấu phẩy và giữa các cụm từ. Biết đọc phân biệt lời người kể với lời nhân vật.

- Hiểu nghĩa các từ ngữ: khoan thai, phát hiện, bình tĩnh, làm phúc.

- Hiểu nội dung truyện: Sói gian ngoan bày kế định hại Ngựa để ăn thịt, không ngờ Ngựa thông minh dùng kế để trị lại.

- Giáo dục: Tính chân thật, nhân từ.

***Kĩ năng sống: Ứng phó với căng thẳng.**

II. Chuẩn bị:

+ Tranh minh hoạ bài đọc

+ Bảng phụ chép sẵn câu văn cần luyện đọc.

III. Các hoạt động dạy-học chủ yếu:

Tiết 1

Hoạt động của giáo viên.	Hoạt động của học sinh.
<p>A. <u>Kiểm tra bài cũ</u> :</p> <p>B. <u>Bài mới</u>:</p> <p>1. <u>Giới thiệu bài</u>:</p> <p>2. <u>Luyện đọc</u>:</p> <p>a- Giáo viên đọc mẫu toàn bài.</p> <p>b. Đọc từng câu:</p> <p>d. Đọc từng đoạn trong nhóm.</p> <p>e. Thi đọc giữa các nhóm.</p> <p>j. 1 HS đọc toàn bài</p> <p>*<u>Hướng dẫn tìm hiểu bài</u></p> <p>- Tả lại cảnh Sói bị Ngựa đá? (G)</p> <p>Đính tranh lên bảng</p> <p>- Chọn một tên khác cho câu chuyện theo gợi ý?(HS thảo luận cặp đôi thời gian 1 phút)</p> <p>- Qua câu này khuyên chúng ta điều gì ? (kg)</p> <p>* <u>Luyện đọc lại</u>.</p> <p>- Chia 4 nhóm, tổ chức phân vai (Người dẫn</p>	<p>- 2 HS đọc, mỗi em đọc 1 đoạn và trả lời câu hỏi .</p> <p>- Theo dõi bài đọc ở SGK.</p> <p>- Tiếp nối nhau đọc từng câu</p> <p>- Tiếp nối nhau đọc từng đoạn</p> <p>Đọc từng đoạn trong nhóm</p> <p>-Đại diện các nhóm thi đọc.</p> <p>+ Sói tưởng đánh lừa được Ngựa, mon nem lại phía sau Ngựa, Ngựa thấy Sói cúi xuống đúng tầm, ..., kính vỡ tan, mũ văng ra.</p> <p>+ Sói và Ngựa:</p> <p>+ Lừa người lại bị người lừa:</p> <p>+ Anh Ngựa thông minh: Vì đó là tên của nhân vật đáng được ca ngợi trong truyện.</p> <p>+ Khuyên chúng ta bình tĩnh đối phó với những kẻ độc ác, giả nhân, giả nghĩa.</p>

chuyện, Sói, Ngựa),thi đọc lại toàn truyện. - Cả lớp và giáo viên nhận xét, bình chọn nhóm và cá nhân đọc tốt nhất. 3. <u>Củng cố – Dặn dò</u> : - Em thích nhân vật nào trong truyện? Vì sao? (CL)	- HS đọc theo vai Cả lớp suy nghĩ và trả lời
--	---

Tiết 3.KÊ CHUYỆN

BÁC SĨ SÓI

I. Mục tiêu:

1. Rèn kĩ năng nói:

-Dựa vào trí nhớ và tranh, kể lại được từng đoạn câu chuyện.

- Biết dựng lại câu chuyện cùng các bạn trong nhóm.

2. Rèn kĩ năng nghe: Lắng nghe bạn kể chuyện; biết nhận xét, đánh giá lời kể của bạn; kể tiếp được lời của bạn.

3. Giáo dục : HS có thái độ chân tình với bạn.

II. Chuẩn bị: 4 tranh minh họa trong SGK.

III. Các hoạt động dạy-học chủ yếu:

Hoạt động của giáo viên.	Hoạt động của học sinh.
<p><u>A. Kiểm tra bài cũ:</u></p> <p>- Gọi 2 HS tiếp nối nhau kể lại từng đoạn câu chuyện “ Một trí khôn hơn trăm trí khôn”.</p> <p><u>B. Bài mới:</u></p> <p>1.Giới thiệu bài:</p> <p>2. <u>Giảng bài:</u></p> <p>* <u>Hoạt động 1:</u> Dựa vào tranh kể lại từng đoạn câu chuyện.</p> <p>- Gọi HS đọc yêu cầu của bài.</p> <p>- Treo tranh trên bảng lớp, hướng dẫn HS quan sát, tóm tắt các sự việc trong mỗi tranh:</p> <p>+ Tranh 1 vẽ cảnh gì?</p> <p>+ Ở tranh 2, Sói thay đổi hình dáng thế nào?</p> <p>+ Tranh 3 vẽ cảnh gì?</p> <p>+ Tranh 4 vẽ cảnh gì?</p> <p>- Yêu cầu HS nhìn tranh, tập kể 4 đoạn của câu chuyện trong nhóm.</p> <p>- Tổ chức thi kể chuyện giữa các nhóm</p> <p>- Cả lớp và GV nhận xét, bình chọn cá nhân và nhóm kể tốt nhất.</p>	<p>- 2 HS kể, mỗi em kể 1 đoạn.</p> <p>- 1 HS đọc. Cả lớp đọc thầm .</p> <p>- Quan sát, trả lời.</p> <p>+ Ngựa gặm cỏ, Sói đang rỏ dãi vì thèm thịt Ngựa.</p> <p>+ Sói mặc áo khoác trắng, đội mũ thêu chữ thập đỏ, đeo ống nghe, đeo kính, giả làm bác sĩ.</p> <p>+ Sói ngon ngọt dụ dỗ, mon men tiến lại gần Ngựa, Ngựa nhón nhón chân chuẩn bị đá.</p> <p>+ Ngựa tung vó đá một cú trời giáng, Sói bật ngựa, bốn cẳng hươ giữa trời, mũ văng ra, ...</p> <p>- Kể trong nhóm.</p>

<p>* <i>Hoạt động 2</i>: Phân vai, dựng lại câu chuyện.(KG) - Lưu ý HS về cách thể hiện điệu bộ, giọng nói của từng vai. - Thi dựng lại câu chuyện trước lớp. - Cả lớp và GV nhận xét, bình chọn cá nhân kể hay nhất. 3. <u>Củng cố – Dặn dò</u>: Truyện “ Bác sĩ Sói” muốn nói với các em điều gì?</p>	<p>- 4 HS đại diện 4 nhóm thi kể chuyện. - Các nhóm phân vai dựng lại câu chuyện (người dẫn chuyện, Ngựa, Sói). - 3 HS đại diện cho 3 nhóm cùng dựng lại truyện. - Trả lời.</p>
---	--

Tiết 4. Rèn chữ:

BÁC SĨ SÓI

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức: Giúp HS nghe viết chính xác bài tóm tắt truyện “ Bác sĩ Sói”.
2. Kỹ năng: HS viết đúng chính tả, trình bày bài viết đúng, đẹp.
3. Giáo dục: hs yêu thích môn học.

II. Chuẩn bị

Bảng phụ chép nội dung các bài tập

III. Các hoạt động dạy-học chủ yếu:

Hoạt động của giáo viên.	Hoạt động của học sinh.
<p>A. <u>Kiểm tra bài cũ</u> :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi 1 HS lên bảng viết: lộn ruộng, bắt tép, bụi rậm, vát vả. <p>B. <u>Bài mới</u> :</p> <p>1. <u>Giới thiệu bài</u>:</p> <p>2. <u>Hướng dẫn chính tả</u></p> <p>a. <u>Hướng dẫn HS chuẩn bị</u>:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc bài viết 1 lần. - Tìm tên riêng trong đoạn viết? - Lờ của Sói được đặt trong dấu gì? - Yêu cầu HS tìm đọc các từ khó viết trong bài. - GV đọc cho HS viết một số từ khó viết: chữa, mưu, tung vó, trời giáng, ... <p>b. <u>HS viết bài vào vở</u>: - Theo dõi nhắc nhở</p> <p>c. <u>Nhận xét – Chữa lỗi</u>:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc từng câu cho học sinh dò theo chấm lỗi. - Thu 7-8 bài để nhận xét <p>2: <u>Hướng dẫn HS làm bài tập</u>.</p> <p>* <u>Bài 2b</u>:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chọn chữ trong ngoặc đơn điền vào 	<ul style="list-style-type: none"> - Lớp viết vào bảng con. - Lắng nghe. - 1HS đọc lại. + Ngựa, Sói. + Đặt trong dấu ngoặc kép, sau dấu hai chấm. - Một số HS nêu từ khó viết. - 1 HS lên bảng viết - Lớp viết vào bảng con. - viết bài vào vở chính tả. - Đổi vở chấm lỗi.

<p>chỗ trống.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn HS làm bài. - Gọi 2 HS đại diện 2 nhóm lên bảng làm thi đua. - Nhận xét, tuyên dương nhóm thắng cuộc <p>* Bài 3b: Gọi 1 HS nêu yêu cầu bài tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - gv kẻ bảng 3 phần, gọi 3 nhóm lên làm bài theo cách tiếp sức - gọi đại diện các nhóm lên đọc kết quả. - Nhận xét, tuyên dương. <p>3. <u>Củng cố – Dẫn dò</u> :</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc yêu cầu bài - Theo dõi. - Lớp làm vào vở. + ước mong, khăn ướt. + lần lượt, cái lược. + Thi tìm nhanh các từ. <p>Làm việc theo nhóm</p> <ul style="list-style-type: none"> - 4 em đại diện 4 nhóm lên đính bài giải lên bảng.
--	--

Thứ tư ngày 4 tháng 2 năm 2015

Tiết 1. Ôn Tiếng việt

BÀI 96 : OAT - OẮT

- I. Mục tiêu:**
- HS hiểu được cấu tạo các vần oat, oắt, các tiếng: hoạt, choắt.
 - Phân biệt được sự khác nhau giữa vần oat, oắt.
 - Đọc và viết đúng các vần oat, oắt, các từ: hoạt hình, loắt choắt.
 - Đọc được từ và câu ứng dụng.
 - Phát triển lời nói tự nhiên theo chủ đề: Phim hoạt hình.

***GT: Giảm một số câu hỏi ở phần luyện nói**

II. Đồ dùng dạy học:

- Tranh minh họa từ khóa, tranh minh họa câu ứng dụng.
- Tranh minh họa luyện nói: Phim hoạt hình.
- Bộ ghép vần của GV và học sinh.

III. Các hoạt động dạy học :

Hoạt động GV	Hoạt động HS
<p>1. <u>KTBC</u> : Hỏi bài trước. Đọc sách kết hợp bảng con. Viết bảng con. GV nhận xét chung.</p> <p>2. <u>Bài mới</u>: GV giới thiệu tranh rút ra vần oat, ghi bảng. Gọi 1 HS phân tích vần oat. Lớp cài vần oat. GV nhận xét. HD đánh vần vần oat.</p> <p>Có oat, muốn có tiếng hoạt ta làm thế nào? Cài tiếng hoạt. GV nhận xét và ghi bảng tiếng hoạt.</p>	<p>Học sinh nêu tên bài trước. HS cá nhân 6 -> 8 em N1 : khoanh tay; N2 : thu hoạch.</p> <p>HS phân tích, cá nhân 1 em Cài bảng cài. o – a – tờ – oat . CN 4 em, đọc tron 4 em, nhóm. Thêm âm h đứng trước vần oat và thanh nặng dưới âm a. Toàn lớp. CN 1 em. Hờ – oat – hoạt – nặng – hoạt.</p>

<p>Gọi phân tích tiếng hoạt. GV hướng dẫn đánh vần tiếng hoạt. Dùng tranh giới thiệu từ “hoạt hình”. ?Trong từ có tiếng nào mang vần mới học. - đánh vần tiếng hoạt, đọc trơn từ hoạt hình. Gọi đọc sơ đồ trên bảng. Vần 2 : vần oăt (dạy tương tự) So sánh 2 vần Đọc lại 2 cột vần. Gọi học sinh đọc toàn bảng.</p> <p>Hướng dẫn viết bảng con: oat, hoạt hình, oăt, loắt choắt. GV nhận xét và sửa sai. <u>Đọc từ ứng dụng.</u> Giáo viên đưa tranh, mẫu vật hoặc vật thật để giới thiệu từ ứng dụng, có thể giải nghĩa từ (nếu thấy cần), rút từ ghi bảng. Lưu loắt, đoạt giải, chồ ngoắt, nhọn hoắt. Gọi đánh vần các tiếng có chứa vần mới học và đọc trơn các từ trên. Đọc sơ đồ 2. Gọi đọc toàn bảng. 3.<u>Củng cố tiết 1:</u> Hỏi vần mới học. Đọc bài. Tìm tiếng mang vần mới học. NX tiết 1</p> <p style="text-align: center;">Tiết 2</p> <p>Luyện đọc bảng lớp : Đọc vần, tiếng, từ lộn xộn <u>Luyện đọc câu và đoạn ứng dụng:</u> GT tranh rút câu, đoạn ghi bảng: Thoắt một cái, Sóc Bông đã leo lên ngọn cây. Đó là chú bé hoạt bát nhất của cánh rừng. Giáo viên đọc mẫu, cho học sinh chỉ vào chữ theo lời đọc của giáo viên. GV nhận xét và sửa sai. <u>Luyện nói:</u> Chủ đề: “Phim hoạt hình”. GV treo tranh và gợi ý bằng hệ thống câu hỏi, giúp học sinh nói tốt theo chủ đề “Phim hoạt hình”.</p>	<p>CN 4 em, đọc trơn 4 em, 2 nhóm ĐT. Tiếng hoạt. CN 4 em, đọc trơn 4 em, nhóm. CN 2 em Giống nhau : kết thúc bằng t. Khác nhau : oăt bắt đầu bằng oă. 3 em 1 em. Nghỉ giữa tiết. Toàn lớp viết Học sinh quan sát và giải nghĩa từ cùng GV. HS đánh vần, đọc trơn từ, CN vài em. CN 2 em. CN 2 em, đồng thanh. Vần oat, oăt. CN 2 em Đại diện 2 nhóm. CN 6 -> 7 em, lớp đồng thanh. Học sinh chỉ vào chữ theo lời đọc của giáo viên. Học sinh đọc từng câu có ngắt hơi ở dấu phẩy, đọc liền 2 câu có ngắt hơi ở dấu chấm (đọc đồng thanh, đọc cá nhân). Thi đọc cả đoạn giữa các nhóm (chú ý ngắt, nghỉ hơi khi gặp dấu câu) Học sinh nói theo hướng dẫn của Giáo</p>
--	--

<p>+ Em thấy cảnh gì ở tranh? + Trong cảnh đó em thấy những gì? + Có ai trong cảnh? Họ đang làm gì? Giáo viên nhận xét luyện nói của học sinh. GV giáo dục TTTcảm. Đọc sách kết hợp bảng con.GV đọc mẫu 1 lần. GV Nhận xét cho điểm. Luyện viết vở TV. GV thu vở một số em để chấm điểm. Nhận xét cách viết. 4.<u>Củng cố</u> : Gọi đọc bài. <u>Trò chơi</u>: Tìm vần tiếp sức: GV nhận xét trò chơi. 5.<u>Nhận xét, dặn dò</u>: Học bài, xem bài ở nhà, tự tìm từ mang vần vừa học.</p>	<p>viên. Học sinh khác nhận xét. Học sinh tự nói theo chủ đề. HS đọc nối tiếp kết hợp đọc bảng con 6 em. Toàn lớp. CN 1 em Đại diện 2 nhóm mỗi nhóm 10 học sinh lên chơi trò chơi. Học sinh dưới lớp cổ vũ tinh thần các bạn trong nhóm chơi. Học sinh khác nhận xét.</p>
--	---

Tiết 2. Ôn Tiếng việt

BÀI 97 : ÔN TẬP

I.Mục tiêu: Sau bài học học sinh có thể:

- Hiểu được cấu tạo các vần đã học.
- Đọc và viết một cách chắc chắn các vần oa, oe, oai, oay, oan, oăn, oang, oăng, oanh, oach, oat, oăt.
- Đọc được từ và câu ứng dụng trong bài, các từ, câu có chứa vần đã học.
- Nghe, hiểu và kể lại theo tranh câu chuyện kể: Chú Gà Trống khôn ngoan.

***GT: Chưa yêu cầu tất cả HS kể chuyện trong mục kể chuyện.**

II.Đồ dùng dạy học:

- Bảng ôn tập trong SGK.
- Tranh minh họa các từ, câu ứng dụng, chuyện kể.

III.Các hoạt động dạy học :

<i>HOẠT ĐỘNG CỦA GV</i>	<i>HOẠT ĐỘNG CỦA HS</i>
<p>I.Bài cũ -GV nhận xét và ghi điểm II. Bài mới 1 Giới thiệu bài: 2.Ôn tập: a, <u>Ôn các vần</u>: oa, oe - GV ghi các vần đã học lên bảng ôn đã kẻ sẵn. b,<u>Học bài ôn</u>:</p>	<p>- 2 HS đọc lại bài tiết trước HS đọc to các vần ở dòng đầu tiên ở mỗi bài. - Cho lớp đọc đồng thanh bảng ôn tập sau khi đã ghép xong...</p>

<ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, tuyên dương. - Cho HS đọc trơn từ : <p>*GV yêu cầu HS viết vào vở ô li một số từ ngữ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS viết vào vở tập viết. <p>*GV treo tranh minh họa câu chuyện lên bảng và yêu cầu HS nêu tên câu chuyện</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV kể chuyện theo tranh - GV đặt các câu hỏi - Nhận xét tuyên dương. <p>III. Củng cố- Dặn dò</p> <ul style="list-style-type: none"> * Cho HS đọc lại bài ôn và từ ứng dụng. - Dặn dò về nhà xem trước bài 98. 	<p>HS đọc : Một em chỉ vào bảng ôn, một em đọc theo tay chỉ của bạn.</p> <p>khoa học, ngoan ngoãn, khai hoang.</p> <p>Hoa đào ưa rét Lắm tấm mưa bay Hoa mai chỉ say Nắng pha chút gió Hoa đào thắm đỏ Hoa mai dát vàng.</p> <p><i>ngoan ngoãn, khai hoang.</i></p> <p>* Chú Gà Trống khôn ngoan.</p> <p>HS trả lời theo tranh vẽ:</p>
--	--

Tiết 3.Ôn Toán: TIẾT 89:VẼ ĐOẠN THẲNG CÓ ĐỘ DÀI CHO TRƯỚC

I. Mục tiêu:

Biết dùng thước có chia vạch xăng – ti – met vẽ đoạn thẳng có độ dài dưới 10cm.

II. Chuẩn bị:

1. Giáo viên:Thước có vạch chia thành từng xăng ti met.
2. Học sinh:Thước có vạch chia cm, bảng con.

III. Hoạt động dạy và học:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. <u>Ôn định:</u></p> <p>2. <u>Kiểm tra bài cũ: Luyện tập.</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đọc đề toán: Có 5 quyển vở Và 5 quyển sách Có tất cả ... quyển - Nhận xét,. <p>3. <u>Bài mới:</u></p> <p>a) <u>Giới thiệu bài:</u> - Ghi bảng tựa bài.</p> <p>b) <u>Hoạt động 1: Hướng dẫn học sinh thực hiện các thao tác vẽ đoạn thẳng có độ dài cho trước.</u></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hát. - Học sinh giải vào nháp. - 2 học sinh làm bảng lớp. - Nhận xét, sửa chữa. - HS nối tiếp nhắc lại. - Học sinh theo dõi theo

<p>- GV có thể làm lại thao tác với đoạn thẳng có độ dài khác.</p> <p>c) Hoạt động 2: Thực hành</p> <p>* Bài 1: GV nêu yêu cầu BT1.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS nhắc lại cách vẽ. - Lưu ý hsinh dùng chữ cái in hoa để đặt tên đoạn thẳng. - Giáo viên theo dõi giúp đỡ các em chậm. <p>- Gọi 4HS lên vẽ trên bảng lớp, nhận xét(ghi điểm).</p> <p>* Bài 2: GV nêu yêu cầu bài 2.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi học sinh đọc tóm tắt. - GV hỏi: - Nêu cách trình bày bài giải. <p style="text-align: center;">Bài giải Cả hai đoạn thẳng dài là: $5 + 3 = 8(\text{cm})$ Đáp số: 8cm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét. <p>* Bài 3: - GV nêu yêu cầu BT3.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi 2HS lên bảng vẽ. - Nhận xét, tuyên dương. <p>4. Củng cố: Trò chơi thi đua: Ai nhanh hơn?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho học sinh cử đại diện lên bảng thi đua vẽ đoạn thẳng có độ dài: 10 cm. Nhận xét. <p>5. Tổng kết: Tập vẽ đoạn thẳng có độ dài cho trước ở bảng con. - Nhận xét tiết học.</p>	<p>thao tác của giáo viên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hsinh nhắc lại cách vẽ. - HS Vẽ đoạn thẳng vào vở. - 4HS lên vẽ trên bảng, HS khác lên kiểm tra lại và nhận xét. - 2Hoc sinh đọc tóm tắt. - HS Phân tích đề - Học sinh nêu. - Học sinh nêu lời giải. - Học sinh làm bài. - 1 em sửa bảng lớp. - Nhận xét, sửa chữa. - Trả lời 2HS vẽ trên bảng lớp, lớp vẽ trong vở. - Nhận xét. - Học sinh cử đại diện lên thi đua. - Nhận xét(kiểm tra).
--	---

Tiết 4. Ôn Toán:

TIẾT 90: LUYỆN TẬP CHUNG

I. Mục tiêu:

- Có kĩ năng đọc, viết, đếm các số đến 20.
- Biết cộng(không nhớ) các số trong phạm vi 20.
- Biết giải bài toán.

II. Chuẩn bị:

1. Giáo viên: Nội dung luyện tập.
2. Học sinh: Vở bài tập, bảng con.

III. Hoạt động dạy và học:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của HS
<ol style="list-style-type: none"> 1. Ôn định: 2. Kiểm tra bài cũ: <i>Vẽ đoạn thẳng có độ dài cho trước.</i> <ul style="list-style-type: none"> - Cho HS nêu cách vẽ đoạn thẳng có độ dài cho trước. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hát. - Hs nêu, HS khác nhận xét. - Nhận xét và kiểm tra lại.

<p>- Nhận xét, tuyên dương.</p> <p>3. Bài mới: Giới thiệu bài: - Ghi bảng.</p> <p>Thực hành:</p> <p>* Bài 1: GV nêu yêu cầu bài 1. Gọi 1HS lên bảng sửa bài.</p> <p>- Nhận xét.</p> <p>- Chỉ bảng cho HS đọc lại số trong BT1.</p> <p>* Bài 2: Gọi HS nêu yêu cầu bài 2.</p> <p>- GV hỏi: Bài này thực hiện như thế nào?</p> <p>- Gọi 3HS sửa bài trên bảng.</p> <p>- Nhận xét.</p> <p>* Bài 3: - Gọi HS đọc đề toán.</p> <p>- Gọi 1HS lên bảng tóm tắt:</p> <p>- Gọi 1HS khác giải bài toán. Nhận xét.</p> <p>* Bài 4: - GV hướng dẫn: Lấy số ở ô đầu tiên cộng cho từng số ở ô trống hàng trên và ghi kết quả vào ô trống hàng dưới.</p> <p>- GV cho HS làm bài và sửa bài.</p> <p>- Nhận xét, sửa chữa.</p> <p style="text-align: center;">Tương tự, cho HS làm bảng 2.</p> <p>4. Củng cố: Trò chơi: “Ai nhanh hơn”?</p> <p>- Chia lớp thành 3 nhóm, mỗi nhóm cử 1 bạn lên thi đua giải toán nhanh.</p> <p>+ GV đọc đề toán cho HS: “Có 5 quả bóng xanh và 6 quả bóng vàng. Hỏi có tất cả mấy quả bóng?”</p> <p>+ Nhận xét, tuyên dương.</p> <p>5. Tổng kết: - Dặn HS: Làm lại các bài còn sai.</p> <p>- Chuẩn bị: Luyện tập chung.</p> <p>- Nhận xét tiết học.</p>	<p>- HS nhắc lại</p> <p>- Học sinh điền vào ô trống.</p> <p>- 1 Học sinh sửa bài trên bảng lớp, HS khác nhận xét.</p> <p>- HS đọc lại</p> <p>- HS nêu yêu cầu BT1</p> <p>- HS nêu</p> <p>- Học sinh làm bài.</p> <p>- 3HS sửa ở bảng lớp, HS khác nhận xét, sửa chữa.</p> <p>- Học sinh đọc đề.</p> <p>- Trả lời- 1 Học sinh tóm tắt và 1HS giải bài.</p> <p>Lớp nhận xét và sửa ở bảng lớp.</p> <p>- HS làm BT3 và sửa bài.</p> <p>Học sinh chia 3 dãy, mỗi dãy cử 2 bạn lên thi đua (1 HS viết tóm tắt, 1HS giải toán).</p> <p>- Nhận xét.</p>
---	--

Thứ năm ngày 5 tháng 2 năm 2015

Tiết 1. Ôn Tiếng việt

BÀI 98 : UÊ - UY

- I. Mục tiêu:**
- HS hiểu được cấu tạo các vần uê, uy, các tiếng: huệ, huy.
 - Phân biệt được sự khác nhau giữa vần uê, uy.
 - Đọc và viết đúng các vần uê, uy, các từ: bông huệ, huy hiệu.
 - Đọc được từ và câu ứng dụng.
 - Phát triển lời nói tự nhiên theo chủ đề: Tàu hỏa, tàu thủy, ô tô, máy bay.

***GT: Giảm một số câu hỏi ở phần luyện nói.**

II. Đồ dùng dạy học:

- Tranh minh họa từ khóa, tranh minh họa câu ứng dụng.
- Tranh minh họa luyện nói: Tàu hỏa, tàu thủy, ô tô, máy bay.
- Bộ ghép vần của GV và học sinh.

III. Các hoạt động dạy học :

Hoạt động GV	Hoạt động HS
<p>1. <u>KTBC</u> : Hỏi bài trước. Đọc sách kết hợp bảng con. Viết bảng con. GV nhận xét chung.</p> <p>2. <u>Bài mới</u>: Gọi đọc sơ đồ trên bảng. Vần 2 : vần uy (dạy tương tự) So sánh 2 vần Đọc lại 2 cột vần. Gọi học sinh đọc toàn bảng. viết bảng con: uê, bông huê, uy, huy hiệu. GV nhận xét và sửa sai. <u>Đọc từ ứng dụng.</u> Gọi đọc toàn bảng. <u>Luyện đọc câu và đoạn ứng dụng:</u> GT tranh minh họa rút câu và đoạn ghi bảng: <u>Luyện nói:</u> Chủ đề: “Tàu hỏa, tàu thủy, ô tô, máy bay”. GV treo tranh và gợi ý bằng hệ thống câu hỏi, giúp học sinh nói tốt theo chủ đề “Tàu hỏa, tàu thủy, ô tô, máy bay”. Em thấy gì trong tranh? Đọc sách kết hợp bảng con. GV đọc mẫu 1 lần. GV Nhận xét. Luyện viết vở TV. GV thu vở một số em để chấm điểm. Nhận xét cách viết.</p> <p>4. <u>Củng cố</u> : Gọi đọc bài. 5. <u>Nhận xét, dặn dò:</u> Học bài, xem bài ở nhà, tự tìm từ mang vần vừa học.</p>	<p>Học sinh nêu tên bài trước. HS cá nhân 6 -> 8 em</p> <p>CN 2 em</p> <p>3 em 1 em.</p> <p>Nghỉ giữa tiết.</p> <p>Toàn lớp viết Học sinh quan sát và giải nghĩa từ cùng GV. HS đánh vần, đọc trơn từ, CN vài em. CN 6 -> 7 em, lớp đồng thanh. HS đọc thầm Học sinh thi đọc nối tiếp giữa các nhóm, mỗi nhóm đọc 2 dòng thơ, thi đọc cả đoạn thơ. Học sinh làm việc trong nhóm nhỏ 4 em, nói về phương tiện giao thông đã được đi và nói theo hướng dẫn của giáo viên. Học sinh khác nhận xét. HS đọc nối tiếp kết hợp đọc bảng con 6 em. Học sinh lắng nghe. Toàn lớp. CN 1 em.</p>

Tiết 2. Ôn Toán.

TIẾT 91: LUYỆN TẬP CHUNG

I. Mục tiêu:

- Thực hiện được cộng, trừ nhẩm, so sánh các số trong phạm vi 20.
- Vẽ đoạn thẳng có độ dài cho trước.
- Biết giải toán có nội dung hình học.

II. Chuẩn bị:

1. Giáo viên: Bảng lớp ghi sẵn nội dung BT.
2. Học sinh: Vở bài tập.

III. Hoạt động dạy và học:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Ôn định:</p> <p>2. Kiểm tra bài cũ:- Cho HS giải toán: - Nhận xét- Nhận xét chung phần KTBC.</p> <p>3. Bài mới: Giới thiệu bài: - Ghi bảng.</p> <p>Hoạt động 1: Thực hành.</p> <p>* Bài 1: Cho HS nêu yêu cầu bài 1. - Cho HS làm bài và chữa bài. Lưu ý: tính toán cẩn thận khi làm bài.- Nhận xét. - Chỉ bảng cho HS đọc lại BT1.</p> <p>* Bài 2:- Gọi 2HS lên bảng sửa bài. a) số lớn nhất: 18 b) số bé nhất: 10 - Nhận xét, tuyên dương.</p> <p>* Bài 3: Vẽ đoạn thẳng có độ dài 4cm. - Cho HS đọc yêu cầu và làm bài. - Lưu ý điều gì khi đo?(Đặt thước vạch 0 trùng với đầu đoạn thẳng). - Nhận xét.</p> <p>* Bài 4: - Gọi HS đọc đề bài. - GV hướng dẫn: - GV vẽ đoạn thẳng lên bảng(SGK trang 125). - GV: Muốn biết đoạn thẳng AC dài bao nhiêu xăng ti met ta làm sao? - Cho HS làm bài và sửa bài. - Nhận xét, ghi điểm.</p> <p>4. Củng cố: Trò chơi: Vẽ nhanh vẽ đẹp đúng - Chia lớp thành 3 đội, mỗi đội cử 1 bạn thi đua vẽ nhanh vẽ đẹp đoạn thẳng có độ dài 6cm. Đại diện tổ nào vẽ nhanh và đẹp tổ đó sẽ được khen. - Nhận xét, tuyên dương.</p> <p>5. Tổng kết:- Làm lại các bài còn sai vào vở. - Chuẩn bị: Các số tròn chục. - Nhận xét tiết học.</p>	<p>- Hát.</p> <p>- 1HS làm bài trên bảng, lớp làm nháp.</p> <p>- Nhận xét, sửa chữa.</p> <p>- HS nhắc tựa HS nêu</p> <p>- 7HS lần lượt lên bảng làm bài, lớp làm trong vở.</p> <p>- Nhận xét, sửa chữa.</p> <p>- HS đọc lại BT1 đã chữa xong. HS lắng nghe 2HS làm bài trên bảng, lớp làm bảng con.</p> <p>Nhận xét</p> <p>- HS đọc yêu cầu BT3</p> <p>- 1HS làm bài trên bảng lớp, lớp làm trong vở.</p> <p>- Nhận xét bài trên bảng, kiểm tra lại độ dài đoạn thẳng.</p> <p>- HS đổi vở kiểm tra.</p> <p>- HS đọc đề bài - HS nêu .Độ dài đoạn thẳng AC: $3 + 6 = 9(cm)$ Đáp số: 9cm- HS phát biểu</p> <p>- Học sinh làm bài.</p> <p>- Sửa bài ở bảng lớp.</p> <p>- Nhận xét, sửa chữa.</p> <p>- Học sinh cử đại diện lên tham gia thi đua.</p> <p>- Nhận xét.</p>

Lớp 2A1.

Tiết 3.TOÁN:

TIẾT 114: LUYỆN TẬP

I. Mục tiêu:

- 1.Kiến thức: Giúp HS học thuộc bảng chia 3 và rèn kĩ năng vận dụng bảng chia 3.
- 2.Kỹ năng: HS thực hành tính, giải toán đúng, nhanh, thành thạo.
- 3.Thái độ: Giáo dục HS tính cẩn thận, chính xác, nhanh nhẹn, yêu thích học toán.

Bảng phụ ghi sẵn các bài tập 1, 2, 3 ở SGK.

III. Các hoạt động dạy – học chủ yếu:

Hoạt động của giáo viên.	Hoạt động của học sinh.
<p>A. <u>Kiểm tra bài cũ</u> :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra bảng chia 3 <p>1. <u>Giới thiệu bài</u></p> <p>2. <u>Giảng bài</u>:</p> <p><i>Bài 1</i> : (Y) Tính nhẩm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi vài HS đọc thuộc bảng chia 3 * Củng cố bảng chia 3 <p><i>Bài 2</i> : (TB) Tính nhẩm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS nối tiếp nhau đọc kết quả của phép tính. - Yêu cầu HS nhận xét phép nhân và phép chia. * Củng cố bảng nhân 3, chia 3 <p><i>Bài 3</i> : (TB) Tính (theo mẫu).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn làm mẫu 1 bài . - Tương tự gọi HS lên bảng làm các bài còn lại. * Củng cố bảng chia 3, có kèm tên đơn vị <p><i>Bài 4</i> : (Kg)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc đề toán. - Hướng dẫn HS làm bài. - Gọi 1 HS lên bảng làm . * Rèn kỹ năng vận dụng bảng chia 3 vào giải toán <p><i>Bài 5</i> : (KG)</p> <ul style="list-style-type: none"> * Rèn kỹ năng vận dụng bảng chia 3 vào giải toán - Gọi HS đọc đề toán. - Hướng dẫn HS làm bài. - Gọi 1 HS lên bảng làm . <p>3. <u>Củng cố – Dẫn dò</u> :</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 2 HS lên đọc thuộc bảng chia 3. - Lắng nghe. - HS lần lượt nối tiếp nhau nêu kết quả. - Từng HS nối tiếp đọc kết quả từng phép tính . - HS nêu - Theo dõi. - Lớp làm vào bảng con. - 2 HS lên bảng làm bài - 1 HS đọc đề toán. - Theo dõi. - Lớp làm vào vở.

Tiết 4. LUYỆN TỪ & CÂU. TỪ NGỮ VỀ MUÔNG THÚ . ĐẶT VÀ TRẢ LỜI CÂU HỎI: NHƯ THẾ NÀO?

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức: Giúp HS mở rộng vốn từ về muông thú. Biết đặt và trả lời câu hỏi có cụm từ “như thế nào?”.

2. Kỹ năng: HS nói được đặc điểm của từng loài thú và nhận biết đúng một số loài thú. Đặt và trả lời được câu hỏi có cụm từ “như thế nào?”

3. Thái độ: HS biết yêu các con vật có ích, biết bảo vệ muông thú.

HSKT: Giúp HS mở rộng vốn từ về muông thú. Biết đặt và trả lời câu hỏi có cụm từ “như thế nào?”.

II. Chuẩn bị: Tranh ảnh các loài chi, các loài thú ; bút dạ và 4 tờ giấy A₃ viết sẵn BT1.

Bảng phụ ghi sẵn BT 3 SGK.

III. Các hoạt động dạy- học :

Hoạt động của giáo viên.	Hoạt động của học sinh.
<p>A. <u>Kiểm tra bài cũ</u> :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Treo tranh các loài chim đã học ở tuần 22. <p>B. <u>Bài mới</u> :</p> <p>1. <u>Giới thiệu bài</u> :</p> <p>Giới thiệu trực tiếp và ghi đề lên bảng.</p> <p>2. <u>Giảng bài</u> :</p> <p>* <u>Bài 1</u>: Gọi 1 HS nêu yêu cầu bài tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tranh ảnh về 16 loài thú có tên trong bài. - Yêu cầu HS thảo luận nhóm 4, phát bảng nhóm làm bài rồi lên bảng trình bày bài làm. - Cả lớp và GV nx, chốt lại lời giải đúng. <p>* <u>Bài 2</u>: (miệng)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi 1 HS đọc yêu cầu bài tập. - Yêu cầu HS thảo luận cặp đôi nhận ra đặc điểm, hoạt động của từng loại thú. - Cho từng cặp HS thực hành hỏi –đáp trước lớp. - Cả lớp và GV nhận xét, chốt lại lời giải đúng. <p>* <u>Bài 3</u>: (miệng).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi 1 HS đọc yêu cầu bài BT3. - Hướng dẫn làm bài. - Gọi HS tiếp nối nhau phát biểu ý kiến. - Cả lớp và GV nhận xét, chốt lại lời giải đúng. <p>3. <u>Củng cố – Dặn dò</u> :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỏi lại nội dung bài học. 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS nêu tên từng loài chim có trong tranh. - 2 HS nối tiếp cho hoàn chỉnh các thành ngữ {z bài tập 2. - Lang nghe. - 1 HS nêu yêu cầu bài tập. - Quan sát tranh. - Thảo luận nhóm 4 làm bài, rồi mang bài làm lên trình bày bảng lớp trình bày. - Như yêu cầu bài tập. - Thảo luận cặp đôi a. Tho chạy nhanh như bay / nhanh như tên / nhanh như tên bắn. b. Sóc chuyển từ cảnh này sang cảnh khác thoap thoap/ nhanh thoap thoap/ nhẹnhảnh khinh. c. Gấu vì la hét lao la lao l / lui lui / làm lui. d. Voi kéo goi rặng / hươu hươu / bập bập / phập phập - 1 HS nêu yêu cầu BT3. - Lang nghe. - Từng cặp HS trao đổi, đặt câu hỏi cho bạn. - Lang nghe. - Nhiều HS trả lời.

Thứ sáu ngày 6 tháng 2 năm 2015

Tiết 1+2. Ôn Toán:

TIẾT 92: CÁC SỐ TRÒN CHỤC

I. Mục tiêu:

- Nhận biết các số tròn chục.
- Biết đọc, viết, so sánh các số tròn chục.

II. Chuẩn bị:

III. Hoạt động dạy và học:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. <u>Ôn định:</u></p> <p>2. <u>Kiểm tra bài cũ: Luyện tập chung.</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho học sinh làm bảng con. <p>Nhận xét,.</p> <p>3. <u>Bài mới:</u></p> <p>a) <u>Giới thiệu bài:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Học bài “<i>Các số tròn chục</i>”. - Ghi bảng tựa bài. <p>b) <u>Hoạt động 1: Giới thiệu các số tròn chục.</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu bó 1 chục: Đây là bó 1chục - Lấy bó 1 chục que tính, giáo viên gài lên bảng. - 1 bó que tính là mấy chục que tính? <p>→ Ghi bảng “mười” vào cột đọc số.</p> <p>Tương tự cho các số còn lại: 20, 30, 40, 50, 60, 70, 80, 90.</p> <p>c) <u>Hoạt động 2: Thực hành.</u></p> <p>* <u>Bài 1: Viết(theo mẫu)</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nêu yêu cầu bài 1. - Hướng dẫn: <ul style="list-style-type: none"> + câu a: bảng gồm 2 cột viết số và đọc số, các em xem có cách đọc thì viết số đó ra, còn ngược lại có số thì viết cách đọc ra. + câu b, c: làm tương tự. - Gọi lần lượt từng HS lên bảng sửa bài. - Nhận xét, tuyên dương. - Chỉ bảng cho HS đọc lại BT1 đã sửa xong. <p>* <u>Bài 2: Số tròn chục</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu yêu cầu bài 2 . + Câu a: Viết theo thứ tự số tròn chục từ 10 đến 90 vào vòng tròn (từ bé đến lớn). + Câu b: Viết từ lớn đến bé. - Gọi từng HS lên bảng làm bài. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hát. - HS làm vào bảng. 1HS làm trên bảng, lớp làm nháp. - Nhận xét, sửa chữa Nhắc tựa bài - Học sinh lấy. HS trả lời. - HS đọc(cá nhân, lớp) - Học sinh đọc các số tròn chục từ 10 đến 90 và ngược lại. - Đếm từ 1 chục đến 9 chục và ngược lại. HS làm bài và sửa bài - Nhận xét, bổ sung. - HS đọc lại BT1. - HS nêu yêu cầu BT2. - HS làm bài và sửa bài. - Nhận xét. - HS đọc lại số tròn chục BT2. - HS nêu yêu cầu BT3

<p>- Nhận xét, tuyên dương. - Chỉ bảng cho lớp đọc lại.</p> <p>* Bài 3: Điền dấu >, <, =</p> <p>20 > 10 40 < 80 90 > 60 30 < 40 80 > 40 60 < 90 50 < 70 40 = 40 90 = 90</p> <p>- GV: Hãy dựa vào kết quả bài tập 2 để làm bài 3. - Gọi 3HS làm bài trên bảng.</p> <p>- Nhận xét.</p> <p>4. <u>Củng cố:</u> Trò chơi: Ai nhanh hơn? - Chia lớp thành 3 đội, mỗi đội cử 1 bạn, viết các số tròn chục lên bảng.</p> <p>- Lớp hát một bài, kết thúc bài hát, đội nào viết nhiều số tròn chục và đúng sẽ thắng. - Nhận xét, tuyên dương.</p> <p>5. <u>Tổng kết:</u> - Về nhà tập đếm và viết các số tròn chục từ 10 đến 90. - Chuẩn bị: Luyện tập. - Nhận xét tiết học.</p>	<p>- HS làm bài - 3HS sửa bài trên bảng, lớp nhận xét, bổ sung.</p> <p>- Học sinh chia 3 dãy, mỗi dãy cử 1 bạn lên thi đua. - Lớp hát 1 bài.</p> <p>- Nhận xét.</p>
---	---

Tiết 3+4. Ôn Tiếng việt.

BÀI 99 : ƯƠ - UYA

- I. Mục tiêu:**
- HS hiểu được cấu tạo các vần ươ, uya, các tiếng: hươ, khuya.
 - Phân biệt được sự khác nhau giữa vần ươ, uya.
 - Đọc và viết đúng các vần ươ, uya, các từ: hươ vôi, đêm khuya.
 - Đọc được từ và câu ứng dụng.
 - Phát triển lời nói tự nhiên theo chủ đề: Sáng sớm, chiều tối, đêm khuya.

***GT: Giảm một số câu hỏi ở phần luyện nói.**

II. Đồ dùng dạy học:

- Tranh minh họa từ khóa, tranh minh họa câu ứng dụng.
- Tranh minh họa luyện nói: Sáng sớm, chiều tối, đêm khuya.
- Bộ ghép vần của GV và học sinh.

III. Các hoạt động dạy học :

Hoạt động GV	Hoạt động HS
<p>1. KTBC : Hỏi bài trước. Đọc sách kết hợp bảng con.</p> <p>Viết bảng con. GV nhận xét chung.</p> <p>2. Bài mới: GV giới thiệu tranh rút ra vần ươ, ghi bảng. Gọi 1 HS phân tích vần ươ. Lớp cài vần ươ. GV nhận xét. HD đánh vần vần ươ.</p> <p>Có ươ, muốn có tiếng hươ ta làm thế nào? Cài tiếng hươ. GV nhận xét và ghi bảng tiếng hươ. Gọi phân tích tiếng hươ. GV hướng dẫn đánh vần tiếng hươ.</p> <p>Dùng tranh giới thiệu từ “hươ vôi”. Hỏi: Trong từ có tiếng nào mang vần mới học. Gọi đánh vần tiếng hươ, đọc trơn từ hươ vôi. Gọi đọc sơ đồ trên bảng.</p>	<p>Học sinh nêu tên bài trước. HS cá nhân 6 -> 8 em + chỉ tiếng từ theo yêu cầu của giáo viên. N1 : bông huệ; N2 : khuy áo.</p> <p>HS phân tích, cá nhân 1 em Cài bảng cài.</p> <p>u – ơ – ươ. CN 4 em, đọc trơn 4 em, nhóm. Thêm âm h đứng trước vần ươ. Toàn lớp.</p> <p>CN 1 em. Hờ – ươ – hươ. CN 4 em, đọc trơn 4 em, 2 nhóm ĐT.</p> <p>Tiếng hươ. CN 4 em, đọc trơn 4 em, nhóm.</p>

<p>Vần 2 : vần uya (dạy tương tự) So sánh 2 vần</p> <p>Đọc lại 2 cột vần. Gọi học sinh đọc toàn bảng.</p> <p>Hướng dẫn viết bảng con: ươ, hươ vôi, uya, đêm khuya. GV nhận xét và sửa sai. <u>Đọc từ ứng dụng.</u> Giáo viên đưa tranh, mẫu vật hoặc vật thật để giới thiệu từ ứng dụng, có thể giải nghĩa từ (nếu thấy cần), rút từ ghi bảng. Thử xua, hươ tay, giấy phơi – lùa, phéc – mơ – tuya. Gọi đánh vần các tiếng có chứa vần mới học và đọc trơn các từ trên. Đọc sơ đồ 2. Gọi đọc toàn bảng. 3. <u>Củng cố tiết 1:</u> Hỏi vần mới học. Đọc bài. Tìm tiếng mang vần mới học. NX tiết 1.</p> <p style="text-align: center;">Tiết 2</p> <p>Luyện đọc bảng lớp : Đọc vần, tiếng, từ trên bảng không theo thứ tự (giáo viên kiểm tra tránh học sinh đọc vẹt) <u>Luyện đọc câu và đoạn thơ ứng dụng:</u> GT tranh rút câu và đoạn thơ ứng dụng ghi bảng: <i>Nơi ấy ngôi sao khuya Soi vào trong giấc ngủ Ngọn đèn khuya bóng mẹ Sáng một vầng trên sân.</i> GV nhận xét và sửa sai. <u>Luyện nói:</u> Chủ đề: “Sáng sớm, chiều tối, đêm khuya”. GV treo tranh và gợi ý bằng hệ thống câu hỏi, giúp học sinh nói tốt theo chủ đề “Sáng sớm, chiều tối, đêm khuya”. + Cảnh trong tranh là cảnh của buổi nào trong ngày?</p>	<p>CN 2 em</p> <p>Giống nhau : bắt đầu bằng u. Khác nhau : uya kết thúc bằng uy. 3 em 1 em.</p> <p style="text-align: right;">Nghỉ giữa tiết.</p> <p>Toàn lớp viết.</p> <p>Học sinh quan sát và giải nghĩa từ cùng GV.</p> <p>HS đánh vần, đọc trơn từ, CN vài em.</p> <p>CN 2 em. CN 2 em, đồng thanh.</p> <p>Vần ươ, uya CN 2 em Đại diện 2 nhóm.</p> <p>CN 6 -> 7 em, lớp đồng thanh.</p> <p>HS đọc thầm, phát hiện và gạch chân trên bảng các tiếng có chứa vần mới. Đọc trơn các dòng thơ, đọc liền 2 dòng thơ, đọc cả đoạn thơ có nghỉ hơi ở cuối mỗi dòng (đọc đồng thanh, đọc cá nhân). Học sinh thi đọc nối tiếp giữa các nhóm, mỗi nhóm đọc 2 dòng thơ, thi đọc cả đoạn thơ.</p> <p>Học sinh nói theo hướng dẫn của giáo viên. Học sinh khác nhận xét.</p>
--	---

<p>+ Trong tranh em thấy người hoặc vật đang làm gì? Em tưởng tượng xem người ta còn làm gì nữa vào các buổi này? GV giáo dục TTTcảm. Đọc sách kết hợp bảng con. GV đọc mẫu 1 lần. GV nhận xét. Luyện viết vở TV. GV thu vở một số em.Nhận xét cách viết. 4.<u>Củng cố</u> : Gọi đọc bài. 5.<u>Nhận xét, dặn dò</u>: Học bài, xem bài ở nhà, tự tìm từ mang vần vừa học.</p>	<p>HS đọc nối tiếp kết hợp đọc bảng con 4 em. Học sinh lắng nghe. Toàn lớp. CN 1 em 1 học sinh đọc lại bài học trong SGK.</p>
--	---

TUẦN 24

Thứ hai ngày 9 tháng 2 năm 2015

Tiết1. Ôn Toán

TIẾT 92: CÁC SỐ TRÒN CHỤC

I. MỤC TIÊU: *Bước đầu giúp HS:

- Nhận biết về số lượng, đọc, viết các số tròn chục (từ 10 đến 90).
- Biết so sánh các số tròn chục.

II. CHUẨN BỊ:

* 9 bó, mỗi bó có một chục que tính (hay 9 thẻ một chục que tính trong bộ đồ dùng học Toán 1)

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p>1.Kiểm tra:</p> <p>2 Bài mới:. Giới thiệu các số trònchục: GV hướng dẫn HS lấy 1 bó (1chục) que tính và nói: " Có một chục que tính".GV hỏi: "Một chục còn gọi là bao nhiêu?(mười). GV viết số 10 lên bảng. - GVHD lấy 2 bó, mỗi bó 1chục que tính và nói: "Có 2chục que tính". GV hỏi:"Hai chục còn gọi là bao nhiêu?" (hai mươi). GV viết số 20 lên bảng. - HD tương tự nh trên để HS tự nhận ra số lượng, đọc, viết các số tròn chục từ 40 đến 90. * Yêu cầu HS đọc các số tròn chục theo thứ tự từ 10 đến 90 và ngược lại. - GV giới thiệu:"Các số tròn chục từ 10 đến 90 là những số có 2 chữ số.Chẳng hạn: Số 30 có 2 chữ số là 3 và 0. - HS thực hiện các thao tác theo yêu cầu của GV .</p>	<p>GV cho học sinh điền số vào ô trống 1020</p> <p>10 (mười) 20 (hai mươi) 30 (ba mươi) 40 (bốn mươi) 50 (năm mươi) 60 (sáu mươi) 70 (bảy mươi), 80 (tám mươi) 90 (chín mươi).</p> <p>- Bài 1 : Viết (theo mẫu)</p>

<p>- HS thao tác tương tự với 20,30, 40,90. * GV hướng dẫn HS thực hành làm các bài tập. * Cho HS nêu cách làm và chữa. * GV cho HS nêu yêu cầu của bài(viết số tròn chục thích hợp vào ô trống) rồi làm và chữa bài. Khi chữa yêu cầu HS đọc kết quả bài làm của mình(kết hợp giữa "đọc số" và "viết số" - Bài 3: Cho HS làm bài rồi chữa bài. Khi chữa cho HS đọc kết quả theo từng cột 3. Củng cố - Dặn dò: * HS đọc lại các số vừa học (CN- tập thể). - GV nhận xét giờ học. Dặn dò HS về nhà học bài. - Chuẩn bị bài hôm sau.</p>	<p>- Bài 2: Số tròn chục? - Bài 3: * GV lưu ý các trường hợp: 40 < 80 90 > 60 80 > 40 60 < 90</p>
--	--

Tiết 2+3. Ôn Tiếng việt. BÀI 100 : UÂN- UYÊN

- I. Mục tiêu:** -HS hiểu được cấu tạo các vần uân, uyên, các tiếng: xuân, chuyên.
 -Phân biệt được sự khác nhau giữa vần uân, uyên.
 -Đọc và viết đúng các vần uân, uyên, các từ: mùa xuân, bóng chuyên.
 -Đọc được từ và câu ứng dụng.
 -Phát triển lời nói tự nhiên theo chủ đề: Em thích đọc truyện.

***GT: Giảm một số câu hỏi trong phần luyện nói.**

II. Đồ dùng dạy học:

- Tranh minh họa từ khóa, tranh minh họa câu và đoạn ứng dụng.
- Tranh minh họa luyện nói: Em thích đọc truyện.
- Bộ ghép vần của GV và học sinh.

III. Các hoạt động dạy học :

Hoạt động GIÁO VIÊN	Hoạt động HS
<p>1. KTBC : Hỏi bài trước. Đọc sách kết hợp bảng con. Viết bảng con. GV nhận xét chung.</p> <p>2. Bài mới: GV giới thiệu tranh rút ra vần uân, ghi bảng. Gọi 1 HS phân tích vần uân. Lớp cài vần uân. GV nhận xét. HD đánh vần vần uân.</p> <p>Có uân, muốn có tiếng xuân ta làm thế nào?</p>	<p>Học sinh nêu tên bài trước. HS cá nhân 6 -> 8 em N1 : hươu tay; N2 :đêm khuya.</p> <p>HS phân tích, cá nhân 1 em Cài bảng cài.</p> <p>u – â – n – uân . CN 4 em, đọc tron 4 em, nhóm. Thêm âm x đứng trước vần uân.</p>

<p>Cài tiếng xuân. GV nhận xét và ghi bảng tiếng xuân. Gọi phân tích tiếng xuân. GV hướng dẫn đánh vần tiếng xuân..</p> <p>Dùng tranh giới thiệu từ “mùa xuân”. Hỏi: Trong từ có tiếng nào mang vần mới học. Gọi đánh vần tiếng xuân., đọc trơn từ mùa xuân. Gọi đọc sơ đồ trên bảng. Vần 2 : vần uyên (dạy tương tự) So sánh 2 vần</p> <p>Đọc lại 2 cột vần. Gọi học sinh đọc toàn bảng.</p> <p>Hướng dẫn viết bảng con: uân, mùa xuân, uyên, bóng chuyền. GV nhận xét và sửa sai. <u>Đọc và hiểu nghĩa từ ứng dụng.</u> Giáo viên đưa tranh, mẫu vật hoặc vật thật để giới thiệu từ ứng dụng, có thể giải nghĩa từ (nếu thấy cần), rút từ ghi bảng. Huân chương, tuần lễ, chim khuyên, kể chuyện. Gọi đánh vần các tiếng có chứa vần mới học và đọc trơn các từ trên. Đọc sơ đồ 2. Gọi đọc toàn bảng. 3.<u>Củng cố tiết 1:</u> Hỏi vần mới học. Đọc bài. Tìm tiếng mang vần mới học. NX tiết 1</p> <p style="text-align: center;">Tiết 2</p> <p>Luyện đọc bảng lớp : Đọc vần, tiếng, từ lộn xộn <u>Luyện đọc câu và đoạn ứng dụng:</u> GT tranh rút câu, đoạn ghi bảng: <i>Chim én bận đi đâu</i> <i>Hôm nay về mở hội</i> <i>Lượn bay như dẫn lối</i></p>	<p>Toàn lớp. CN 1 em. Xờ – uân – xuân. CN 4 em, đọc trơn 4 em, 2 nhóm ĐT.</p> <p>Tiếng xuân. CN 4 em, đọc trơn 4 em, nhóm. CN 2 em</p> <p>Giống nhau : kết thúc bằng n. Khác nhau : uyên bắt đầu bằng uyê. 3 em 1 em.</p> <p style="text-align: right;">Nghỉ giữa tiết.</p> <p>Toàn lớp viết. Học sinh quan sát và giải nghĩa từ cùng GV.</p> <p>HS đánh vần, đọc trơn từ, CN vài em. CN 2 em. CN 2 em, đồng thanh.</p> <p>Vần uân, uyên. CN 2 em Đại diện 2 nhóm.</p> <p>CN 6 -> 7 em, lớp đồng thanh. Học sinh chỉ vào chữ theo lời đọc của giáo viên. Học sinh đọc từng câu có ngắt</p>
---	---

<p><i>Rủ mùa xuân cùng về.</i> Giáo viên đọc mẫu, cho học sinh chỉ vào chữ theo lời đọc của giáo viên. GV nhận xét và sửa sai. <u>Luyện nói</u>: Chủ đề: Em thích đọc truyện. GV treo tranh và gợi ý bằng hệ thống câu hỏi, giúp học sinh nói tốt theo chủ đề “Em thích đọc truyện”. Em đã xem những cuốn truyện gì? Trong số các truyện đã xem, em thích nhất truyện nào? Vì sao? GV giáo dục TTTcảm. Đọc sách kết hợp bảng con. GV đọc mẫu 1 lần. GV nhận xét. Luyện viết vở TV. GV thu vở một số em để chấm. Nhận xét cách viết. 4. <u>Củng cố</u> : Gọi đọc bài. 5. <u>Nhận xét, dặn dò</u>: Học bài, xem bài ở nhà, tự tìm từ mang vần vừa học.</p>	<p>hơi ở dấu phẩy, đọc liền 2 câu có nghỉ hơi ở dấu chấm (đọc đồng thanh, đọc cá nhân). Thi đọc cả đoạn giữa các nhóm (chú ý ngắt, nghỉ hơi khi gặp dấu câu)</p> <p>Học sinh nói theo hướng dẫn của Giáo viên.</p> <p>Học sinh kể tên những cuốn truyện đã xem và nêu cảm nghĩ vì sao thích. Học sinh khác nhận xét.</p> <p>HS đọc nối tiếp kết hợp đọc bảng con 4 em. Học sinh lắng nghe. Toàn lớp.</p> <p>CN 1 em</p>
---	--

Thứ ba ngày 10 tháng 2 năm 2015

Tiết 1. Ôn Toán:

TIẾT 116: LUYỆN TẬP

I- Mục tiêu:

- Củng cố cách tìm một thừa số trong phép nhân, tên gọi các thành phần trong phép nhân và giải toán có lời văn.
- Rèn KN tìm thừa số chưa biết và Kn giải toán có lời văn.
- GD hS tự giác học tập

II- Đồ dùng:

- Bảng phụ viết ND bài 3

III- Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
<p><u>1/ Tổ chức:</u> <u>2/ Luyện tập</u> <u>Thực hành.</u> * <i>Bài 1:</i> Tìm x - x là thành phần nào của phép nhân? - Muốn tìm thành phần chưa biết của phép nhân ta làm ntn? - Chấm bài, nhận xét. * Bài 2:</p>	<p>-Hát</p> <p>- x là thừa số chưa biết - Ta lấy tích chia cho thừa số đã biết - Hs làm bài vào phiếu HT</p>

<ul style="list-style-type: none"> - Nêu cách tìm số hạng trong một tổng? - Chữa bài * Bài 3: - treo bảng phụ - BT yêu cầu ta làm gì? - Nêu cách tìm tích? - Nêu cách tìm thừa số chưa biết? - Nhận xét. * Bài 4: - Đọc đề? - Có tất cả bao nhiêu kg gạo? - 12 kg chia đều vào mấy túi? - Làm ntn để tìm số gạo mỗi túi? - Chấm bài, nhận xét <p>3/ Củng cố: Dẫn dò</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu cách tìm thừa số trong một tích? <p>Ôn lại bài.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Ta lấy tổng trừ đi số hạng kia. 1 HS làm trên bảng - Lớp làm phiếu HT - HS nêu - Hs nêu - HS làm nháp <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse; text-align: center;"> <tr> <td>Thừa số</td> <td>2</td> <td>2</td> <td>3</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td>Thừa số</td> <td>6</td> <td>6</td> <td>3</td> <td>2</td> </tr> <tr> <td>Tích</td> <td>12</td> <td>12</td> <td>9</td> <td>6</td> </tr> </table> <p>12 kg gạo</p> <ul style="list-style-type: none"> - chia đều vào 3 túi - thực hiện phép chia $12 : 3$ <p style="text-align: center;"><i>Bài giải</i></p> <p style="text-align: center;"><i>Mỗi túi có số gạo là:</i></p> <p style="text-align: center;">$12 : 3 = 4(\text{kg})$</p> <p style="text-align: center;"><i>Đáp số: 4 kg</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nêu 	Thừa số	2	2	3	3	Thừa số	6	6	3	2	Tích	12	12	9	6
Thừa số	2	2	3	3												
Thừa số	6	6	3	2												
Tích	12	12	9	6												

T2. Tập đọc:

QUẢ TIM KHỈ

I Mục tiêu

- + Rèn kĩ năng đọc thành tiếng :
 - Đọc trôi chảy toàn bài. Ngắt nghỉ hơi đúng.
 - Biết đọc phân biệt lời người kể với lời nhân vật (Khỉ, Cá Sấu)
 - + Rèn kĩ năng đọc - hiểu :
 - Hiểu các từ ngữ : Trần tính, bội bạc, tên tò,
 - Hiểu nội dung câu chuyện : Khỉ kết bạn với Cá Sấu, bị Cá Sấu lừa nhưng khôn khéo nghĩ ra mẹo thoát nạn. Những kẻ bội bạc, giả dối như Cá Sấu không bao giờ có bạn
- *KNS -Ra quyết định -ứng phó với căng thẳng -Tư duy sáng tạo.**

II Đồ dùng

GV : Tranh minh họa nội dung bài đọc
 HS : SGK

III Các hoạt động dạy học chủ yếu

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
<p>1. Kiểm tra bài cũ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học thuộc lòng bài thơ : Sư Tử xuất quân 	<p>2, 3 HS đọc bài</p>

<p>- Đặt tên khác cho bài</p> <p>2. Bài mới</p> <p>a. <u>Giới thiệu bài</u></p> <p>b. <u>Luyện đọc</u></p> <p>+ GV đọc mẫu toàn bài</p> <p>+ Luyện đọc, kết hợp giải nghĩa từ</p> <p>* Đọc từng câu</p> <p>- Đọc từng đoạn trước lớp</p> <p>* Đọc từng đoạn trong nhóm</p> <p>* Thi đọc giữa các nhóm</p> <p>c. <u>HD tìm hiểu bài</u></p> <p>- Khi đối xử với Cá Sấu như thế nào ?</p> <p>- Cá Sấu định lừa Khi như thế nào ?</p> <p>- Khi nghĩ ra mẹo gì để thoát nạn ?</p> <p>- Câu nói nào của Khi làm Cá Sấu tin Khi ?</p> <p>- Tại sao cá Sấu lại tên tò, lủi mất ?</p> <p>- Hãy tìm những từ nói lên tính nết của Khi và cá sấu ?</p> <p>d. <u>Luyện đọc lại</u> - GV HD 2, 3 nhóm HS thi đọc chuyện theo các vai</p> <p>3. <u>Củng cố, dặn dò</u></p> <p>- Câu chuyện nói với em điều gì ? (phải chân thật trong tình bạn, không giả dối)</p>	<p>- HS đặt tên cho bài</p> <p>+ HS theo dõi SGK</p> <p>+ HS nối tiếp nhau đọc từng câu</p> <p>+ HS nối tiếp nhau đọc từng đoạn trước lớp</p> <p>- Đọc các từ chú giải cuối bài</p> <p>+ HS đọc theo nhóm đôi</p> <p>- Nhận xét bạn đọc cùng nhóm</p> <p>+ Đại diện nhóm thi đọc</p> <p>- Thấy Cá Sấu khóc vì không có bạn, Khi ... Khi cũng hái quả cho cá Sấu ăn</p> <p>- Cá Sấu giả vờ mời Khi đến chơi nhà mình. ... Khi để dâng vua cá Sấu ăn</p> <p>- Khi giả vờ sẵn sàng giúp cá Sấu, bảo Cá Sấu đưa trả lại bờ, lấy quả tim để ở nhà</p> <p>- Chuyện quan trọng vậy mà bạn chẳng báo trước ... tặng Tim của mình cho cá Sấu</p> <p>- Cá Sấu lại tên tò, lủi mất vì bị lộ bộ mặt bội bạc, giả dối</p> <p>- Khi : tốt bụng, thật thà, thông minh</p> <p>- Cá Sấu : giả dối, bội bạc, độc ác</p> <p>+ HS thi đọc chuyện</p>
---	--

Tiết 3: KỂ CHUYỆN

QUẢ TIM KHI

I Mục tiêu

- + Rèn kĩ năng nói :
 - Dựa vào trí nhớ và tranh, kể lại được từng đoạn câu chuyện.
 - Biết cùng các bạn phân vai dựng lại câu chuyện, bước đầu thể hiện đúng giọng người kể chuyện, giọng Khi, giọng Cá Sấu
- + Rèn kĩ năng nghe :
 - Tập trung theo dõi bạn kể, biết nhận xét đúng lời kể của bạn, kể tiếp được lời của bạn

II Đồ dùng GV : 4 tranh minh hoạ từng đoạn chuyện, mặt nạ Khi, Cá Sấu

III Các hoạt động dạy học chủ yếu

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
<p>1. Kiểm tra bài cũ</p> <p>- Kể lại chuyện Bác sĩ Sói</p>	3 HS phân vai dựng lại chuyện
<p>2. Bài mới</p>	

<p>a. <u>Giới thiệu bài</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nêu MĐ, YC của tiết học <p>b. <u>HD kể chuyện</u></p> <p>* Dựa vào tranh, kể lại từng đoạn chuyện</p> <p>+ GV ghi bảng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tranh 1 : Khỉ kết bạn với Cá Sấu - Tranh 2 : Cá Sấu vờ mời Khỉ về nhà chơi - Tranh 3 : Khỉ thoát nạn - Tranh 4 : Bị Khỉ mắng, Cá Sấu tên tò, lủi mất <p>- GV chỉ định 4 HS tiếp nối nhau kể từng đoạn câu chuyện trước lớp</p> <p>* <i>Phân vai dựng lại câu chuyện</i></p> <p>+ GV HD HS lập nhóm, phân vai kể lại chuyện</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV giúp đỡ từng nhóm <p>3.Củng cố, dặn dò</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV khen nhóm dựng lại câu chuyện đạt nhất - Yêu cầu HS về nhà tập kể lại câu chuyện cho người thân nghe 	<p>+ HS quan sát kĩ từng tranh 1, 2 em nói vắn tắt nội dung tranh</p> <p>+ HS nối tiếp nhau kể trong nhóm từng đoạn câu chuyện theo tranh 4 HS kể</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét, bổ sung <p>+ HS dựng lại chuyện theo nhóm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từng nhóm 3 HS thi kể chuyện theo vai trước lớp - cả lớp nhận xét, bình chọn nhóm dựng lại chuyện hay nhất
---	---

TIẾT 4: CHÍNH TẢ (Tập – chép)

QUẢ TIM KHỈ

I Mục tiêu

- Nghe - viết chính xác, trình bày đúng một đoạn trong bài Quả tim Khỉ
- Làm đúng các bài tập phân biệt tiếng có âm, vần dễ lẫn s / x, ut / uc

II Đồ dùng

GV : Bảng phụ viết nội dung BT2, tranh ảnh các con vật có tên bắt đầu bằng s : sói, sỏ, sứa, sư tử, sóc, sao biển, sên, sơn ca, sến, ...

HS : VBT

III Các hoạt động dạy học chủ yếu

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
1. <u>Kiểm tra bài cũ</u>	

<ul style="list-style-type: none"> - Viết : Tây Nguyên, Ê - đê, Mơ - nông - Viết 2 tiếng bắt đầu bàn 1 - Viết 2 tiếng bắt đầu bằng n <p>2. Bài mới</p> <p>a. <u>Giới thiệu bài</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nêu MĐ, YC của tiết học <p>b. <u>HD nghe - viết</u></p> <p>* <i>HD HS chuẩn bị</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đọc bài chính tả <p>- Những chữ nào trong bài chính tả phải viết hoa ? Vì sao ?</p> <p>- Tìm lời của Khi và của Cá Sấu. Những lời nói ấy đặt sau dấu câu gì ?</p> <p>* <i>GV đọc cho HS viết bài vào vở</i></p> <p>* <i>Chấm, chữa bài</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chấm 5, 7 bài - Nhận xét bài viết của HS <p>c. <u>HD làm bài tập</u></p> <p>* <i>Bài tập 2 (Lựa chọn)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc yêu cầu bài tập + GV nhận xét chốt lại ý đúng : - say sưa, xay lúa, xông lên, dòng sông <p>* <i>Bài tập 3 (lựa chọn)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc yêu cầu bài tập - GV nhận xét - Giới thiệu một số tranh ảnh một số con vật có tên bắt đầu bằng s <p>3. Củng cố, dặn dò</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét tiết học - Yêu cầu HS về nhà viết lại cho đúng những chữ còn viết sai trong bài chính tả 	<ul style="list-style-type: none"> - HS viết bảng con 2 em lên bảng <p>+ HS theo dõi SGK</p> <p>2, 3 HS đọc lại</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cá Sấu, Khi : Phải viết hoa vì đó là tên riêng của nhân vật trong chuyện. Bạn, Vì, Tôi, Từ : Viết hoa vì đó là những chữ đứng đầu câu - Được đặt sau dấu hai chấm, gạch đầu dòng - HS đọc thầm lại bài chính tả trong SGK, ghi nhớ những từ dễ viết sai chính tả + HS viết bài <p>+ Điền vào chỗ trống s / x</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS làm bài vào VBT 2 em lên bảng làm - Nhận xét bài làm của Bạn <p>+ Tên nhiều con vật bắt đầu bằng S</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trao đổi bài theo nhóm - Đại diện nhóm đọc kết quả
---	--

Thứ tư ngày 11 tháng 2 năm 2015

Tiết 1. Ôn Tiếng việt.

BÀI 101 : UẬT - UYÊT

- I. Mục tiêu:**
- HS hiểu được cấu tạo các vần uât, uyêt, các tiếng: xuất, duyệt.
 - Phân biệt được sự khác nhau giữa vần uât, uyêt.
 - Đọc và viết đúng các vần uât, uyêt, các từ: sản xuất, duyệt binh.
 - Đọc được từ và câu ứng dụng.
 - Phát triển lời nói tự nhiên theo chủ đề: Đất nước ta tuyệt đẹp.

***GT:** *Giảm một số câu hỏi trong phần luyện nói.*

II. Đồ dùng dạy học:

- Tranh minh họa từ khóa, tranh minh họa câu và đoạn ứng dụng.
- Tranh minh họa luyện nói: Đất nước ta tuyệt đẹp.
- Bộ ghép vần của GV và học sinh.

III. Các hoạt động dạy học :

Hoạt động GV	Hoạt động HS
<p>1. <u>KTBC</u> : Hỏi bài trước. Đọc sách kết hợp bảng con. Viết bảng con. GV nhận xét chung.</p> <p>2. <u>Bài mới</u>: GV giới thiệu tranh rút ra vần uât, ghi bảng. Gọi 1 HS phân tích vần uât. Lợp cài vần uât. GV nhận xét. HD đánh vần vần uât.</p> <p>Có uât, muốn có tiếng xuất ta làm thế nào?</p> <p>Cài tiếng xuất. GV nhận xét và ghi bảng tiếng xuất. Gọi phân tích tiếng xuất. GV hướng dẫn đánh vần tiếng xuất.</p> <p>Dùng tranh giới thiệu từ “sản xuất”. Hỏi: Trong từ có tiếng nào mang vần mới học. Gọi đánh vần tiếng xuất, đọc trơn từ sản xuất. Gọi đọc sơ đồ trên bảng. Vần 2 : vần uyêt (dạy tương tự) So sánh 2 vần</p> <p>Đọc lại 2 cột vần. Gọi học sinh đọc toàn bảng.</p> <p>Hướng dẫn viết bảng con: uât, sản xuất, uyêt, duyệt binh. GV nhận xét và sửa sai.</p> <p><u>Đọc từ ứng dụng</u>. Giáo viên đưa tranh, mẫu vật hoặc vật thật để giới thiệu từ ứng dụng, có thể giải nghĩa từ (nếu thấy cần), rút từ ghi bảng. Luật giao thông, nghệ thuật, băng tuyết, tuyết đẹp.</p>	<p>Học sinh nêu tên bài trước. HS cá nhân 6 -> 8 em N1 : mùa xuân; N2 : kể chuyện.</p> <p>HS phân tích, cá nhân 1 em Cài bảng cài.</p> <p>u – â – tờ – uât . CN 4 em, đọc trơn 4 em, nhóm. Thêm âm x đứng trước vần uât và thanh sắc trên âm â. Toàn lớp.</p> <p>CN 1 em. Xờ – uât – xuất – sắc – xuất. CN 4 em, đọc trơn 4 em, 2 nhóm ĐT.</p> <p>Tiếng xuất. CN 4 em, đọc trơn 4 em, nhóm.</p> <p>CN 2 em</p> <p>Giống nhau : kết thúc bằng t. Khác nhau : uyêt bắt đầu bằng uyê. 3 em 1 em.</p> <p style="text-align: right;">Nghỉ giữa tiết.</p> <p>Toàn lớp viết</p> <p>Học sinh quan sát và giải nghĩa từ cùng GV.</p>

<p>Đọc sơ đồ 2. Gọi đọc toàn bảng. 3. <u>Củng cố tiết 1</u>: Hỏi vấn mới học. Đọc bài. Tìm tiếng mang vần mới học. NX tiết 1</p> <p style="text-align: center;">Tiết 2</p> <p>Luyện đọc bảng lớp : Đọc vần, tiếng, từ lộn xộn <u>Luyện đọc câu và đoạn ứng dụng</u>: GT tranh rút câu, đoạn ghi bảng: Những đêm nào trăng khuyết Trông giống con thuyền trôi Em đi trăng theo bước Như muốn cùng đi chơi Giáo viên đọc mẫu, cho học sinh chỉ vào chữ theo lời đọc của giáo viên. GV nhận xét và sửa sai. <u>Luyện nói</u>: Chủ đề: “Đất nước ta tuyệt đẹp”. GV treo tranh và gợi ý bằng hệ thống câu hỏi, giúp học sinh nói tốt theo chủ đề “Đất nước ta tuyệt đẹp”. + Nước ta có tên là gì? Em nhận ra cảnh đẹp nào trên tranh ảnh em đã xem? + Em biết nước ta hoặc quê hương em có những cảnh nào đẹp? Giáo viên nhận xét luyện nói của học sinh. GV giáo dục TTTcảm. Đọc sách kết hợp bảng con. GV đọc mẫu 1 lần. GV Nhận xét cho điểm. Luyện viết vở TV. GV thu vở một số em để chấm điểm. Nhận xét cách viết. 4. <u>Củng cố</u> : Gọi đọc bài. 5. <u>Nhận xét, dặn dò</u>: Học bài, xem bài ở nhà, tự tìm từ mang vần vừa học.</p>	<p>HS đánh vần, đọc trơn từ, CN vài em. CN 2 em. CN 2 em, đồng thanh. Vần uât, uyêt. CN 2 em Đại diện 2 nhóm. CN 6 -> 7 em, lớp đồng thanh. Học sinh chỉ vào chữ theo lời đọc của giáo viên. Học sinh đọc từng câu có ngắt hơi ở dấu phẩy, đọc liền 2 câu có nghỉ hơi ở dấu chấm (đọc đồng thanh, đọc cá nhân). Thi đọc cả đoạn giữa các nhóm (chú ý ngắt, nghỉ hơi khi gặp dấu câu) Học sinh nói theo hướng dẫn của giáo viên. Học sinh tự nói theo chủ đề. Học sinh khác nhận xét. HS đọc nối tiếp kết hợp đọc bảng con 6 em. Toàn lớp. CN 1 em</p>
--	--

Tiết 2. Ôn Tiếng việt

ÔN BÀI 102: UYNH, UYCH.

I. MỤC TIÊU: *Sau bài học, HS :

- Nhận biết cấu tạo vần **uynh, uych** tiếng **huynh, huynch**- Nhận ra **uynh, uych** trong các tiếng, từ khoá, đọc được tiếng từ khoá.

- Đọc đúng câu ứng dụng:

- Phát triển lời nói tự nhiên theo chủ đề: Đèn dầu, đèn điện, đèn huỳnh quang.

***GT: Giảm một số câu hỏi trong phần luyện nói.**

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC: * Sách Tiếng Việt 1, tập II) *Bộ ghép chữ thực hành.

* Tranh minh hoạ cho câu ứng dụng, từ khoá, luyện nói.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

<i>HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS</i>	<i>NỘI DUNG</i>
<p>I. KIỂM TRA BÀI CŨ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu 3 HS lên bảng viết - GV nhận xét và cho điểm. <p>II. BÀI MỚI:</p> <p>1. Giới thiệu bài: uynh, uych.</p> <p>2. Dạy vần: * uynh.</p> <p>a) Nhận diện</p> <p>b) Đánh vần, đọc trơn. *Vần: uynh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chỉnh sửa * Tiếng khoá : huynh. - Giáo viên hướng dẫn đánh vần ,đọc trơn. * từ khoá: phụ huynh. <p>*uych(tương tự uynh) uych, huynch, ngã huynch</p> <ul style="list-style-type: none"> * GV ghi câu ứng dụng lên bảng cho HS đọc thầm và tìm tiếng có vần uynh, uych(huynh) - HS đọc thầm tìm tiếng có vần mới học: uynh, uych * Cho HS mở SGK. * Cho HS viết bài vào vở tập viết . * GV ghi chủ đề luyện nói lên bảng. - 1 HS đọc lại chủ đề luyện nói. - GV nêu câu hỏi cho HS luyện nói : + Tranh vẽ những gì?(các loại đèn) Là đèn huỳnh quang? * GV nhận xét kết luận <p>III. Củng cố, dặn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét tiết 	<p>I. KIỂM TRA BÀI CŨ:</p> <p>Nghệ thuật, băng tuyết, tuyết đẹp.</p> <p>+Giống nhau: u trước, y giữa. + Khác nhau: âm a, nh đứng sau HS ghép vần uynh. LỚp đọc CN, nhóm, lớp..</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS ghép tiếng khoá: huynh. - Giáo viên hướng dẫn đánh vần ,đọc trơn. - HS phân tích, đánh vần, đọc trơn tiếng, từ <p>-HS đọc</p> <p>“Thứ năm vừa qua, lớp em tổ chức lao động trồng cây. Cây giống được các bác phụ huynh đưa từ vườn ươm về”.</p> <p>HS đọc SGK: <i>uynh, uych, phụ huynh, ngã huynch.</i></p> <p>*Đèn dầu, đèn điện, đèn huỳnh quang. -HS trả lời</p>

Tiết 3. Ôn Toán.

TIẾT 93: LUYỆN TẬP

I. Mục tiêu:

- Biết đọc, viết, so sánh các số tròn chục.
- Bước đầu nhận biết cấu tạo các số tròn chục(40 gồm 4 chục và 0 đơn vị).

II. Chuẩn bị:

1. Giáo viên: Nội dung luyện tập(SGK).
2. Học sinh: SGK.

III. Hoạt động dạy và học:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. <u>Ôn định:</u></p> <p>2. <u>Kiểm tra bài cũ:</u> Gọi học sinh đọc số tròn chục: 10, 20, 30, 40, 50, 60, 70, 80, 90</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét, tuyên dương. <p>3. <u>Bài mới: Giới thiệu bài-</u> Ghi bảng tựa bài.</p> <p><u>Thực hành:</u></p> <p>* <u>Bài 1:</u> - GV nêu yêu cầu bài 1.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn: Đây là nối cách đọc số với cách viết số. - Chẳng hạn: đọc số là tám mươi thì tìm số 80 nối lại. - Cho HS làm bài rồi chữa bài. Nhận xét, tuyên dương. <p>* <u>Bài 2: Yêu cầu gì?</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc cho cô phần a. Vậy các số 70, 50, 80 gồm mấy chục và mấy đơn vị tương tự như câu a. - Cho HS làm bài và sửa bài. - Nhận xét. <p>* <u>Bài 3:</u> - Gọi HS nêu yêu cầu bài 3.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS lên bảng chữa bài. - Nhận xét, tuyên dương. <p>* <u>Bài 4: Yêu cầu gì?</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn: - Cho HS làm bài và sửa bài. - Nhận xét. <p>4. <u>Củng cố:</u></p> <p>Trò chơi: Tìm nhà.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét, tuyên dương. <p>5. <u>Tổng kết:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Dặn HS: Tập đọc số và viết lại các số tròn chục 	<ul style="list-style-type: none"> - Hát. - 1 học sinh đọc 2 số. - Nhận xét <p>Nối tiếp nhắc lại</p> <p>Học sinh làm bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 4 học sinh lên bảng sửa. - Nhận xét. - HS nêu: Viết theo mẫu. - HS đọc: 40 gồm 4 chục và 0 đơn vị. Học sinh làm bài. - Lần lượt từng cặp HS sửa bài: 1HS nêu và 1HS viết vào chỗ chấm.- Nhận xét. - HS nêu: Khoanh vào số bé, lớn nhất. Học sinh làm bài. - 2HS lên bảng sửa bài: <ul style="list-style-type: none"> + bé nhất: 20 + lớn nhất: 90 - Đôi vở để kiểm tra. - HS nêu: Viết theo thứ tự. Học sinh chọn và ghi. <ul style="list-style-type: none"> + Câu a: 20, 50, 70, 80, 90 + Câu b: 80, 60, 40, 30, 10 - 2 Học sinh sửa bài trên bảng. - Nhận xét - Lớp chia làm 2 đội, mỗi đội cử ra 4 bạn lên tham gia trò chơi.

cho thật nhiều.

- Chuẩn bị: **Cộng các số tròn chục.**
- Nhận xét tiết học.

- Nhận xét.

Tiết 4. Ôn Toán.

TIẾT 94: CỘNG CÁC SỐ TRÒN CHỤC

I. Mục tiêu:

- Biết đặt tính, làm tính, cộng các số tròn chục, cộng nhẩm các số tròn chục trong phạm vi 90; Giải được bài toán có phép cộng.

II. Chuẩn bị:

1. Giáo viên: QT 5 bó chục. SGK.
2. Học sinh: que tính.

III. Hoạt động dạy và học:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. <u>Ôn định:</u></p> <p>2. <u>Kiểm tra bài cũ:</u> - Nhận xét chung phần KTBC.</p> <p>3. <u>Bài mới:Giới thiệu bài:</u> - Ghi bảng. <u>Hoạt động 1: Giới thiệu cách cộng các số tròn chục (theo cột dọc)</u> Hướng dẫn đặt tính viết: Để biết $30 + 20$ bằng bao nhiêu cô sẽ hướng dẫn các con đặt tính. - 3HS nêu cách tính. <u>Hoạt động 2: Thực hành</u> * <u>Bài 1:</u> Gọi HS nêu yêu cầu bài 1. $\begin{array}{r} 40 & 50 & 30 & 10 & 20 & 60 \\ + & + & + & + & + & + \\ 30 & 40 & 30 & 70 & 50 & 20 \end{array}$ - Yêu cầu học làm bảng con - Nhận xét * <u>Bài 2:</u> GV hướng dẫn: Các em có thể nhẩm như sau: - Cho HS làm bài và sửa bài. - Nhận xét * <u>Bài 3:</u> - Gọi HS đọc đề bài. - Bài toán cho gì? - Bài toán hỏi gì? * HS trả lời gv tìm tắt bài toán. - Muốn biết <i>cả hai thùng đựng bao nhiêu gói bánh ta làm thế nào?</i> - Phát phiếu bài tập cho cả lớp làm bài khoảng 3 phút. 1 Hs làm bảng lớp. - Nhận xét. 4. <u>Củng cố:</u></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hát. - HS viết bảng lớp, lớp viết bảng con. Nhận xét - Nhắc tựa bài - Hs lấy QT theo yêu cầu. - Học sinh lấy theo Y/C. - Trả lời. - Gộp theo yêu cầu. - HS nêu: tính. - Nhận xét. Đọc yêu cầu. - Thực hiện theo yêu cầu. nhận xét bạn. - HS đọc yêu cầu chú ý lắng nghe. Học sinh đọc. - Trả lời. Hsinh giải bài theo yêu cầu. - Sửa bảng lớp. - Nhận xét, sửa chữa. - Trả lời.

<ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS nêu lại cách tính cộng hai số tròn chục. - Thi tính nhanh và đúng: - Nhận xét, tuyên dương. <p>5. Tổng kết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cộng lại các bài còn sai vào vở . - Chuẩn bị: Luyện tập. - Nhận xét tiết học. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nhắc lại - Chia 3 dãy, mỗi dãy cử 1 bạn lên tham gia thi đua. <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét.
--	--

Thứ năm ngày 12 tháng 2 năm 2015

Tiết 1: Ôn Tiếng việt.

BÀI 103: ÔN TẬP

I. MỤC TIÊU: *Sau bài học, HS có thể:

- Đọc và viết thành thạo các vần : **uê, uy, uơ, uya, uân, uyên, uât, uyêt, uynh, uych**
- Đọc đúng và trôi chảy các từ ứng dụng và đoạn thơ ứng dụng.
- Nghe hiểu và kể lại theo tranh truyện kể : Truyện kể mãi không hết.

***GT: Chưa yêu cầu tất cả HS kể chuyện trong mục kể chuyện.**

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC: * SGK T.Việt 1.Bảng ôn .

* Tranh minh hoạ chuyện kể. * Các phiếu trắng để HS điền từ.

Bảng ôn kẻ sẵn theo mẫu:

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

<i>HOẠT ĐỘNG CỦA GV</i>	<i>HOẠT ĐỘNG CỦA HS</i>
<p>1. Giới thiệu bài: Bài 103: Ôn tập</p> <p>2. Ôn tập:</p> <p>a, Ôn các vần: uê, uy, uơ</p> <p>*GV ghi các vần đã học lên bảng đã kẻ sẵn.</p> <p>b, Học bài ôn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, tuyên dương. - Cho HS đọc trơn từ : * GV ghi câu ứng dụng lên bảng cho HS đọc thầm và tìm tiếng có vần vừa ôn (thuyền) - HS đọc thầm tìm tiếng có vần mới học: - HS luyện đọc tiếng và câu ứng dụng. - Giáo viên hướng dẫn + đọc mẫu. - 6 HS đọc bài cá nhân, tổ, lớp đọc. <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS viết vào vở ô li - HS viết vào vở tập viết. * GV kể chuyện theo tranh - GV đặt các câu hỏi cho HS trả lời theo tranh vẽ: 	<ul style="list-style-type: none"> - Cho HS đọc to các vần ở dòng đầu tiên ở mỗi bài. - Cho lớp đọc đồng thanh. - Lớp đọc đồng thanh bảng ôn tập sau khi đã ghép xong.. *HS đọc : Một em chỉ vào bảng ôn, một em đọc theo tay chỉ của bạn * <i>Đọc câu ứng dụng.</i> Sóng nâng thuyền Lao hồi hải Lưới tung tròn Khoang đầy cá Gió lên rồi Cánh buồm ơi. <i>hoà thuận, luyện tập.</i> * Truyện kể mãi không hết. - HS lắng nghe

- Nhận xét tuyên dương. 4. Củng cố, dặn dò: - Cho HS đọc lại bài ôn và từ ứng dụng. - Khuyến khích HS tự tìm các chữ và âm đã học trong bảng ôn trong sách báo. - HDVN: về nhà đọc bài ôn.	- HS trả lời câu hỏi và kể theo nội dung từng tranh.
---	--

Tiết 2. Ôn Toán.

TIẾT 95: LUYỆN TẬP

I. MỤC TIÊU: * *Qua tiết học giúp học sinh:*

- Củng cố về đặt tính, làm tính cộng các số tròn chục, cộng nhẩm các số tròn chục trong phạm vi 90 để điền số vào chỗ thích hợp. Biết nói đúng, tô màu đúng yêu cầu. (Trang 45) vở TH TV và toán theo từng đối tượng.
- Giáo dục ý thức tự giác học bài và làm bài tập.

B. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

* GV: Nội dung các bài tập... * HS : Vở bài tập toán...

C. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
I. Kiểm tra bài cũ: Gọi HS lên bảng làm - Giáo viên nhận xét cho điểm. II. Dạy học bài mới: <i>1. Giới thiệu bài:</i> <i>2. Thực hành giải các bài tập.</i> - GV hướng dẫn cho học sinh làm các bài tập trong vở thực hành tiếng việt và toán. - HS nêu số bài tập và yêu cầu từng bài. - GV giao bài tập cho HS - HS làm việc cá nhân với bài tập được giao. - HS làm xong chữa bài.	Tính: $10 + 20 =$ $20 + 30 =$ Bài (Trang 45) Bài 1:Tính: $\begin{array}{r} 30 \quad 70 \quad 10 \quad 40 \quad 60 \quad 50 \\ + \quad + \quad + \quad + \quad + \quad + \\ \hline 40 \quad 20 \quad 50 \quad 40 \quad 30 \quad 20 \end{array}$ Bài 2:Tính nhẩm: $20 + 40 =$ $50 + 10 =$ $30 + 30 =$ $30 + 50 =$ $40 + 40 =$ $10 + 70 =$ Bài 3 : Bài giải Số hộp bánh trong thùng lúc này có tất cả là: $40 + 10 = 50$ (hộp bánh) Đáp số: 50 hộp bánh Bài 4: Nối hai phép cộng có cùng kết quả: $40 + 30$ $80 + 10$ $20 + 60 =$ $30 + 30$

	$60 + 30$ $20 + 50$ $20 + 40$ $10 + 70$ Bài 5: Tô màu vào phép cộng có kết quả bé hơn 80: $60 + 30$ $50 + 10$ $10 + 80$ $70 + 10$
<p>III. Củng cố - Dẫn dò:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét giờ học, tuyên dương những học sinh học tốt.- Nhắc học sinh học kỹ bài và xem trước bài 	

TIẾT 3: TOÁN

TIẾT 119: LUYỆN TẬP

I- Mục tiêu:

- HS thuộc lòng bảng chia 4. Vận dụng bảng chia 4 để giải các bài toán có liên quan.
- Rèn KN tính và giải toán
- GD HS chăm học toán

II- Đồ dùng:

- Bảng phụ

III- Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
<p>1/ Tổ chức:</p> <p>2/ Kiểm tra:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV vẽ lên bảng 1 số hình và yêu cầu HS nhận biết các hình đã tô màu $\frac{1}{4}$? - Nhận xét. <p>3/ Luyện tập:</p> <p>* Bài 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thi đọc thuộc lòng bảng chia 4? - Nhận xét. <p>* Bài 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu yêu cầu? - Nhận xét, kết luận và cho điểm <p>* Bài 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc đề? - Có tất cả bao nhiêu HS? - Chia đều vào 4 tổ là chia ntn? 	<ul style="list-style-type: none"> - Hat - Hs nêu - Hs thi đọc - 4 HS làm trên bảng - Lớp làm nháp - Chữa bài, nhận xét 40 học sinh - Chia thành 4 phần bằng nhau, mỗi tổ là một phần

<p>- Chấm bài, nhận xét</p> <p>* Bài 4: Tương tự bài 3</p> <p>* Bài 5(giảm tải)</p> <p>- Hình nào đã khoanh tròn $\frac{1}{4}$ con hươu?</p> <p>- Vì sao em biết?</p> <p>- Nhận xét.</p> <p>4/ Củng cố: Dặn dò</p> <p>- Thi đọc bảng chia 4</p> <p>Ôn lại bài.</p>	<p>1 HS làm trên bảng</p> <p>- Lớp làm vở</p> <p>Bài giải</p> <p>Mỗi tổ có số học sinh là:</p> $40 : 4 = 10(\text{ học sinh})$ <p>Đáp số: 10 học sinh.</p> <p>- Hình a. Vì có tất cả 8 con hươu, chia làm 4 phần bằng nhau, mỗi phần có 2 con. Hình a có 2 con hươu được khoanh.</p>
---	--

TIẾT 4: LUYỆN TỪ CÂU

TỪ NGỮ VỀ LOÀI THÚ. DẤU CHẤM, DẤU PHẨY

I Mục tiêu

- Mở rộng vốn từ về loài thú (tên, một số đặc điểm của chúng)
- Luyện tập về dấu chấm, dấu phẩy

II Đồ dùng

GV : Bảng phụ viết nội dung BT1, 2

HS : VBT

III Các hoạt động dạy học chủ yếu

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
<p>1. Kiểm tra bài cũ</p> <p>1 cặp HS làm lại BT3</p> <p>2. Bài mới</p> <p>a. Giới thiệu bài</p> <p>- GV nêu MĐ, YC của tiết học</p> <p>b. HD làm bài tập</p> <p>* Bài tập 1 (M)</p> <p>- Đọc yêu cầu bài tập</p> <p>- GV chia lớp thành 3 nhóm, mỗi nhóm mang một tên con vật</p> <p>- GV gọi tên con vật nào</p> <p>* Bài tập 2 (M)</p> <p>- Đọc yêu cầu bài tập</p>	<p>- HS làm</p> <p>+ Chọn cho mỗi con vật một từ chỉ đúng đặc điểm của của nó</p> <p>- Nhóm đó đứng lên nói từ chỉ đặc điểm của con vật đó</p> <p>- Nhận xét nhóm bạn</p> <p>+ Chọn tên con vật thích hợp với mỗi chỗ</p>

<ul style="list-style-type: none"> - GV chia lớp thành 3 nhóm (thỏ, voi, hổ, sóc) * <i>Bài tập 3 (V)</i> - Đọc yêu cầu bài tập <p><u>3Củng cố, dẫn dò</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét tiết học - Nhắc HS học thuộc các thành ngữ vừa học 	<p>trống</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từng nhóm nói tên con vật thích hợp với ô trống <p>+ Điền dấu chấm hay dấu phẩy vào ô trống</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS làm bài vào VBT 1 HS lên bảng - Nhận xét bài làm của bạn
---	--

Thứ sáu ngày 13 tháng 2 năm 2015

Tiết 1+2. Ôn Toán.

TIẾT 96: TRỪ CÁC SỐ TRÒN CHỤC

I. Mục tiêu:

- Biết đặt tính, làm tính, trừ nhẩm các số tròn chục.
- Biết giải toán có lời văn.
- * BT4 dành cho HS khá, giỏi.

II. Chuẩn bị:

1. Giáo viên: SGK
2. Học sinh: Que tính

III. Hoạt động dạy và học:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<ol style="list-style-type: none"> 1. <u>Ôn định:</u> 2. <u>Kiểm tra bài cũ:</u> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi 4 học sinh lên bảng, lớp làm bảng con. <li style="margin-left: 40px;">$40 + 30$ $50 + 10$ <li style="margin-left: 40px;">$20 + 70$ $60 + 30$ - Nhận xét - Nhận xét phần KTBC. 3. <u>Bài mới:</u> <ol style="list-style-type: none"> a) Giới thiệu bài: - Ghi bảng. b) <u>Hoạt động 1:</u> Giới thiệu cách trừ hai số tròn 	<ul style="list-style-type: none"> - Hát. - HS làm bài. - Nhận xét

<p>chục (theo cột dọc).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lấy 5 chục que tính. <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên gài 5 chục que lên bảng. - Con đã lấy bao nhiêu que? <ul style="list-style-type: none"> - Viết 50. - Lấy ra 20 que tính. <ul style="list-style-type: none"> - Viết 20 cùng hàng với 50. - Giáo viên lấy 20 que tính gắn xuống dưới. - Tách 20 que còn lại bao nhiêu que? - Làm sao biết được? - GV viết dấu trừ vào để có phép tính: $50 - 20 =$ <p>* Đặt tính: Để biết $50 - 20$ bằng bao nhiêu cô hướng dẫn các em đặt tính như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + 50 gồm mấy chục, mấy đơn vị? + Ghi 5 ở cột chục và 0 ở cột đơn vị và phép trừ. <ul style="list-style-type: none"> + 20 gồm mấy chục, mấy đơn vị? + Viết như thế nào? <p>* GV chốt lại: Đặt hàng đơn vị thẳng với hàng đơn vị, chục thẳng với chục.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hỏi: $50 - 20$ bằng bao nhiêu? - Trừ như thế nào? <p>- Nhận xét, tuyên dương.</p> <p>- Vậy 50 trừ 20 bằng 30, viết 30 vào phép tính ngang $50 - 20 = 30$.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bạn nào lên đặt tính cho cô? <p>- Nêu cách thực hiện.</p> <p>c) Hoạt động 2: Thực hành</p> <p>* Bài 1: Tính</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS nêu yêu cầu bài 1. - Lưu ý học sinh viết số thẳng cột. <p>- Nhận xét.</p> <p>* Bài 2: Yêu cầu gì?</p>	<p>Học sinh lấy 5 chục.</p> <ul style="list-style-type: none"> - ... 50 que. - Học sinh lấy. <p>- 30 que tính.</p> <p>- làm tính trừ: $50 - 20 = 30$</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nêu: 5 chục, 0 đơn vị. - 2 chục, 0 đơn vị. - ... số 0 thẳng với số 0, 2 thẳng với 5. <ul style="list-style-type: none"> - bằng 30 - HS nêu: <ul style="list-style-type: none"> + lấy 0 trừ 0 bằng 0, viết 0 + 5 trừ 2 bằng 3, viết 3 - Nhận xét - HS đọc lại. <p>- Học sinh lên đặt.</p> $\begin{array}{r} 50 \\ - 20 \\ \hline 30 \end{array}$ <ul style="list-style-type: none"> - Viết 50 rồi viết 20 sao cho chục thẳng cột với chục, đơn vị thẳng cột đơn vị. <ul style="list-style-type: none"> - HS nêu: tính. - Học sinh làm bài. - 6HS sửa bảng lớp, lớp làm bảng con. - Nhận xét. - HS nêu: tính nhẩm.
--	--

<p> $40 - 30 =$ $80 - 40 =$ $70 - 20 =$ $90 - 60 =$ $90 - 10 =$ $50 - 50 =$ </p> <ul style="list-style-type: none"> - 40 còn gọi là mấy chục? - 30 còn gọi là mấy chục? - 4 chục trừ 3 chục còn mấy chục? - Vậy $40 - 30 = ?$ - Nhận xét. - Chỉ bảng cho HS đọc lại. <p>* Bài 3: - Gọi HS đọc đề bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hỏi: + Bài toán cho gì? + Bài toán hỏi gì? + Muốn biết An có tất cả bao nhiêu kẹo ta làm sao? - Cho HS làm bài, GV bao quát và giúp đỡ. - Nhận xét. <p>* Bài 4: Điền dấu >, <, =</p> <p> $50 - 10 \dots 20$ $40 - 10 \dots 40$ $30 \dots 50 - 20$ </p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS nêu yêu cầu bài 4. - Hướng dẫn. - Nhận xét. <p>Củng cố: - Hỏi: Chúng ta vừa học xong bài gì?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chia lớp 3 đội, mỗi đội cử 1 bạn thi làm toán nhanh và đúng. - Nhận xét. <p>4. Tổng kết: - Tập trừ nhằm các số tròn chục.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị: Luyện tập. - Nhận xét tiết học. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nêu: + 4 chục. + 3 chục. + 1 chục. + $40 - 30 = 10$. - Học sinh làm bài. <ul style="list-style-type: none"> - 2HS đọc đề bài - Học sinh nêu: + An có 30 cái kẹo, chị cho thêm 10 cái kẹo. + An có tất cả bao nhiêu cái kẹo. - HS nêu - Hsinh ghi tóm tắt, giải vào vở. - 2 học sinh sửa bài. - Nhận xét, bổ sung. - HS nêu Học sinh làm bài. - 3HS sửa bảng lớp, lớp làm trong vở. - Nhận xét, sửa chữa. HS chia 3 đội, cử 3HS tham gia thi đua. - Đại diện mỗi đội nêu cách trừ. <p>Nhận xét.</p>
---	---

Tiết 2. Ôn Toán.

TIẾT 96: TRỪ CÁC SỐ TRÒN CHỤC

A. MỤC TIÊU: * Qua tiết học giúp học sinh:

- Củng cố về biết đặt tính, làm tính, trừ nhằm, biết giải toán có lời văn.
- Củng cố về nôi phép tính thích hợp, làm được các bài tập 1, 2, 3, 4 5 trong bài (Trang 46) vở thực hành tiếng việt và toán theo từng đối tượng.

B. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

* GV: Nội dung các bài tập... * HS : Vở bài tập toán...

C. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p>I. Kiểm tra bài cũ: Gọi HS lên bảng</p> <p>.- Giáo viên nhận xét.</p>	<p>Tính: $70 - 20 = \dots$ $80 - 10 = \dots$</p>

<p>II. Dạy học bài mới:<i>1. Giới thiệu bài:</i></p> <p>2. Thực hành giải các bài tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn cho HS làm các bài tập <hr/> <ul style="list-style-type: none"> - HS nêu số bài tập và yêu cầu từng bài. - GV giao bài tập cho HS - HS làm việc cá nhân với bài tập được giao. - GV quan sát giúp đỡ HS yếu. - HS làm xong chữa bài. 	<p>Bài tập.(Trang 46)</p> <p>Bài 1: Đặt tính rồi tính:</p> <table style="width: 100%; text-align: center;"> <tr> <td>60</td> <td>80</td> <td>70</td> <td>90</td> <td>30</td> <td>50</td> </tr> <tr> <td>-</td> <td>-</td> <td>-</td> <td>-</td> <td>-</td> <td>-</td> </tr> <tr> <td><u>20</u></td> <td><u>40</u></td> <td><u>10</u></td> <td><u>60</u></td> <td><u>30</u></td> <td><u>40</u></td> </tr> </table> <p>Bài 2: Tính nhẩm:</p> <table style="width: 100%; text-align: center;"> <tr> <td>60 – 30 =</td> <td>70 – 50 =</td> <td>80 – 60 =</td> </tr> <tr> <td>90 – 20 =</td> <td>80 – 30 =</td> <td>50 – 10 =</td> </tr> </table> <p>Bài 3: Bài giải</p> <p>Hai lần mẹ bán được số quả trứng là:</p> <p style="text-align: center;">20 + 30 = 50 (quả trứng)</p> <p style="text-align: center;">Đáp số: 50 quả trứng</p> <p>Bài 4:Nối:</p> <table style="width: 100%; text-align: center;"> <tr> <td>80 – 70</td> <td>60 – 40</td> <td>80 – 60</td> <td>50 – 20</td> </tr> <tr> <td>⊙10</td> <td>○</td> <td>⊙30</td> <td></td> </tr> <tr> <td></td> <td>20</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>90 – 70</td> <td>50 – 40</td> <td>70 – 40</td> <td>60 – 30</td> </tr> </table> <p>Bài 5:>, <, =</p> <p style="text-align: center;">60 – 20 ... 40 70 – 40 ... 20 40 – 20 ... 40</p>	60	80	70	90	30	50	-	-	-	-	-	-	<u>20</u>	<u>40</u>	<u>10</u>	<u>60</u>	<u>30</u>	<u>40</u>	60 – 30 =	70 – 50 =	80 – 60 =	90 – 20 =	80 – 30 =	50 – 10 =	80 – 70	60 – 40	80 – 60	50 – 20	⊙10	○	⊙30			20			90 – 70	50 – 40	70 – 40	60 – 30
60	80	70	90	30	50																																				
-	-	-	-	-	-																																				
<u>20</u>	<u>40</u>	<u>10</u>	<u>60</u>	<u>30</u>	<u>40</u>																																				
60 – 30 =	70 – 50 =	80 – 60 =																																							
90 – 20 =	80 – 30 =	50 – 10 =																																							
80 – 70	60 – 40	80 – 60	50 – 20																																						
⊙10	○	⊙30																																							
	20																																								
90 – 70	50 – 40	70 – 40	60 – 30																																						
<p>III. Củng cố - Dặn dò:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét giờ học, tuyên dương những học sinh học tốt. - Nhắc HS học kỹ bài và xem trước bài 																																									

Tiết 3: Ôn Tiếng việt. Tàu thủy, giấyơ – luya, tuần lễ,...

I- Mục tiêu:

Viết đúng các chữ: *tàu thủy, giấyơ – luya, tuần lễ*, ...kiểu chữ viết thường, cỡ vừa theo vở tập viết 1- tập hai.

* HS khá giỏi viết đủ số dòng quy định trong vở tập viết 1- tập hai.

II- Chuẩn bị:

- Mẫu chữ viết các từ: *tàu thủy, giấyơ – luya, tuần lễ*.
- Bảng lớp kẻ ô li hướng dẫn HS viết.

III- Các hoạt động dạy-học

Hoạt động của giáo viên	Học sinh
<p>1. Ôn định lớp</p> <p>2. Kiểm tra bài cũ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi 2HS lên bảng viết lại từ: <i>khỏe khoắn, khoan tay.</i> - GV nhận xét, tuyên dương HS viết đúng, đẹp. <p>3. Dạy bài mới</p> <p>a. GV giới thiệu bài và ghi bảng: <i>tàu thủy, giấy pơ – luya, tuần lễ,....</i></p> <p>b. Hướng dẫn HS viết</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS xem mẫu chữ từ <i>tàu thủy</i> và hỏi: <ul style="list-style-type: none"> + Từ <i>tàu thủy</i> có mấy tiếng? Tiếng nào đứng trước, tiếng nào đứng sau? + Tiếng bập gồm những chữ gì? Cao mấy ô? Tiếng bênh gồm những chữ nào? Cao mấy ô?(GV kết hợp viết mẫu). - GV nhận xét, tuyên dương. - Cho HS viết bảng con từ <i>tàu thủy</i>. - GV nhận xét, tuyên dương HS viết đúng, đẹp. <p>Tương tự GV hướng dẫn các từ còn lại: <i>giấy pơ – luya, tuần lễ, chim khuyên, nghệ thuật, tuyệt đẹp.</i></p> <p>c. Học sinh luyện viết</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nêu yêu cầu HS viết vào vở tập viết. - GV bao quát lớp, nhắc nhở tư thế ngồi, nôi nét... <p>d. Chấm bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV thu 6-7 vở chấm và nhận xét tại lớp. - Tuyên dương HS có tiến bộ, nhắc nhở HS viết chưa đẹp. <p>4. Củng cố, dặn dò</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nói: Chúng ta vừa viết tập viết những từ: <i>tàu thủy, giấy pơ – luya, tuần lễ, chim khuyên, nghệ thuật, tuyệt đẹp.</i> - Cho 3HS thi viết nhanh, viết đẹp một từ trên bảng: giấy pơ - luya.- GV nhận xét, tuyên dương. - Dặn HS về nhà luyện viết thêm cho chữ ngày càng đẹp hơn. <p>5. Tổng kết: GV nhận xét tiết học.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 2HS viết bảng, lớp viết bảng con. - HS quan sát và trả lời: <ul style="list-style-type: none"> + Từ <i>tàu thủy</i> có 2 tiếng (tiếng tàu đứng trước, tiếng thủy đứng sau) - HS phân tích tiếng. - HS quan sát - HS viết bảng con - HS viết vào vở - 3HS thi viết, lớp cổ vũ

Tiết 4: Ôn Tiếng việt. ÔN TẬP

I. MỤC TIÊU: *Sau bài học, HS có thể:

- Đọc và viết thành thạo các vần : **uê, uy, uơ, uya, uân, uyên, uât, uyêt, uynh, uych**
- Đọc đúng và trôi chảy các từ ứng dụng và đoạn thơ ứng dụng.
- Nghe hiểu và kể lại theo tranh truyện kể : Truyện kể mãi không hết.

***GT: Chưa yêu cầu tất cả HS kể chuyện trong mục kể chuyện.**

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

* SGK T.Việt 1.Bảng ôn

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

* SGK T.Việt 1.Bảng ôn

* Tranh minh hoạ chuyện kể. * Các phiếu trắng để HS điền từ.

□ Bảng ôn kẻ sẵn theo mẫu:

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

<i>HOẠT ĐỘNG CỦA GV</i>	<i>HOẠT ĐỘNG CỦA HS</i>
<p>1. Giới thiệu bài: Ôn tập</p> <p>2. Ôn tập:</p> <p><u>a, Ôn các vần đã học</u></p> <p>*GV ghi các vần đã học lên bảng đã kẻ sẵn.</p> <p><u>b, Học bài ôn:</u></p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p> <p>- Cho HS đọc trơn từ :</p> <p>* GV ghi câu ứng dụng lên bảng cho HS đọc thầm và tìm tiếng có vần vừa ôn (thuyền)</p> <p>- HS đọc thầm tìm tiếng có vần mới học:</p> <p>- HS luyện đọc tiếng và câu ứng dụng.</p> <p>- Giáo viên hướng dẫn + đọc mẫu.</p> <p>- 6 HS đọc bài cá nhân, tổ, lớp đọc.</p> <p>- GV yêu cầu HS viết vào vở ô li</p> <p>- HS viết vào vở tập viết.</p> <p>* GV kể chuyện theo tranh</p> <p>- GV đặt các câu hỏi cho HS trả lời theo tranh vẽ:</p> <p>- Nhận xét tuyên dương.</p> <p>4. Củng cố, dặn dò:</p> <p>- Cho HS đọc lại bài ôn và từ ứng dụng.</p> <p>- Khuyến khích HS tự tìm các chữ và âm đã học trong bảng ôn trong sách báo.</p> <p>- HDVN: về nhà đọc bài ôn.</p>	<p>- Cho HS đọc to các vần ở dòng đầu tiên ở mỗi bài.</p> <p>- Cho lớp đọc đồng thanh.</p> <p>- Lớp đọc đồng thanh bảng ôn tập sau khi đã ghép xong..</p> <p>*HS đọc : Một em chỉ vào bảng ôn, một em đọc theo tay chỉ của bạn</p> <p>* <i>Đọc câu ứng dụng.</i></p> <p>Sóng nâng thuyền Lao hồi hả Lưới tung tròn Khoang đầy cá Gió lên rồi Cánh buồm ơi.</p> <p style="text-align: center;"><i>hoà thuận, luyện tập.</i></p> <p>* Truyện kể mãi không hết.</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS trả lời câu hỏi và kể theo nội dung từng tranh.</p>

Tiết 3. Ôn Tiếng việt. BÀI: TÀU THUYỀN – GIẤY PO-LUYA – TUẦN LỄ CHIM KHUYÊN– NGHỆ THUẬT– TUYỆT ĐẸP

I. Mục tiêu :

- Giúp HS nắm được nội dung bài viết, đọc được các từ trong bài viết.
- Viết đúng độ cao các con chữ.
- Biết cầm bút, tư thế ngồi viết.

II. Đồ dùng dạy học:

- Mẫu viết bài 20, vở viết, bảng ...

III. Các hoạt động dạy học :

Hoạt động GV	Hoạt động HS
<p>1. <u>KTBC</u>: Hỏi tên bài cũ. Gọi 3 HS lên bảng viết.</p> <p>Gọi 1 tổ nộp vở để GV chấm. Nhận xét bài cũ.</p> <p>2. <u>Bài mới</u> : Qua mẫu viết GV giới thiệu và ghi tựa bài. GV hướng dẫn học sinh quan sát bài viết. GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu cách viết. Gọi học sinh nêu nội dung bài viết. Phân tích nội dung, khoảng cách các chữ trong bài viết. HS viết bảng con. GV nhận xét và sửa sai cho học sinh trên lớp khi viết. GV theo dõi giúp các em hoàn thành bài viết của mình trên lớp.</p> <p>3. <u>Thi đua</u> : Cho HS viết bài vào tập. GV theo dõi nhắc nhở động viên một số học sinh viết chậm, giúp các em hoàn thành bài viết.</p> <p>4. <u>Củng cố</u> Hỏi lại tên bài viết. Gọi HS nêu nội dung bài viết. Thu và chấm một số bài. Nhận xét tuyên dương.</p> <p>5. <u>Đánh giá</u>: Viết bài ở nhà xem bài tiếp theo.</p>	<p>1 HS nêu tên bài viết trên lớp. 3 học sinh lên bảng viết sách giao khoa, học sinh hoay, khoe khoa. Lớp viết bảng con: ao choàng, kẻ hoa, khoanh tay. Chấm bài tập.</p> <p>HS nêu tựa bài.</p> <p>HS theo dõi và viết bảng con. Tả thuy, giáng p-z-luya, tuấn lệ, chim khuyếch, nghe thú, tuyền đẹp. HS thi phân tích.</p> <p>Học sinh nêu : Các con chữ {w z u viết cao 5 dòng kẻ {l a ~ h, l, k. Các con chữ {keo xuống thấp cao 5 dòng kẻ {l a ~ g, y. Các con chữ {cao 4 dòng kẻ l a ~ w, p (keo cao net keo xuống); 3 dòng kẻ l a ~ t. Còn lại các nguyên âm viết cao 2 dòng kẻ { Khoảng cách giữa các chữ {bảng 1 vòng tròn khép kín. Học sinh viết 1 số từ khó. HS thi đua viết bài viết. HS nêu: Tả thuy, giáng p-z-luya, tuấn lệ, chim khuyếch, nghe thú, tuyền đẹp.</p>

TUẦN 25

Thứ hai ngày 2 tháng 3 năm 2015

Tiết 1. Ôn Toán.

ÔN TIẾT 96: TRỪ CÁC SỐ TRÒN CHỤC.

I. MỤC TIÊU: *Bước đầu giúp HS:*

- Biết làm tính trừ hai số tròn chục trong phạm vi 100
- Tập trừ nhẩm hai số tròn chục (trong phạm vi 100).
- Củng cố về giải Toán có lời văn.

II. CHUẨN BỊ:

* Các bó, mỗi bó có một chục que tính

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

<i>HOẠT ĐỘNG CỦA GV</i>	<i>HOẠT ĐỘNG CỦA HS</i>
<p>I. Kiểm tra:</p> <ul style="list-style-type: none"> -GV gọi HS lên bsngr làm BT -GV nhận xét <p>II. Giới thiệu cách trừ hai số tròn chục: <i>(theo cột dọc)</i></p> <p>* <i>Bước 1:</i> Hướng dẫn HS thao tác trên các que tính</p> <p>* <u>Bước 2:</u> HD kỹ thuật tính</p> <p>- Gọi HS nêu lại cách trừ.</p> <p>- Một số HS nhắc lại,</p> <p>• Tính (từ phải sang trái)</p> <p>* <u>Thực hành</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Khi chữa, có thể gọi HS nêu cách tính. <ul style="list-style-type: none"> • GVHDHS trừ nhẩm hai số tròn chục. <p>Chẳng hạn muốn tính: $50 - 30$ ta nhẩm: 5 chục - 3 chục = 2 chục, Vậy: $50 - 30 = 20$</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khi gọi HS chữa bài, nên YC HS đọc KQ theo - HS nêu yêu cầu của bài rồi làm và chữa . * Cho HS tự đọc đề toán, tự giải bài toán rồi chữa <p>III. Củng cố – Dẫn dò: -Nhận xét tiết</p> <ul style="list-style-type: none"> *. Dẫn dò HS về nhà học bài. *Chuẩn bị bài hôm sau. 	<p>HS lên bảng</p> <p>* GV gọi một em lên bảng đọc tất cả số tròn chục.</p> <p>• Đặt tính:</p> $\begin{array}{r} 50 \\ - 20 \\ \hline 30 \end{array}$ <p>* 5 trừ 2 bằng 3, viết 3. Vậy $50 - 20 = 30$</p> <p>- <u>Bài 1:</u> <i>Tính:</i> Cho HS nêu tự làm bài và chữa.</p> <p>- <u>Bài 2:</u> <i>Tính nhẩm:</i> $60 - 20 = 40$ $90 - 10 = 80$ $70 - 30 = 40$ $80 - 40 = 40$</p> <p>- <u>Bài 3:</u> <i>Bài giải</i> An có tất cả số kẹo là: $30 + 10 = 40$ (cái kẹo) Đáp số: 40 cái kẹo</p>

Tiết 2+3. Ôn Tập đọc.

TRƯỜNG EM

I) MỤC TIÊU:

- Hiểu nội dung bài: Ngôi trường là nơi gắn bó, thân thiết với bạn HS
- Đọc trơn cả bài. Đọc đúng các từ ngữ: *cô giáo, dạy em, điều hay, mái trường.*
- Trả lời được câu hỏi 1, 2 (SGK)
- Giáo dục học sinh yêu mến mái trường.

II) CHUẨN BỊ:- Tranh minh họa.

III) CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>2. Bài cũ: Ôn tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc bài ở sách giáo khoa - Viết: <i>ủy ban, hòa thuận, luyện tập.</i> - Nhận xét. <p>3. Bài mới:- Giới thiệu bài</p> <p>* <u>Hoạt động 1:</u> Hướng dẫn luyện đọc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên đọc mẫu. * Luyện đọc tiếng, từ ngữ - Giáo viên ghi các từ ngữ luyện đọc: <i>cô giáo, dạy em, rất yêu, trường học, thứ hai, mái trường, điều hay.</i> - Luyện đọc kết hợp phân tích tiếng. - Gv từ khó: Ngôi nhà thứ hai, thân thiết * Luyện đọc câu: - Đọc nối tiếp câu * Luyện đọc đoạn, bài <p>* <u>Hoạt động 2:</u> Ôn các vần ai – ay.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm trong bài tiếng có vần ai – ay. - Phân tích các tiếng đó. - Tìm tiếng ngoài bài có vần ai – ay. - Quan sát tranh SGK. Dựa vào câu mẫu, nói câu mới theo yêu cầu. - Giáo viên hướng dẫn học sinh nói câu <p>hạn xét, tuyên dương đội nói tốt.</p> <p>* <u>Hoạt động 3:</u> Tìm hiểu bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên đọc mẫu. <p>* <u>Đọc đoạn 1.</u> Trong bài, trường học được</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc bài - HS viết bảng con. <p>- Học sinh dò theo.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận tìm từ khó - Đại diện các nhóm nêu từ khó, nhóm khác bổ sung - Học sinh luyện đọc từ khó. <p>HS luyện đọc câu.</p> <ul style="list-style-type: none"> + 1 câu 2 học sinh đọc. + Mỗi bàn đồng thanh 1 câu. <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc từng đoạn, mỗi em 1 đoạn đọc nối tiếp nhau, cá nhân đọc cả bài(N- tổ) - Cả lớp ĐT cả bài 1 lần ... thứ hai, mái trường, điều hay. - Học sinh thảo luận và nêu. - Viết vào vở bài tập TV <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh đọc câu mẫu. + Đội A nói câu có vần ai. + Đội B nói câu có vần ay. <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh theo dõi. - 2 học sinh đọc.

<p>gọi là gì? * <u>Đọc đoạn 2.</u> + Vì sao trường học được gọi là ngôi nhà thứ hai của em?</p> <p>- Giáo viên nhận xét - sửa sai.</p> <p>* <u>Hoạt động 4:</u> Luyện nói. - Treo tranh SGK. + Tranh vẽ gì?</p> <p>- Giáo viên nhận xét - tuyên dương nhóm luyện nói tốt nhất.</p> <p>4. Củng cố - Dặn dò: - Đọc lại toàn bài. + Vì sao em yêu ngôi trường của mình? - Về nhà đọc lại bài.</p>	<p>... ngôi nhà thứ hai của em. - 3 học sinh đọc. - ... ở trường có cô giáo như mẹ hiền, có bạn bè thân thiết như anh em. Trường học dạy em thành người tốt, Trường học dạy em những điều hay - Hỏi nhau về trường lớp của mình - Học sinh quan sát. ... Hai bạn đang trò chuyện. - Hsinh tự đặt câu hỏi cho nhau và trả lời. + Trường của bạn là trường gì? + Ở trường bạn yêu ai nhất? + Bạn thân với ai nhất trong lớp? - Học sinh đọc.</p>
---	--

Tiết 4. Rèn chữ

Chính tả : TRƯỜNG EM

I) MỤC TIÊU:

- Nhìn sách chép lại đúng đoạn “*Trường học là ... anh em*”: 26 chữ trong khoảng 15 phút.
- Điền đúng vần *ai, ay*, chữ *k, c* vào chỗ trống
- Làm được BT 2, 3 (SGK)
- Củng cố tình cảm yêu mến mái trường.

II) CHUẨN BỊ:

- Bảng phụ chép đoạn văn và 2 BT

III) HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động: 2. Bài mới: Giới thiệu bài * <u>Hoạt động 1:</u> Hướng dẫn tập chép. - Giáo viên treo bảng có đoạn văn. - Tìm từ khó viết. - Giáo viên gạch chân. - Phân tích các tiếng đó. - Viết bài - HD cách trình bày: chữ đầu đoạn văn lùi vào 1 ô, sau dấu chấm phải viết hoa. - Giáo viên quan sát, theo dõi các em. - Soát lỗi - Giáo viên thu kiểm tra một số bài.</p>	<p>- 2, 3 học sinh đọc đoạn văn. - Học sinh nêu: <i>trường, ngôi, nhiều, giáo, hai, hiền, thiết.</i> - Học sinh phân tích. - HS tự nhẩm đánh vần và viết vào bảng con. - Học sinh viết bài vào vở. - Hai em ngồi cùng bàn đổi vở cho nhau - Soát lỗi - Ghi lỗi sai ra lề đỏ.</p>

<ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét. *<u>Hoạt động 2</u>: HD làm bài tập chính tả. <u>Bài tập 2</u>: Điền vào chỗ trống ai hay ay. - Nhận xét, sửa sai + <u>Bài tập 3</u>: Điền c hay k. - Nhận xét, sửa sai 3.Củng cố - Dặn dò: - Nhận xét, tuyên dương các em viết đẹp.: - viết lại lỗi chính tả đã viết sai trong bài. 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 học sinh đọc yêu cầu BT - 2 học sinh làm miệng: <i>gà mái, máy ảnh.</i> - Lớp làm vào vở. - Học sinh đọc yêu cầu. - 3 HS làm miệng: cá vàng, thước kẻ, lá cọ. - Lớp làm vào vở.
---	--

Thứ ba ngày 3 tháng 3 năm 2015

Tiết 1. Ôn Toán.

TIẾT 121: MỘT PHẦN NĂM

I. MỤC TIÊU

- Giúp HS : Bước đầu nhận biết được một phần năm .Biết đọc , viết

***GT: Bài 2,3 giảm tải thay ôn bảng chia 5.**

II. CHUẨN BỊ

- Các hình vuông , hình tròn , hình tam giác đều giống như hình vẽ trong SGK .

III. LÊN LỚP

A. Kiểm tra bài cũ

- Kiểm tra vở bài tập ở nhà.
- Nhận xét đánh giá bài học sinh .

B.Bài mới : Giới thiệu bài

* *Giới thiệu “ Một phần năm $\frac{1}{5}$ ”*

- Cho HS quan sát hình vuông như hình vẽ trong sách sau đó dùng kéo cắt hình vuông ra thành 5 phần bằng nhau và giới thiệu : “ Có 1 hình vuông chia thành 5 phần bằng nhau , lấy đi một phần , ta được một phần năm hình vuông “

“ Có 1 hình tròn chia thành 5 phần bằng nhau , lấy đi một phần , ta được một phần năm hình tròn“

“ Có 1 hình tam giác chia thành 5 phần bằng nhau lấy đi một phần , ta được một phần năm hình tam giác “

Trong toán học để thể hiện một phần năm hình tròn ,một phần năm hình vuông , một phần năm hình tam giác người ta dùng số “ Một phần năm”

- HS theo dõi

- Viết là : $\frac{1}{5}$.

- Hs đọc và viết $\frac{1}{5}$

3) Luyện tập

- Gọi HS nêu bài tập 1 .

Yêu cầu học sinh suy nghĩ và tự làm bài , sau đó gọi học sinh phát biểu ý kiến .

- Nhận xét và ghi điểm học sinh.

4 Củng cố - Dặn dò

- Nhận xét đánh giá tiết học .

- Dặn về nhà học và làm bài tập .

- HS đọc và viết vào bảng con

Bài 1: - Gọi HS nêu bài tập 1 .

Yêu cầu học sinh suy nghĩ và tự làm bài , sau đó gọi học sinh phát biểu ý kiến .

- Nhận xét và ghi điểm học sinh.

Bài 2,3 (Giảm tải) Thay ôn bảng chia 5.

Tiết 2. Ôn Tập đọc.

SƠN TINH , THỦY TINH

I. MỤC TIÊU

1. *Đọc* : Đọc lưu loát cả bài . Đọc đúng các từ khó dễ lẫn do phương ngữ.

- Biết đọc nghỉ hơi sau các dấu câu và giữa các cụm từ . Phân biệt được lời của các nhân vật.

2. *Hiểu*: Hiểu nghĩa các từ ngữ : *câu hôn , lễ vật , ván , nẹp , ngà , cửa , hồng mao...* .

- Hiểu nội dung :Truyện giải thích hiện tượng lũ lụt xảy ra ở nước ta hàng năm là do Thủy Tinh dâng nước trả thù Sơn Tinh . Qua đó truyện cũng ca ngợi ý chí kiên cường của nhân dân ta trong việc đắp đê chống lụt lội.

II. CHUẨN BỊ

- Tranh minh họa , bảng phụ viết các câu văn cần hướng dẫn luyện đọc.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A Kiểm tra bài cũ

- HS đọc và trả lời câu hỏi bài “ Voi nhà”

- 3 em lên bảng đọc trả lời câu hỏi. -Gv nx

B. Bài mới : Giới thiệu

-Luyện đọc

a. Đọc mẫu :GV đọc mẫu diễn cảm bài văn .

b. Hướng dẫn đọc kết hợp giải nghĩa từ

* Đọc câu:

* Đọc từng đoạn :

* Luyện đọc trong nhóm .

* Tổ chức đọc giữa các nhóm

- Lắng nghe nhận xét.

* Đọc đồng thanh: đoạn 3 của bài.

3. Tìm hiểu bài: Yc lớp đọc thầm trả lời CH :

- Những ai đến cầu hôn Mị Nương ?

tài giỏi , nước thăm , lễ vật , đuổi đánh , cửa , biển , lũ ,...

- Bài này có 3 đoạn .

-Hai vị thần đó là Sơn Tinh và Thủy Tinh .

<ul style="list-style-type: none"> - Họ là những vị thần từ đâu đến ? - Lễ vật mà Hùng Vương yêu cầu gồm những gì ? - Thủy Tinh đã đánh Sơn Tinh bằng cách nào ? - Sơn Tinh đã chống lại Thủy Tinh ra sao ? - Hãy kể lại toàn bộ cuộc chiến đấu giữa hai vị thần ? - Câu văn nào trong bài cho thấy Sơn Tinh là người luôn chiến thắng trong cuộc chiến này? <p>4. Luyện đọc lại Yêu cầu nối tiếp nhau đọc lại bài .</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mời em khác nhận xét , giáo viên NX <p>5 Củng cố dặn dò: Em thích nhân vật nào trong truyện? Vì sao?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên nhận xét đánh giá . 	<ul style="list-style-type: none"> - Sơn Tinh ở miền non cao, Thủy Tinh là vua miền sông nước . - Một trăm ván cơm nếp, hai trăm nệp..., ngựa chín hồng mao ,.. - Thủy Tinh hô mưa gọi gió, dâng nước cuộn cuộn . - Sơn Tinh bốc từng quả đồi , dời từng dãy núi để chặn dòng nước lại . - Hai em kể lại trận chiến Sơn Tinh và Thủy Tinh. - Thủy Tinh dâng nước lên bao nhiêu Sơn Tinh lại dâng đồi lên cao bấy nhiêu . -
---	---

Tiết 3. Ôn kể chuyện

SƠN TINH, THỦY TINH

I. MỤC TIÊU

- Biết sắp xếp lại theo thứ tự các bức tranh minh họa theo đúng trình tự câu chuyện Sơn Tinh , Thủy Tinh . Dựa vào tranh minh họa và gợi ý của giáo viên để kể lại được từng đoạn và toàn bộ câu chuyện . Biết thể hiện lời kể của mình tự nhiên với nét mặt , điệu bộ , cử chỉ , biết thay đổi giọng kể cho phù hợp với nội dung câu chuyện. Biết theo dõi lời kể của bạn và nhận xét đánh giá lời kể của bạn .

II. CHUẨN BỊ

- 3 Tranh minh họa câu chuyện phóng to .

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

<p>A.Kiểm tra bài cũ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi 2 em lên bảng nối tiếp nhau kể lại câu chuyện “ Quả tim Khỉ “. - Nhận xét học sinh . <p>B.Bài mới :1, Phần giới thiệu</p> <p>2) Hướng dẫn kể chuyện</p> <p>a/ Sắp xếp lại theo thứ tự các bước tranh đúng nội dung câu chuyện</p> <ul style="list-style-type: none"> -Gọi một HS đọc yêu cầu bài tập 1 . Treo tranh và yêu cầu lớp quan sát tranh . -Bức tranh 1 minh họa điều gì ? <p><i>Đây là nội dung thứ mấy của câu chuyện ?</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sắp xếp theo thứ tự các bức tranh theo đúng nội dung câu chuyện . - Quan sát tranh trong nhóm . - Minh họa trận đánh của hai vị thần: Thủy ...dãy núi chặn dòng nước lại . - Đây là nội dung cuối cùng của câu chuyện
---	--

<p><i>Bức tranh 2 vẽ cảnh gì ?</i></p> <p><i>Đây là nội dung thứ mấy của câu chuyện ?</i> <i>Hãy nêu nội dung của bức tranh thứ 3</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Em hãy sắp xếp theo đúng thứ tự của các bức tranh theo nội dung câu chuyện ? <p>b/ Kể lại toàn bộ nội dung câu chuyện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chia lớp thành các nhóm nhỏ , mỗi nhóm có 3 em tập kể lại câu chuyện trong nhóm. - Yc các nhóm kể - Tổ chức cho các nhóm thi kể . - Các nhóm cử đại diện của mình lên kể. - GV nhận xét tuyên dương nhóm kể tốt . - Gọi một em khá kể lại toàn bộ câu chuyện <p>3) Củng cố , dặn dò</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên nhận xét đánh giá 	<ul style="list-style-type: none"> - Cảnh Sơn Tinh mang lễ vật đến trước và đón được Mị Nương . - Đây là nội dung thứ hai của câu chuyện . - Hai vị thần đến cầu hôn Mị Nương . - 1 HS lên bảng sắp xếp lại thứ tự các bức tranh 3 , 2 , 1 . - Chia nhóm và tập kể trong nhóm . - Các nhóm thi kể theo hình thức nối tiếp . - Mỗi lần một bạn kể 1 bức tranh các bạn khác trong nhóm lắng nghe nhận xét . - Lớp nghe nhận xét bình chọn nhóm kể tốt . - Một em khá kể lại toàn bộ câu chuyện .
---	---

Tiết 4. Rèn chữ

SƠN TINH, THỦY TINH

I. MỤC TIÊU

- Nhìn bảng và chép đúng không mắc lỗi đoạn trích: *Hùng Vương thứ mười tám..cầu hôn công chúa cho* trong truyện “ *Sơn Tinh Thủy Tinh* “ Trình bày đúng hình thức .
- Làm đúng các bài tập chính tả phân biệt *ch / tr / dấu hỏi / ngã* .

II. CHUẨN BỊ

- Bảng phụ viết sẵn nội dung đoạn chép . Viết sẵn bài tập 2 .

III. LÊN LỚP

A.Kiểm tra bài cũ

- Gọi 3 em lên bảng viết từ *lụt lội , lục đục, rụt rè , sút bóng ,...*
- Nhận xét học sinh .

B.Bài mới

1) Giới thiệu bài

2) Hướng dẫn tập chép

a/ Ghi nhớ nội dung đoạn viết

- Gv đọc mẫu – 2 HS đọc lại .
- *Đoạn trích này giới thiệu với chúng ta điều gì?*

b/ Hướng dẫn trình bày

c/ Hướng dẫn viết từ khó

- *Hãy tìm trong bài những chữ bắt đầu bằng*

- Đoạn văn giới thiệu về vua Hùng Vương thứ 18 . Có người con gái xinh đẹp tuyệt vời . Khi nhà vua kén chồng cho con gái thì có hai chàng trai đến cầu hôn .

- Quan sát bài văn đã viết sẵn và nhận xét
- Sơn Tinh Thủy Tinh là tên riêng ; và các chữ cái đầu câu viết hoa .

<p><i>âm d / r / gi / ch / tr và các chữ có dấu hỏi dấu ngã.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc tiếng vừa nêu yêu cầu viết vào bảng con -Giáo viên nhận xét chỉnh sửa cho HS <p>d/Chép bài : -Treo bảng phụ đã chép sẵn đoạn viết lên để học sinh chép vào vở.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Theo dõi chỉnh sửa cho học sinh <p>e/Soát lỗi : -Đọc lại để học soát bài.</p> <p>g/ Chấm bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu vở học sinh chấm nhận xét. <p>3) Hướng dẫn làm bài tập HS đọc YC</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài tập này yêu cầu chúng ta làm gì ? - Gọi hai em lên bảng làm bài . - Yêu cầu ở lớp làm vào vở . - Hai em khác nhận xét bài bạn trên bảng . -Nhận xét bài và chốt lại lời giải đúng. - Tuyên dương và ghi điểm học sinh. <p>4. Củng cố - Dặn dò</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên nhận xét đánh giá tiết học - Nhắc nhớ trình bày sách vở sạch đẹp. - Dặn về nhà học bài và làm bài xem trước bài. 	<ul style="list-style-type: none"> - tuyệt trần, công chúa, chồng, chàng trai, non cao, giỏi, thăm ,... . - <i>giỏi , thăm , công chúa ..</i> <p>Bài 1: 2em làm bài trên bảng, lớp làm vở</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>trú mưa , truyền tin , chuyền càn , chở hàng , trở về .</i> <i>số chẵn , số lẻ , chăm chỉ , lòng lẻo , mệt mỏi, buồn bã .</i> - Lớp theo dõi và nhận xét bài bạn . <p>Bài 2</p> <ul style="list-style-type: none"> -<i>Thanh hỏi : chổi rom , ngủ say , ngỏ lời , ngẩng đầu , thăm thăm , chỉ trỏ , trẻ em , biên cả ,</i> + <i>Thanh ngã : ngô hẹp , ngã , ngẫm nghĩ , xanh thăm , kĩ càng , rõ ràng , bãi cát , số chẵn ,...</i>
---	--

Thứ tư ngày 4 tháng 3 năm 2015

Tiết 1+2. Ôn Tập đọc.

TẶNG CHÁU

I) MỤC TIÊU:

- Đọc trơn cả bài. Đọc đúng các từ ngữ: *tặng cháu, lòng yêu, gọi là, nước non.*
- Hiểu nội dung bài: *Bác Hồ rất yêu các cháu thiếu nhi và mong muốn các cháu học giỏi để trở thành người có ích cho đất nước.*
- Trả lời được câu hỏi 1, 2 (SGK)
- Học thuộc lòng bài thơ
- Giáo dục HS biết kính yêu Bác Hồ.

II) CHUẨN BỊ:

- Tranh minh họa.

III)HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1.Khởi động:</p> <p>2.Bài cũ: Trường em</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc bài và TLCH - Tìm tiếng có vần ai - ay - Nhận xét. <p>3.Bài mới:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc bài - HS viết bảng con.

<p>- Giới thiệu bài</p> <p>* <u>Hoạt động 1</u>: Hướng dẫn luyện đọc.</p> <p>- Giáo viên đọc mẫu.</p> <p> * Luyện đọc tiếng, từ ngữ</p> <p>- Giáo viên ghi các từ ngữ luyện đọc: <i>tặng cháu, lòng yêu, gọi là, nước non.</i></p> <p>- Luyện đọc kết hợp phân tích tiếng.</p> <p>- Giải nghĩa từ khó</p> <p> * Luyện đọc câu:</p> <p>- Đọc nối tiếp câu</p> <p> * Luyện đọc đoạn, bài</p> <p> </p> <p>* <u>Hoạt động 2</u>: Ôn các vần ao - au. Tìm trong bài tiếng có vần au.</p> <p>- Phân tích các tiếng đó.</p> <p>- Tìm tiếng ngoài bài có vần ao - au.</p> <p>- Quan sát tranh SGK. Dựa vào câu mẫu, nói câu mới theo yêu cầu.</p> <p>- Giáo viên hướng dẫn học sinh nói câu</p> <p>- Nhận xét, tuyên dương đội nói tốt.</p> <p> * Hát chuyển tiết.</p> <p>* <u>Hoạt động 1</u>: Tìm hiểu bài.</p> <p>- Giáo viên đọc mẫu.</p> <p>- Đọc câu thơ đầu.</p> <p>+ Bác Hồ tặng vở cho ai?</p> <p>- Đọc 2 câu cuối.</p> <p>+ Bác mong các bạn nhỏ làm gì?</p> <p>* <i>Bài thơ nói lên sự yêu mến, quan tâm của Bác Hồ với các bạn học sinh.</i></p> <p>- Giáo viên nhận xét..</p> <p>* <u>Hoạt động 2</u>: Học thuộc lòng.</p> <p>- Giáo viên cho học sinh đọc toàn bài.</p> <p>- HD HS đọc từng dòng</p> <p>- Gv xóa dần bảng luyện cho HS đọc thuộc lòng</p> <p>- Giáo viên nhận xét – tuyên dương</p> <p>* <u>Hoạt động 3</u>: Hát các bài hát về Bác Hồ</p> <p>- Cả lớp hát bài: Ai yêu Nhi Đồng.</p>	<p>- Học sinh dò theo.</p> <p>- HS thảo luận tìm từ khó</p> <p>- Đại diện các nhóm nêu từ khó, nhóm khác bổ sung</p> <p>- Học sinh luyện đọc từ khó.</p> <p>- HS luyện đọc câu.</p> <p> + 1 câu 2 học sinh đọc.</p> <p> + Mỗi bàn đồng thanh 1 câu.</p> <p>- HS đọc từng đoạn, mỗi em 1 đoạn đọc nối tiếp nhau, cá nhân đọc cả bài(N - tổ đọc)</p> <p>- Cả lớp ĐT cả bài 1 lần</p> <p>... sau, cháu.</p> <p>-</p> <p>- Học sinh thảo luận và nêu.</p> <p>- Viết vào vở bài tập TV</p> <p>- Học sinh đọc câu mẫu.</p> <p> + Đội A nói câu có vần ao</p> <p> + Đội B nói câu có vần au.</p> <p>... cho bạn học sinh.</p> <p>- 2 học sinh đọc.</p> <p>... Ra sức học tập để thành người.</p> <p>- Học sinh đọc toàn bài.</p> <p> </p> <p>- Học sinh luyện đọc thuộc lòng</p> <p>- Học sinh thi học thuộc lòng bài thơ.</p>
--	---

+ Bài hát ca ngợi ai? + Em biết bài hát nào về Bác Hồ nữa? - Giáo viên nhận xét. 4. Cũng cố - Dặn dò: - Thi đọc thuộc bài thơ. - Về nhà tiếp tục học thuộc. - Nhận xét tiết học	- Học sinh hát. ... Bác Hồ. - Học sinh xung phong thi đua theo tổ.
--	--

Tiết 3. Ôn Toán.

Tiết 97: LUYỆN TẬP

I) MỤC TIÊU:

- Biết đặt tính, làm tính, trừ nhẩm các số tròn chục.
- Biết giải toán có lời văn.
- Làm đúng BT 1, 2, 3, 4
- Giáo dục học sinh tính cẩn thận, chính xác khi làm bài.

II) CHUẨN BỊ:

- Bộ đồ dùng dạy - học Toán.

III) CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động : 2. Bài cũ: Trừ các số tròn chục	- Hát

<p>+ Điền dấu >, <, = $50 - 10 \dots 20$; $40 - 10 \dots 40$; $30 \dots 50 - 20$ - Nhận xét 3. Bài mới : * Thực hành – Luyện tập <u>Bài 1 :</u> <u>Bài 2:</u> <u>Bài 3:</u> <u>Bài 4:</u></p> <p>4. Củng cố – Dặn dò: - Nhận xét tiết học - Về nhà làm lại các BT - Chuẩn bị bài: Điểm ở trong, điểm ở ngoài một hình.</p>	<p>- HS làm vào bảng con</p> <p>a. Học sinh đặt tính rồi tính</p> <p>- HS điền số vào ô trống</p> <p>- Học sinh 2 dãy thi đua</p> <p>a) $60\text{cm} - 10\text{cm} = 50$ <table border="1" style="display: inline-table; vertical-align: middle;"><tr><td>S</td></tr><tr><td>Đ</td></tr></table></p> <p>b) $60\text{cm} - 10\text{cm} = 50\text{cm}$</p> <p>c) $60\text{cm} - 10\text{cm} = 40\text{cm}$ <table border="1" style="display: inline-table; vertical-align: middle;"><tr><td>S</td></tr></table></p> <p>- Học sinh làm bài vào vở Số bát có tất cả là: $20 + 10 = 30$ (cái bát) Đáp số: 30 cái bát</p>	S	Đ	S
S				
Đ				
S				

Tiết 4. Ôn Toán. Tiết 98 : ĐIỂM Ở TRONG, ĐIỂM Ở NGOÀI MỘT HÌNH

I) MỤC TIÊU:

- Nhận biết được điểm ở trong, điểm ở ngoài một hình, biết vẽ một điểm ở trong hoặc ở ngoài một hình.
- Biết cộng, trừ số tròn chục, giải bài toán có có phép cộng
- Làm đúng BT 1, 2, 3, 4
- Giáo dục học sinh yêu thích khi học toán.

II) CHUẨN BỊ:

- Bộ đồ dùng dạy - học Toán.

III) CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:

<p>1. Khởi động : 2. Bài cũ: $30 + 50 =$; $80 - 40 =$</p>	<p>- Hát - HS lên bảng làm bài.</p>
--	---

<p>$70 - 20 =$; $50 + 40 =$</p> <p>- Nhận xét.</p> <p>3. Bài mới :</p> <p>* <u>Hoạt động 1</u>: Giới thiệu điểm ở trong, ở ngoài hình.</p> <p>- Gắn hình vuông.</p> <p>- Đính bông hoa lên phía trong, con bướm phía ngoài.</p> <p>- Nhận xét xem bông hoa và con bướm nằm ở đâu?</p> <p>* Giới thiệu điểm ở phía trong và ngoài hình vuông:</p> <p>- Chấm 1 điểm ở trong và 1 điểm ngoài hình vuông.</p> <p>* Tương tự cho điểm ở trong và ngoài hình tròn.</p> <p>* <u>Hoạt động 2</u>: Thực hành.</p> <p><u>Bài 1</u>:</p> <p>- GV nêu yêu cầu bài tập.</p> <p>- Nhận xét, sửa sai.</p> <p><u>Bài 2</u>:</p> <p>- GV nhận xét.</p> <p><u>Bài 3</u>:</p> <p><u>Bài 4</u>:</p> <p>4. Củng cố – Dặn dò:</p> <p>- Nhận xét tiết học</p> <p>- Chuẩn bị bài: Luyện tập chung.</p>	<p>- Lớp quan sát, nhận xét.</p> <p>- Học sinh quan sát.</p> <p>... bông hoa ở trong, con bướm ở ngoài.</p> <p>- Học sinh quan sát.</p> <p>- Điểm A ở trong, điểm N ở ngoài.</p> <p>- HS thi đua làm bài vào bảng phụ</p> <p>- HS lên bảng vẽ .</p> <p>- HS làm vào bảng nhóm</p> <p>$20 + 10 + 10 = 40$ $60 - 10 - 20 = 30$</p> <p>$30 + 10 + 20 = 60$ $60 - 20 - 10 = 30$</p> <p>$30 + 20 + 10 = 60$ $70 + 10 - 20 = 60$</p> <p>- HS làm bài vở</p> <p>Số nhãn vở có tất cả:</p> <p>$20 + 10 = 40$ (nhãn vở)</p> <p>Đáp số: 40 nhãn vở</p>
--	--

Thứ năm ngày 5 tháng 3 năm 2015

TC: TẶNG CHÁU

Tiết 1. Rèn chữ

I) MỤC TIÊU:

- Nhìn bảng, chép lại đúng bốn câu thơ bài *Tặng cháu* trong khoảng 15 - 17 phút.
- Điền đúng chữ *l, n* vào chỗ trống hoặc *dấu hỏi, dấu ngã* vào chữ in nghiêng (BT2)
- Củng cố lòng kính yêu Bác Hồ.

II) CHUẨN BỊ:

- Bảng phụ ghi bài chính tả

III) HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Ôn định:</p> <p>2. Bài cũ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điền vần ai – ay. <li style="padding-left: 20px;">m..... trường <li style="padding-left: 20px;">m..... bay <p>3. Bài mới:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu bài * <u>Hoạt động 1</u>: Học sinh nghe viết. - Giáo viên treo bảng phụ. - Tìm tiếng khó viết. - Giáo viên chỉnh sửa sai cho học sinh. - Cho viết bài vào vở. - Đọc toàn bài cho học sinh soát. - Giáo viên thu kiểm tra một số bài. * <u>Hoạt động 2</u>: Làm bài tập. <li style="padding-left: 20px;">+ <u>Bài 2a</u>: Điền vào chỗ trống l hay n. <li style="padding-left: 20px;">+ <u>Bài 2b</u>: Điền dấu hỏi hay dấu ngã. - Giáo viên nhận xét - sửa sai. - Nhận xét. <p>4. Củng cố - Dặn dò:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trò chơi: Ai nhanh hơn? - Cho học sinh thi đua điền vào chỗ trống l, n, hỏi, ngã. <li style="padding-left: 20px;">cái ...oa núi ...on <li style="padding-left: 20px;">té nga rô rá - Ôn lại các quy tắc viết chính tả. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hát - 2 Học sinh lên bảng - Lớp viết bảng con - Học sinh đọc bài. - Học sinh nêu. - Học sinh phân tích. - Viết bảng con. - Học sinh đổi vở cho nhau để chữa bài. - Học sinh ghi lỗi ra lề đỏ. - Học sinh đọc yêu cầu. - 2 học sinh làm miệng. <li style="padding-left: 20px;">... nụ hoa <li style="padding-left: 20px;">... con cò bay lả ... - Học sinh làm vào vở. - Học sinh đọc yêu cầu. - 2 học sinh làm miệng. <li style="padding-left: 20px;">... quyền vở ; tổ chim - Học sinh làm vở. - Học sinh chia 2 đội, mỗi đội cử 4 bạn lên tham gia tiếp sức nhau.

Tiết 2. Ôn Toán.

Tiết 99: LUYỆN TẬP CHUNG

I) MỤC TIÊU:

- Biết cấu tạo số tròn chục, biết cộng, trừ số tròn chục; biết giải toán có 1 phép cộng
- Làm được các bài tập 1, 2, 3, 4
- Rèn tính chính xác, nhanh nhẹn.

***GT: Không làm bài tập 2, bài 3a**

II) CHUẨN BỊ:

- Que tính, bảng phụ.

III) CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1.Khởi động :</p> <p>2.Bài cũ:</p> <p>- HS lên bảng tìm điểm ở trong, điểm ở ngoài của hình</p> <p>- Nhận xét.</p> <p>3.Bài mới :</p> <p>* Thực hành</p> <p style="padding-left: 40px;"><u>Bài 1:</u> Viết theo mẫu</p> <p style="padding-left: 40px;"><u>Bài 3:</u></p> <p>b) Tính nhẩm</p> <p style="padding-left: 40px;"><u>Bài 4:</u></p> <p>4. Củng cố – Dặn dò:</p> <p>- Nhận xét tiết học</p> <p>- Về nhà làm BT2</p> <p>- Học cho kĩ để tuần sau kiểm tra</p>	<p>- Hát</p> <p>- HS thực hiện.</p> <p>- Học sinh làm vào bảng phụ</p> <p style="padding-left: 40px;">Số 10 gồm 1 chục và 0 đơn vị.</p> <p style="padding-left: 40px;">Số 18 gồm 1 chục và 8 đơn vị.</p> <p style="padding-left: 40px;">Số 40 gồm 4 chục và 0 đơn vị.</p> <p style="padding-left: 40px;">Số 70 gồm 7 chục và 0 đơn vị.</p> <p>$50 + 20 = 70$ $60\text{cm} + 10\text{cm} = 70\text{cm}$</p> <p>$70 - 50 = 20$ $30\text{cm} + 20\text{cm} = 50\text{cm}$</p> <p>$70 - 20 = 50$ $40\text{cm} - 20\text{cm} = 20\text{cm}$</p> <p>- HS đọc đề toán, tự tóm tắt và giải vào vở.</p> <p style="padding-left: 40px;">Tóm tắt:</p> <p style="padding-left: 40px;">Lớp 1A vẽ: 20 bức tranh</p> <p style="padding-left: 40px;">Lớp 1B vẽ: 30 bức tranh</p> <p style="padding-left: 40px;">Cả hai lớp: ... bức tranh?</p> <p style="padding-left: 40px;"><u>Bài giải</u></p> <p style="padding-left: 40px;">Cả hai lớp vẽ được:</p> <p style="padding-left: 40px;">$20 + 30 = 50$ (bức tranh)</p> <p style="padding-left: 40px;">Đáp số: 50 bức tranh</p> <p>- Các nhóm thi đua theo hình thức tiếp sức.</p>

Tiết 3. Ôn Toán. TIẾT 86: XĂNG- TI- MÉT. ĐO ĐỘ DÀI(ỜTUẦN 22)

I. MỤC TIÊU.

- Biết xăng- ti - mét là đơn vị đo độ dài, biết xăng- ti - mét viết tắt là cm.

- Biết dùng thước có vạch xăng-ti- mét để đo độ dài đoạn thẳng.

- **Bài tập cần làm: Bài 1, 2, 3, 4.**

II. CHUẨN BỊ.

- GV: Thước có vạch chia xăng- ti- mét.

- HS: bảng con, thước có vạch chia xăng- ti- mét.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY	HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ
<p>A. Ôn định tổ chức</p> <p>B. Kiểm tra. Yêu cầu học sinh giải bài toán: Lan có 5 nhãn vở. Mai có 12 nhãn vở. Hỏi cả hai bạn có mấy nhãn vở?</p> <p>C. Bài mới.</p> <p>1. Giới thiệu bài</p> <p>2. Dạy bài mới.</p> <p>a. Giới thiệu đơn vị đo độ dài cm và dụng cụ đo độ dài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu thước có vạch chia xăng- ti- mét: Đây là thước có vạch chia cm, dùng để đo độ dài đoạn thẳng. Độ dài từ vạch số 0 đến vạch 1 là 1 xăng- ti - mét. Độ dài từ vạch số 1 đến vạch 2 là 1 xăng- ti- mét.... - Xăng-ti- mét viết tắt là cm (Viết lên bảng) <p>b. Giới thiệu thao tác đo độ dài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thao tác mẫu và hướng dẫn. + Đặt vạch 0 của thước trùng vào một đầu đoạn thẳng. + Đọc số ghi của thước trùng với đầu kia của đoạn thẳng kèm theo đơn vị cm. + Viết số đo đoạn thẳng vào chỗ thích hợp. <p>3. Luyện tập.</p> <p>Bài 1: Gợi hs nêu yêu cầu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho hs viết - Cùng cố cách viết kí hiệu cm. <p>Bài 2: Gợi hs nêu yêu cầu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho hs làm bài - Cùng cố cách đọc số đo đoạn thẳng đơn vị cm. <p>Bài 3: Gợi hs nêu yêu cầu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho hs làm bài - Cùng cố cách đo đoạn thẳng. <p>Bài 4: Gợi hs nêu yêu cầu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho hs làm bài <p>Củng cố cách đo và ghi độ dài đoạn thẳng có đơn vị cm</p> <p>D. Cùng cố. Nhận xét chung giờ học.</p> <p>E. Dặn dò: ôn bài.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cả lớp hát - 1 em lên bảng làm - Cả lớp làm giấy nháp - Quan sát, lắng nghe - Nối tiếp nhau đọc: cm - Nghe giảng - 2 em nêu - Viết bảng con - 2 em nêu: Viết số thích hợp vào ô trống rồi đọc số đo. - Làm bài - Trả lời miệng - 2 em nêu: Đặt thước đúng ghi đ, sai ghi s - Trả lời miệng, giải thích lí do. - 2 em nêu: Đo độ dài mỗi đoạn thẳng rồi viết số đo. - Làm bài vào SGK - Chuẩn bị bài sau.

Tiết 3. Ôn Toán.

TIẾT 124: GIỜ - PHÚT

I. Mục tiêu

- Biết 1 giờ = 60 phút.
- Biết xem đồng hồ kim phút chỉ vào số 2, số 3, số 6.
- Biết vẽ vạch thời gian: giờ, phút.
- Biết thời gian phép tính và giờ phút và các số giờ phút.
- Bài tập cần làm 1, 2, 3.

II. Đồ dùng dạy học :

- GV : Bài dạy, mô hình đồng hồ
- HS : Làm theo yêu cầu của giáo viên

III. Các hoạt động dạy học :

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Ổn định:</p> <p>2. Kiểm tra bài cũ: GV gọi 4 HS lên bảng làm bài $x+2=6$ $X \times 2=6$ $3+x=15$ $3 \times X = 5$ GV nhận xét</p> <p>3. Bài mới: Giới thiệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Giảng bài: a. GV nói $\frac{3}{4}$ Ta và hỏi về vạch thời gian là giờ, phút. Hôm nay ta học thêm một vạch thời gian khác là phút, một giờ = 60 phút - GV vẽ 1 giờ = 60 phút Thời gian. Bài 1 : Học sinh tìm hiểu và chỉ ở bài. - GV nhận xét. Bài 2 : Cho học sinh xem tranh, hiểu các số viết và hoạt động gì và mô tả qua tranh vẽ { VD: Mai thời gian đi học 6 giờ, thời gian về nhà. Thời gian đi học và thời gian về nhà. - Bài 3 : GV hỏi thời gian đi 2 bài mẫu a. 1 giờ + 2 giờ = 3 giờ b. 5 giờ - 2 giờ = 3 giờ <p>4. Củng cố. Hôm nay học bài gì?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi 2 học sinh lên bảng thi mô hình đồng hồ nhanh, yêu cầu càng nhanh VD: Vạch đồng hồ chỉ 10 giờ rưỡi GV nhận xét. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hát - 4 HS lên bảng làm bài <p>HS lặp lại lời nói.</p> <p>HS lắng nghe.</p> <p>Học sinh thời gian</p> <p>Học sinh nhận xét.</p> <p>Học sinh thời gian quay đồng hồ</p> <p>HS xem đồng hồ và nói ra thời gian</p> <p>HS chọn giờ</p> <p>HS chọn giờ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các bài mẫu học sinh tìm hiểu bài: a. 5 giờ + 2 giờ = 7 giờ 4 giờ + 6 giờ = 10 giờ 8 giờ + 7 giờ = 15 giờ b. 9 giờ - 3 giờ = 6 giờ 12 giờ - 8 giờ = 4 giờ 16 giờ - 10 giờ = 6 giờ

5. Nhaj xet¹ daq do~Nhaj xet tieghou
- Daq do~vefnha-xem laubaixem va~chua k bxbai~sau.

HS tra lzi
HS thl u hiepn wung yeh cafi cua
GV

Tiết 4. Ôn Luyện từ và câu.

TỪ NGỮ VỀ SÔNG BIỂN

ĐẶT CÂU VÀ TRẢ LỜI CÂU HỎI VÌ SAO ?

I. Mục tiêu:

- Nắm được một số từ ngữ về sông biển (BT1, BT2)
- Bước đầu biết đặt và trả lời câu hỏi Vì sao? (BT3,BT4).

II. Đồ dùng dạy học :

Hou sinh: Lam theo yeh cafi cua giao vieh

III. Các hoạt động dạy học :

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Ôn định</p> <p>2. Kiểm tra bài cũ</p> <p>3. Bài mới:Gizi thieju: Bai~tap 1 : (miejng) Gou 1 em wou yeh cafi bai~tap. + Gv viegsz wofcag tau tl ~leh bang GV yeh cafi 3, hou sinh leh bang tm ghi bang. - Lzp va~giao vieh nhaj xet. Gou vai~hou sinh wou cac tl ~ngl {z coj treh bang. - GV nhaj xet cho glzi~giai</p> <p>Bài tập 2 : Yeh cafi 1 em wou tieh wefBT. GV gou 2 hs leh bang¹ gizi thieju kegqua trl zc lzp.Hou sinh nhaj xet. - GV nhaj xet.</p> <p>Bai~tap 3 : (Miejng) Gou 1 em wou yeh cafi BT 3 GV hl zng dan cach waqcah. GV ghi kegqua leh bang</p> <p>Bai~4 : (Viejg) - Yeh cafi hou sinh lam viej theo nhóm (moi nhóm thao luaj wekw a ra 3 cah tra lzi. Tl ng nhóm viegcah tra lzi~ra giag va~neh kegqua. - GV ghi bang 1 sogah tra lzi~sau:</p> <p>4. Củng cố: Gv hỏi hôm nay học bài gì?</p>	<p>Hat</p> <p>Hou sinh wou yeh cafi bai~tap</p> <p>3 Hou sinh tm va~ghi bang.</p> <p>1 em wou yeh cafi BT</p> <p>- Hou sinh lam vaø vz bai~tap</p> <p>2 hou sinh leh bang¹ gizi thieju kegqua trl zc lzp.</p> <p>- em wou yeh cafi BT 3</p> <p>Ca lzp wou thafn</p> <p>Hou sinh phgbiek y kieg, chou cah hoi phu~hzp (Vr sao ?)</p> <p>Vr sao k w zu bzi z woan sohng nay</p> <p>Hou sinh lam viej theo nhóm (moi nhóm thao luaj wekw a ra 3 cah tra lzi). Tl ng nhóm viegcah tra lzi~ra giag .</p> <p>- 3 hou sinh wou laukegqua.</p>

<p>GV nhận xét tuyên dương.</p> <p>5. Nhận xét – dặn dò</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhặt xét tieghou . - Chuak bxbai sau 	<ul style="list-style-type: none"> - Cac nhom nhaj xét. - Lzp lam bai vaø vz. <p>HS tra lzi</p>
---	---

Thứ sáu ngày 6 tháng 3 năm 2015

Tiết 1. Ôn Toán.

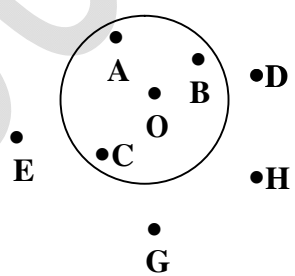
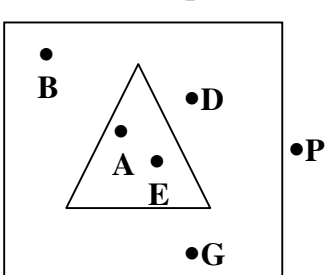
LUYỆN TẬP CHUNG

A. MỤC TIÊU: * Qua tiết học giúp học sinh:

- Củng cố về điểm ở trong, điểm ở ngoài một hình. Biết cộng, trừ số tròn chục, giải bài toán có phép cộng. (Trang 51, 52) vở TH TV và toán theo từng đối tượng.
- Giáo dục ý thức tự giác học bài và làm bài tập.

B. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC: * GV: Nội dung các bài tập... * HS : Vở bài tập toán...

C. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p>I. Kiểm tra bài cũ: HS lên bảng làm .Giáo viên nhận xét.</p> <p>II. Dạy học bài mới:</p> <p>1. Giới thiệu bài:</p> <p>2. Thực hành giải các bài tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS - HS làm việc cá nhân với bài tập được giao. - HS làm xong chữa bài. 	<p>Tính: $10 + 20 =$ $20 + 30 =$</p> <p>Bài 1: Viết tiếp vào chỗ chấm:</p>  <p>a) Các điểm ở trong hình tròn là: Điểm O, C, A, B</p> <p>b) Các điểm ở ngoài hình tròn là: Điểm E, G, H, D</p> <p>Bài 2: Viết tiếp vào chỗ chấm:</p>  <p>a) Các điểm ở trong hình tam giác là: Điểm: A, E</p> <p>b) Các điểm ở ngoài hình vuông là: P, K</p> <p>c) Các điểm trong hình vuông là: B, D, G, A, E</p> <p>Bài 3 : Tính</p>

<p>III. Củng cố - Dẫn dò:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét giờ học, tuyên dương những học sinh học tốt.- Nhắc học sinh học kỹ bài và xem trước bài 	<p>a) $50\text{cm} + 10\text{cm} = \dots\text{cm}$ b) $70\text{cm} - 20\text{cm} = \dots\text{cm}$ $40\text{cm} + 50\text{cm} = \dots\dots\dots$ $80\text{cm} - 30\text{cm} = \dots\dots\dots$ $30\text{cm} + 30\text{cm} = \dots\dots\dots$ $90\text{cm} - 40\text{cm} = \dots\dots\dots$</p> <p>Bài 4: Bài giải : Đổi: 2 chục = 20 Số que tính bố đã mua cho Sùng là: $20 + 20 = 40(\text{que})$ Đáp số: 40 que tính</p>
--	---

Tiết 2. Ôn Toán. LUYỆN TẬP CHUNG

A. MỤC TIÊU: * Qua tiết học giúp học sinh:

- Củng cố về biết cấu tạo số, biết cộng trừ số tròn chục, biết giải toán có lời văn.
- Củng cố về viết số, nói, viết các số theo thứ tự, làm được các bài tập 1, 2, 3, 4 5 trong bài (Trang 52,53) vở thực hành tiếng việt và toán theo từng đối tượng.

B. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

* GV: Nội dung các bài tập... * HS : Vở bài tập toán...

C. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p>I. Kiểm tra bài cũ HS lên bảng làm, .- GV NX.</p>	<p>Tính: $70\text{cm} - 20\text{cm} = \dots$ $80\text{cm} - 30\text{cm} = \dots$</p>
<p>II. Dạy học bài mới:</p> <p>1. Giới thiệu bài:</p> <p>2. Thực hành giải các bài tập.</p> <p>- GV hướng dẫn cho HS làm các bài tập</p>	<p>Bài tập.</p> <p>Bài 1: a)Viết (theo mẫu): Số 16 gồm 1chục và 6 đv .Số 14 gồm 1chục và 4 đv Số 15 gồm 1chục và 5 đv.Số 30 gồm 3chục và 0 đv.</p> <p>b) Nói Số gồm 2chục và 0 đv Số gồm 4 chục và 5 đv Bốn mươi lăm(45) Hai mươi(20) Số gồm 6chụcvà 4đv Số gồm 9 chục và 1đv Chín mươi một(91) Sáu mươi tư(64)</p> <p>Bài 2: a)Viết các số theo thứ tự từ bé đến lớn:50,70,80, 90 b)Viết các số theo thứ tự từ lớn đến bé:40, 13,12,9</p> <p>Bài 3: Tính: a) $70\text{cm} + 10\text{cm} = \dots$ $30 + 20 + 10 =$ $60\text{cm} - 40\text{cm} = \dots$ $90 - 40 - 20 =$</p> <p>Bài 4: Bài giải</p>

III. Củng cố - Dẫn dò:

GV nhận xét giờ học, tuyên dương những học sinh học tốt.-
Nhắc học sinh học kỹ bài và xem trước bài

Cả bản A và bản B mới dựng thêm được số ngôi nhà là: $20 + 10 = 30$ (ngôi nhà)

Đáp số: 50 ngôi nhà

Bài 5 Đố vui: Khoanh vào điểm: A, C, B

Tiết 3. Ôn Tập đọc.

CÁI NHÃN VỎ

I) MỤC TIÊU:

- Đọc trơn cả bài. Đọc đúng các từ ngữ: *quyển vở, nắn nót, viết, ngay ngắn, khen.*
- Biết được tác dụng của nhãn vở
- Trả lời được câu hỏi 1, 2 (SGK)
- Học thuộc lòng bài thơ
- Giáo dục HS ý thức giữ gìn sách vở cẩn thận.

II) CHUẨN BỊ:

- Tranh minh hoạ, cái nhãn vở

III) HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <p>2. Bài cũ: Tặng cháu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc bài và TLCH - Nhận xét. <p>3. Bài mới:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu bài * <u>Hoạt động 1:</u> Hướng dẫn luyện đọc. - Giáo viên đọc mẫu. - Giáo viên ghi các từ cần luyện đọc: <i>nhãn vở, trang trí, nắn nót, ngay ngắn.</i> + Đoạn 1: Bỏ cho ... nhãn vở. + Đoạn 2: Phần còn lại. * <u>Hoạt động 2:</u> Ôn vần ang – ac. - Tìm tiếng trong bài có vần ang. - Phân tích tiếng vừa tìm được. - Tìm tiếng ngoài bài có vần ang – ac. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc bài - Học sinh dò. - Học sinh luyện đọc cá nhân từ ngữ. - Luyện đọc câu. <ul style="list-style-type: none"> + Mỗi câu 1 học sinh đọc. + Mỗi câu 1 bàn đọc. - Luyện đọc đoạn. - Đọc cả bài. ... giang, trang. - Học sinh thảo luận và nêu.

<ul style="list-style-type: none">- Giáo viên ghi nhanh lên bảng.- Nhận xét, tuyên dương.<ul style="list-style-type: none">* Hát chuyển tiết. <p style="text-align: center;"><u>Tiết 2</u></p> <ul style="list-style-type: none">* Hoạt động 1: Tìm hiểu bài.- Giáo viên đọc mẫu.- Đọc đoạn 1.+ Bạn Giang viết những gì lên vở? - Đọc đoạn 2.+ Bố Giang khen bạn ấy thế nào?- Đọc cả bài.+ Nhãn vở có tác dụng gì?- Thi đọc trơn toàn bài.- Nhận xét.* Hoạt động 2: Làm nhãn vở.- Hướng dẫn HS cắt 1 nhãn vở có kích thước tùy ý.- Giáo viên làm mẫu.<ul style="list-style-type: none">+ Trang trí.+ Viết những điều cần có lên nhãn vở.- Giáo viên nhận xét, khen những nhãn đẹp. <p>4. Củng cố - Dặn dò:</p> <ul style="list-style-type: none">- 2 học sinh đọc lại bài.- Nhận xét tiết học.- Về nhà đọc lại bài, làm cái nhãn vở.- Chuẩn bị: Bàn tay mẹ.	<ul style="list-style-type: none">- Học sinh đọc các tiếng đúng: cây bàng, cái thang, còng cua, các bạn, bác cháu, rác, - 2 học sinh đọc. ... Tên trường, lớp, họ và tên của bạn, năm học.- 2 học sinh đọc.... Bạn đã tự viết được nhãn vở.- Học sinh đọc.- Học sinh nêu.- Chia 2 đội, cử 4 học sinh lên tham gia. - Học sinh tự làm.- Dán lên bảng.- Nhận xét. - Học sinh đọc.
---	---

TUẦN 26

Thứ hai ngày 09 tháng 3 năm 2015

Tiết 1. Toán.

LUYỆN TẬP CHUNG

A - MỤC TIÊU

- Củng cố cấu tạo số tròn chục và cộng, trừ các số tròn chục
- Củng cố nhận biết điểm ở trong điểm ở ngoài một hình
- Giáo dục học sinh chịu khó làm bài tập

B - ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :

GV: nội dung bài tập - HS: Sách giáo khoa, vở

C - HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
I - KIỂM TRA BÀI CŨ Đặt tính rồi tính $10 + 60;$ $60 - 20;$ $50 - 20$ Giáo viên nhận xét cho điểm	Làm bài bảng con, 3 học sinh lên bảng làm
II - BÀI MỚI 1. Giáo viên giới thiệu bài 2. Thực hành GV hướng dẫn HS làm các bài tập <u>Bài 1:</u> (viết theo mẫu)	Học sinh mở sách giáo khoa Cho học sinh làm bài vào vở

<p>Bài 3: Đặt tính rồi tính</p> <p>Bài 4: Gọi học sinh đọc đề toán</p> <p>Bài 5: Cho h.sinh làm bài và chữa</p>	<p>Số 18 gồm 1 chục và 8 đơn vị. Số 40 gồm 4 chục và 0 đơn vị. Số 70 gồm 7 chục và 0 đơn vị. Học sinh làm vào vở và đổi chéo bài để kiểm tra học sinh tự giải bài toán vào vở. Bài giải Cả 2 lớp vẽ được số bức tranh là; $20 + 30 = 50$(bức) Đáp số: 50 bức tranh</p> <p>1 em lên bảng</p>
--	--

III - Củng cố – Dặn dò : - Giáo viên nhận xét giờ học.
- Giao bài tập về nhà

Tiết 2+3. Ôn Tập đọc.

BÀN TAY MẸ

I. Mục tiêu:

- Đọc trơn cả bài. Đọc đúng các từ ngữ: *yêu nhất, nấu cơm, râm nắng, ...*
- Hiểu ND: Tình cảm và sự biết ơn mẹ của bạn nhỏ. Trả lời CH 1, 2 (SGK).

II. Chuẩn bị:

III. Hoạt động dạy và học:

TIẾT 1

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Ôn định:</p> <p>2. Kiểm tra bài cũ: Cái nhãn vở.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc bài: Cái nhãn vở. - Trả lời: + Bạn Giang viết gì trên nhãn vở? + Bố Giang khen bạn ấy như thế nào? - Nhận xét, <p>3. Bài mới:</p> <p>a) Giới thiệu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tranh vẽ gì? - GV: Mẹ là người sinh ra chúng ta và nuôi dạy ta thành người. Tình cảm của mẹ bao la và rộng lớn. Để 	<ul style="list-style-type: none"> - Hát. - 2, 3HS đọc và trả lời câu hỏi. - Nhận xét. - HS phát biểu

<p>thấy rõ hơn điều dĩ chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay: Bàn tay mẹ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ghi bảng. <p><u>b) Hoạt động 1: Hướng dẫn luyện đọc.</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên đọc mẫu. - Giáo viên gạch chân các từ cần luyện đọc: <ul style="list-style-type: none"> yêu nhất nấu cơm rám nắng xương xương → Giải nghĩa từ khó. - Nhận xét, tuyên dương. <p><u>c) Hoạt động 2: Ôn vần an – at.</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nêu: Tìm trong bài tiếng chữ vần an. - Phân tích các tiếng dĩ. - Nhận xét, tuyên dương. - Tìm tiếng ngoài bài chữ vần an – at. <ul style="list-style-type: none"> - GV ghi nhanh tiếng đúng lên bảng. - Nhận xét, tuyên dương. - Đọc lại các tiếng, từ vừa tìm. <p><u>4. Củng cố:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ bảng cho HS đọc lại bài. - Nhận xét cách đọc. <p><u>5. Tổng kết:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Dẫn HS xem câu hỏi SGK chuẩn bị Tiết 2. - Nhận xét tiết học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nói tiếp nhắc tựa - Học sinh luyện đọc từ khó (cá nhân). - Phân tích tiếng: nhất, nấu, rám, xương. - Luyện đọc câu (cá nhân nói tiếp). - Luyện đọc đoạn (cá nhân nói tiếp). - Luyện đọc bài (cá nhân, tổ, lớp). - HS tìm. - Phân tích tiếng bàn. - Nhận xét. - Học sinh thảo luận nhóm đôi tìm và nêu. - Nhận xét, bổ sung. - HS đồng thanh đọc bài
--	--

TIẾT 2

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p><u>1. Ổn định:</u></p> <p><u>2. Kiểm tra bài cũ:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi 2HS đọc lại bài. - Nhận xét, tuyên dương. <p><u>3. Bài mới: Giới thiệu bài:</u> Học sang tiết 2.</p> <p><u>b) Hoạt động 1: Tìm hiểu bài đọc.</u></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hát. - 2HS đọc bài. - Nhận xét. - 2HS đọc đoạn 1, 2, lớp

<p>- GV nêu: Bàn tay mẹ đã làm gì cho chị em Bình? - Nhận xét, tuyên dương. => Mẹ đi chợ, nấu cơm, tắm cho em bé, giặt một chậu quần áo lấm lem. - GV nêu: Đọc câu văn diễn tả tình cảm của Bình với đôi bàn tay mẹ? - Nhận xét, tuyên dương. => Bàn tay mẹ rạm nắng, các ngón tay gầy gầy, xương xương.</p> <p>c) Hoạt động 2: Luyện nĩ (trả lời câu hỏi theo tranh)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quan sát tranh thứ 1, đọc câu mẫu. + Ai nấu cơm cho bạn ăn? + Mẹ nấu cơm cho tôi ăn. <p>- GV bao quát, giúp đỡ các nhĩ. - Nhận xét, tuyên dương.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hỏi thêm: <ul style="list-style-type: none"> + Ở nhà ai giặt quần áo cho con? + Con thương yêu ai nhất nhà? Vì sao? <p>4. Củng cố:- Đọc lại tồn bài. - Bàn tay mẹ làm những việc gì cho chị em Bình? - Nhận xét, tuyên dương.</p> <p>5. Tổng kết:- Về nhà đọc lại bài. - Chuẩn bị: Cái Bống - Nhận xét tiết học.</p>	<p>đọc thĩm. - HS phát biểu - Nhận xét, bổ sung.</p> <p>- 2, 3HS đọc đoạn 3 và trả lời câu hỏi - Nhận xét, bổ sung.</p> <p>- 2, 3HS thi đọc tồn bài. - Nhận xét, HS đồng thanh đọc lại cả bài. - HS quan sát, 2HS đọc</p> <p>- HS thảo luận nhĩm đôi hỏi đĩp nhau dựa vào câu hỏi trong tranh. - Lần lượt từng cặp hỏi đĩp nhau tranh 2, 3, 4</p> <p>- HS đọc tron cả bài (cĩ nhĩn, lớp). - Học sinh nêu.</p>
---	---

Tiết 4. Rèn chữ.

CHỮ HOA A, Ǻ, Ǻ, B

I. Mục tiêu:

- Tô đĩc các chữ hoa: A, Ǻ, Ǻ, B.
- Viĩt đĩng các vần: ai, ay, ao, au; các từ ngữ: mái trường, đĩều hay, sao sáng, mai sau kiểu chữ viĩt thường, cỡ chữ theo vở Tập viĩt 1- tập hai. (Mỗi từ ngữ viĩt ít nhất 1 lần).

II. Chuẩn bị:

1. **Giĩo viĩn:** Chữ hoa A, Ǻ, Ǻ, B.
2. **Học sinh:** Vở tập viĩt, bảng con.

III. Hoạt đĩng dạy và học:

Hoạt đĩng của giĩo viĩn	Hoạt đĩng của học sinh
<p>1. Ổn đĩnh: 2. Kiểm tra bài cũ: - Gĩi 2HS lên bảng viĩt: chim khuyĩn, nghệ thuật.</p>	<p>- Hat. - 2HS viegbang lzp, lzp viegbang con.</p>

<p>- Nhận xét, tuyên dương.</p> <p>3. Bài mới:</p> <p>a) Giới thiệu bài: Ghi bài: “Tô chữ hoa: A, Ă, Â, B”</p> <p>b) Hoạt động 1: Hướng dẫn HS tô chữ hoa.</p> <p>* Chữ hoa A:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho HS xem mẫu chữ hoa A. - Chữ A hoa gồm những nét nào? - Nhận xét, tuyên dương. <p>GV chốt lại (vừa nói vừa chỉ vào từng nét cho HS thấy):</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nêu quy trình tô chữ hoa A: <p>* Chữ hoa Ă, Â: Tương tự chữ hoa A chỉ khác thêm 2 dấu mũ ở trên đầu con chữ.</p> <p>* Chữ hoa B:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho HS quan sát mẫu chữ hoa B. - Chữ hoa B gồm những nét nào? - Nhận xét và chốt lại: - GV nêu quy trình tô chữ hoa B: <p>c) Hoạt động 2: Hướng dẫn HS viết vần, từ ứng dụng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho HS quan sát mẫu chữ các vần: ai, ay, ao, au; từ ứng dụng: mái trường, điều hay, sao sáng, mai sau. - Cho HS nhận xét độ cao các con chữ, khoảng cách giữa các chữ(tiếng), cách đặt dấu thanh, nối nét. - Nhận xét. <p>d) Hoạt động 3: HS viết vở.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhắc tư thế ngồi viết. - Thu 6 – 7 vở chấm. - Nhận xét vở bài chấm. <p>4. Củng cố: - Trò chơi: Ai nhanh hơn?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thi đua mỗi tổ tìm 1 tiếng có vần ai hoặc ay viết vào bảng con. - Nhận xét. <p>5. Tổng kết: - Về nhà viết vở tập viết phần B. - Chuẩn bị bài Tô chữ hoa C, D, W - Nhận xét tiết học.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét. - HS quan sát - HS phát biểu - HS quan sát - HS quan sát - HS phát biểu - HS quan sát và lắng nghe. - HS qs, wou các vafn va~ tlf ÷ ng dung- Nhận xét wouj cao, khoang cach, - Hou sinh viegbang con tlf ÷ ng dung.- Nhận xét - HS tap tohwa-viegvaø vz tap vieg - Hou sinh ca tokhi wua. Toknaø co nhiefi ban ghi wung va-wep nhagse{ thang.
--	---

Thứ ba ngày 10 tháng 3 năm 2015

Tiết 1. Ôn Toán

TIẾT 126: LUYỆN TẬP

I. MỤC TIÊU:

- Biết xem đồng hồ kim phút chỉ vào số 3, số 6.
- Biết thời điểm, khoảng thời gian.
- Nhận biết việc sử dụng thời gian trong đời sống hàng ngày.

II. CHUẨN BỊ

GV: Mô hình đồng hồ.

HS: SGK, vở, mô hình đồng hồ.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG

1. Khởi động (1’)

2. Bài cũ (3') Thực hành xem đồng hồ.

- GV yêu cầu HS nhắc lại cách đọc giờ khi kim phút chỉ vào số 3 và số 6.
- GV nhận xét.

3. Bài mới:

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
<p>❖ Hoạt động 1: Thực hành xem giờ</p> <p>Bài 1 :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn HS xem tranh vẽ, hiểu các hoạt động và thời điểm diễn ra các hoạt động đó (được mô tả trong tranh vẽ). - Y/C HS trả lời từng câu hỏi của bài toán. <p>- GV nhận xét.</p> <p>Bài 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc y/c của bài. - Cho HS làm bài. - GV nhận xét sửa sai. <p>5. <u>Củng cố – Dẫn dò</u> (3')</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét tiết học, dặn dò HS tập xem giờ trên đồng hồ cho thành thạo, ôn lại các bảng nhân chia đã học. - Chuẩn bị: Tìm số bị chia. - Gv nhận xét tuyên dương HS. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động lớp, cá nhân. - HS xem tranh vẽ. - Một số HS trình bày trước lớp: <ul style="list-style-type: none"> a. Lúc 8 giờ 30 phút, Nam cùng các bạn đến vườn thú. b. Đến 9 giờ thì các bạn đến chuồng voi để xem voi. c. Vào lúc 9 giờ 15 phút, các bạn đến chuồng hổ xem hổ. d. 10 giờ 15 phút, các bạn cùng nhau ngồi nghỉ. e. Lúc 11 giờ thì tất cả cùng ra về. 1 HS đọc. HS làm vào vở. - Hà đến trường sớm hơn Toàn 15 phút - Quyên đi ngủ muộn hơn Ngọc 30 phút

Tiết 2. Ôn Tập đọc.

TÔM CÀNG VÀ CÁ CON

I. MỤC TIÊU

- Ngắt nghỉ hơi đúng ở các dấu câu và cụm từ rõ ý; bước đầu biết đọc trôi chảy toàn bài.
- Hiểu nội dung: Cá Con và Tôm Càng đều có tài riêng. Tôm cứu được bạn qua khỏi nguy hiểm. Tình bạn của họ vì vậy càng khăng khít.
- HS khá, giỏi trả lời được câu hỏi 4.

II. CHUẨN BỊ

- GV: Tranh minh họa bài Tập đọc trong SGK. Bảng phụ ghi sẵn từ, câu, đoạn cần luyện đọc. Mái chèo thật hoặc tranh vẽ mái chèo. Tranh vẽ bánh lái.

- HS: SGK.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG

1. Khởi động (1')

2. Bài cũ (3') Bé nhìn biển.

- Gọi HS đọc thuộc lòng bài thơ *Bé nhìn biển* và trả lời câu hỏi về nội dung bài.

- Nhận xét HS.

3. Bài mới:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>❖ Hoạt động 1: Luyện đọc</p> <p>a) Đọc mẫu: GV đọc mẫu toàn bài lần 1</p> <p>b) Luyện phát âm</p> <p>- Yêu cầu HS tìm các từ khó, dễ lẫn khi đọc bài.</p> <p>c) Luyện đọc đoạn</p> <p>❖ Hoạt động 2: Thi đọc.</p> <p>- GV tổ chức cho các cá nhân thi đọc đoạn 2.</p> <p>- Nhận xét và tuyên dương HS đọc tốt.</p> <p>❖ Hoạt động 3: Tìm hiểu bài</p> <p>- Gọi 1 HS khá đọc lại đoạn 1, 2.</p> <p>- Tôm Càng đang làm gì dưới đáy sông?</p> <p>- Khi đó cậu ta đã gặp một con vật có hình dáng ntn?</p> <p>- Đuôi của Cá Con có ích lợi gì?</p> <p>- Tôm Càng có thái độ ntn với Cá Con?</p> <p>- Gọi 1 HS khá đọc phần còn lại.</p> <p>- Khi Cá Con đang bơi thì có chuyện gì xảy ra?</p> <p>- Hãy kể lại việc Tôm Càng cứu Cá Con.</p> <p>❖ Hoạt động 4: Thảo luận lớp</p> <p>- Yêu cầu HS thảo luận theo câu hỏi:</p> <p>- Em thấy Tôm Càng có gì đáng khen?</p> <p>5. Củng cố – Dẫn dò (3')</p> <p>- Gọi HS đọc lại truyện theo vai.</p> <p>- Em học tập ở Tôm Càng đức tính gì?</p> <p>- Nhận xét HS.</p> <p>- Nhận xét tiết học.</p> <p>- Dặn HS Chuẩn bị bài sau: Sông Hương.</p>	<p>Hoạt động lớp, cá nhân.</p> <p>Theo dõi và đọc thầm theo.</p> <p>+ Các từ đó là: <i>óng ánh, nấc nồm, ngắt, queo, biển cá, uốn đuôi, đỏ ngầu, ngách đá, áo giáp...</i></p> <p>- Mỗi HS đọc nối tiếp.</p> <p>- Cả lớp đọc đồng thanh đoạn 2, 3.</p> <p>Hoạt động lớp, cá nhân.</p> <p>- 1 HS đọc.</p> <p>- Tôm Càng đang tập bung càng.</p> <p>- Con vật thân dẹt, trên đầu có 2 mắt tròn xoe, người phủ 1 lớp vẩy bạc óng ánh.</p> <p>- Đuôi của Cá Con vừa là mái chèo, vừa là bánh lái.</p> <p>- Tôm Càng nấc nồm khen, phục lẫn.</p> <p>- Tôm Càng thấy một con cá to, mắt đỏ ngầu, nhằm Cá Con lao tới.</p> <p>- (Nhiều HS được kể.)</p> <p>Hoạt động lớp, cá nhân. HS phát biểu.</p> <p>- Tôm Càng rất dũng cảm./ Tôm Càng lo lắng cho bạn./ Tôm Càng rất thông minh./...</p> <p>3 đến 5 HS lên bảng.</p> <p>- Mỗi nhóm 3 HS (vai người dẫn chuyện, vai Tôm Càng, vai Cá Con).</p> <p>- Dũng cảm, dám liều mình cứu bạn.</p>

Tiết 3. Ôn Kể chuyện.

TÔM CÀNG VÀ CÁ CON

I. MỤC TIÊU

- Dựa theo tranh, kể lại được từng đoạn câu chuyện.

- HS khá giỏi biết phân vai để dựng lại câu chuyện.

II. CHUẨN BỊ

- GV: Bảng phụ ghi sẵn các câu hỏi gợi ý. Mũ Tôm, Cá để dựng lại câu chuyện
- HS: SGK.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG

1. Khởi động (1')

2. Bài cũ (3') *Sơn Tinh, Thủy Tinh.*

- Gọi 3 HS lên bảng.
- + Truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh* nói lên điều gì có thật?
- Nhận xét HS.

3. Bài mới:

<u>Hoạt động của GV</u>	<u>Hoạt động của HS</u>
<p>❖ Hoạt động 1: Hướng dẫn kể chuyện. <i>a) Kể lại từng đoạn truyện</i> Bước 1: Kể trong nhóm. - GV chia nhóm, yêu cầu mỗi nhóm kể lại nội dung 1 bức tranh trong nhóm. Bước 2: Kể trước lớp. - Yêu cầu các nhóm cử đại diện lên trình bày trước lớp. - Yêu cầu HS nhận xét. - Truyện được kể 2 lần. * Với HS khi kể còn lúng túng, GV gợi ý: Tranh 1: Tôm Càng và Cá Con làm quen với nhau trong trường hợp nào? Cá Con có hình dáng bên ngoài ntn? Tranh 2 - Cá Con khoe gì với bạn? Tranh 3 Câu chuyện có thêm nhân vật nào? Tranh 4: Tôm Càng quan tâm đến Cá Con ra sao? Vì sao cả hai lại kết bạn thân với nhau? GV nx chốt ý. Hoạt động 2: Kể lại câu chuyện theo vai + Kể lại câu chuyện theo vai - GV gọi 3 HS xung phong lên kể lại. - Cho các nhóm cử đại diện lên thi kể. - Gọi các nhóm nhận xét. GV nhận xét.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động lớp, nhóm - Kể lại trong nhóm. Mỗi HS kể 1 lần. Các HS khác nghe, nhận xét và sửa cho bạn. - Đại diện các nhóm lên trình bày. Mỗi HS kể 1 đoạn. - Nhận xét theo các tiêu chí đã nêu. - 8 HS kể trước lớp. <p>Chúng làm quen với nhau khi Tôm đang tập búng càng. - Thân dẹt, trên đầu có hai mắt tròn xoe, mình có lớp vảy bạc óng ánh. - Đuôi tôi vừa là mái chèo, vừa là bánh lái đẩy. - Một con cá to đỏ ngầu lao tới. - Nó xuýt xoa hỏi bạn có đau không? - Cảm ơn bạn. Toàn thân tôi có một áo giáp nên tôi không bị đau. - Vì Cá Con biết tài của Tôm Càng. Họ nể trọng và quý mến nhau. - Hoạt động lớp, cá nhân - 3 HS lên bảng, tự nhận vai: Người dẫn chuyện, Tôm Càng, Cá Con. - Mỗi nhóm kể 1 lần. Mỗi lần 3 HS mặc trang phục để thể hiện. - Nhận xét bạn kể.</p>
<p>5. <u>Củng cố – Dẫn dò</u> (3') - Nhận xét tiết học.</p>	

Tiết 4. Rèn chữ. TẬP CHÉP: VÌ SAO CÁ KHÔNG BIẾT NÓI

I. MỤC TIÊU

- Chép chính xác bài chính tả, trình bày đúng hình thức mẫu chuyện vui.
- Làm được bài tập 2b.

II. CHUẨN BỊ

GV: Bảng phụ chép sẵn truyện vui. Bảng lớp viết sẵn nội dung bài tập 2.

HS: Vở.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG

1. Khởi động (1')

2. Bài cũ (3') Bé nhìn biển

Gọi 2 HS lên viết bảng lớp, HS dưới lớp viết bảng con các từ do GV đọc.

Nhận xét HS.

3. **Bài mới:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>❖ Hoạt động 1: Hướng dẫn tập chép.</p> <p>a) Ghi nhớ nội dung đoạn viết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Treo bảng phụ và đọc bài chính tả. - Câu chuyện kể về ai? - Viết hỏi anh điều gì? <p>Câu trả lời ấy có gì đáng buồn cười?</p> <p>b) Hướng dẫn cách trình bày</p> <ul style="list-style-type: none"> - Câu chuyện có mấy câu? - Hãy đọc câu nói của Lân và Việt? - Lời nói của hai anh em được viết sau những dấu câu nào? - Trong bài những chữ nào được viết hoa? Vì sao? <p>c) Hướng dẫn viết từ khó</p> <ul style="list-style-type: none"> - say sưa, bỗng, ngớ ngẩn, miệng. - Đọc cho HS viết. <p>d) Chép bài</p> <p>e) Soát lỗi</p> <p>g) Chấm bài.</p> <p>❖ Hđ 2: Hướng dẫn làm BT chính tả</p> <p>Bài 2b: Gọi 1 HS đọc yêu cầu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Treo bảng phụ. - Gọi HS nhận xét bài làm của bạn trên bảng, sau đó chữa bài HS. <p>5. Củng cố – Dặn dò (3')</p> <ul style="list-style-type: none"> - Theo em vì sao cá không biết nói? 	<p>Hoạt động lớp, cá nhân.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Theo dõi, sau đó 2 HS đọc lại bài. - Câu chuyện kể về cuộc nói chuyện giữa hai anh em Việt. - Viết hỏi anh: “<i>Anh này, vì sao cá không biết nói nhỉ?</i>” - Lân chê Việt ngớ ngẩn nhưng thực ra Lân cũng ngớ ngẩn khi cho rằng cá không nói được vì miệng nó ngậm đầy nước. - Có 5 câu. - HS đọc - Dấu hai chấm và dấu gạch ngang. - Chữ đầu câu: Anh, Em, Nếu và tên riêng: Việt, Lân. - HS đọc cá nhân, nhóm. - HS viết bảng con do GV đọc. <p>- Hoạt động lớp, cá nhân. HS đọc đề bài trong SGK.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 2 HS lên bảng làm, Lớp làm vào <i>VBT Tiếng Việt 2, tập hai</i>. Đáp án: Sên hãy rục vàng./ Rủ nhau thức dậy. - Vì nó là loài vật.

- Nhận xét tiết học. - Dặn HS về nhà đọc lại truyện	- Cá giao tiếp với nhau bằng ngôn ngữ riêng của nó.
--	---

Thứ tư ngày 11 tháng 3 năm 2015

Tiết 1+2. Ôn Tập đọc.

CÁI BÓNG

I.Mục tiêu:

- Đọc trơn cả bài. Đọc đúng các từ ngữ: *khéo sảy, khéo sàng, đường trơn, mưa rìng.*
- Hiểu ND: Tình cảm và sự hiểu thảo của Bồng đối với mẹ. Trả lời CH 1, 2 (SGK).
- Học thuộc lòng bài đồng dao.

II.Chuẩn bị:

III.Hoạt động dạy và học:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. <u>Ôn định</u>:</p> <p>2. <u>Bài cũ</u>:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc bài SGK. - Bàn tay mẹ đã làm những việc gì? - Tìm câu văn nãi lên tình cảm của Bình đối với mẹ. <p>3. <u>Bài mới</u>:</p> <p>* Giới thiệu: Tranh vẽ gì?</p> <p>→ Học bài: Cái Bồng.</p> <p><u>Hoạt động 1</u>: Luyện đọc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên đọc mẫu. - Tìm và nêu những từ cần luyện đọc. - Giáo viên gạch dưới những từ cần luyện đọc. bóng bang khéo sảy khéo sàng mưa rìng <p>→ Giáo viên giải nghĩa từ khĩ.</p> <p><u>Hoạt động 2</u>: ôn vần anh – ach.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm trong bài tiếng có vần anh. - Thi nêu câu có chứa tiếng cũ vần anh – ach. + Quan sát tranh. + Chia lớp thành 2 nhĩm. <p>→ Giáo viên nhận xét.</p> <p>4. củng cố:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho HS đọc lại bài. - Nhận xét. <p>5. Tổng kết:</p>	<p>Hát.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc và trả lời câu hỏi. <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh dò theo. - Học sinh nêu. - Học sinh luyện đọc từ: + Đọc câu. + Đọc đoạn. + Đọc cả bài. - Phân tích tiếng khó. - Thi đọc trơn cả bài. <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh đọc câu mẫu. - Nhóm 1: Nói câu có vần anh. Nhóm 2: Nói câu có vần ach.

- Dẫn HS chuẩn bị tiết 2.
- Nhận xét tiết học.

(Tiết 2)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. <u>Ôn định</u>:</p> <p>2. <u>Bài mới</u>:</p> <p>Giới thiệu: Học sang tiết 2.</p> <p><u>Hoạt động 1</u>: Tìm hiểu bài.</p> <p>Giáo viên đọc mẫu.</p> <p>Đọc câu 1.</p> <p>Bố đã làm gì giúp mẹ nấu cơm?</p> <p>Đọc 2 câu cuối.</p> <p>Bố đã làm gì khi mẹ đi chợ về?</p> <p>→ Giáo viên nhận xét.</p> <p><u>Hoạt động 2</u>: Học thuộc lòng.</p> <p>*Mục tiêu: Đánh vần được các vần đã học và đọc nhanh, thuộc cả bài</p> <p>Phương pháp: thực hành.</p> <p>Đọc thầm bài thơ.</p> <p>Đọc thành tiếng.</p> <p>Giáo viên xĩa dần các chữ, cuối cùng chỉ chừa lại 2 tiếng đầu dòng.</p> <p>Nhận xét.</p> <p><u>Hoạt động 3</u>: Luyện nói.</p> <p>*Mục tiêu: Nêu được câu chứa tiếng có vần anh trong bài.</p> <p>Phương pháp: đàm thoại.</p> <p>Nêu đề tài luyện nói.</p> <p>Tranh vẽ gì?</p> <p>Giáo viên đọc câu mẫu.</p> <p>3. <u>Củng cố</u>:</p> <p>Thi đọc thuộc lòng bài thơ.</p> <p>Khen những em học tốt.</p> <p>Hỏi: Bố đã làm gì để giúp đỡ mẹ?</p> <p><u>Dặn dò</u>: Học lại bài: Cái Bống.</p>	<p>Hát.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh dò bài. - Học sinh đọc. - HS nêu. - Bố đã gánh đỡ mẹ. - Hoạt động lớp. - Học sinh đọc. - Học sinh đọc cá nhân. - Học sinh đọc thuộc lòng bài thơ. - Hoạt động lớp. - Học sinh nêu. - Học sinh hỏi đáp theo - - - cách các em tự nghĩ ra. <p>Mỗi cặp 2 em.</p>

--	--

Tiết 3. Ôn Toán. TIẾT 101. : CÁC SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ

I.Mục tiêu:

- Nhận biết về số lượng.
- Biết đọc, viết, đếm các số từ 20 đến 50.
- Nhận biết được thứ tự các số từ 20 đến 50.

* **GT: Không làm bài tập 4 dòng 2 và 3.**

II.Chuẩn bị:

1. Giáo viên: Bảng gài, que tính, các số từ 20 đến 50.
2. Học sinh: Bộ đồ dùng học toán.

III.Hoạt động dạy và học:

<u>Hoạt động của giáo viên</u>	<u>Hoạt động của học sinh</u>
<p>1. <u>Ôn định:</u></p> <p>2. <u>Kiểm tra bài cũ:</u> Gọi 2 em làm bảng lớp. $50 + 30 =$ $50 + 10 =$ $80 - 30 =$ $60 - 10 =$ - Nhận xét.</p> <p>3. <u>Bài mới:</u></p> <p>a) <u>Giới thiệu bài:</u> Ghi bảng.</p> <p>b) <u>Hoạt động 1:</u> <i>Giới thiệu các số từ 20 đến 30.</i></p> <p>c) <u>Hoạt động 2:</u> <i>Giới thiệu các số từ 30 đến 40.</i> - Hướng dẫn học sinh nhận biết về số lượng, đọc, viết, nhận biết thứ tự các số từ 30 đến 40 như các số từ 20 đến 30. GV giới thiệu: Những số này gọi là các số có hai chữ số.</p> <p>d, <u>Hoạt động 3:</u> <i>Giới thiệu các số từ 40 đến 50.</i> - Thực hiện tương tự với số 42, 41, 45,...</p> <p>đ, <u>Hoạt động 4:</u> <i>Thực hành.</i></p> <p>* <u>Bài 1:</u>- GV nêu yêu cầu BT1. - Sửa bài: Câu a: GV đọc số-HS viết bảng con. Nxét, tuyên dương. + Gọi 1HS làm câu b- Nhận xét.</p> <p>* <u>Bài 2:</u> <i>Viết số:</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hát. 2 em lên bảng làm. - Lớp làm bảng con. - Nhận xét - HS nối tiếp nhắc tựa bài. - Học sinh đọc cá nhân. - HS nhận biết số lượng và đọc số. - Đọc các số từ 20 đến 30. - HS nhận biết và đọc số - HS đọc cá nhân - Học sinh làm bài. * câu a: HS làm bài bảng con- Nhận xét * câu b: 1HS lên bảng viết số- Nhận xét -Đọc lại các số trên tia số - HS nêu yêu cầu BT2 - Học sinh làm bài, chữa.

<ul style="list-style-type: none"> - Tương tự BT1 cho HS làm bài và sửa bài- Nhận xét, * Bài 3: Viết số - Tương tự cho HS làm bài và sửa. - Nhận xét, * Bài 4: Viết số thích hợp vào ô trống rồi đọc các số đó HS nêu yêu cầu BT4 - Nhận xét,. 4. Củng cố:- Các số 20 , 21,.... 50 gọi là số có mấy chữ số? Nhận xét, tuyên dương. 5. Tổng kết: Tập đếm xuôi, ngược các số từ 20 đến 50 - Nhận xét tiết học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét, đọc số - HS nêu yêu cầu BT3 - Học sinh làm bài. - Sửa bài miệng - HS nêu yêu cầu BT4 - HS làm bài, 1HS sửa bảng lớp. + 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36 - Nhận xét, bổ sung. - Cả lớp đọc lại các dãy số (xuôi, ngược).
--	---

Tiết 4. Ôn Toán. TIẾT 102. : CÁC SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ(TT)

I. Mục tiêu:

- Nhận biết về số lượng.
- Biết đọc, viết, đếm các số từ 50 đến 69.
- Nhận biết được thứ tự các số từ 50 đến 69.

* **GT: Không làm bài tập 4**

II. Chuẩn bị:

III. Hoạt động dạy và học:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Ôn định:</p> <p>2. Bài cũ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đếm các số từ 40 đến 50 theo thứ tự từ bé đến lớn. - Đếm ngược lại từ lớn đến bé. - Nhận xét. <p>3. Bài mới:a. Giới thiệu bài- Ghi bảng.</p> <p>b. Hoạt động 1: Giới thiệu các số từ 50 đến 60.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên ghi số. - Đến số 54 dừng lại hỏi. - 54 gồm mấy chục và mấy đơn vị? - Đọc là năm mươi tư. - Cho học sinh thực hiện đến số 60. - Cho làm bài tập 1. <p>+ Bài 1 yêu cầu gì?</p> <p>+ Cho cách đọc rồi, mình sẽ viết số theo thứ tự từ bé đến lớn.</p> <p>c. Hoạt động 2: Giới thiệu các số từ 60 đến 69.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiến hành tương tự như các số từ 50 đến 60. - Cho học sinh làm bài tập 2 - Nhận xét. <p>d/ Hoạt động 3: Luyện tập.</p> <p>* Bài 3: Viết số thích hợp vào ô trống.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hát. - 2HS đếm - Nhắc tên bài. - Học sinh đọc số. - HS phân tích - Học sinh đọc số. - Đọc các số từ 50 đến 60 và ngược lại. - HS nêu yêu cầu BT1. - Học sinh làm bài. - Sửa bài miệng. - 2 em đổi vở kiểm tra nhau. - Học sinh làm bài. - HS nêu yêu cầu BT3

<ul style="list-style-type: none"> - Nêu yêu cầu bài. - Gọi HS sửa bài, nhận xét. - Cho HS đọc lại. 4. <u>Củng cố</u>: - Cho học sinh đọc, viết, phân tích các số từ 50 đến 69. - Đội nào nhiều người đúng nhất sẽ thắng. 5. <u>Dặn dò</u>: - Tập đếm các số từ 50 đến 69 cho thành thạo. - Ôn lại các số từ 20 đến 50. - Xem bài: CÁC SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ(tt). 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh làm bài. - Sửa ở bảng lớp. Nhận xét + Đội A đưa ra số. + Đội B phân tích số. + Và ngược lại.
--	--

Thứ năm ngày 12 tháng 3 năm 2015

LỚP 1A1

Tiết 1. Rèn chữ.

TẬP CHÉP: CÁI BÓNG

I. Mục tiêu:

- Nhìn sách hoặc bảng chép lại đúng bài đồng dao Cái Bồng trong khoảng 10 – 15 phút.
- Điền đúng vần *anh, ach*; chữ *ng, ngh* vào chỗ trống. BT 2, 3 (SGK).

II. Chuẩn bị:

1. Giáo viên: Bảng phụ có ghi bài thơ.
2. Học sinh: Vở viết, bảng con.

III. Hoạt động dạy và học:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của HS
<ol style="list-style-type: none"> 1. <u>Ôn định</u>: 2. <u>Bài cũ</u>: - Gọi học sinh viết nhà ga, cái ghế, con gà, ghê sợ. - Nhận xét vở chấm. 3. <u>Bài mới</u>: a. Giới thiệu: Học bài Cái Bồng. b. <u>Hoạt động 1</u>: Hướng dẫn học sinh nghe viết. <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên treo bảng phụ. - Phân tích tiếng khó. - Giáo viên đọc cho học sinh viết. - Giáo viên lưu ý học sinh cách trình bày bài thơ lục bát. - Thu vở chấm. - Nhận xét. c. <u>Hoạt động 2</u>: Hướng dẫn làm bài tập. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hát. - Học sinh viết bảng lớp. - Học sinh đọc bài trên bảng. - Tìm tiếng khó viết trong bài. - Viết tiếng khó. - Học sinh nghe và chép chính tả vào vở.

<p>* Bài 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tranh vẽ gì? - Gọi HS làm bài - Nhận xét. <p>* Tương tự cho bài 3.</p> <p style="padding-left: 100px;">ngà voi chú nghé</p> <p>4. <u>Củng cố</u>:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khen các em viết đẹp, có tiên bộ. - Khi nào viết ng, ngh. <p>5. <u>Dặn dò</u>:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ôn lại quy tắc chính tả. - Các em viết sai nhiều lỗi về nhà viết lại bài. 	<ul style="list-style-type: none"> - 2 học sinh làm bảng lớp. - Lớp làm vở.
--	---

Tiết 2. Ôn Toán. TIẾT 103. : CÁC SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ(TT)

I.Mục tiêu:

- Nhận biết về số lượng.
- Biết đọc, viết, đếm các số từ 70 đến 99.
- Nhận biết được thứ tự các số từ 70 đến 99.

II.Chuẩn bị:

III.Hoạt động dạy và học:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. <u>Ôn định</u>:</p> <p>2. <u>Bài cũ</u>:-2 học sinh lên bảng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đếm xuôi, đếm ngược từ 50 đến 60, từ 69 về 60. <p>3. <u>Bài mới</u>:</p> <p>a/ Giới thiệu: Học bài: Các số có 2 chữ số tiếp theo.</p> <p>b/ <u>Hoạt động 1</u>: Giới thiệu các số từ 70 đến 80.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu học sinh lấy 7 bó que tính → Gắn 7 bó que tính. - Con vừa lấy bao nhiêu que tính? - Gắn số 70. - Thêm 1 que tính nữa. - Được bao nhiêu que? - Đính số 71 → đọc. - Cho học sinh thảo luận và lập tiếp các số cịn lại. <p>c/ <u>Hoạt động 2</u>: Thực hành</p> <p>* <u>Bài 1</u>: Yêu cầu gì?</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hát. - 2HS lên bảng <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh lấy 7 bó que tính. - HS nêu <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh lấy thêm 1 que. - HS nêu <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh thảo luận lập các số và nêu: 72, 73, 74, 75,

<p>+ Người ta cho cách đọc số rồi, mình sẽ viết số. + Gọi HS sửa bài, nhận xét. * Bài 2: Yêu cầu gì? - Nêu yêu cầu bài 2a. Lưu ý ghi từ bé đến lớn. - Tương tự câu b ngược lại. - Gọi 2HS sửa bài. Nhận xét. * Bài 3: Nêu yêu cầu bài. - Gọi 1 học sinh đọc mẫu. - Gọi lần lượt từng cặp HS sửa bài- Nhận xét. * Bài 4: Nêu yêu cầu bài. - Cho HS quan sát tranh và trả lời có bao nhiêu cái bát. - Nhận xét, tuyên dương. - Cho HS phân tích số 33.- Nhận xét. 4. Củng cố: Cho học sinh viết và phân tích các số từ 70 đến 99. - Đố cả lớp: Tìm 1 số lớn hơn 9 và bé hơn 100 gồm mấy chữ số?- Nhận xét. 5. Dặn dò: Tập đọc, viết, đếm các số đã học từ 20 đến 99. - Chuẩn bị: So sánh các số cỡ 2 chữ số.</p>	<p>- Học sinh làm bài. - Sửa bài - HS nêu yêu cầu BT2 - HS sửa bài - HS đọc câu mẫu - HS sửa bài theo cặp - HS quan sát trả lời - Phân tích số</p>
---	---

Lớp 2A1.

Tiết 3. Ôn Toán

TIẾT 129: CHU VI HÌNH TAM GIÁC, CHU VI HÌNH TỨ GIÁC

I. MỤC TIÊU:

- Nhận biết được chu vi hình tam giác, chu vi hình tứ giác.
- Biết tính chu vi hình tam giác, hình tứ giác khi biết độ dài mỗi cạnh của nó.

II. CHUẨN BỊ

- GV: Thước đo độ dài.
- HS: Thước đo độ dài. Vở.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG

1. Khởi động (1')

2. **Bài cũ** : Gọi 1 HS lên bảng làm các bài tập (Bài 4/129)

- GV nhận xét

3. **Bài mới:**

<u>Hoạt động của GV</u>	<u>Hoạt động của HS</u>
<p>❖ Hoạt động 1: nhận biết về chu vi hình tam giác, chu vi hình tứ giác. - Giới thiệu về cạnh và chu vi hình tam giác, chu vi hình tứ giác. - GV giới thiệu: Chu vi của hình tam giác là tổng độ dài các cạnh của hình tam giác đó. Như vậy, chu vi hình tam giác ABC là 12cm. GV nêu rồi cho HS nhắc lại: Tổng độ dài các cạnh của hình tam giác là chu vi</p>	<p>- Hoạt động lớp, cá nhân. - HS quan sát. HS tự tính: $3\text{cm} + 5\text{cm} + 4\text{cm} = 12\text{cm}$ - HS lặp lại: Tổng độ dài các</p>

<p>của hình tam giác đó.</p> <p>- GV hướng dẫn HS tự nêu: Tổng độ dài các cạnh của hình tam giác (Hình tứ giác) là chu vi của hình đó. Từ đó, muốn tính chu vi hình tam giác (hình tứ giác) ta tính tổng độ dài các cạnh của hình tam giác (hình tứ giác) đó.</p> <p>❖ Hoạt động 2: Thực hành</p> <p>Bài 1: GV hướng dẫn HS tự làm rồi chữa bài.</p> <p>- GV nx chốt ý</p> <p>Bài 2: (HS khá, giỏi)</p> <p>- Gọi HS đọc y/c của bài.</p> <p>- GV y/c HS làm bài.</p> <p>- GV nhận xét bài làm của HS.</p> <p>5. <u>Củng cố – Dẫn dò</u> (3')</p> <p>- Nhận xét tiết học.</p> <p>- Chuẩn bị: Luyện tập.</p>	<p>cạnh của hình tam giác là chu vi của hình tam giác đó.</p> <p>- HS lặp lại: Tổng độ dài các cạnh của hình tứ giác là chu vi của hình đó.</p> <p>- Hoạt động lớp, cá nhân</p> <p>- HS tự làm rồi chữa bài.</p> <p style="text-align: center;">Bài giải</p> <p>a, Chu vi hình tam giác là:</p> $20 + 30 + 40 = 90(\text{dm})$ <p style="text-align: right;">Đáp số: 90 dm</p> <p style="text-align: center;">Bài giải</p> <p>b. Chu vi hình tam giác là:</p> $8 + 12 + 7 = 27 (\text{cm})$ <p style="text-align: right;">Đáp số: 27 cm</p> <p>-1HSđọc.HS tự làm rồi chữa bài.</p> <p style="text-align: center;">Bài giải</p> <p>b) Chu vi hình tứ giác là:</p> $10 + 20 + 10 + 20 = 60 (\text{cm})$ <p style="text-align: right;">Đáp số: 60 cm</p> <p>HS sửa bài nx.</p>
--	---

Tiết 4. Ôn Luyện từ và câu. TỪ NGỮ VỀ SÔNG BIỂN. DẤU PHẨY

I. MỤC TIÊU:

- Nhận biết được một số loài cá nước mặn, nước ngọt (BT1); biết kể tên một số con vật sống dưới nước (BT2).
- Biết đặt dấu phẩy vào chỗ thích hợp trong câu còn thiếu dấu phẩy (BT3).

II. CHUẨN BỊ:

- GV: Tranh minh họa trong SGK. Bảng phụ ghi sẵn bài tập 3.
- HS: Vở.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG

1. Khởi động (1')

2. Bài cũ (3') Từ ngữ về sông biển. Đặt và trả lời câu hỏi: Vì sao?

- GV viết sẵn bảng lớp 2 câu văn.
- + *Đêm qua cây đổ vì gió to.*
- + *Cỏ cây héo khô vì hạn hán.*
- Gọi HS trả lời miệng bài tập 4 - GV Nhận xét HS.

3. Bài mới:

<u>Hoạt động của GV</u>	<u>Hoạt động của HS</u>
<p>❖ Hoạt động 1: Hướng dẫn làm bài</p> <p>Bài 1: Treo bức tranh về các loài cá.</p>	<p>- Hoạt động lớp, cá nhân.</p> <p>Quan sát tranh.</p>

<ul style="list-style-type: none"> - Gọi 1 HS đọc yêu cầu. - Gọi HS đọc tên các loài cá trong tranh. - Cho HS suy nghĩ. Sau đó gọi 2 nhóm, mỗi nhóm 3 HS lên gắn vào bảng theo yêu cầu. Gọi HS nhận xét và chữa bài. - Cho HS đọc lại bài theo từng nội dung: Cá nước mặn; Cá nước ngọt. GV nx chốt ý. ❖ Hoạt động 2: Thực hành, thi đua. Bài 2: Treo tranh minh họa. - Gọi 1 HS đọc yêu cầu. - Gọi HS đọc tên các con vật trong tranh. - Chia 2 nhóm thi tiếp sức. - Tổng kết cuộc thi, tuyên dương nhóm thắng cuộc. Bài 3: Gọi 1 HS đọc yêu cầu. - Treo bảng phụ và đọc đoạn văn. - Gọi HS đọc câu 1 và 4. - Yêu cầu 1 HS lên bảng làm. Gọi HS nhận xét, chữa bài. - Gọi HS đọc lại bài làm. Nhận xét HS. <p>5. Củng cố – Dặn dò (3')</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét tiết học. - Chuẩn bị: Ôn tập giữa HKII 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc đề bài. - 2 HS đọc. Cá nước mặn Cá nước ngọt (cá biển) (cá ở sông, hồ, ao) cá thu cá mè cá chim cá chép... - Nhận xét, chữa bài. - 2 HS đọc nối tiếp mỗi loài cá. - Hoạt động lớp, cá nhân. - Quan sát tranh. - 1 HS đọc thành tiếng, cả lớp đọc thầm. - Tôm, sứa, ba ba. HS thi tìm từ ngữ - 1 HS đọc thành tiếng, lớp đọc thầm. - 2 HS đọc lại đoạn văn. - 2 HS đọc câu 1 và câu 4. - 1 HS lên bảng làm bài. Lớp làm vào <i>VBT Tiếng Việt</i> - <i>Trăng trên sông, trên đồng, trên làng quê, tôi đã thấy nhiều ... Càng lên cao, trăng càng nhỏ dần, càng vàng dần, càng nhẹ dần.</i> - 2 HS đọc lại
---	--

Thứ sáu ngày 13 tháng 3 năm 2015

Tiết 1+2. Ôn Toán. TIẾT 104. : SO SÁNH CÁC SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ

I. Mục tiêu:

Biết dựa vào cấu tạo để so sánh 2 số có 2 chữ số, nhận ra số lớn nhất, số bé nhất trong dãy có 3 số.

* BT2, 3 (c, d) dành cho HS khá, giỏi.

II. Chuẩn bị:

1. Giáo viên: Que tính, bảng gài, thanh thẻ.
2. Học sinh: Bộ đồ dùng học toán.

III. Hoạt động dạy và học:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<ol style="list-style-type: none"> 1. <u>Ôn định</u>: 2. <u>Bài cũ</u>: Gọi 3 học sinh lên viết các số từ 70 đến 79, 80 đến 89, 90 đến 99 - Nhận xét. 3. <u>Bài mới</u>: 	<ul style="list-style-type: none"> - Hát. - Học sinh lên bảng viết. - 3 học sinh đọc các số đó.

<p>a/ Giới thiệu: Học bài: So sánh các số có hai chữ số. b/ Hoạt động 1: Giới thiệu $62 < 65$. => Khi so sánh 2 chữ số mà có chữ số hàng chục giống nhau thì ta so sánh chữ số ở hàng đơn vị. - So sánh các số 34 và 38, 54 và 52. c/ Hoạt động 2: Giới thiệu $63 > 58$. - Tương tự như trên => Khi so sánh 2 chữ số, số nào có hàng chục lớn hơn thì số đó lớn hơn. - So sánh các số 48 và 31, 79 và 84. d/ Hoạt động 3: Luyện tập. * Bài 1: Điền dấu $>, <, =$ - Nêu yêu cầu bài. - Cho HS làm bài- Cho HS sửa bài tiếp sức. - Nhận xét, tuyên dương. * Bài 2: Nêu yêu cầu bài. - Phải so sánh ba số với nhau- Nhận xét. * Bài 3: Nêu yêu cầu bài. Tương tự như bài 2 nhưng khoanh vào số bé nhất. * Bài 4: Nêu yêu cầu bài. - Từ 3 số đã cho con hãy viết theo yêu cầu. - Gọi 2HS sửa bài - Nhận xét. 4. Củng cố: Đưa ra 1 số phép so sánh yêu cầu học sinh giải thích đúng, sai. $+62 > 26$ đúng hay sai? $+ 59 < 49$ $+ 60 > 59$ 5. Dặn dò: Về nhà tập so sánh các số cũ hai chữ số.</p>	<p>- HS quan sát - HS so sánh</p> <p>- Học sinh làm bài, lên bảng sửa bài.</p> <p>- Học sinh làm bài. - 4 em thi đua sửa.</p> <p>- Học sinh làm bài.</p> <p>- HS so sánh và giải thích.</p>
--	---

Tiết 3+4. Ôn Tập đọc.

ÔN TẬP

I. MỤC TIÊU :

- Đọc trơn cả bài tập đọc **vẽ ngựa**. Đọc đúng các từ: *Bao giờ, sao em biết, bức tranh.*
- Hiểu nội dung bài: Tính hài hước của câu chuyện: bé vẽ ngựa không ra hình con ngựa. Khi bà hỏi con gì, bé lại nghĩ bà chưa nhìn thấy con ngựa bao giờ
- Trả lời được câu hỏi 1 – 2 (SGK).

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Phiếu ghi tên đoạn, bài tập đọc.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Ôn định: 2. Bài cũ:	- Hát.

<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh đọc thuộc lòng bài: Cái Bồng. - Bồng đã làm gì để giúp mẹ? - Bồng đã làm gì khi mẹ đi chợ về? - Nhận xét <p>3. <u>Bài mới</u>:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu: Học bài: Vẽ ngựa. - <u>Hoạt động 1</u>: Hướng dẫn luyện đọc. <p>Phương pháp: trực quan, đàm thoại, luyện tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên đọc mẫu lần 1. - Tìm từ khó đọc. <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên chỉnh sửa sai cho học sinh. <p><u>Hoạt động 2</u>: Ôn các vần ua – ua.</p> <p>Phương pháp: động não, luyện tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm tiếng trong bài có vần ua. - Phân tích tiếng đó. - Tìm tiếng ngoài bài có vần ua – ua. <ul style="list-style-type: none"> - Thi nói tiếng có vần ua – ua. <ul style="list-style-type: none"> + Quan sát tranh. + Chia lớp thành 2 nhóm. <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên nhận xét. <p>* Tìm hiểu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi học sinh đọc bài. <p>* Nêu câu hỏi Y/C Hs trả lời:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bạn nhỏ vẽ gì? - Vì sao nhìn tranh, bà không nhận ra con ngựa? <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét kết luận <p>4. <u>Củng cố, dặn dò</u></p> <p>Đọc lại bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh đọc bài và trả lời câu hỏi. <p>Hoạt động lớp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nghe. - Hs nêu: sao, bao giờ, bức tranh. <ul style="list-style-type: none"> + Luyện đọc từ ngữ. + Luyện đọc câu. + Luyện đọc bài. - Thi đọc trơn. <p>Hoạt động lớp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - ... ngựa, chưa, đưa. <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh tìm nêu. - Đọc các từ tìm được. - Đọc câu mẫu. - Nhóm 1: Nói câu có vần ua. Nhóm 2: Nói câu có vần ua. - 1em đọc thành tiếng cả lớp đọc thầm. - Trả lời, lớp nhận xét góp ý.
--	--

TUẦN 27.

Thứ hai ngày 16 tháng 3 năm 2015

Tiết 1. Ôn Toán.

TIẾT 104: SO SÁNH CÁC SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ

A - MỤC TIÊU- Bước đầu giúp học sinh:

- Biết so sánh các số có 2 chữ số (dựa vào cấu tạo)
- Nhận ra số lớn nhất, số bé nhất trong một nhóm các số
- GD HS ý thức học toán

B - ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :

- Giáo viên: Que tính - Học sinh: Bộ đồ dùng toán học

C - HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
--------------------------------	-------------------------------

<p>I. KIỂM TRA BÀI CŨ Viết các số từ 70 đến 80 GV nhận xét</p> <p>II. BÀI MỚI (30')</p> <p>1. Giới thiệu $62 < 65$ GV cho học sinh làm trên que tính để nhận ra 62 gồm 6 chục 2 đơn vị, 65 gồm: 6 chục 5 đv 65 và 62 đều có sáu chục mà $2 < 5$ nên $62 < 65$ Cho học sinh quan sát hình vẽ SGK và nhận ra $62 < 65$ nên $65 > 62$</p> <p>2. Giới thiệu $63 > 58$ Cho học sinh thao tác trên que tính để nhận ra 6 chục lớn hơn 5 chục nên $63 > 58$ $63 > 58$ thì $58 < 63$ Tương tự: $39 < 70$ có số chục # nhau: 3 chục < 7 chục nên $39 < 70$</p> <p>3. Thực hành: Hướng dẫn HS làm 4 bài tập Bài tập 1: Cho học sinh tự làm và chữa Bài 2(a,b); 3(a,b); Hướng dẫn học sinh làm tương tự bài 1 Bài 4: yêu cầu học sinh tự so sánh để thấy số bé nhất, lớn nhất, từ đó xếp các số theo đúng thứ tự</p>	<p>Lớp viết bảng con, 1 học sinh lên bảng làm</p> <p>Học sinh làm thao tác bằng que tính, nêu cấu tạo số</p> <p>Đọc $62 < 65$ HS làm bảng con, tự đặt dấu lớn, dấu bé vào chỗ chấm: $42 \dots 43$; $76 \dots 71$</p> <p>63 có 6 chục và 3 đơn vị 58 có 5 chục và 8 đơn vị 63 và 58 có số chục # nhau</p> <p>HS đọc yêu cầu và làm</p> <p>Học sinh so sánh các số và xếp theo yêu cầu bài tập</p> <p>a) 38; 64; 72 b) 72; 64; 38</p>
---	--

III - Củng cố - DẶN DÒ : - GV nhận xét giờ

Tiết 2+3. Ôn Tập đọc.

HOA NGỌC LAN

I. Mục tiêu:

- Đọc trơn cả bài. Đọc đúng các từ ngữ: hoa ngọc lan, dày, lấp ló, ngan ngát, khắp vườn,... Bước đầu biết nghỉ hơi ở chỗ có dấu câu.
- Hiểu ND bài: Tình cảm yêu mến cây hoa ngọc lan của bạn nhỏ. Trả lời câu hỏi 1, 2 (SGK).
- * HS khá, giỏi: Gọi được tên các loài hoa trong ảnh (SGK)

II. Chuẩn bị:

1. Giáo viên: Tranh vẽ SGK.
2. Học sinh: SGK.

III. Hoạt động dạy và học:

TIẾT 1

<u>Hoạt động của giáo viên</u>	<u>Hoạt động của học sinh</u>
<p>1. Ôn định:</p> <p>2. Bài cũ: CÁI BÓNG</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc bài trả lời câu hỏi SGK. - Nhận xét, - Nhận xét chung phần KTBC. <p>3. Bài mới:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu bài: + Học bài: <i>Hoa ngọc lan.</i> + Ghi bảng. <p>a) Hoạt động 1: Luyện đọc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên đọc mẫu. - Giáo viên gạch chân các từ cần luyện đọc: hoa lan, lá dày, lấp ló - GV chỉnh sửa phát âm. <p>b) Hoạt động 2: Ôn các vần ăm – ăp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm tiếng trong bài có vần ăp. - Nhận xét, tuyên dương. - Nói câu chứa tiếng: <ul style="list-style-type: none"> + Có vần ăm + Có vần ăp - Giáo viên nhận xét, tuyên dương. <p>4. Củng cố:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ bảng cho HS đọc lại bài. - Nhận xét. <p>5. Tổng kết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dặn HS tìm hiểu chuẩn bị tiết 2. - Nhận xét tiết học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hát. - 4HS đọc và trả lời - Nhận xét - HS nhắc lại tựa bài - HS dò theo - Học sinh nêu từ khó. - HS phân tích tiếng: lan, lấp. - Học sinh luyện đọc từ (cá nhân, lớp). - Luyện đọc câu: học sinh nối tiếp nhau đọc tron từng câu. - Học sinh luyện đọc đoạn, cả bài. + HS nối tiếp đọc đoạn + Mỗi tổ đọc 1 đoạn + Đọc cả bài (cá nhân, tổ, lớp). - HS tìm và nêu - 1HS đọc câu mẫu - HS nói câu chứa tiếng có vần ăm, ăp. - Nhận xét.

TIẾT 2

<u>Hoạt động của giáo viên</u>	<u>Hoạt động của học sinh</u>
--------------------------------	-------------------------------

<p>1. Ôn định:</p> <p>2. Kiểm tra bài cũ:</p> <ul style="list-style-type: none">- Gọi 2HS đọc lại bài.- Nhận xét. <p>3. Bài mới:</p> <p>Giới thiệu học sang tiết 2</p> <p>a) Hoạt động 1: Tìm hiểu bài.</p> <ul style="list-style-type: none">- Đọc 2 đoạn đầu.- Trả lời: Nụ hoa lan màu gì?<ul style="list-style-type: none">a/ bạc trắngb/ xanh thẫmc/ trắng ngần- Nhận xét, tuyên dương.- Hương hoa lan thơm như thế nào? <p>b) Hoạt động 2: Luyện nói.</p> <ul style="list-style-type: none">- Chủ đề: Gọi tên các loài hoa trong ảnh.- Giáo viên yêu cầu HS quan sát tranh nhiều loại hoa khác nhau SGK gọi tên các hoa đó.- Nhận xét, tuyên dương. <p>4. Củng cố:</p> <ul style="list-style-type: none">- Đọc lại bài.- Trả lời lại câu hỏi SGK?- Nhận xét. <p>5. Tổng kết:</p> <ul style="list-style-type: none">- Chuẩn bị bài tập đọc tới: Ai dậy sớm.- Nhận xét tiết học.	<ul style="list-style-type: none">- Hát.- 2HS đọc bài- Nhận xét- 1HS đọc, Lớp đọc thầm.- HS phát biểu- Nhận xét, bổ sung.- HS nêu- Học sinh quan sát và gọi tên.- Nhận xét.- Học sinh đọc cá nhân.- Học sinh nêu.
---	---

I.Mục tiêu:

- Tô được các chữ hoa: C, D, Đ.
- Viết đúng các vần: *an, at, anh, ach*; các từ ngữ: *bàn tay, hạt thóc, gánh đỡ, sạch sẽ* kiểu chữ viết thường, cỡ chữ theo vở Tập viết 1 – tập hai.(Mỗi từ ngữ viết được ít nhất một lần).
- * HS khá, giỏi: Viết đều nét, dẫn đúng khoảng cách và viết đủ số dọng, số chữ quy định trong vở Tập viết 1 – tập hai.

II.Chuẩn bị:

3. Giáo viên: Chữ hoa C, D, Đ.
4. Học sinh: Vở tập viết, bảng con.

III.Hoạt động dạy và học:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>4. <u>Ôn định</u>:</p> <p>5. <u>Kiểm tra bài cũ</u>:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi 2HS lên bảng viết: mái trường, sao sáng. - Nhận xét, tuyên dương. <p>6. <u>Bài mới</u>:</p> <p>a) <u>Giới thiệu bài</u>: Ghi bảng tựa bài: “Tô chữ hoa: C, D, Đ”</p> <p>b) <u>Hoạt động 1: Hướng dẫn HS viết chữ hoa</u>.</p> <ul style="list-style-type: none"> * Chữ hoa C: Cho HS xem mẫu chữ hoa C. <ul style="list-style-type: none"> - GV nêu quy trình tô chữ hoa C:. * Chữ hoa D: Cho HS quan sát mẫu chữ hoa D. <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét và chốt lại:. - GV nêu quy trình tô chữ hoa D: * Chữ hoa Đ: Tương tự chữ D thêm nét ngang ngắn ở giữa nét lượn dọc. <ul style="list-style-type: none"> - HS qs - HS phát biểu <p>c) <u>Hoạt động 2: Hướng dẫn HS viết vần, từ ứng dụng</u>.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho HS quan sát mẫu chữ các vần: <i>ai, ay, ao, au</i>; từ ứng dụng: <i>mái trường, điều hay, sao sáng, mai sau</i>. - Cho HS nhận xét độ cao các con chữ, khoảng cách giữa các chữ(tiếng), cách đặt dấu thanh, nối nét. - Nhận xét. <p>d) <u>Hoạt động 3: HS viết vở</u>.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhắc tư thế ngồi viết. - Thu 6 – 7 vở chấm. - Nhận xét vở bài chấm. <p>4. <u>Củng cố</u>:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trò chơi: Ai nhanh hơn? - Thi đua mỗi tổ tìm 1 tiếng có vần ai hoặc ay viết vào bảng con. - Nhận xét. <p>5. <u>Tổng kết</u>:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Haùt. - 2HS viết bảng lớp, lớp viết bảng con. - Nhận xét - HS quan sát - HS quan sát - HS qs - HS phát biểu -HS quan sát và lắng nghe. - HS tập viết vào vở. HS thi đua chơi

- Về nhà viết vở tập viết phần B.

Thứ ba ngày 17 tháng 3 năm 2015

Tiết 1. Ôn Toán

SỐ 1 TRONG PHÉP NHÂN VÀ PHÉP CHIA

I. MỤC TIÊU :

- Học sinh :Biết được số 1 nhân với số nào cũng bằng chính số đó. Biết số nào nhân với 1 cũng bằng chính số đó.Biết số nào chia cho 1 cũng bằng chính số đó.
- Rèn học sinh biết tính toán nhanh chính xác.
- Giáo dục học sinh yêu thích học môn toán .

II . ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :

- Thầy : Bảng phụ, phấn màu.
- Trò : Sách , vở , bút.

III . CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

HOẠT ĐỘNG DẠY	HOẠT ĐỘNG HỌC
<p>1. Ôn định tổ chức :</p> <p>2. Kiểm tra bài cũ :Tính chu vi hình tứ giác biết số đo là 12cm, 18cm, 29cm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên nhận xét. <p>3. Bài mới : Giới thiệu</p> <p>* Hoạt động 1 :Phép nhân có thừa số là 1.</p> <p>a.Số 1 nhân với số nào cũng bằng chính số đó.</p> <p>b) Gọi HS lên bảng làm phép tính.</p> <p>* Số nào nhân với 1 cũng bằng chính số đó.</p> <p>Phép chia cho 1.</p> <p>$1 \times 2 = 2$ vậy $2 : 1 = 2$ $1 \times 3 = 3$ vậy $3 : 1 = 3$ $1 \times 4 = 4$ vậy $4 : 1 = 4$</p> <p>* Số nào chia cho 1 cũng bằng chính số đó.</p> <p>* Hoạt động 2 :Luyện tập</p> <p>Bài 1 : Gọi học sinh đọc yêu cầu bài tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài toán thuộc loại phép tính gì? - Bài toán yêu cầu chúng ta làm gì? - Giáo viên hướng dẫn học sinh tính nhẩm. - Gọi lần lượt HS đứng tại chỗ nêu kết quả. - Giáo viên nhận xét bài của học sinh. <p>Bài 2 :Gọi học sinh đọc yêu cầu bài tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên hướng dẫn học sinh làm bài . - Gọi học sinh lên bảng làm bài. - Giáo viên nhận xét bài . <p><i>* Nếu còn thời gian cho học sinh hoàn thành các phép tính còn lại.</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cả lớp hát. - Học sinh lên bảng làm bài . - Cả lớp làm vào vở. - Học sinh nhận xét . - Học sinh lắng nghe. <p>- HS theo dõi.</p> <p>HS đọc.</p> <p>$2 \times 1 = 2$ $3 \times 1 = 3$ $4 \times 1 = 4$</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc. <p>Học sinh đọc yêu cầu đề bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phép tính nhân, chia. - Tính nhẩm. - Học sinh theo dõi. - HS lần lượt nêu kết quả. - Học sinh khác nhận xét bài. - Học sinh đọc yêu cầu đề bài. - Học sinh theo dõi. - Học sinh lên bảng làm bài. - Học sinh nhận xét.

<p>* Hoạt động 3 : 4 . Tổng kết – dặn dò : - Giáo viên nhận xét tiết học.</p>	<p>- Học sinh về ôn bài. - Chuẩn bị bài: Số 0 trong phép nhân và phép chia.</p>
---	--

Tiết 2. Ôn Tập đọc.

ÔN TẬP

I . MỤC TIÊU :

- Học sinh : Đọc rõ ràng, rành mạch các bài tập đã học từ tuần 19 đến tuần 26 . Biết đặt và trả lời câu hỏi với khi nào? biết đáp lời cảm ơn trong tình huống giao tiếp cụ thể
 Nắm được một số từ ngữ về bốn mùa (BT 2); biết đặt dấu chấm vào chỗ thích hợp trong đoạn văn ngắn (BT 3).

- Rèn học sinh đọc lưu loát , rõ ràng.
- Giáo dục học sinh có ý thức ôn bài tốt.

II . ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :

- Thầy : Phiếu ghi tên các bài tập từ tuần 19 đến tuần 26.
- Trò : Sách , vở , bút.

III . CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

HOẠT ĐỘNG DẠY	HOẠT ĐỘNG HỌC
<p>1 . Ôn định tổ chức : 2 . Kiểm tra bài cũ : - Chuẩn bị sách vở của HS. - Giáo viên nhận xét. 3. Bài mới : Giới thiệu * Hoạt động 1 :Kiểm tra tập đọc và học thuộc lòng: Gọi lần lượt HS lên gấp phiếu được bài nào đọc bài đó.HS đọc một đoạn bài gấp được và trả lời câu hỏi trong bài. - GV nhận xét. * Hoạt động 2 :Ôn luyện cách đặt câu và trả lời câu hỏi: Khi nào? Cách dùng dấu chấm. Bài 2: Gọi HS đọc yêu cầu bài: - Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì? - Câu hỏi:“ Khi nào?” dùng để hỏi nội dung gì? - Gọi HS đọc câu văn phần a. + Khi nào hoa phượng vĩ nở đỏ rực? + bộ phận nào trả lời cho câu hỏi “ Khi nào?” Bài 3: - Gọi HS đọc yêu cầu bài: Vậy ta phải đặt câu hỏi cho bộ phận này như thế nào? Bài 3: Gọi lần lượt HS lên nói lời đáp lại.</p>	<p>- Cả lớp hát. - HS đầy đủ sách, vở. - Học sinh khác nhận xét. - Học sinh chú ý lắng nghe. - Học sinh theo dõi. - Học sinh lên gấp phiếu được bài nào đọc bài đó. - Hsinh đọc và trả lời câu hỏi trong bài. - Học sinh đọc yêu cầu bài. - Tìm bộ phận của mỗi câu dưới đây và trả lời câu hỏi: ‘ Khi nào?’ + Dùng để hỏi về thời gian. + Mùa hè, hoa phượng vĩ nở đỏ rực. + Mùa hè. + Mùa hè. + Khi nào? - HS trả lời.</p>

<p>- GV nhận xét. * Hoạt động 3 : Luyện cách dùng dấu chấm. Bài 2: Trò chơi mở rộng vốn từ về bốn mùa. - GV viên nhận xét. - Tuyên dương đội tìm được nhiều từ. Bài 3: GV gọi HS ngắt đoạn trích thành 5 câu và đọc. GV nhận xét. * Hoạt động 5 : Tổng kết – dặn dò : - Giáo viên nhận xét tiết học.</p>	<p>- Các đội tham gia chơi và ghi xong dán lên bảng. - Cả lớp cùng nhận xét. - HS đọc ngắt câu, đọc cả dấu phẩy. - Học sinh về ôn bài. - Chuẩn bị bài: Ôn tập.</p>
---	--

Tiết 3. Ôn Kể chuyện **ÔN TẬP**

I. MỤC TIÊU :

- Học sinh: Đọc rõ ràng, rành mạch các bài tập đã học từ tuần 19 đến tuần 26; hiểu nội dung của đoạn, bài. Nắm được một số từ ngữ về chim chóc (9 BT 2); viết được một đoạn văn ngắn về một loài chim hoặc gia cầm (BT 3).
- Rèn học sinh đọc lưu loát , rõ ràng.
- Giáo dục học sinh có ý thức ôn bài tốt.

II . ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :

- Thầy : Phiếu ghi tên các bài tập từ tuần 19 đến tuần 26.
- Trò : Sách , vở , bút.

III . CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

HOẠT ĐỘNG DẠY	HOẠT ĐỘNG HỌC
<p>1 . Ôn định tổ chức : 2 . Kiểm tra bài cũ : - Chuẩn bị sách vở của HS. - Giáo viên nhận xét. 3. Bài mới : Giới thiệu - Giáo viên giới thiệu bài . * Hoạt động 1 : Kiểm tra tập đọc và học thuộc lòng: - GV HD HS cách kiểm tra. - Gọi lần lượt HS lên gấp phiếu được bài nào đọc bài đó. - HS đọc một đoạn bài gấp được và trả lời câu hỏi trong bài. - GV nhận xét 128,129 * Hoạt động 2 : Ôn luyện kiểm thức đã học. - GV nhận xét - tổng kết điểm đội nào nhiều điểm thì thắng cuộc. Bài 3:</p>	<p>- Cả lớp hát. - HS đầy đủ sách, vở. - Học sinh khác nhận xét. - Học sinh chú ý lắng nghe. - Học sinh theo dõi. - Học sinh lên gấp phiếu được bài nào đọc bài đó. - Hsinh đọc và trả lời câu hỏi trong bài. - Học sinh chia thành 3 nhóm. - HS theo dõi. - HS nắm được luật chơi.</p>

<p>Viết đoạn văn ngắn (khoảng 3, 4 câu) về một loài chim hoặc gia cầm (gà, gỗng, vịt,..) mà em biết.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập. + Bài yêu cầu làm gì? + Viết về chủ đề nào? + Em định viết về con chim gì? + Hình dáng của con chim đó thế nào? + lông nó màu gì?..... <p>* Hoạt động 3 :</p> <p>4 . Tổng kết – dặn dò :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên nhận xét tiết học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh đọc yêu cầu bài. + Viết đoạn văn ngắn. + Loài chim. - HS trả lời. <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh về ôn bài. - Chuẩn bị bài: Ôn tập.
--	---

Tiết 4. Rèn chữ:

**TỰ CHỌN
LUYỆN VIẾT CHỮ HOA X**

I. MỤC TIÊU :

- Học sinh biết :Viết đúng chữ hoa X (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ), chữ và câu ứng dụng: *Xuân* (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ), *Xuân về hoa nở* (3 lần).
- Rèn học sinh có kĩ năng viết chữ.
- Giáo dục học sinh có tính kiên trì, cẩn thận.

II . ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :

- Thầy : Phấn màu , bảng phụ, mẫu chữ.
- Trò : Vở tập viết 2 tập một.

III . CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

HOẠT ĐỘNG DẠY	HOẠT ĐỘNG HỌC
<p>1 . Ôn định tổ chức :</p> <p>2 . Kiểm tra bài cũ :- Hs lên viết chữ: <i>Văn hay chữ tốt</i> - Giáo viên nhận xét.</p> <p>3. Bài mới : Giới thiệu</p> <p>* Hoạt động 1 :Hướng dẫn viết chữ hoa.</p> <p>a) Quan sát qui trình viết chữ hoa X.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên cho học sinh quan sát mẫu chữ. - Giáo viên chỉ dẫn cách viết. - Giáo viên viết mẫu lên bảng. <p>b) Viết bảng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên hướng dẫn học sinh viết chữ hoa X vào bảng con. - Gọi học sinh nhắc lại qui trình viết. <p>* Hoạt động 2 :</p> <p>Hướng dẫn viết câu ứng dụng.</p> <p>a)Giới thiệu cụm từ ứng dụng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cả lớp hát. - Cả lớp viết bảng con. - Học sinh nhận xét. - Học sinh chú ý lắng nghe. <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh quan sát. + Chữ hoa X cao 5 li. - Học sinh chú ý theo dõi. - Học sinh quan sát. <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh tập viết 2, 3 lượt. - Học sinh nhắc lại. <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh theo dõi.

<ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên giới thiệu câu: <i>Xuân về hoa nở.</i> + Em hiểu câu ứng dụng như thế nào? b) Quan sát và nhận xét. - Gv hướng dẫn học sinh quan sát và nhận xét. + Các chữ: <i>V, h</i> cao mấy li? Chữ <i>t</i> cao mấy li? + Những chữ còn lại cao mấy li? + bảng con. * Hoạt động 3 : Hướng dẫn viết vở tập viết. - Gv yêu cầu học sinh viết vào vở luyện viết. - Giáo viên quan sát, giúp đỡ học sinh yếu. - Giáo viên thu vở chấm. - Giáo viên nhận xét. * Hoạt động 4 : 4 . Tổng kết – dặn dò : - Giáo viên nhận xét tiết học. 	<ul style="list-style-type: none"> + Mùa xuân tiết trời ấm áp, hoa đua nhau nở. - Học sinh nhận xét. + Cao 2,5 li. + Cao 1,5 li + Cao 1 li. + Bằng cách viết chữ cái o. - Học sinh quan sát. - Học sinh tập viết 2, 3 lượt. Học sinh viết vào vở. - Học sinh về ôn bài. - Chuẩn bị bài: Ôn tập.
--	--

Thứ tư ngày 18 tháng 3 năm 2015

Tiết 1+2. Ôn Tập đọc

AI DẬY SỚM

I. Mục tiêu:

- Đọc trơn cả bài. Đọc đúng các từ ngữ: dậy sớm, ra vườn, lên đồi, đất trời, chờ đón.
- Bước đầu biết nghỉ hơi ở cuối mỗi dòng thơ, khổ thơ.
- Hiểu nội dung: Ai dậy sớm mới thấy được hết cảnh đẹp của đất trời.
- Học thuộc lòng một khổ của bài thơ.
- * HS khá giỏi học thuộc lòng cả bài thơ.

II. Chuẩn bị: SGK

III. Hoạt động dạy và học:

TIẾT 1

<u>Hoạt động của giáo viên</u>	<u>Hoạt động của học sinh</u>
<p>1. Ôn định:</p> <p>2. Bài cũ: Hoa ngọc lan</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi 1HS đọc đoạn 1, 2. Trả lời: Hoa lan có màu gì? - 1HS đọc đoạn 2, 3 trả lời: Hương hoa lan thơm như thế nào? - Gọi 1HS đọc cả bài.- Nhận xét. - Viết: hoa lan, lấp ló. - Nhận xét, tuyên dương HS viết đúng đẹp. <p>3. Bài mới:</p> <p>a. Giới thiệu bài: - Ghi bảng.</p> <p>b. Hoạt động 1: Luyện đọc.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hát. - Học sinh đọc và trả lời. - Học sinh viết bảng con. - Nói tiếp nhắc tựa bài

- Giáo viên đọc mẫu.
- Giáo viên gạch chân các từ cần luyện đọc:
 - + dậy sớm
 - + ra vườn
 - + lên đồi
 - + đất trời
 - + chờ đón
- Giáo viên giải nghĩa.
- GV sửa phát âm sai.

c) Hoạt động 2: Ôn các vần ươn – ương.

- Đọc yêu cầu 1.
- Đọc yêu cầu 2.
- + Chia lớp thành 2 đội nói câu có vần ươn – ương.
- + Nhận xét, tuyên dương.

4. Củng cố.

- Chỉ bảng cho HS đọc lại bài thơ.
- Nhận xét.

5. Tổng kết:

- Dặn HS tìm hiểu chuẩn bị tiết 2.
- Nhận xét tiết học.

- Học sinh dò bài.
- Học sinh nêu từ khó đọc.
- HS phân tích tiếng: sớm, vườn, lên, trời, chờ.
- Học sinh luyện đọc cá nhân từ ngữ.
- Cả lớp đọc đồng thanh.
- Luyện đọc câu: Học sinh đọc tiếp nối từng câu.
- Luyện đọc đoạn, bài thơ:
 - + 3HS đọc nối tiếp từng khổ thơ.
 - + Đọc cả bài (cá nhân, lớp).
- Học sinh thi đua đọc trơn theo tổ.
- HS tìm và nêu.
- phân tích tiếng
- Lớp chia thành 2 đội thi nói.
- HS đọc bài (cá nhân, lớp)

TIẾT 2

<u>Hoạt động của giáo viên</u>	<u>Hoạt động của học sinh</u>
<p>1. Ổn định:</p> <p>2. Kiểm tra bài cũ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi 2HS đọc bài. - Nhận xét,. <p>3. <u>Bài mới:</u></p> <p>Giới thiệu học sang tiết 2.</p> <p>a) Hoạt động 1: Tìm hiểu bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc khổ thơ 1 của bài thơ. - Trả lời: Khi thức dậy, điều gì chờ đón em ở ngoài vườn? <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét, tuyên dương HS trả lời tốt. - Đọc khổ thơ 2. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hát. - 2HS đọc bài - Nhận xét - 1HS đọc, lớp dò theo. - HS phát biểu - Nhận xét, bổ sung. - 1HS đọc, lớp dò theo. - HS phát biểu:

<p>- Trả lời câu 2: Điều gì chờ đón em trên cánh đồng?</p> <p>- Đọc khổ 3, trả lời: Điều gì chờ đón em ở trên đồi?</p> <p>- Nhận xét.</p> <p>- Đọc diễn cảm lại cả bài thơ.</p> <p>b) Hoạt động 2: Học thuộc lòng.</p> <p>- Giáo viên cho học sinh đọc toàn bài.</p> <p>- Giáo viên xóa dần các tiếng chỉ giữ lại tiếng đầu câu.</p> <p>c) Hoạt động 3: Luyện nói.</p> <p>Hỏi nhau về những việc làm buổi sáng.</p> <p>-Quan sát tranh.</p> <p>- Nhận xét, tuyên dương HS nói tốt.</p> <p>4. Củng cố:</p> <p>- Đọc thuộc lòng bài thơ.</p> <p>- Qua bài thơ này các em hiểu thế nào?</p> <p>=>Ai dậy sớm mới thấy hết vẻ đẹp của trời đất.</p> <p>5. Tổng kết:</p> <p>- Về nhà học thuộc lòng bài thơ.</p> <p>- Chuẩn bị: Mưu chú Sẻ.</p> <p>- Nhận xét tiết học.</p>	<p>- Nhận xét, bổ sung.</p> <p>- 1hs đọc, HS phát biểu</p> <p>- Học sinh đọc thuộc lòng.</p> <p>- Nêu chủ đề nói</p> <p>- 2HS đọc câu mẫu</p> <p>- 2HS cùng bạn nói với nhau</p> <p>- vài nhóm nói trước lớp.</p> <p>- Nhận xét</p> <p>- 2Học sinh đọc bài thơ.</p> <p>- HS nêu.</p>
--	--

Tiết 3. Ôn Toán.

TIẾT 105: LUYỆN TẬP

I. Mục tiêu:

- Biết đọc, viết, so sánh các số có hai chữ số.
- Biết tìm số liền sau của một số.
- Biết phân tích số có hai chữ số thành tổng của số chục và số đơn vị.

* BT 2(c, d), BT3 (cột c) dành cho HS khá, giỏi.

<u>Hoạt động của giáo viên</u>	<u>Hoạt động của học sinh</u>
--------------------------------	-------------------------------

<p><u>1/Ôn định:</u> <u>2/Bài cũ:</u> Gọi học sinh lên bảng: Điền dấu >, <, = 27 ... 38 54 ... 59 12 ... 21 37 ... 37 45 ... 54 64 ... 71</p> <p><u>3/Bài mới:</u> <u>a/Giới thiệu bài:</u> Học bài Luyện tập. <u>b/ Thực hành:</u> * <u>Bài 1:</u> Viết số - Nêu yêu cầu bài. - Cho cách đọc số, viết số bên cạnh. - Cho HS làm bài. - Gọi 3HS sửa bài trên bảng - Nhận xét. - Trong các số đó, số nào là số tròn chục? * <u>Bài 2</u> - Nêu yêu cầu bài. - Giáo viên gắn mẫu lên bảng. - Số liền sau của 80 là 81. - Muốn tìm số liền sau của 1 số ta đếm thêm 1. - Gọi HS sửa bài theo cặp - Nhận xét, tuyên dương. * <u>Bài 3</u> - Yêu cầu gì? - Khi so sánh số có cột chục giống nhau ta làm sao? - Còn cách nào so sánh 2 số nữa? - Gọi HS sửa bài, nhận xét. * <u>Bài 4:</u> - Nêu yêu cầu bài. - Phân tích số 87. - GV viết câu mẫu: 87 gồm 8 chục và 7 đơn vị; ta viết $87 = 80 + 7$ - Cho HS làm bài rồi sửa. - Nhận xét, tuyên dương.</p> <p><u>4.Củng cố:</u> - Đọc các số theo thứ tự từ 20 đến 40; 50 đến 60; 80 đến 90. - So sánh 2 số 89 và 81; 76 và 66.</p> <p><u>5.Dẫn dò:</u> - Về nhà tập so sánh lại các số có hai chữ số đã học. - Chuẩn bị: Bảng các số từ 1 đến 100.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hát. - 2 học sinh lên bảng. - Học sinh dưới lớp so sánh bất kỳ số mà giáo viên đưa ra. - HS nêu yêu cầu BT1 - Học sinh làm bài. - 3 học sinh lên sửa ở bảng lớp. - Học sinh quan sát. - Học sinh làm bài. - Sửa bài miệng. - HS nêu yêu cầu BBT3 - HS phát biểu - Học sinh làm bài. - Sửa bài miệng. - HS phân tích - Học sinh đọc. - HS sửa bài - HS đọc - HS so sánh
--	---

Tiết 4. Ôn Toán. TIẾT 106: BẢNG CÁC SỐ TỪ 1 ĐẾN 100

I/Mục tiêu:

- Nhận biết được 100 là số liền sau của 99.
- Đọc, viết, lập được bảng các số từ 0 đến 100.
- Biết một số đặc điểm các số trong bảng.

II/Chuẩn bị:

1. Giáo viên: Bảng số từ 1 đến 100.
2. Học sinh: Bảng số từ 1 đến 100. Que tính.

III/Hoạt động dạy và học:

<u>Hoạt động của giáo viên</u>	<u>Hoạt động của học sinh</u>
<p>1. <u>Ôn định</u>:</p> <p>2. <u>Bài cũ</u>: Gọi 2 học sinh lên bảng làm bài tập. + 64 gồm ... chục và ... đơn vị; ta viết: $64 = 60 + \dots$ + 53 gồm ... chục và ... đơn vị; ta viết: $53 = \dots + 3$ - Nhận xét.</p> <p>3. <u>Bài mới</u>: a/ Giới thiệu bài: Bảng các số từ 1 đến 100. b/<u>Hoạt động 1</u>: Giới thiệu bước đầu về số 100. - Nêu yêu cầu bài 1. - Số liền sau của 97 là bao nhiêu? - Gắn 99 que tính: Có bao nhiêu que tính? - Thêm 1 que tính nữa là bao nhiêu que? - Vậy số liền sau của 99 là bao nhiêu? - 100 là số có mấy chữ số? - 1 trăm gồm 10 chục và 0 đơn vị. - Giáo viên ghi 100.</p> <p>c/<u>Hoạt động 2</u>: Giới thiệu bảng số từ 1 đến 100. - Nêu yêu cầu bài 2: viết số còn thiếu vào ô trống trong bảng các số từ 1 đến 100 - HS làm bài rồi sửa. - Nhận xét cho cô số hàng ngang đầu tiên. - Còn các số ở cột dọc. => GV chốt:</p> <p>d/<u>Hoạt động 3</u>: Giới thiệu 1 vài đặc điểm của bảng các số từ 1 đến 100. - Nêu yêu cầu bài 3. - Dựa vào bảng số để làm bài 3. - Cho HS làm bài và sửa ở bảng lớp. - Nhận xét, tuyên dương.</p> <p>4. <u>Củng cố</u>: - Đếm xem có bao nhiêu số có 1, 2 chữ số? - Trò chơi: lên chỉ nhanh số liền trước , liền sau. - Nhận xét.</p> <p>5. <u>Dặn dò</u>: Học thuộc các số từ 1 đến 100.</p>	<p>- Hát.</p> <p>- 2HS làm bài</p> <p>- Học sinh nêu. - HS nêu - HS quan sát và phát biểu</p> <p>- Học sinh nhắc lại.</p> <p>- Lốp làm vào vở.</p> <p>- HS nhận xét</p> <p>-HS làm BT3</p> <p>- Nhận xét</p> <p>- HS đếm - HS chơi</p>

Thứ năm ngày 19 tháng 3 năm 2015

Tiết 1. Rèn chữ

CÂU ĐỐ

I. Mục tiêu:

- Nhìn sách hoặc bảng, chép lại đúng bài Câu đố về con ong : 16 chữ trong khoảng 8 – 10 phút.
- Điền đúng chữ ch, tr, v, d hoặc gi vào chỗ trống. BT 2a hoặc 2b.

II. Chuẩn bị:

1. Giáo viên: Bảng phụ có bài viết.
2. Học sinh: Vở viết. Bảng con. Phấn.

III. Hoạt động dạy và học:

<u>Hoạt động của giáo viên</u>	<u>Hoạt động của học sinh</u>
<p>1. Ôn định:</p> <p>2. Bài cũ: Nhà bà ngoại</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét vở bài chấm tiết trước. - Viết bảng con tiếng còn sai ở tiết trước. - Nhận xét, tuyên dương. <p>3. Bài mới:</p> <p>Giới thiệu: Viết bài: Câu đố.</p> <p>a) Hoạt động 1: Hướng dẫn tập chép.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Treo bảng phụ. <li style="padding-left: 40px;"><i>Con gì bé tí</i> <li style="padding-left: 40px;"><i>Chăm chỉ suốt ngày</i> <li style="padding-left: 40px;"><i>Bay khắp vườn cây</i> <li style="padding-left: 40px;"><i>Tìm hoa gầy mật?</i> - Tìm những tiếng khó viết trong đoạn viết. - Giáo viên gạch chân tiếng khó. - Giáo viên đọc và chỉ chữ ở bảng. <ul style="list-style-type: none"> - GV quan sát, nhắc nhở tư thế, cách viết,... - Thu vở chấm 5 – 6 bài. Nhận xét vở chấm. <p>b) Hoạt động 2: Làm bài tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> * Đọc yêu cầu bài 2a. <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên sửa bài. Tuyên dương HS làm đúng. Tương tự, HS làm BT 2b: Điền v, d hay gi? - Giáo viên chữa bài. <p>4. Củng cố: Khen những em học bài tốt, chép bài đúng và đẹp, khen những em có tiến bộ, nhắc nhở những em còn viết chưa đẹp.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hát. - 2HS nhắc lại - HS viết bảng con <ul style="list-style-type: none"> - Đọc đồng thanh lại bài thơ. <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh tìm và nêu. - Học sinh phân tích. - Viết bảng con. - HS đọc lại bài thơ - Học sinh chép bài thơ vào vở. - Học sinh soát bài theo cặp. - Ghi lỗi sai ra lề đỏ. <ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát tranh, làm bài. - 2HS sửa ở bảng lớp - Nhận xét, bổ sung. - Học sinh làm bài vào vở. - 2 học sinh lên thi làm nhanh bài tập.

5. **Tổng kết:**- Nhận xét tiết học.

Tiết 2. Ôn Toán.

LUYỆN TẬP

I. Mục tiêu:

- Viết được các số có hai chữ số.
- Viết được số liền trước, số liền sau của một số.
- So sánh các số, thứ tự số.
- * BT4 dành cho HS khá, giỏi.

II. Chuẩn bị:

1. Giáo viên:
 - Đồ dùng phục vụ luyện tập.
2. Học sinh:
 - SGK.

III. Hoạt động dạy và học:

<u>Hoạt động của giáo viên</u>	<u>Hoạt động của học sinh</u>
<p>1. <u>Ôn định:</u></p> <p>2. <u>Bài cũ:</u> Cho học sinh đọc các số từ 1 đến 100. Các số có 1 chữ số là những số nào? - Các số tròn chục là những số nào? - Các số có 2 chữ số giống nhau là số nào? - Nhận xét.</p> <p>3. <u>Bài mới:</u> a/ <u>Giới thiệu:</u> Học bài Luyện tập. b/ <u>Thực hành</u> * <u>Bài 1:</u> - Nêu yêu cầu bài. - Cho HS làm bài rồi sửa. - Nhận xét, tuyên dương. * <u>Bài 2:</u> Yêu cầu gì? - Muốn tìm số liền trước của 1 số ta làm sao? - Tìm số liền sau? - Cho HS làm bài, sửa bài miệng. - Nhận xét. * <u>Bài 3:</u> Nêu yêu cầu bài. - Lưu ý học sinh các số gần nhau bởi dấu phẩy. - Nhận xét. * <u>Bài 4:</u> Nêu yêu cầu bài. - Lưu ý: hình vuông nhỏ có 2 cạnh nằm trên 2 cạnh của hình vuông lớn.</p> <p>4. <u>Củng cố:</u> - Hỏi tựa</p>	<p>- Hát.</p> <p>- Mỗi học sinh đọc khoảng 20 số.</p> <p>- HS nêu</p> <p>- Nhận xét.</p> <p>- Nêu yêu cầu BT1</p> <p>- Học sinh làm bài.</p> <p>- Sửa bài ở bảng lớp.</p> <p>- HS phát biểu</p> <p>- Học sinh làm bài.</p> <p>- Sửa bài miệng.</p> <p>- 2 học sinh làm ở bảng lớp.</p> <p>- Dùng thước và bút nối các điểm để có 2 hình vuông.</p> <p>- Hs nêu</p>

- Trò chơi: Tìm nhanh số liền trước, liền sau của 1 số.
 - Nhận xét.
- 5. Dẫn dò:**
- Chuẩn bị: Luyện tập chung.
 - Nhận xét tiết học.

Lớp 2A1.

Tiết 3. Ôn Toán

TIẾT 134: LUYỆN TẬP CHUNG

I. MỤC TIÊU :

- Học sinh : Thuộc bảng nhân, bảng chia đã học. Biết tìm thừa số, số bị chia. Biết nhân, (chia) số tròn chục với (cho) số có một chữ số. Biết giải bài toán có một phép chia (trong bảng nhân 4).
- Rèn học sinh biết tính toán nhanh chính xác.
- Giáo dục học sinh yêu thích học môn toán .

II . ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :

- Thầy : Bảng phụ, phấn màu.
- Trò : Sách , vở , bút.

III . CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

HOẠT ĐỘNG DẠY	HOẠT ĐỘNG HỌC
<p>1 . Ổn định tổ chức :</p> <p>2 . Kiểm tra bài cũ :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc bảng chia 1 và bảng nhân 1. - Giáo viên nhận xét. <p>3. Bài mới : Giới thiệu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên giới thiệu bài . <p>* Hoạt động 1 :</p> <p>Luyện tập.</p> <p>Bài 1 : (tr 135 SGK) Tính nhẩm:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Gọi học sinh đọc yêu cầu bài tập. - Bài toán thuộc loại phép tính gì? - Bài toán yêu cầu chúng ta làm gì? - Giáo viên hướng dẫn học sinh tính nhẩm. - Gọi lần lượt HS đứng tại chỗ nêu kết quả. - Giáo viên nhận xét bài của học sinh. <p>Bài 3 : (tr 135 SGK)</p> <ul style="list-style-type: none"> * Gọi học sinh đọc yêu cầu bài tập 	<ul style="list-style-type: none"> - Cả lớp hát. - Học sinh lên làm bài. - Học sinh nhận xét . - Học sinh lắng nghe. - Học sinh đọc yêu cầu đề bài. - Phép tính chia. - Tính nhẩm. - Học sinh theo dõi. - HS lần lượt nêu kết quả. - Học sinh khác nhận xét bài. - Học sinh đọc yêu cầu đề bài. - Học sinh theo dõi. + Ta lấy tích chia cho thừa số đã biết. + Ta lấy thương nhân với số chia. - HS lần lượt lên bảng. a) Tìm x

<p>- Giáo viên nhận xét bài. * Nếu còn thời gian cho học sinh hoàn thành các phép tính còn lại.</p> <p>* Hoạt động 2 : 4 . Tổng kết – dặn dò : - Giáo viên nhận xét tiết học.</p>	$x \times y : 5 = 3$ $y = 2 \times 2 \quad y = 3 \times 5$ $y = 4 \quad y = 15$ <p>- Học sinh khác nhận xét bài.</p> <p>- Học sinh về ôn bài. - Chuẩn bị bài: luyện tập chung.</p>
---	--

Tiết 4. Ôn Luyện từ và câu

ÔN TẬP

I . MỤC TIÊU :

- Học sinh :Đọc rõ ràng, rành mạch các bài tập đã học từ tuần 19 đến tuần 26; hiểu nội dung của đoạn, bài. Biết cách đặt và trả lời câu hỏi với như thế nào? (BT 2, 3); biết đáp lời khẳng định, phủ định trong tình huống cụ thể (1 trong 3 tình huống ở BT4)
- Rèn học sinh đọc lưu loát , rõ ràng.
- Giáo dục học sinh có ý thức ôn bài tốt.

II . ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :

- Thầy : Phiếu ghi tên các bài tập từ tuần 19 đến tuần 26.
- Trò : Sách , vở , bút.

III . CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

HOẠT ĐỘNG DẠY	HOẠT ĐỘNG HỌC
<p>1 . Ôn định tổ chức :</p> <p>2 . Kiểm tra bài cũ : - Chuẩn bị sách vở của HS. Gv nhận xét.</p> <p>3. Bài mới : Giới thiệu * Hoạt động 1 : Kiểm tra tập đọc và học thuộc lòng: - GV HD HS cách kiểm tra. - Gọi lần lượt HS lên gấp phiếu được bài nào đọc bài đó. - HS đọc một đoạn bài gấp được và trả lời câu hỏi trong bài. - GV nhận xét.</p> <p>*Hoạt động 2: Ôn luyện kiểm thức đã học. Bài 2: Gọi HS đọc Y/C bài tập. - Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì? - GV HD học sinh làm bài. + Câu hỏi “ Vì sao?” dùng để hỏi về nội dung gì? - Gọi HS đọc câu a. - Vì sao sơn ca khô khát họng?</p>	<p>- Cả lớp hát.</p> <p>- HS đầy đủ sách, vở.Hsinh khác nhận xét. - Học sinh chú ý lắng nghe.</p> <p>- Học sinh theo dõi. - Học sinh lên gấp phiếu được bài nào đọc bài đó. - Học sinh đọc và trả lời câu hỏi trong bài.</p> <p>- HS đọc yêu cầu bài tập. - HS trả lời. - HS theo dõi. + Nguyên nhân, lí do của sự việc nào đó.</p> <p>- Sơn ca khô khát cả họng vì khát. - Vì khát.</p>

<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận nào trả lời cho câu hỏi“ vì sao?” - Gọi HS đọc câu b. - Vì sao nước suối dâng ngập hai bờ? - Bộ phận nào trả lời cho câu hỏi“ vì sao?” <p>Bài 3: - Gọi HS đọc Y/ C bài tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> -GV HD hs trả lời cho bộ phận được in đậm - Gọi HS lên làm bài. GV nhận xét. <p>Bài 3: - Gọi HS đọc Y/ C bài tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV HD làm bài tập. - Gọi HS nói lời đáp - GV nhận xét. <p>* Hoạt động 3 :Tổng kết – dặn dò :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên nhận xét tiết học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Vì mưa to nước suối dâng ngập hai bờ. - Mưa to. - HS đọc Y / C Bài tập. - HS theo dõi. <p>Vì sao bông cúc héo lả đi?</p> <p>+ vì sao đến mùa đông ve không có gì ăn?</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc Y / C Bài tập. - HS theo dõi. - HS lần lượt đáp lại lời nói. <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh về ôn bài.
---	--

Thứ sáu ngày 20 tháng 3 năm 2015

Tiết 1+2. Ôn Toán. Tiết 108: LUYỆN TẬP CHUNG

I.Mục tiêu:

- Biết đọc, viết, so sánh các số có hai chữ số.
 - Biết giải toán có 1 phép cộng.
- * BT3(a) dành cho HS khá, giỏi.

II.Chuẩn bị:

1. Giáo viên:Đồ dùng phục vụ luyện tập.
2. Học sinh:Vở bài tập.

III.Hoạt động dạy và học:

<u>Hoạt động của giáo viên</u>	<u>Hoạt động của học sinh</u>
<ol style="list-style-type: none"> 1. <u>Ôn định:</u> 2. <u>Bài cũ:</u>Gọi 1 học sinh lên bảng làm bài: Tìm số liền trước, liền sau các số 35, 70, 89. <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét,. 3. <u>Bài mới:</u><u>Giới thiệu:</u> Học bài Luyện tập chung. <u>Thực hành:</u> <ul style="list-style-type: none"> * <u>Bài 1:</u> Yêu cầu gì? <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu viết số theo thứ tự từ số nào? - Các số hơn kém nhau bao nhiêu? - Cho HS làm bài và lên bảng sửa.Nhận xét. * <u>Bài 2:</u> - Nêu yêu cầu bài. <ul style="list-style-type: none"> - Cho số hãy đọc số đó. - Nhận xét, tuyên dương. * <u>Bài 3:</u> Nêu yêu cầu bài. <ul style="list-style-type: none"> - So sánh số có chữ số hàng chục giống nhau dựa vào số nào? - Gọi HS sửa bài, nhận xét. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hát. - Học sinh làm bài. <ul style="list-style-type: none"> - HS nêu yêu cầu BT1 - HS nêu <p>Học sinh làm bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sửa bài ở bảng lớp. - Học sinh làm bài.

<p>* Bài 4: có 10 cây cam và 8 cây chanh. Hỏi có tất cả bao nhiêu cây? - Đọc đề bài. - Đề bài cho gì? - Đề bài hỏi gì? Muốn biết có tất cả bao nhiêu cây ta làm sao? Cho HS làm bài rồi sửa ở bảng lớp. Nhận xét.</p> <p>* Bài 5: Viết số lớn nhất có 2 chữ số - Số lớn nhất có hai chữ số là số nào? - Cho HS làm bài rồi sửa - Nhận xét.</p> <p>4. <u>Củng cố</u>: So sánh các số: + 90 với 91. + 32 với 33. + 70 với 69. + 50 với 30. Nhận xét.</p> <p>5. <u>Dặn dò</u>: Chuẩn bị: Giải toán có lời văn tiếp theo. - Nhận xét tiết học.</p>	<p>- HS đọc đề bài - HS phân tích đề bài</p> <p>- Học sinh làm bài. - <u>Bài giải</u> Số cây có tất cả là: $10 + 8 = 18$ (cây) Đáp số: 18 cây</p> <p>Học sinh làm bài.</p> <p>- Học sinh so sánh miệng.</p>
--	---

Tiết 3+4. Ôn Tập đọc

MÙA CHỨ SẼ

I. Mục tiêu:

- Đọc trơn cả bài. Đọc đúng các từ ngữ: chộp được, hoảng lắm, nén sợ, lễ phép. Bước đầu biết nghỉ hơi ở chỗ có dấu câu.
- Hiểu nội dung: Sự thông minh, nhanh trí của chú Sẻ đã khiến chú tịt cứu mình thoát nạn. Trả lời CH 1, 2 (SGK).

***KNS**: *Xác định giá trị bản thân, tự tin, kiên định. Kỹ năng ra quyết định giải quyết vấn đề. Phản hồi lắng nghe tích cực.*

II. Chuẩn bị:

1. Giáo viên: Tranh vẽ SGK.
2. Học sinh: SGK.

III. Hoạt động dạy và học:

TIẾT 1

<u>Hoạt động của giáo viên</u>	<u>Hoạt động của học sinh</u>
<p>1. <u>Ôn định</u>:</p> <p>2. <u>Bài cũ</u>: <i>Ai dậy sớm</i> - Gọi HS đọc bài trả lời câu hỏi SGK. - Gọi 1HS đọc diễn cảm cả bài. - Nhận xét,.</p> <p>3. <u>Bài mới</u>:</p> <p>- Giới thiệu: Học bài: Mùa chú sẻ. - Ghi bảng.</p> <p>a) <u>Hoạt động 1: Luyện đọc</u>. - Giáo viên đọc mẫu. - Giáo viên gạch chân các từ ngữ cần luyện</p>	<p>- Hát.</p> <p>- HS đọc bài và trả lời câu hỏi. - Nhận xét</p> <p>- Nói tiếp nhắc tựa bài</p> <p>- Học sinh dò bài. - Học sinh tìm và nêu từ khó. - Phân tích tiếng</p>

<p>đọc: hoảng lẫm, nén sợ, lễ phép, sạch sẽ. * Giáo viên giải nghĩa từ khó.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV sửa phát âm sai. - Y/C HS nối tiếp đọc từng câu trong bài (2 – 3 lượt) <p>b) Hoạt động 2: Ôn vần uôn – uông.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm tiếng trong bài có vần uôn. - Tìm tiếng ngoài bài có vần uôn – uông. - Nhận xét, tuyên dương HS tìm đúng. - Em hãy nói câu có chứa tiếng có vần uôn – uông. - Giáo viên nhận xét khen ngợi tổ có nhiều bạn nói tốt. <p>4. Củng cố:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ bảng cho HS đọc lại bài. - Nhận xét. <p>5. Tổng kết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dặn HS tìm hiểu chuẩn bị tiết 2. - Nhận xét tiết học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh luyện đọc từ khó (cá nhân, lớp). - Luyện đọc câu (1 câu 2HS đọc). Học sinh đọc trơn từng câu theo bàn, tổ. - Học sinh thi đọc trơn cả bài (cá nhân, lớp). - HS tìm và nêu. - Phân tích tiếng muộn - Học sinh thi đua tìm tiếp nối nhau. - Nhận xét, bổ sung. - Học sinh quan sát tranh nêu câu mẫu. - Hsinh nói câu có vần uôn – uông. - Chia lớp làm 3 tổ: <ul style="list-style-type: none"> + Tổ 1, 3 nói câu có vần uôn. + Tổ 2 nói câu có vần uông. - HS đọc lại bài (đồng thanh)
--	--

TIẾT 2

<u>Hoạt động của giáo viên</u>	<u>Hoạt động của học sinh</u>
<p>1. Ôn định:</p> <p>2. Kiểm tra bài cũ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi 2HS đọc bài. - Nhận xét. <p>3. Bài mới: Giới thiệu: Học sang tiết 2.</p> <p>a) Hoạt động: Tìm hiểu bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi 1 học sinh đọc toàn bài. - Lần lượt trả lời: <ul style="list-style-type: none"> + Khi Sẻ bị Mèo chộp được, Sẻ đã nói gì với Mèo? + Sẻ làm gì khi Mèo đặt nó xuống? - Nhận xét, tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hát. - 2HS đọc bài - Nhận xét - 1 Học sinh đọc, lớp đọc thầm. - Học sinh nêu. - Học sinh luyện đọc toàn bài

<p>4. <u>Củng cố:</u> - Đọc lại toàn bài.</p> <p>- Nhận xét.</p> <p>5. <u>Tổng kết:</u> - Về nhà đọc lại bài đọc cho cả nhà nghe. - Chuẩn bị bài cho tiết sau: Ngôi nhà. - Nhận xét tiết học.</p>	<p>(đồng thanh)</p>
---	---------------------

TUẦN 28.

Thứ hai ngày 23 tháng 3 năm 2015

Tiết 1. Toán.

TIẾT 108: LUYỆN TẬP CHUNG

A - MỤC TIÊU:

- Giúp học sinh củng cố về đọc, viết, so sánh các số có 2 chữ số.
- Giải toán có lời văn.

B - ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Giáo viên: nội dung bài tập - Học sinh: vở bài tập, sách giáo khoa.

C - HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HỌC SINH
<p>I. KIỂM TRA >, <, = ? 64 □ 63 46 □ 64 75 □ 75 Gnx cho điểm</p> <p>II, BÀI MỚI</p> <p>1. Giới thiệu bài</p> <p>2. Hướng dẫn học sinh lần lượt làm các bài tập trong sách giáo khoa.</p>	<p>Lớp làm b/c, 3 học sinh lên bảng</p> <p>- Học sinh mở sgk - Học sinh làm và chữa bài</p>

<p>? Các cạnh có bằng nhau không</p> <p>Bài 1: Gọi học sinh nêu yêu cầu bài tập</p> <p>Bài 2 Hướng dẫn học sinh làm tương tự bài 1</p> <p>Bài 3:(b,c) Gọi học sinh nêu yêu cầu bài tập</p> <p>Bài 4: Gọi học sinh nêu bài toán, nêu tóm tắt. Hướng dẫn học sinh làm vào vở, 1 em chữa, lớp nhận xét, chấm 1 số bài. Cùng cố lại cách giải</p> <p>Bài 5: ? Số lớn nhất có 2 chữ số là số nào? ? Số bé nhất có 2 chữ số là số nào? Giáo viên nhận xét, kết luận</p>	<p>- Học sinh làm và nêu được cách làm VD: $45 < 47$ (vì 45 & 47 đều có 4 chục mà 5 , 7 nên $45 < 47$)</p> <p>- 3 học sinh</p> <p>- Học sinh làm bài vào vở</p> <p>- Đọc bài làm của mình</p> <p>99</p> <p>10</p>
---	---

III – Củng cố, dặn dò (1')

Giáo viên nhận xét giờ học

Nhắc học sinh làm bài tập, xem trước bài hôm sau

Tiết 2+3. Ôn Tập đọc.

NGÔI NHÀ

I. Mục tiêu:

- Đọc trơn cả bài. Đọc đúng các từ ngữ: hàng xoan, xao xuyến, lãnh lót, thơm phức, mộc mạc, ngõ. Bước đầu biết nghỉ hơi ở cuối mỗi dòng thơ, khổ thơ.
- Hiểu ND bài: Tình cảm của bạn nhỏ đối với ngôi nhà. Trả lời câu hỏi 1 (SGK).

II. Chuẩn bị:

3. Giáo viên: Tranh vẽ SGK.
4. Học sinh: SGK.

III. Hoạt động dạy và học:

TIẾT 1

<u>Hoạt động của giáo viên</u>	<u>Hoạt động của học sinh</u>
<p><u>1. Ôn định:</u></p> <p><u>2. Bài cũ: Mưu chú Sẻ</u> Gọi HS đọc đoạn 1, 2 trả lời câu hỏi 1 SGK. Nh xét. - Gọi HS đọc đoạn 3 trả lời câu hỏi 2 SGK.- N xét. - Gọi HS đọc cả bài.</p>	<p>- Hát.</p> <p>- 1HS đọc và trả lời - Nhận xét</p> <p>- 1HS đọc và trả lời câu 2. Nh xét</p> <p>- 1HS đọc cả bài</p>

<p>- Nhận xét chung phần KTBC.</p> <p>3. Bài mới: Giới thiệu bài: Ghi bảng.</p> <p>c) Hoạt động 1: Luyện đọc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên đọc mẫu. - Giáo viên gạch chân các từ cần luyện đọc: hàng xoan, xao xuyên nở, lãnh lót, thơm phức. <p>- GV chỉnh sửa phát âm.</p> <p>d) Hoạt động 2: Ôn các vần yêu – iêu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm tiếng trong bài có vần yêu. - Nhận xét, tuyên dương. - Đọc yêu cầu câu 2 ở sách. <p>- Nhận xét, tuyên dương HS tìm đúng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc yêu cầu bài 3. <p style="padding-left: 40px;">Bé được <i>phiếu</i> bé ngoan.</p> <p>Giáo viên nhận xét, tuyên dương.</p> <p>4. Củng cố:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ bảng cho HS đọc lại bài. - Nhận xét. <p>5. Tổng kết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dẫn HS tìm hiểu chuẩn bị tiết 2. - Nhận xét tiết học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét - HS nhắc lại tựa bài <ul style="list-style-type: none"> - HS dò theo - Học sinh nêu từ khó. - HS phân tích tiếng: xoan, xuyên, lãnh, phức. - Hs luyện đọc từ (cá nhân, lớp). - Luyện đọc câu: hsinh nối tiếp nhau đọc tron từng dòng thơ. - Hsinh luyện đọc đoạn, cả bài. + HS nối tiếp đọc khổ thơ + Mỗi tổ đọc 1khô + Đọc cả bài (cá nhân, tổ, lớp). - HS tìm và nêu. - Tìm tiếng ngoài bài có vần iêu. - HS tìm và nêu. - Nhận xét, bổ sung. - HS đọc: Nói câu chứa tiếng có vần iêu. - 1HS đọc câu mẫu - HS nói câu chứa tiếng có vần iêu. - Nhận xét.
--	--

TIẾT 2

<u>Hoạt động của giáo viên</u>	<u>Hoạt động của học sinh</u>
<p>3. Ôn định:</p> <p>4. Kiểm tra bài cũ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi 2HS đọc lại bài. <p>3. Bài mới: Giới thiệu học sang tiết 2</p> <p>a) Hoạt động 1: Tìm hiểu bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc 2 khổ thơ đầu. - Trả lời: Ở ngôi nhà của mình, bạn nhỏ đã nhìn thấy gì? Nghe thấy gì? Ngửi thấy gì? <p>=>GV chốt ý:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hát. - 2HS đọc bài - Nhận xét - 1HS đọc, Lớp đọc thầm. - HS phát biểu

<p>+ Thấy hàng xoan trước ngõ, hoa nở như mây từng chùm. + Nghe tiếng chim đầu hồi lạnh lớt. + Ngửi mùi rơm rạ phơi trên sân. - Nhận xét, tuyên dương. - Tìm và đọc những câu thơ nói về tình yêu ngôi nhà của bạn nhỏ gắn với tình yêu quê hương đất nước. Em yêu ngôi nhà Gỗ tre mộc mạc Như yêu đất nước Bốn mùa chim ca.</p> <p>- Nhận xét. - Hãy đọc lại diễn cảm bài thơ. → Giáo viên nhận xét.</p> <p>b) Hoạt động 2: Học thuộc lòng khổ thơ mà em thích - Chỉ bảng cho HS đọc lại bài thơ. - Cho HS nhắm học trong 2 phút. - Chỉ bảng cho HS đọc lại và xóa dần. - Gọi HS đọc thuộc lòng lại. - Nhận xét.</p> <p>c) Hoạt động 3: Luyện nói. - Chủ đề: Ngôi nhà mà em mơ ước. - Giáo viên yêu cầu HS quan sát tranh nhiều ngôi nhà khác nhau SGK. - Sau này các con mơ ước ngôi nhà của mình như thế nào? - Nhận xét, tuyên dương.</p> <p>4. Củng cố: - Đọc thuộc lòng khổ thơ mà mình thích nhất. - Vì sao lại thích khổ thơ đó? - Nhận xét.</p> <p>5. Tổng kết: - Chuẩn bị bài tập đọc tới: Quà của bố. - Nhận xét tiết học.</p>	<p>- Nhận xét, bổ sung. - HS tìm và đọc</p> <p>- 2, 3HS đọc. - HS đọc bài - HS nhắm học</p> <p>- 2HS đọc lại - Nhận xét</p> <p>- Học sinh nói về ngôi nhà của mình. - Lớp nghe, bình chọn người nói về ngôi nhà mơ ước hay nhất.</p> <p>- Học sinh đọc cá nhân. - Học sinh nêu.</p>
---	---

Tiết 4. Rèn chữ.

TÔ CHỮ HOA E, Ê, G

I. Mục tiêu:

- Tô được các chữ hoa: E, Ê, G.
- Viết đúng các vần: **ăm, ăp, ươn, ương**; các từ ngữ: **chăm học, khắp vườn, vườn hoa, ngát hương** kiểu chữ viết thường, cỡ chữ theo vở Tập viết 1 – tập hai. (Mỗi từ ngữ viết được ít nhất một lần).

* HS khá, giỏi: Viết đều nét, dẫn đúng khoảng cách và viết đủ số dòng, số chữ quy định trong vở Tập viết 1 – tập hai.

II. Chuẩn bị:

Giáo viên: Chữ hoa E, Ê, G.

Học sinh: Vở tập viết, bảng con.

III. Hoạt động dạy và học:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Ôn định:</p> <p>2. Kiểm tra bài cũ: Gọi 2HS lên bảng viết: hạt thóc, sạch sẽ.</p> <p>- Nhận xét, tuyên dương.</p> <p>3. Bài mới:</p> <p>a) Giới thiệu bài - Ghi bảng tựa bài</p> <p>b) Hoạt động 1: Hướng dẫn HS tô chữ hoa.</p> <p>* Chữ hoa E: Cho HS xem mẫu chữ hoa E.</p> <p>- GV nêu quy trình tô chữ hoa E:</p> <p>* Chữ hoa Ê: Cho HS xem mẫu chữ hoa Ê.</p> <p>- Chữ hoa Ê tương tự chữ hoa E thêm dấu mũ trên đầu.</p> <p>* Chữ hoa G: Cho HS quan sát mẫu chữ hoa G.</p> <p>- GV nêu quy trình tô chữ hoa G:</p> <p>c) Hoạt động 2: Hướng dẫn HS viết vần, từ ứng dụng.</p> <p>- Cho HS quan sát mẫu chữ các vần: <i>ăm, ắp, ương, ương</i>; từ ứng dụng: <i>chăm học, khắp vườn, vườn hoa, ngắt hương</i>.</p> <p>- Cho HS nhận xét độ cao các con chữ, khoảng cách giữa các chữ (tiếng), cách đặt dấu thanh, nối nét.</p> <p>- Nhận xét.</p> <p>d) Hoạt động 3: HS viết vở.</p> <p>- Nhắc tư thế ngồi viết.</p> <p>- Thu 6 – 7 vở chấm.</p> <p>- Nhận xét vở bài chấm.</p> <p>4. Củng cố: Trò chơi: Ai nhanh hơn?</p> <p>- Thi đua tìm tiếng có vần ăm viết vào bảng con.</p> <p>- Nhận xét.</p> <p>5. Tổng kết: Về nhà viết vở tập viết phần B.</p> <p>- Chuẩn bị bài tiếp theo (hoa H, I, K).</p> <p>- Nhận xét tiết học.</p>	<p>- Hat.</p> <p>- 2HS viegbang lzp, lzp viegbang con.</p> <p>- Nhận xét.</p> <p>- HS quan sát</p> <p>- HS quan sát</p> <p>HS quan sát</p> <p>- HS quan sát và lắng nghe.</p> <p>- HS quan sát, viết các vần và từ ứng dụng</p> <p>- Nhận xét độ cao, khoảng cách,</p> <p>- Học sinh viegbang con và lắng nghe. Nhận xét</p> <p>- HS tập viegbang vở.</p> <p>- Học sinh cao thấp của tiếng. Tiếng nào có nhiều dấu ghi vần và viết nhấc (thanh).</p>

Thứ ba ngày 24 tháng 3 năm 2015

LUYỆN TẬP CHUNG

Tiết 1. Ôn Toán

I. MỤC TIÊU :

- Học sinh : Thuộc bảng nhân, bảng chia đã học. Biết thực hiện phép nhân hoặc phép chia có số kèm đơn vị đo. Biết tính giá trị của biểu thức số có hai dấu phép tính (trong đó có một dấu nhân hoặc chia; nhân, chia trong bảng tính đã học). Biết giải bài toán có một phép chia.

- Rèn học sinh biết tính toán nhanh chính xác.
- Giáo dục học sinh yêu thích học môn toán .

II . ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :

- Thầy : Bảng phụ, phấn màu.
- Trò : Sách , vở , bút.

III . CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

HOẠT ĐỘNG DẠY	HOẠT ĐỘNG HỌC
<p>1 . Ôn định tổ chức :</p> <p>2 . Kiểm tra bài cũ :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc bảng chia 1 và bảng nhân 1. - Giáo viên nhận xét. <p>3. Bài mới : Giới thiệu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên giới thiệu bài . <p>* Hoạt động 1 :Luyện tập.</p> <p>Bài 1 : Gọi học sinh đọc yêu cầu bài tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài toán thuộc loại phép tính gì? - Bài toán yêu cầu chúng ta làm gì? - Giáo viên hướng dẫn học sinh tính nhẩm. - Gọi lần lượt HS đứng tại chỗ nêu kết quả. - Giáo viên nhận xét bài của học sinh. <p>Bài 2 : * Gọi học sinh đọc yêu cầu bài tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên hướng dẫn học sinh làm bài . - Gọi học sinh lên bảng làm bài. <p>- Giáo viên nhận xét bài .</p> <p>Bài 3 : Gọi học sinh đọc yêu cầu bài tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên hướng dẫn học sinh làm bài. - Gọi học sinh lên bảng làm bài. <p>- Giáo viên nhận xét bài.</p> <p>* Hoạt động 2 : Tổng kết – dặn dò :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên nhận xét tiết học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cả lớp hát. - Học sinh lên làm bài. - Học sinh nhận xét . - Học sinh lắng nghe. - Học sinh đọc yêu cầu đề bài. - Phép tính chia. - Tính nhẩm. - Học sinh theo dõi. - HS lần lượt nêu kết quả. - Học sinh khác nhận xét bài. - Học sinh đọc yêu cầu đề bài. - Học sinh lên bảng làm bài. <p>a) $3 \times 4 + 8 = 12 + 8$ $= 20$</p> <p>b) $2 : 2 \times 0 = 1 \times 0$ $= 0$</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nhận xét. - Học sinh đọc yêu cầu đề bài. - HS lần lượt lên bảng. <p>Tóm tắt 3 học sinh : 1 nhóm 12 học sinh : nhóm?</p> <p>Giải 12 học sinh chia được số nhóm là: $12 : 3 = 4$ (nhóm) Đáp số : 4 nhóm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh khác nhận xét bài. - Học sinh về ôn bài.

Tiết 2. Ôn Tập đọc.

KHO BẦU

I. MỤC TIÊU :

- Học sinh :Đọc rành mạch toàn bài; ngắt nghỉ hơi đúng ở các dấu câu và cụm rõ ý.
Hiểu nội dung: Ai yêu quý đất đai, chăm chỉ trên đồng ruộng, người đó có cuộc sống ấm no, hạnh phúc. (trả lời câu hỏi 1, 2, 3, 5).
- Rèn học sinh đọc lưu loát , rõ ràng, thể hiện được hành động của hai con người khi họ tìm vàng.
- Giáo dục học sinh biết yêu quý đất đai, chăm chỉ lao động mới có ấm no, hạnh phúc.

II . ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :

- Thầy : Phần màu , bảng phụ , tranh SGK.
- Trò : Sách , vở , bút.

III . CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

HOẠT ĐỘNG DẠY	HOẠT ĐỘNG HỌC
<p>1 . Ôn định tổ chức :</p> <p>2 . Kiểm tra bài cũ :- Giáo viên nhận xét.</p> <p>3. Bài mới : Giới thiệu</p> <p>* Hoạt động 1 :Luyện đọc.</p> <p>a) Đọc mẫu:</p> <p>b) Hướng dẫn phát âm từ khó.</p> <p>c) H dẫn học sinh ngắt giọng câu văn dài.</p> <p>d) Đọc từng đoạn - GV nhận xét.</p> <p>e) Thi đọc. GV nhận xét.</p> <p>g) Cả lớp đọc đồng thanh.</p> <p>* Hoạt động 2 :Tìm hiểu bài.</p> <p>+ Tìm những hình ảnh nói lên sự cần cù, chịu khó của vợ chồng người nông dân.</p> <p>+ Nhờ chăm chỉ làm ăn, họ đã đạt được điều gì?</p> <p>+ Tính nết của hai con trai của họ như thế nào?</p> <p>++ Trước khi mất, người cha cho con biết điều gì?</p> <p>- Gọi HS đọc đoạn 3.</p> <p>+ Theo lời cha, hai người con đã làm gì?</p> <p>+ Kết quả ra sao?</p> <p>+ Theo em, kho báu mà hai anh em tìm được là gì?</p> <p>+ Câu chuyện muốn khuyên chúng ta điều gì?</p> <p>- GV tổ chức HS luyện đọc nối tiếp theo đoạn.</p> <p>- GV nhận xét .</p> <p>* Hoạt động 3 :Tổng kết – dặn dò :</p> <p>- Giáo viên nhận xét tiết học.</p>	<p>- Cả lớp hát.</p> <p>- HS đọc bài.- Học sinh khác nhận xét.</p> <p>- Học sinh chú ý lắng nghe.</p> <p>- Học sinh đọc thầm.</p> <p>- Học sinh tìm từ khó:</p> <p>- Học sinh đọc ngắt giọng câu văn dài.</p> <p>- HS đọc nối tiếp mỗi HS đọc một câu</p> <p>- Hsinh đọc nối tiếp theo đoạn trước lớp.</p> <p>- Cả lớp đọc đồng thanh.</p> <p>- Cả lớp đọc thầm.</p> <p>+ Quanh năm hai sương một nắng, cuốc bẫm</p> <p>+ Họ gây dựng được một cơ ngơi đàng hoàng.</p> <p>+ Hai con trai lười biếng, ngại làm ruộng, chỉ mơ chuyện hảo huyền.</p> <p>+ Người cha dặn: Ruộng nhà có một kho báu các con hãy tự đào lên mà dùng.</p> <p>- HS đọc thầm.</p> <p>+ Họ đào bới cả đám ruộng lên để tìm kho báu.</p> <p>+ Họ chẳng thấy kho báu đâu và đành phải trồng lúa</p> <p>+ Sự chăm chỉ, chuyên cần.</p> <p>+ Chăm chỉ lao động sẽ được ấm no, hạnh phúc.</p> <p>- HS đọc nối tiếp theo đoạn.</p> <p>- Học sinh về ôn bài.</p>

Tiết 3. Ôn Kể chuyện

KHO BÁU

I. MỤC TIÊU :

- Học sinh :Dựa vào gợi ý cho trước, kể lại từng đoạn của câu chuyện (BT 1).
- Rèn học sinh có kĩ năng nói lưu loát.
- Giáo dục học sinh có yêu thích học phân môn kể chuyện.

II . ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :

- Thầy : Bảng phụ.
- Trò : SGK.

III . CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

HOẠT ĐỘNG DẠY	HOẠT ĐỘNG HỌC
<p>1 . Ôn định tổ chức :</p> <p>2 . Kiểm tra bài cũ :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kể lại câu chuyện Tôm càng và Cá Con. - Giáo viên nhận xét. <p>3. Bài mới : Giới thiệu</p> <p>* Hoạt động 1 :</p> <p>Hướng dẫn kể từng đoạn câu chuyện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên gọi học sinh đọc lại yêu cầu bài. - Giáo viên hướng dẫn học sinh kể chuyện. - Gọi HS kể đoạn 1. + Thời gian trôi qua hai vợ chồng người nông dân ra sao? + Hai người con như thế nào? + Khi lâm bệnh ông lão đã dặn con điều gì? - Gọi HS kể đoạn 2. + Theo lời cha dặn hai người con đã làm gì? + Có tìm được không? + Hai người con đã hiểu ra điều gì? - Gọi HS kể đoạn 3. <p>* Hoạt động 2 :</p> <p>a) Kể chuyện trong nhóm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gv dẫn học sinh kể chuyện trong nhóm. - Giáo viên quan sát giúp đỡ nhóm yếu. - Giáo viên gọi học sinh khá kể trước lớp. - Giáo viên nhận xét. <p>b) Kể chuyện trước lớp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi các nhóm lên kể chuyện trước lớp. - Giáo viên nhận xét. <p>c) Kể lại câu chuyện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gv dẫn học sinh kể toàn bộ câu chuyện. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cả lớp hát. - Học sinh kể chuyện. - Học sinh khác nhận xét. - Học sinh chú ý lắng nghe. - Học sinh đọc lại yêu cầu bài. - Học sinh theo dõi. - HS kể đoạn 1. + Hai vợ chồng đã già yếu. + Lười biếng. + Ruộng nhà có một kho báu các con hãy tự đào nên mà dùng. - Gọi HS kể đoạn 2. + Đào cả đám ruộng. + Không thấy gì? + Phải lao động thì mới có cái ăn. - HS kể đoạn 3. -Hs nối tiếp nhau kể chuyện trong nhóm. - Học sinh khá lên kể trước lớp. - Học sinh nhận xét. - các nhóm lần lượt kể chuyện trước lớp. - Học sinh nhận xét. - Học sinh theo dõi. - Học sinh lên kể toàn bộ câu chuyện

- Gọi học sinh lên kể toàn bộ câu chuyện theo phân vai. - Giáo viên nhận xét. * Hoạt động 3 :Tổng kết – dặn dò :	theo phân vai. - Học sinh nhận xét. - Học sinh về ôn bài
---	--

Tiết 4. Rèn chữ

KHO BÁU

I. MỤC TIÊU :

- Học sinh: Nghe – viết chính xác bài chính tả, trình bày đúng hình thức văn xuôi. Làm được các bài tập 2, hoặc BT 3 (a, b), hoặc BT phương ngữ do GV soạn.
- Rèn học sinh có kĩ năng viết chữ.
- Giáo dục học sinh có tính kiên trì, cẩn thận.

II . ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :

- Thầy : Phần màu , bảng phụ.
- Trò : Vở chính tả, bút.

III . CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

HOẠT ĐỘNG DẠY	HOẠT ĐỘNG HỌC
<p>1 . Ôn định tổ chức :</p> <p>2 . Kiểm tra bài cũ :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra sự chuẩn bị sách, vở của HS. - Giáo viên nhận xét. <p>3. Bài mới : Giới thiệu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên giới thiệu bài . <p>* Hoạt động 1 :</p> <p>Hướng dẫn nghe – viết.</p> <p>a) ghi nhớ nội dung đoạn viết.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên đọc bài viết. - Gọi học sinh khá đọc lại. + Nội dung của đoạn văn là gì? <p>b) Hướng dẫn cách trình bày.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đoạn văn có mấy câu? + Trong đoạn văn những dấu câu nào được sử dụng? + Những chữ nào phải viết hoa? Vì sao? <p>c) Hướng dẫn viết từ khó.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên đọc từ khó cho học sinh viết vào bảng con. - Giáo viên đọc bài to, rõ ràng. - Giáo viên theo dõi giúp đỡ học sinh yếu. - Giáo viên đọc lại bài. - Giáo viên thu vở chấm. - Giáo viên nhận xét. <p>*Hđộng 2 :Hdẫn làm bài tập chính tả.</p> <p>Bài 2: Gv gọi học sinh đọc yêu cầu đề bài.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cả lớp hát. - Học sinh chuẩn bị đầy đủ sách, vở. - Học sinh chú ý lắng nghe. - Học sinh theo dõi. - Học sinh khá đọc. + Nói về sự chăm chỉ, làm lụng của hai vợ chồng người nông dân. + Có 3 câu. + Dấu chấm, dấu phẩy. + Ngày, Hai, Đến chữ đầu câu. - Học sinh viết từ khó vào bảng con: Quanh năm, sương, lặn, trồng khoai. - Học sinh chép bài vào vở. - Học sinh theo dõi soát lỗi. - Học sinh thu vở chấm . - Học sinh đọc yêu cầu đề bài.

<ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn học sinh làm bài. - Gọi học sinh lên bảng làm bài. <p>Giáo viên nhận xét.</p> <p>* Hoạt động 3 : Tổng kết – dặn dò :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên nhận xét tiết học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh theo dõi. - Học sinh lên làm bài. - voi hươ vôi - thuở nhỏ - Học sinh nhận xét. - Học sinh về ôn bài. - Chuẩn bị bài: Cây dừa. <ul style="list-style-type: none"> - mùa màng - chanh chua
---	--

Thứ tư ngày 25 tháng 3 năm 2015

Tiết 1+2. Ôn Tập đọc

QUÀ CỦA BỐ

I. Mục tiêu:

- Đọc trơn cả bài. Đọc đúng các từ ngữ: lần nào, luôn luôn, về phép, vững vàng. Bước đầu biết nghỉ hơi ở cuối mỗi dòng thơ, khổ thơ.
- Hiểu nội dung: Bố là bộ đội ngoài đảo xa, bố rất nhớ và yêu em. Trả lời câu hỏi 1, 2(SGK).
- Học thuộc lòng một khổ của bài thơ.
- * HS khá giỏi học thuộc lòng cả bài thơ.

II. Chuẩn bị: SGK

III. Hoạt động dạy và học:

TIẾT 1

<u>Hoạt động của giáo viên</u>	<u>Hoạt động của học sinh</u>
<p>4. Ôn định:</p> <p>5. Bài cũ: Ngôi nhà</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi 1HS đọc khổ 1, 2. Trả lời: Ở nhà mình bạn nhỏ nhìn thấy gì? - Gọi 1HS đọc cả bài thơ. Nhận xét, - Viết: xao xuyên, lạnh lốt. - Nhận xét, tuyên dương HS viết đúng đẹp. <p>6. Bài mới: a. Giới thiệu bài- Ghi bảng.</p> <p>b. Hoạt động 1: Luyện đọc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên đọc mẫu. - Giáo viên gạch chân các từ cần luyện đọc: <ul style="list-style-type: none"> + lần nào + về phép + luôn luôn + vững vàng → Giáo viên giải nghĩa. - GV sửa phát âm sai. <p>c) Hoạt động 2: Ôn các vần oan – oat.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hát. - Học sinh đọc và trả lời. - Học sinh viết bảng con. - Nối tiếp nhắc tựa bài - Học sinh dò bài. - Học sinh nêu từ khó đọc. - HS phân tích tiếng: nào, phép, luôn, vững vàng. - Hs luyện đọc cá nhân từ ngữ. - Cả lớp đọc đồng thanh. - Luyện đọc câu: Học sinh đọc tiếp nối từng câu. - Luyện đọc đoạn, bài thơ: <ul style="list-style-type: none"> + 3HS đọc nối tiếp từng khổ thơ. + Đọc cả bài (cá nhân, lớp). - Hsinh thi đua đọc trơn theo tổ.

<ul style="list-style-type: none"> - Đọc yêu cầu 1. - Đọc yêu cầu 2. + Chia lớp thành 2 đội nói câu có vần oan – oat. + Nhận xét, tuyên dương. 4. <u>Củng cố.</u> Chỉ bảng cho HS đọc lại bài thơ. - Nhận xét. 5. <u>Tổng kết:</u> - Dẫn HS tìm hiểu chuẩn bị tiết 2. - Nhận xét tiết học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tìm tiếng trong bài có vần oan. - HS tìm và nêu. - phân tích tiếng ngoan - Nói câu có chứa tiếng có vần oan – oat. - Lớp chia thành 2 đội thi nói. - HS đọc bài (cá nhân, lớp)
---	---

TIẾT 2

<u>Hoạt động của giáo viên</u>	<u>Hoạt động của học sinh</u>
<p>1. <i>Oản định:</i></p> <p>2. <i>Kiểm tra bài cũ:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi 2HS đọc bài. - Nhận xét, <p>3. <i>Bài mới:</i>Giới thiệu học sang tiết 2.</p> <p><i>a) Hoạt động 1: Tìm hiểu bài.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc khổ thơ 1 của bài thơ. - Trả lời câu 1: Bố của bạn nhỏ làm việc gì? Ở đâu? => Bố bạn nhỏ là bộ đội làm việc ở đảo xa. - Nhận xét, tuyên dương HS trả lời tốt. - Đọc khổ thơ 2, 3. - Trả lời câu 2: Bố gửi cho bạn nhỏ những quà gì? <li style="padding-left: 20px;">+ Nghìn cái nhớ. <li style="padding-left: 20px;">+ Nghìn cái thương. <li style="padding-left: 20px;">+ nghìn lời chúc <li style="padding-left: 20px;">+ nghìn cái hôn - Nhận xét. - Đọc diễn cảm lại cả bài thơ. <p><i>b) Hoạt động 2: Học thuộc lòng.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên cho học sinh đọc toàn bài. - Giáo viên xóa dần các tiếng chỉ giữ lại tiếng đầu câu. <p><i>c) Hoạt động 3: Luyện nói.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li style="padding-left: 20px;">+ Bố bạn làm nghề gì? <li style="padding-left: 20px;">+ Bố mình là bác sĩ. -Quan sát tranh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hát. - 2HS đọc bài - Nhận xét - 1HS đọc, lớp dò theo. - HS phát biểu - Nhận xét, bổ sung. - 2HS đọc, lớp dò theo. - HS phát biểu - Nhận xét, bổ sung. - 2hs đọc - Học sinh đọc thuộc lòng. - Nêu chủ đề nói: Hỏi nhau về nghề nghiệp của bố. - 2HS đọc câu mẫu - 2HS cùng bạn nói với nhau

<p>- Nhận xét, tuyên dương HS nói tốt. → Nghề nào cũng rất đáng quý.</p> <p>4. <u>Củng cố:</u></p> <p>- Đọc thuộc lòng bài thơ. - Qua bài thơ này muốn nói điều gì với con? => Tình cảm của bố đối với con.</p> <p>5. <u>Tổng kết:</u></p> <p>- Về nhà học thuộc lòng bài thơ. - Chuẩn bị: Vì bây giờ mẹ mới về. - Nhận xét tiết học.</p>	<p>- vài nhóm nói trước lớp. - Nhận xét</p> <p>- 2 Học sinh đọc bài thơ. - HS nêu</p>
--	---

Tiết 3. Ôn Toán. TIẾT 109: GIẢI TOÁN CÓ LỜI VĂN (tt)

I. Mục tiêu:

- Hiểu bài toán có một phép trừ: bài toán cho biết gì? Hỏi gì? Biết trình bày bài giải gồm: câu lời giải, phép tính và đáp số.

***GT: Không làm bài tập 3.**

II. Chuẩn bị:

III. Hoạt động dạy và học:

<u>Hoạt động của giáo viên</u>	<u>Hoạt động của học sinh</u>
<p>1. <u>Ôn định:</u></p> <p>2. <u>Bài cũ:</u> Cho học sinh viết vào bảng con: + Viết các số có 2 chữ số giống nhau. Nhận xét.</p> <p>3. <u>Bài mới:</u> Giới thiệu- Ghi bảng tựa bài.</p> <p><u>Hoạt động 1: Giới thiệu cách giải và trình bày bài giải.</u></p> <p>- Cho học sinh đọc đề bài. Bài toán cho biết gì? Bài toán hỏi gì? - GV ghi tóm tắt lên bảng. - Muốn biết còn lại mấy con làm sao? - Nêu cách trình bày bài giải. - Nêu cho cô lời giải. - Nhận xét, tuyên dương.</p> <p>a) <u>Hoạt động 2: Luyện tập.</u></p> <p>* <u>Bài 1:</u> - Bài toán cho gì? Bài toán hỏi gì? Muốn biết còn lại mấy con chim làm sao?</p>	<p>- Hát.</p> <p>Hs làm bài vào bảng con. - Nói tiếp nhắc tựa.</p> <p>Học sinh đọc. HS nêu</p> <p>HS phát biểu. 1 em lên bảng giải. - Lớp làm vào nháp.</p> <p>Học sinh đọc đề bài. ghi tóm tắt. 1 Học sinh giải bài. <u>Bài giải</u> Số con chim còn lại là: $8 - 2 = 6$ (con chim) Đáp số: 6 con chim</p>

<ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét * <i>Bài 2,:</i> Tiến hành tương tự. 4. <u>Củng cố:</u> <ul style="list-style-type: none"> - Cách giải bài toán có lời văn hôm nay có gì khác với cách giải bài toán có lời văn mà con đã học? - Dựa vào đâu để biết? - Nếu bài toán hỏi tất cả, cả hai thì dùng tính gì? - Hỏi còn lại thì dùng phép tính gì? - Ngoài ra nếu thêm vào, gộp lại thì thực hiện tính cộng. - Nếu bớt đi thực hiện tính trừ. 5. <u>Tổng kết:</u> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị tiết sau luyện tập. - Em nào còn sai về nhà làm lại bài. - Nhận xét tiết học. 	<p>Sửa ở bảng lớp.</p> <p>Nhận xét, sửa chữa.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS làm BT2 và sửa bài. - HS phát biểu
---	--

TIẾT 4. Ôn Toán

TIẾT 110:LUYỆN TẬP

I.Mục tiêu:

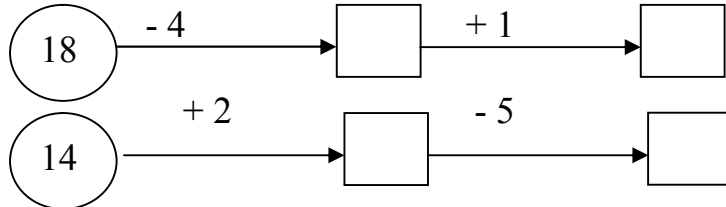
- Biết giải bài toán có phép trừ.
- Thực hiện được cộng, trừ (không nhớ) các số trong phạm vi 20.

II.Chuẩn bị:

1. Giáo viên:Đồ dùng phục vụ luyện tập.
2. Học sinh:Vở bài tập.

III. Hoat động dạy và học:

<u>Hoat động của giáo viên</u>	<u>Hoat động của học sinh</u>
<ol style="list-style-type: none"> 1. <u>Ôn định:</u> 2. <u>Bài cũ:</u> Giải bài toán có lời văn gồm mấy bước? - Nhận xét. 3. <u>Bài mới:Giới thiệu bài: học bài luyện tập.</u> <ol style="list-style-type: none"> a) <u>Luyện tập.</u> <p>* <u>Bài 1:</u> - Đọc yêu cầu bài.</p> <p>+ Bài toán cho biết gì?</p> <p>+ Bài toán hỏi gì?</p> <p>Muốn biết còn bao nhiêu búp bê làm tính gì?</p> <p>- Nhận xét.</p> <p>* <u>Bài 2:</u> <i>Thực hiện tương tự bài 1.</i></p> <p>* <u>Bài 3:</u> <i>Yêu cầu điền số vào ô vuông.</i></p> <p style="margin-left: 40px;">- 2</p> <p style="margin-left: 150px;">- 3</p> <pre> ○17 → □ → □ </pre>	<ul style="list-style-type: none"> - Hát. HS nêu Nhận xét. - Học sinh đọc đề bài toán. - có 15 búp bê, bán 2 búp bê. - còn lại bao nhiêu búp bê - tính trừ - 1HS lên điền vào tóm tắt - Học sinh làm bài. - 1HS Sửa ở bảng lớp. - Nhận xét, sửa chữa. - HS làm bài, sửa ở bảng lớp.



- hs làm bài
- 3HS sửa bảng lớp
- Nhận xét.

- Nhận xét.

*** Bài 4: Giải bài toán theo tóm tắt**

Có : 8 hình tam giác
 Tô màu : 4 hình tam giác
 Không tô màu: ... hình tam giác?

- HS đọc tóm tắt, nêu bài toán.
- HS làm bài.
- Nhận xét, sửa chữa.

- Nhận xét, tuyên dương.

4. Củng cố: Thi đua: Ai nhanh hơn.

- Chia làm 3 đội giải toán nhanh và đúng trong 5 phút.
- Có : 16 cái bánh
- Aên hết : 5 cái bánh
- Còn lại: Cái bánh?

- Học sinh chia 3 đội và cử mỗi đội 1HS tham gia thi đua.
- Nhận xét.

- Nhận xét, tuyên dương.

5. Tổng kết: Nhận xét tiết học.

Thứ năm ngày 26 tháng 3 năm 2015

Tiết 1. Rèn chữ

QUÀ CỦA BỐ

I. Mục tiêu:

- Nhìn sách hoặc bảng, chép lại đúng khổ thơ 2 bài Quà của bố khoảng 10 – 12 phút.
- Điền đúng chữ s hay x; vần im hay iêm vào chỗ trống. BT 2a và 2b.

II. Chuẩn bị:

Giáo viên: Bảng phụ có bài viết.
Học sinh: Vở viết. Bảng con. Phấn.

III. Hoạt động dạy và học:

<u>Hoạt động của giáo viên</u>	<u>Hoạt động của học sinh</u>
<p><u>Ôn định:</u> <u>Bài cũ:</u> Ngôi nhà</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét vở bài chấm tiết trước. - Nhắc lại quy tắc viết với k. - Viết bảng con tiếng còn sai ở tiết trước. - Nhận xét, tuyên dương. <p><u>Bài mới:</u> Giới thiệu: Viết khổ thơ 2 bài: Quà của bố.</p> <p><u>Hoạt động 1: Hướng dẫn tập chép.</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Treo bảng phụ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hát. - 2HS nhắc lại - HS viết bảng con

<p>Bố gửi nghìn cái nhớ Gửi cả nghìn cái thương Bố gửi nghìn lời chúc Gửi cả nghìn cái hôn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm những tiếng khó viết trong đoạn viết. <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên gạch chân tiếng khó. - Giáo viên đọc và chỉ chữ ở bảng. - GV quan sát, nhắc nhở tư thế, cách viết,... - Thu vở chấm 5 – 6 bài. Nhận xét vở chấm. <p>a) Hoạt động 2: Làm bài tập. * Đọc yêu cầu bài 2a.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên sửa bài. Tuyên dương HS làm đúng. Tương tự, HS làm BT 2b: Điền vần im hay iêm? <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên chữa bài. <p>6. <u>Củng cố</u>: Khen những em học bài tốt, chép bài đúng và đẹp, khen những em có tiến bộ, nhắc nhở những em còn viết chưa đẹp.</p> <p>7. <u>Tổng kết</u>: Làm bài tập phần còn lại, những em viết sai nhiều về chép lại bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét tiết học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc đồng thanh lại khổ thơ. - Học sinh tìm và nêu. - Học sinh phân tích. - Viết bảng con. - HS đọc lại khổ thơ - Học sinh chép khổ thơ vào vở. - Học sinh soát bài theo cặp. - Ghi lỗi sai ra lề đỏ. - Điền chữ s hay x? - HS quan sát tranh, làm bài. - 2HS sửa ở bảng lớp - Nhận xét, bổ sung. - Học sinh làm bài vào vở. - 2 học sinh lên thi làm nhanh bài tập.
--	--

Tiết 2. Ôn Toán.

TIẾT 111: LUYỆN TẬP

I. Mục tiêu:

- Biết giải và trình bày bài giải bài toán có lời văn có một phép trừ.

II. Hoạt động dạy và học:

<u>Hoạt động của giáo viên</u>	<u>Hoạt động của học sinh</u>
<p>1. <u>Ôn định</u>:</p> <p>2. <u>Bài cũ</u>: Luyện tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi 1 học sinh lên bảng. Có : 17 con cá Bơi đi: 5 con cá Còn lại : ... con cá? - Nhận xét,. <p>3. <u>Bài mới</u>:</p> <p>a) <u>Giới thiệu bài</u>: Tiếp tục luyện tập kiến thức đã học.</p> <p>b) <u>Luyện tập</u>.</p> <p>* <u>Bài 1</u>: Lan gấp được 14 cái thuyền, Lan cho bạn 4 cái thuyền. Hỏi Lan còn bao nhiêu cái thuyền?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc đề bài. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hát. - 1HS lên bảng, lớp làm nháp. - Nhận xét. - 2 Học sinh đọc.

<ul style="list-style-type: none"> - Bài toán cho biết gì? - Đề bài hỏi gì? - Muốn biết Lan còn bao nhiêu thuyền ta làm sao? - Tóm tắt vào từng phần ở đề bài cho rồi giải. <p style="text-align: center;">Bài giải</p> <p style="text-align: center;">Số thuyền của Lan còn lại là: $14 - 4 = 10$ (cái thuyền) Đáp số: 10 cái thuyền.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét. <p>* Bài 2, 3: Trùng tự bài 1. Cho HS đọc đề rồi giải</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét <p>* Bài 4: Giải bài toán theo tóm tắt</p> <p style="text-align: center;">Có : 15 hình tròn Tô màu : 4 hình tròn Không tô màu: ... hình tròn?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét, tuyên dương. <p>Củng cố:</p> <p>Thi đua: Ai nhanh hơn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chia làm 3 đội giải toán nhanh và đúng trong 5 phút. Đội nào nhanh đúng sẽ thắng. Có : 19 cái kẹo Ăn hết : 7 cái kẹo Còn lại: Cái kẹo? - Nhận xét. <p>4. Tổng kết: Chuẩn bị: Luyện tập chung.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét tiết học. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nêu - Học sinh làm bài. - HS tự làm BT2, BT3 - Sửa ở bảng lớp. - Nhận xét - HS đọc tóm tắt, nêu bài toán rồi giải. - sửa ở bảng lớp, nhận xét. - HS chia 3 đội, mỗi đội cử 1 bạn tham gia thi đua. - Nhận xét.
---	---

Lớp 2A1.

Tiết 3. Ôn Toán TIẾT 139: CÁC SỐ TRÒN CHỤC TỪ 110 ĐẾN 200

I. MỤC TIÊU :

- Học sinh: Nhận biết được các số tròn chục từ 110 đến 200. Biết cách đọc, viết các số tròn chục từ 110 đến 200. Biết cách so sánh các số tròn chục.
- Rèn học sinh biết tính toán nhanh chính xác.
- Giáo dục học sinh yêu thích học môn toán .

II . ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :

- Thầy : Các ô vuông.
- Trò : Sách , vở , bút.

III . CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

HOẠT ĐỘNG DẠY	HOẠT ĐỘNG HỌC
<p>1 . Ôn định tổ chức :</p> <p>2 . Kiểm tra bài cũ :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên nhận xét. <p>3. Bài mới : Giới thiệu</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cả lớp hát. - Học sinh lên bảng làm bài . - Cả lớp làm vào vở.- Hsinh nhận xét. - Học sinh lắng nghe.

<p>* Hoạt động 1 : Giới thiệu các số tròn chục từ 110 đến 200. - Cho HS viết các số tròn chục từ 110 đến 200 vào bảng con. - GV nhận xét.</p> <p>So sánh các số tròn chục. + Vậy 120 và 130 số nào lớn hơn? Số nào bé hơn? - Gọi HS lên điền dấu vào phép tính.</p> <p>* Hoạt động 2 :Luyện tập Bài 1 :Gọi học sinh đọc yêu cầu bài tập. - Giáo viên hướng dẫn học sinh làm bài. - Gọi học sinh lên bảng làm bài. - Giáo viên nhận xét bài.</p> <p>Bài 2 : * Gọi học sinh đọc yêu cầu bài tập. - Giáo viên hướng dẫn học sinh làm bài. - Gọi học sinh lên bảng làm bài. - Giáo viên nhận xét bài.</p> <p>Bài 3 : * Gọi học sinh đọc yêu cầu bài tập. - Giáo viên hướng dẫn học sinh làm bài. - Gọi học sinh lên bảng làm bài.</p> <p>- Giáo viên nhận xét bài.</p> <p>* Hoạt động 3 : Tổng kết – dặn dò : - Giáo viên nhận xét tiết học.</p>	<p>- HS theo dõi. - HS lần lượt lên đọc. - HS viết bảng con.</p> <p>+ 130 lớn hơn 120. 120 bé hơn 130. $130 > 120$; $120 < 130$</p> <p>- Học sinh đọc yêu cầu đề bài. - Học sinh theo dõi. - Học sinh làm bài. - Học sinh nhận xét. - Học sinh đọc yêu cầu đề bài. - Học sinh theo dõi. - Học sinh làm bài. - Học sinh nhận xét.</p> <p>- Học sinh đọc yêu cầu đề bài. - Học sinh theo dõi. - Học sinh làm bài.</p> <p>$100 < 110$ $180 > 170$ $140 = 140$ $190 > 150$ $150 < 170$ $160 > 130$</p> <p>- Học sinh nhận xét. - Học sinh về ôn bài. - Chuẩn bị bài: Các số từ 101 đến 110.</p>
---	---

Tiết 4. Ôn Luyện từ và câu. TỪ NGỮ VỀ CÂY CỐI. ĐẶT VÀ TRẢ LỜI CÂU HỎI ĐỂ LÀM GÌ?

I . MỤC TIÊU :

- Học sinh :Nêu được một số từ ngữ về cây cối (BT1).Biết đặt và trả lời câu hỏi với cụm từ để làm gì? (BT2); điền đúng dấu chấm, dấu phẩy vào đoạn văn có chỗ trống
- Rèn học sinh kỹ năng biết một số từ nói về cây cối.
- Giáo dục học sinh biết yêu quý, bảo vệ, chăm sóc cây cối.

II . ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :

- Thầy : Phân màu , bảng phụ , giấy A4.
- Trò : Sách , vở , bút.

III . CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

HOẠT ĐỘNG DẠY	HOẠT ĐỘNG HỌC
----------------------	----------------------

<p>1 . Ổn định tổ chức :</p> <p>2 . Kiểm tra bài cũ :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Em đặt câu hỏi có sử dụng cụm từ Vì sao? - Giáo viên nhận xét. <p>3. Bài mới : Giới thiệu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên giới thiệu bài. <p>* Hoạt động 1 :Hướng dẫn làm bài tập.</p> <p>Bài 1: Giáo viên gọi học sinh đọc yêu cầu bài tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gv hướng dẫn học sinh thảo luận nhóm. - Gọi đại diện nhóm lên làm bài. <p>* Chú ý: Mít, nhãn,... vừa là cây lấy gỗ, vừa là cây ăn quả.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét. <p>Bài 2: - Giáo viên gọi học sinh đọc yêu cầu bài tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn học sinh làm bài tập. - Gọi 2 HS một bạn đặt câu hỏi, một bạn trả lời. - Giáo viên nhận xét. <p>Bài 3: Giáo viên gọi học sinh đọc yêu cầu bài tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn học sinh làm bài tập. - GV quan sát giúp đỡ HS yếu. - Gọi HS lên điền dấu. - Giáo viên nhận xét. <p>* Hoạt động 2 :Tổng kết – dặn dò :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên nhận xét tiết học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cả lớp hát . - Học sinh làm bài. - Học sinh khác nhận xét. - Học sinh chú ý lắng nghe. - Học sinh đọc yêu cầu bài tập. - HS thảo luận theo nhóm. - Đại diện nhóm lên trả lời. <p>a) Cây lương thực, thực phẩm: lúa, ngô, sắn, khoai, đỗ, lạc, vừng, su hào, cà rốt, dưa chuột,.....</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nhận xét. - Học sinh đọc yêu cầu bài tập. - HS làm bài. - 2 HS lên thực hiện theo bài tập. + HS 1: Người ta trồng cây cam để làm gì? + HS 2: Người ta trồng cây cam để ăn quả. - Các cặp tiếp theo làm như vậy. - HS nhận xét. <p>Học sinh đọc yêu cầu bài tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS lên bảng làm bài. + Những dấu cần điền là: dấu phẩy, dấu chấm, dấu phẩy. - Học sinh nhận xét. - Học sinh về ôn bài. - Chuẩn bị bài: Từ ngữ về cây cối. Câu hỏi Để làm gì?
---	--

Thứ sáu ngày 27 tháng 3 năm 2015

Tiết 1. Ôn Toán.

TIẾT 112: LUYỆN TẬP CHUNG

I. Mục tiêu:

- Biết lập đề toán theo hình vẽ, tóm tắt đề toán.
- Biết cách giải và trình bày bài giải bài toán.

II. Chuẩn bị:

1. Giáo viên: Đồ dùng phục vụ luyện tập.
2. Học sinh: Vở bài tập.

III. Hoạt động dạy và học:

<u>Hoạt động của giáo viên</u>	<u>Hoạt động của học sinh</u>
<p>1. Ôn định:</p> <p>2. Bài cũ: 2 học sinh lên bảng. Lan hái 16 bông hoa, cho bạn 5 bông. Hỏi Lan còn lại bao nhiêu bông? Nhận xét,.</p> <p>3. Bài mới: Giới thiệu: Học bài luyện tập chung. <u>Hướng dẫn làm bài tập.</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc yêu cầu bài 1. <p>a. Nhìn xem đề bài còn thiếu gì? Số trong phần đề bài có không?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết tiếp phần câu hỏi vào (Nhìn tranh rồi viết). <p style="text-align: center;">Bài giải Trong bốn có tất cả: $5 + 2 = 7$ (ô tô) Đáp số: 7 ô tô.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét. <p>b. Tương tự bài toán a, cho HS tự viết thêm rồi đọc đề toán.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét. - Cho HS làm bài và sửa. - Nhận xét. <p>* Bài 2: Tương tự cho HS làm bài 2.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhìn tranh vẽ, nêu bài toán rồi giải. <p style="text-align: center;">Tóm tắt Có: 8 con thỏ Chạy đi: 3 con Còn lại ... con?</p> <p>4. Củng cố:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên đưa ra 1 số tranh ảnh, mô hình để học sinh nêu bài toán rồi giải. + Gắn 12 hình tam giác xanh và 3 hình tam giác vàng. - Nhận xét. <p>5. Tổng kết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị: Phép cộng trong phạm vi 100. - Nhận xét tiết học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hát. - 2 em làm ở bảng lớp, lớp làm nháp. - Nhận xét. - Nhìn tranh vẽ, viết tiếp vào chỗ chấm để có bài toán rồi giải bài toán đó. - HS nêu <p>Học sinh viết câu hỏi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 2HS Đọc đề toán. - HS giải <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét. <p>1 em ghi tóm tắt, 1 em giải.</p> <p style="text-align: center;">Bài giải Số con chim còn lại là: $6 - 2 = 4$ (con chim) Đáp số: 4 con chim.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát tranh và nêu bài toán. - HS giải toán - Nhận xét. <ul style="list-style-type: none"> - Lớp chia làm 3 đội, mỗi đội cử 3 em lên tham gia: <ul style="list-style-type: none"> + 1 em đọc đề bài. + 1 em tóm tắt. + 1 em giải. - Nhận xét.

Tiết 2. Ôn Toán:

LUYỆN TẬP CHUNG

A. MỤC TIÊU:

*** Qua tiết học giúp học sinh:**

- Củng cố về giả toán có lời văn
- Giáo dục ý thức tự giác học bài và làm bài tập

B. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

* GV: Nội dung các bài tập...

* HS : Vở bài tập toán...

C. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
I. Kiểm tra bài cũ HS lên bảng làm, .- GV NX.	Tính: $70\text{cm} - 20\text{ cm} = \dots$ $80\text{cm} - 30\text{cm} = \dots$
<p>II. Dạy học bài mới:</p> <p>1. Giới thiệu bài:</p> <p>2. Thực hành giải các bài tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS - HS làm việc cá nhân với bài tập được giao. - HS làm xong chữa bài. 	<p>Bài 1</p> <p style="padding-left: 40px;">Bài giải Mai còn lại số bông hoa là: $8 - 4 = 4$ (bông) Đáp số: 4 bông hoa</p> <p>Bài 2:</p> <p style="padding-left: 40px;">Bài giải Số bạn nam có là: $10 - 8 = 2$(bạn) Đáp số: 2 bạn</p> <p>Bài 3:</p> <p style="padding-left: 40px;">Bài giải Khúc gỗ còn lại số cm là $56 - 6 = 50$(cm) Đáp số : 50cm</p> <p>Bài 4:Đố vui - hs chơi trò chơi</p>
<p>III. Củng cố - Dẫn dò:</p> <p>GV nhận xét giờ học, tuyên dương những học sinh học tốt.- Nhắc học sinh học kỹ bài và xem trước bài</p>	

Tiết 3+4.Ôn Tập đọc VÌ BÂY GIỜ MẸ MỚI VỀ

I.Mục tiêu:

- Đọc trơn cả bài. Đọc đúng các từ ngữ: khóc òa, hoảng hốt, cắt bánh, đứt tay. Bước đầu biết nghỉ hơi ở chỗ có dấu câu.

- Hiểu nội dung: Cậu bé làm nũng với mẹ nên đợi mẹ về mới khóc. Trả lời CH 1, 2 (SGK).

II. Chuẩn bị:

Giáo viên: Tranh vẽ SGK.

Học sinh: SGK.

III. Hoạt động dạy và học:

TIẾT 1

<u>Hoạt động của giáo viên</u>	<u>Hoạt động của học sinh</u>
<p>1. Ôn định:</p> <p>2. Bài cũ: <u>Quà của bố</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi 1HS đọc khổ 1, 2 trả lời: Bố bạn nhỏ làm gì? Ở đâu? - Gọi 1HS đọc diễn cảm cả bài. - Nhận xét, <p>3. Bài mới: Giới thiệu- Ghi bảng.</p> <p>c) <u>Hoạt động 1: Luyện đọc.</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên đọc mẫu. - Giáo viên gạch chân các từ ngữ cần luyện đọc: cắt bánh, đứt tay, hoảng hốt → Giáo viên giải nghĩa từ khó. - GV sửa phát âm sai. <p>d) <u>Hoạt động 2: Ôn vần ưt – ưc.</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm tiếng trong bài có vần ưt. - Tìm tiếng ngoài bài có vần ưc – ưt. - Nhận xét, tuyên dương HS tìm đúng. - Em hãy nói câu có chứa tiếng có vần ưc – ưt. - Giáo viên nhận xét khen ngợi tổ có nhiều bạn nói tốt. <p>4. <u>Củng cố:</u> Chỉ bảng cho HS đọc lại bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét. <p>5. <u>Tổng kết:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Dặn HS tìm hiểu chuẩn bị tiết 2. - Nhận xét tiết học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hát. - HS đọc bài và trả lời câu hỏi. - Nhận xét - nối tiếp nhắc tựa bài - Học sinh dò bài. - Học sinh tìm và nêu từ khó. - phân tích tiếng: bánh, đứt, hoảng - Học sinh luyện đọc từ khó (cá nhân, lớp). - Luyện đọc câu (1 câu 2HS đọc). Học sinh đọc trơn từng câu theo bàn, tổ. - Học sinh thi đọc trơn cả bài (cá nhân, lớp). - HS tìm và nêu. - Phân tích tiếng đứt - Học sinh thi đua tìm tiếp nối nhau. - Nhận xét, bổ sung. - Học sinh quan sát tranh nêu câu mẫu. - Học sinh nói câu có vần ưc – ưt. - Chia lớp làm 3 tổ: <ul style="list-style-type: none"> + Tổ 1, 3 nói câu có vần ưt. + Tổ 2 nói câu có vần ưc. - HS đọc lại bài (đồng thanh)

TIẾT 2

<u>Hoạt động của giáo viên</u>	<u>Hoạt động của học sinh</u>
<p><u>Ôn định:</u> <u>Kiểm tra bài cũ:</u> - Gọi 2HS đọc bài. - Nhận xét, ghi điểm. <u>Bài mới:</u> Giới thiệu: Học sang tiết 2. a) <u>Hoạt động 1: Tìm hiểu bài.</u> - Gọi 1 học sinh đọc toàn bài. - Lần lượt trả lời: + Khi cậu bé bị đứt tay, cậu có khóc không? + Lúc nào cậu mới khóc? Vì sao cậu khóc? => Mẹ về cậu mới khóc vì cậu làm nũng với mẹ. + Trong bài có mấy câu hỏi? Đọc và trả lời câu hỏi đó. → Câu hỏi thường đọc cao giọng ở cuối câu. b) <u>Hoạt động 2: Luyện nói.</u> - Hãy nói cho cô yêu cầu bài. - Con hãy hỏi đáp theo mẫu. - Nhận xét, khen HS nói tốt. <u>Củng cố:</u> - Đọc lại toàn bài. - Theo con, làm nũng bố mẹ như em bé trong bài đọc có phải là tính xấu không? => Làm nũng không là tính xấu nhưng hay nhõng nhẽo là làm phiền người khác làm cho bố mẹ không vui. - Nhận xét. <u>Tổng kết:</u> - Về nhà đọc lại bài đọc cho cả nhà nghe. - Chuẩn bị bài cho tiết sau: Đằm sen. - Nhận xét tiết học.</p>	<p>- Hát. - 2HS đọc bài - Nhận xét - 1 Học sinh đọc, lớp đọc thầm. - Học sinh nêu. - Học sinh luyện cách đọc câu hỏi. - Học sinh luyện đọc toàn bài (đồng thanh) - HS nêu - Nhiều học sinh thực hành nói. - Học sinh đọc. - HS phát biểu</p>

TUẦN 29.

Thứ hai ngày 30 tháng 3 năm 2015

Tiết 1. Toán.

LUYỆN TẬP CHUNG

A - MỤC TIÊU: * *Giúp học sinh:*

- Rèn luyện kỹ năng lập đề toán và viết bài giải của bài toán.
- Rèn kỹ năng trình bày bài giải

B - ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Giáo viên: Sử dụng các tranh vẽ trong sách giáo khoa.
- Học sinh: Sách giáo khoa, bảng phấn.

C - HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

<i>HOẠT ĐỘNG CỦA GV</i>	<i>HOẠT ĐỘNG CỦA HS</i>
<p>I. KIỂM TRA</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên kiểm tra vở của học sinh và nhận xét <p>II, BÀI MỚI</p> <p>1. Giới thiệu bài: Luyện tập chung</p> <p>2. Thực hành:</p> <p>GV hướng dẫn HS Thực hành làm các bt</p> <p>Bài 1: Gọi học sinh nêu yêu cầu của bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh quan sát tranh dựa bài toán (chưa hoàn chỉnh) để viết phần thiếu - Gọi học sinh đọc bài toán đã hoàn chỉnh - Giải vào vở và nêu bài làm của mình - 1 học sinh lên bảng làm - Giáo viên + học sinh nhận xét - củng cố lại cách trình bày <p>Bài 2: Gọi học sinh đọc yêu cầu bài tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên hd làm bài <p style="text-align: center;">Tóm tắt</p> <p>Có : 8 con thỏ</p> <p>Chạy đi: 3 con thỏ</p> <p>Còn lại: ... con thỏ?</p> <p>Nhận xét – chữa bài</p> <p>III. Củng cố, DẶN DÒ</p>	<p>2 học sinh lên làm bài tập 4</p> <p>Bài 1:</p> <p>a) Bài giải</p> <p>Số ô tô trong bến có tất cả là:</p> $5 + 2 = 7 \text{ (ô tô)}$ <p>Đáp số: 7 ô tô</p> <p>b) Bài giải</p> <p>Số chim trên cành còn lại là:</p> $6 - 2 = 4 \text{ (con chim)}$ <p>Đáp số: 4 con chim</p> <p>Bài 2:</p> <p style="text-align: center;">Bài giải</p> <p>Số thỏ còn lại là :</p> $8 - 3 = 5 \text{ con thỏ}$ <p>Đáp số: 5 con thỏ</p>

Giáo viên nhận xét giờ học.

Tiết 2+3. Ôn Tập đọc.

ĐÀM SEN

I. Mục tiêu:

- Đọc trơn cả bài. Đọc đúng các từ ngữ: xanh mát, ngan ngát, thanh khiết, dẹt lại. Bước đầu biết nghỉ hơi ở chỗ có dấu câu.
- Hiểu nội dung: Về đẹp của lá, hoa, hương sắc loài sen. Trả lời câu hỏi 1, 2 (SGK).

II. Chuẩn bị:

Giáo viên: Tranh minh họa.

Học sinh: Sách tiếng Việt.

III. Hoạt động dạy và học:

<u>Hoạt động của giáo viên</u>	<u>Hoạt động của học sinh</u>
<p>1. <u>Ôn định:</u></p> <p>2. <u>Bài cũ:</u> Vì bây giờ mẹ mới về.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc bài ở SGK. - Khi bị đứt tay cậu bé có khóc không? - Lúc nào cậu bé mới khóc? Vì sao cậu bé khóc? - Bài có mấy câu hỏi? Hãy đọc câu hỏi và câu trả lời đó lên. - Nhận xét. <p>3. <u>Bài mới:</u> Giới thiệu: Học bài Đàm Sen.</p> <p>a/ <u>Hoạt động 1:</u> Luyện đọc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên đọc mẫu. - Giáo viên ghi các từ ngữ cần luyện đọc: xanh mát, cánh hoa, xòe ra, ngan ngát, thanh khiết. - Giáo viên giải thích từ khó. - Luyện đọc bài. <p>b/ <u>Hoạt động 2:</u> Ôn vần en – oen.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm tiếng trong bài có vần en. - Nhận xét, tuyên dương. - Tìm tiếng ngoài bài có vần en – oen. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hát. - Học sinh đọc bài. - Trả lời câu hỏi - HS phát biểu. <p>Học sinh dò theo.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nêu. - Học sinh luyện đọc từ khó. - Học sinh luyện đọc câu nối tiếp nhau từng câu. - Học sinh thi đọc trơn cả bài: đoạn, bài. <p>HS tìm và nêu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích tiếng: sen, ven, chen - Hsinh thi đua tìm nối tiếp nhau. <p>Học sinh quan sát tranh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc câu mẫu.

<ul style="list-style-type: none"> - Nói câu chứa tiếng có vần en – oen. - Em hãy nói câu chứa tiếng có vần en – oen. <p>Giáo viên nhận xét khen đội có nhiều bạn nói tốt.</p> <p>4. <u>Củng cố:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho HS đọc lại bài. - Nhận xét. <p>5. <u>Tổng kết:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Dặn HS xem câu hỏi chuẩn bị tiết 2. - Nhận xét tiết học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chia làm 2 tổ. + Tổ 1: Nói câu có vần en. + Tổ 2: Nói câu có vần oen. <p>- HS đọc bài</p>
--	---

TIẾT 2

<u>Hoạt động của giáo viên</u>	<u>Hoạt động của học sinh</u>
<p>1. <u>Ôn định:</u></p> <p>2. <u>bài cũ:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi 2hs đọc lại bài. - Nhận xét. <p>3. <u>Bài mới:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu: Học sang tiết 2. → <u>Hoạt động 1:</u> Tìm hiểu bài. <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên cho học sinh đọc cả bài. - Tìm những từ ngữ miêu tả lá sen. <p>=> lá sen màu xanh mát.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi học sinh đọc đoạn 2. - Khi nở hoa sen trông thế nào? <p>=>khi nở cánh hoa đỏ nhạt, xòe ra</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm câu văn tả hương sen. <p>b/ <u>Hoạt động 2:</u> Luyện nói.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu yêu cầu bài. - Đọc câu mẫu. - Giáo viên hướng dẫn để học sinh nói theo nhiều hướng khác nhau về đầm sen. <p>4/ <u>Củng cố:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc lại toàn bài. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hát. <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh đọc bài. - HS tìm và nêu. <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh đọc. - HS phát biểu. <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh đọc. - Học sinh luyện đọc toàn bài. <ul style="list-style-type: none"> - Nhiều học sinh thực hành nói. <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh đọc.

- Trong các loại hoa em thích hoa nào nhất? Vì sao?
- Nhận xét.

5/ Dẫn dò:

- Luyện đọc cả bài.
- Chuẩn bị bài: Mời vào.
- Nhận xét tiết học.

Tiết 4. Rèn chữ.

TÔ CHỮ HOA H, I, K

I.Mục tiêu:

- Tô được các chữ hoa: H, I, K.
- Viết đúng các vần: *iêt, uyêt, iêu, yêu*; các từ ngữ: *hiếu thảo, yêu mến, ngoan ngoãn, đoạt giải* kiểu chữ viết thường, cỡ chữ theo vở Tập viết 1 – tập hai. (Mỗi từ ngữ viết được ít nhất một lần).
- * HS khá, giỏi: Viết đều nét, dẫn đúng khoảng cách và viết đủ số dòng, số chữ quy định trong vở Tập viết 1 – tập hai.

II.Chuẩn bị:

- Giáo viên: Chữ hoa H, I, K.
- Học sinh: Vở tập viết, bảng con.

III.Hoạt động dạy và học:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p><u>Ôn định:</u> <u>Kiểm tra bài cũ:</u> - Gọi 2HS lên bảng viết: khấp vườn, ngát hương. - Nhận xét, tuyên dương. <u>Bài mới:</u>a) <u>Giới thiệu bài-</u> Ghi bảng tựa bài b) <u>Hoạt động 1: Hướng dẫn HS tô chữ hoa.</u> * <u>Chữ hoa H:</u> Cho HS xem mẫu chữ hoa H. - GV nêu quy trình tô chữ hoa H</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hat. - 2HS viegbang lzp, lzp viegbang con. - Nhận xét. - HS quan sát - HS quan sát

<p>* Chữ hoa I: Cho HS xem mẫu chữ hoa I.</p> <p>* Chữ hoa K: Cho HS quan sát mẫu chữ hoa K.</p> <p>- GV nêu quy trình tô chữ hoa K</p> <p>c) Hoạt động 2: Hướng dẫn HS viết vằn, từ ứng dụng.</p> <p>- Cho HS quan sát mẫu chữ các vằn: <i>iêt, uyêt, iêu, yêu;</i> từ ứng dụng: <i>hiếu thảo, yêu mến, ngoan ngoãn, đoạt giải.</i></p> <p>- Cho HS nhận xét độ cao các con chữ, khoảng cách giữa các chữ(tiếng), cách đặt dấu thanh, nối nét.</p> <p>- Nhận xét.</p> <p>d) Hoạt động 3: HS viết vở.</p> <p>- Nhắc tư thế ngồi viết.</p> <p>- Thu 6 – 7 vở chấm.</p> <p>- Nhận xét vở bài chấm.</p> <p>4. Củng cố:</p> <p>- Trò chơi: Ai nhanh hơn?</p> <p>- Thi đua tìm tiếng có vằn uyêt viết vào bảng con.</p> <p>- Nhận xét.</p> <p>5. Tổng kết:</p> <p>- Về nhà viết vở tập viết phần B.</p> <p>- Chuẩn bị bài học tiếp theo {hoa L, M, N</p> <p>- Nhận xét tiết học.</p>	<p>- HS quan sát</p> <p>- HS quan sát và lắng nghe.</p> <p>- HS quan sát, viết các vằn và từ ứng dụng</p> <p>- Nhận xét, khoảng cách, viết tiếng con chữ ứng dụng- Nhận xét HS tập viết và viết vở</p> <p>- Học sinh ca ngợi bạn. Bạn nào có nhiều bạn ghi bảng và viết đẹp nhất.</p>
---	---

Thứ ba ngày 31 tháng 3 năm 2015

Tiết 1. Ôn Toán.

CÁC SỐ TỪ 111 ĐẾN 200.

I. Mục tiêu

- Nhận biết được các số từ 111 đến 200.
- Biết cách đọc, viết các số từ 111 đến 200.
- Biết cách so sánh các số từ 11 đến 200.
- Biết thứ tự các số từ 111 đến 200.

II. Đồ dùng dạy và học :

- Các hình vuông , mỗi hình biểu diễn 100, các hình chữ nhật biểu diễn 1 chục , các hình vuông nhỏ biểu diễn đơn vị như giới thiệu ở tiết 132 .

III. Các hoạt động dạy và học

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Ôn định lớp:</p> <p>2. Kiểm tra bài cũ</p> <p>- Gọi học sinh lên bảng : đọc số, viết số, so sánh số tròn chục từ 101 đến 110.</p> <p>- Nhận xét.</p> <p>3. Bài mới : Giới thiệu bài .</p> <p>a. Hoạt động 1: Giới thiệu các số từ 101 đến 110.</p>	<p>- 2 em lên bảng đọc và viết số.</p> <p>- Trả lời(Có 100) và lên bảng</p>

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>b. Hoạt động 2: Luyện tập, thực hành.</p> <p>*Bài 1: Yêu cầu học sinh tự làm bài, sau đó đổi chéo vở để kiểm tra bài lẫn nhau.</p> <p>*Bài 2a: Vẽ lên bảng tia số như trong SGK, sau đó gọi 1 học sinh lên bảng làm bài. Cả lớp làm vào vở.</p> <p>→ Kết luận: Tia số, số đứng trước bao giờ cũng bé hơn số đứng sau nó.</p> <p>- Nhận xét.</p> <p>*Bài 3: Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì?</p> <p>- GV giảng: Để điền được dấu cho đúng, chúng ta phải so sánh các số với nhau. Sau đó viết lên bảng: $123 \square 124$</p> <p>+Hãy so sánh chữ số hàng chục của số 123 và số 124?</p> <p>+Hãy so sánh chữ số hàng đơn vị của số 123 và số 124.</p> <p>→ Khi đó ta nói 123 nhỏ hơn 124 ta viết $123 < 124$ hay 124 lớn hơn 123 ta viết $124 > 123$</p> <p>- Yêu cầu học sinh làm các ý còn lại.</p> <p>- Dựa vào vị trí các số trên tia số trong bài tập 2, hãy so sánh 155 và 158 với nhau.</p> <p>GV: Tia số được viết theo thứ tự từ bé đến lớn, số đứng trước bao giờ cũng bé hơn số đứng sau.</p> <p>4. Củng cố: Nhận xét tiết học.</p> <p>5. Dặn dò: Về ôn lại cách đọc, cách viết, cách so sánh các số từ 101 đến 110</p>	<p>- Học sinh làm vào vở bài tập. Làm bài theo yêu cầu của giáo viên.</p> <p>- Đọc các tia số vừa lập được và rút ra kết luận.</p> <p>- Bài tập yêu cầu chúng ta điền dấu $>$, $<$, $=$ vào chỗ trống.</p> <p>- Chữ số hàng trăm cùng bằng 1. Chữ số hàng chục cùng bằng 2.</p> <p>- Chữ số hàng đơn vị của 123 bằng 3, đơn vị của 124 là 4 của; 3 nhỏ hơn 4 hay 4 lớn hơn 3.</p> <p>- Học sinh tự làm bài.</p> <p>- $155 < 158$ vì trên tia số 155 đứng trước 158. $158 > 155$ vì trên tia số 158 đứng sau 155.</p>

Tiết 2. Ôn Tập đọc.

NHỮNG QUẢ ĐÀO.

I. Mục tiêu:

- Biết ngắt, nghỉ hơi đúng chỗ; bước đầu đọc phân biệt được lời kể chuyện và lời nhân vật.

- Hiểu ND: Nhờ quả đào, ông biết tính nết các cháu. Ông khen ngợi các cháu biết nhường nhịn quả đào cho bạn, khi bạn ốm (trả lời được CH trong SGK)

* **KNS: Tự nhận thức; Xác định giá trị bản thân.**

II. Đồ dùng dạy và học.

- Tranh minh họa các bài tập đọc.

- Bảng ghi sẵn các từ, các câu cần luyện ngắt giọng.

III. Các hoạt động dạy và học.

TIẾT 1

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Ôn định lớp:</p> <p>2. Kiểm tra bài cũ: Gọi 2 HS lên bảng đọc bài</p>	<p>- 2 em lên bảng đọc bài và TLCH</p>

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>Cây dừa và TLCH: - Giáo viên nhận xét.</p> <p>3. Bài mới : Giới thiệu bài</p> <p>a. Hoạt động 1: Luyện đọc. - GV đọc mẫu toàn bài - Nêu giọng đọc và tổ chức cho học sinh luyện đọc 2 câu nói của ông. - Nhận xét.</p> <p>. Hoạt động 2: Tìm hiểu bài - Giáo viên đọc mẫu toàn bài lần 2 và đặt câu hỏi hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài : + Người ông dành những quả đào cho ai ? + Xuân đã làm gì với quả đào ông cho ? + Ông đã nhận xét về Xuân như thế nào ? + Vì sao ông lại nhận xét về Xuân như vậy? + Bé Vân đã làm gì với quả đào ông cho ?</p> <p>+ Ông đã nhận xét về Vân như thế nào ? + Ông đã nhận xét về Việt như thế nào ? + Vì sao ông lại nhận xét về Việt như vậy?</p> <p>+ Em thích nhân vật nào nhất ? Vì sao ?</p> <p>. Hoạt động 3 : Luyện đọc lại bài . - Yêu cầu học sinh nối tiếp nhau đọc lại bài . - Y/c HS đọc phân vai. - Gọi học sinh dưới lớp nhận xét và cho điểm sau mỗi lần đọc . Chấm điểm và tuyên dương các nhóm đọc tốt</p> <p>4. Củng cố: Nhận xét tiết học .</p> <p>5. Dặn dò: Về học lại bài và chuẩn bị bài sau .</p>	<p>- 2 HS nhắc lại tên bài.</p> <p>- Học sinh khá đọc. Đọc chú giải, cả lớp đọc thầm theo.</p> <p>- Theo dõi bài, suy nghĩ đề và trả lời câu hỏi . - Vợ và các cháu - Ăn đào xong rồi mang hạt đi trồng. - ... mai sau cháu sẽ làm vườn giỏi . - Vân ăn hết quả đào của mình rồi đem vứt hạt đi. - Đào ngon đến nỗi cô bé ăn xong vẫn còn thèm mãi. - Ôi, cháu ông còn thơ dại quá! - Ông nói Việt là người có tâm lòng nhân hậu. - Thích người ông vì người ông rất yêu quý các cháu, đã giúp các cháu mình bộc lộ tính cách một cách thoải mái, tự nhiên .</p> <p>- 4 HS lần lượt đọc nối tiếp nhau, mỗi HS đọc một đoạn truyện . - 5 học sinh đọc lại bài theo</p>

Tiết 3. Ôn Kể chuyện.

NHỮNG QUẢ ĐÀO.

I. Mục tiêu:

- Bước đầu biết tóm tắt nội dung mỗi đoạn truyện bằng 1 cụm từ hoặc 1 câu (BT1).
- Kể lại được từng đoạn câu chuyện dựa vào lời tóm tắt (BT2)

II. Đồ dùng dạy và học .

Bảng phụ viết tóm tắt nội dung từng đoạn truyện .

III. Các hoạt động dạy và học:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Ôn định lớp:	

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>2. Kiểm tra bài cũ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi học sinh lên nối tiếp nhau kể lại câu chuyện Kho báu . - Giáo viên nhận xét, ghi điểm . <p>3. Bài mới : Giới thiệu bài .</p> <p>a. Hoạt động 1: Tóm tắt nội dung mỗi đoạn của câu chuyện .</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi học sinh đọc yêu cầu của bài tập 1 . - Nhận xét phần trả lời của học sinh . <p>b. Hoạt động 2: Kể lại từng đoạn</p> <ul style="list-style-type: none"> *Kể trong nhóm . - Cho học sinh đọc thầm yêu cầu và gợi ý trên bảng phụ - Chia nhóm, yêu cầu mỗi nhóm kể một đoạn theo gợi ý . *Kể trước lớp. - Yêu cầu các nhóm cử đại diện lên kể . - Tổ chức cho học sinh kể 2 vòng . - Yêu cầu các nhóm nhận xét , bổ sung - Tuyên dương các nhóm học sinh kể tốt . <p>c. Kể lại toàn bộ nội dung truyện .</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên chia học sinh thành các nhóm nhỏ . Mỗi nhóm có 5 học sinh, yêu cầu các nhóm kể theo hình thức phân vai: Người dẫn chuyện, người ông, Xuân, Vân, Việt . - Tổ chức các nhóm thi kể cả câu chuyện . - Nhận xét tuyên dương các nhóm kể tốt . <p>4. Củng cố :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét tiết học . <p>5. Dặn dò :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về nhà kể lại câu chuyện cho người thân nghe và chuẩn bị bài sau . 	<ul style="list-style-type: none"> - 3 em lên bảng kể. - 2 HS nhắc lại tên bài. - Một HS đọc yêu cầu của bài . - HS đọc thầm. - Kể lại trong nhóm . Khi học sinh kể các học sinh khác theo dõi, lắng nghe, nhận xét bổ sung cho bạn. - Mỗi học sinh trình bày 1 đoạn . - 8 học sinh tham gia kể chuyện . - Nhận xét - Học sinh tập kể lại toàn bộ câu chuyện trong nhóm . - Các nhóm thi kể theo hình thức phân vai (HS khá, giỏi).

Tiết 4. Rèn chữ (Tập chép): NHỮNG QUẢ ĐÀO.

I. Mục tiêu :

- Chép chính xác bài chính tả, trình bày đúng hình thức bài văn ngắn.
- Làm được BT2 a/b

II. Đồ dùng dạy học

Bảng phụ viết sẵn nội dung bài tập 2a .

III. Các hoạt động dạy học

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Ôn định lớp:</p> <p>2. Kiểm tra bài cũ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu học sinh viết các từ sau: Sắn, xà cừ, sủng, xâu kim <p>3. Bài mới: Giới thiệu bài .</p> <p>a. Hoạt động 1: Hướng dẫn viết chính tả .</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi 3 học sinh lần lượt đọc đoạn văn . - Người ông chia quà cho các cháu ? - Ba người cháu đã làm gì với quả đào mà ông cho? - Người ông đã nhận xét về các cháu như thế nào ? - Hãy nêu cách trình bày 1 đoạn văn . - Ngoài các chữ đầu câu, trong bài chính tả này có những chữ nào cần viết hoa? Vì sao? - Đọc lại các tiếng trên cho học sinh viết vào bảng con. Chỉnh sửa lỗi cho học sinh . - Giáo viên cho HS chép bài vào vở. - Thu và chấm 1 số bài. Số còn lại để chấm sau <p>b. Hoạt động 2: Hướng dẫn làm bài tập CT.</p> <p>*Bài 2 a:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi học sinh đọc đề bài sau đó gọi học sinh lên bảng làm bài, yêu cầu cả lớp làm bài vào vở. - Nhận xét bài làm học sinh . <p>4. Củng cố:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu các em viết sai 3 lỗi chính tả trở lên <p>5. Dặn dò:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về nhà viết lại cho đúng bài . 	<ul style="list-style-type: none"> - 3 em lên bảng viết. - Lớp viết vào giấy nháp. - 2 HS nhắc lại tên bài. - 3 học sinh lần lượt đọc bài. - Người ông chia cho mỗi cháu 1 quả đào . - Xuân ăn đào xong , đem hạt trồng. Vân ăn xong vẫn còn thềm. Còn Việt thì không ăn mà mang đào cho cậu bạn bị ốm . - Ông bảo: Xuân thích làm vườn, Vân bé dại, còn Việt là người nhân hậu. - Khi trình bày 1 đoạn văn , chữ đầu đoạn ta phải viết hoa và lùi vào 1 ô vuông. Các chữ đầu câu viết hoa. Cuối câu viết dấu chấm câu. - Học sinh tìm và đọc . - Viết các từ khó dễ lẫn . - Nhìn bảng chép . - 2 em lên bảng làm bài , dưới lớp làm vào vở.

Thứ tư ngày 1 tháng 4 năm 2015

Tiết 1+2. Ôn Tập đọc.

MỜI VÀO

I. Mục tiêu:

- Đọc trơn cả bài. Đọc đúng các từ ngữ có tiếng vùng phương ngữ dễ phát âm sai. Bước đầu biết nghỉ hơi ở cuối mỗi dòng thơ, khổ thơ.
- Hiểu nội dung: Chủ nhà hiếu khách, niềm nở đón tiếp những người bạn tốt đến chơi. Trả lời câu hỏi 1, 2 (SGK).
- Học thuộc lòng 2 khổ thơ đầu.

II. Chuẩn bị:

1. Giáo viên: Tranh minh họa.
2. Học sinh: SGK.

III. Hoạt động dạy và học:

<u>Hoạt động của giáo viên</u>	<u>Hoạt động của học sinh</u>
<p>1. <u>Ôn định</u>:</p> <p>2. <u>Bài cũ</u>: Cho hs đọc bài: Đầm sen và trả lời câu hỏi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm những từ miêu tả lá sen. - Khi nở hoa sen trong đầm đẹp như thế nào? - Viết bảng: xanh mát, xòe ra. <p>3. <u>Bài mới</u>: Giới thiệu: Học bài: Mời vào.</p> <p>a) <u>Hoạt động 1</u>: Luyện đọc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên đọc mẫu. - Giáo viên ghi các từ cần luyện đọc: kiểng chân, soạn sửa, thuyền buồm. <p>Luyện đọc cả bài.</p> <p>b) <u>Hoạt động 2</u>: Ôn vần ong - oong</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm tiếng trong bài có vần ong. - Tìm tiếng ngoài bài có vần ong – oong. - Dùng bộ chữ ghép các tiếng có vần ong – oong. - Con hãy nói câu chứa tiếng có vần ong – oong. <p>Giáo viên nhận xét, khen ngợi tổ có nhiều bạn nói tốt.</p> <p>4/ <u>Củng cố</u>: Cho HS đọc lại bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét. <p>5/ <u>Tổng kết</u>:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dẫn HS chuẩn bị tiết 2. - Nhận xét tiết học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hát. - Học sinh đọc. <p>Học sinh viết.</p> <p>Học sinh dò bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nêu. - Học sinh luyện đọc từ. - Học sinh luyện đọc câu nối tiếp nhau. <p>Hsinh đoc theo khổ thơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc cả bài. <p>HS tìm và nêu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh thi đua tìm tiếp nối nhau. - Học sinh đọc câu mẫu. <p>Hsinh nói câu chứa tiếng có vần ong – oong.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tổ 1: Nói câu chứa tiếng có vần ong. + Tổ 2: Nói câu chứa tiếng có vần oong.

TIẾT 2

<u>Hoạt động của giáo viên</u>	<u>Hoạt động của học sinh</u>
<p>1. <u>Ôn định</u>:</p> <p>2. <u>bài cũ</u>:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc lại bài. - Nhận xét, ghi điểm. <p>3. <u>Bài mới</u>:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu: Học sang tiết 2. <p>a) <u>Hoạt động 1</u>: Tìm hiểu bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi 1 học sinh đọc toàn bài. - Những ai đã gõ cửa ngôi nhà? - Gọi học sinh đọc 2 khổ thơ cuối. - Gió được mời vào nhà thế nào? - Gió được mời vào để làm gì? - Giáo viên yêu cầu học sinh đọc từng khổ thơ của bài theo cách phân vai ở từng đoạn. <p>b) <u>Hoạt động 2</u>: Học thuộc lòng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên cho học sinh đọc toàn bài. - Giáo viên xóa dần các tiết chỉ giữ lại tiếng đầu câu. <p>c) <u>Hoạt động 3</u>: Luyện nói.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quan sát tranh. - Con vật mà con yêu thích là con gì? - Con nuôi nó đã lâu chưa? - Con vật có đẹp không? - Nó có ích lợi gì? <p>4. <u>Củng cố</u>:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc thuộc lòng bài thơ. - Bài thơ này muốn nói với chúng ta điều gì? <p>=>hiếu khách khi khách đến thăm nhà.</p> <p>5. <u>Dặn dò</u>:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học thuộc lòng bài thơ. - Chuẩn bị bài: Chú công. - Nhận xét tiết học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hát. - 2HS đọc lại bài - Học sinh đọc. - HS phát biểu. - Học sinh đọc. - HS phát biểu. - Học sinh luyện đọc từng khổ thơ theo vai: chủ nhà, thỏ, người dẫn chuyện, - Học sinh đọc. - Học sinh đọc thuộc lòng bài thơ. - Nói về con vật mà em thích. - Đọc câu mẫu. - Học sinh luyện nói. - HS nêu

**Tiết 3. Ôn Toán. TIẾT 113: PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 100
(CỘNG KHÔNG NHỚ)**

I. Mục tiêu:

- Nắm được cách cộng số có hai chữ số.
- Biết đặt tính và làm tính cộng (không nhớ) số có hai chữ số.
- Vận dụng để giải toán.

II. Chuẩn bị:

1. Giáo viên: Bảng gài. Que tính. Thước kẻ có vạch cm.
2. Học sinh: Bộ đồ dùng học toán.

III. Hoạt động dạy và học:

<u>Hoạt động của giáo viên</u>	<u>Hoạt động của học sinh</u>
<p>1. <u>Ôn định</u>:</p> <p>2. <u>Bài cũ</u>: Lớp làm bảng con, 2 em làm ở bảng lớp. - Nhận xét.</p> <p>3. <u>Bài mới</u>: a/ Giới thiệu bài: b/ <u>Hoạt động 1</u>: Giới thiệu cách làm tính cộng k nhớ. * <u>Phép cộng có dạng $35 + 24$</u>: - Cho 2HS nhắc lại - H dẫn cách đặt tính dọc. Bắt đầu thực hiện cộng từ đâu? - Giáo viên nhấn mạnh lại cách cộng. * <u>Trường hợp phép cộng $35 + 20$</u>: - Yêu cầu đặt tính và tính. - Lưu ý: phép cộng với số tròn chục. * <u>Trường hợp phép cộng $35 + 2$</u>: - Lưu ý học sinh phép cộng 2 chữ số cho số có 1 chữ số: đặt số 2 phải thẳng với số 5. c/ <u>Hoạt động 2</u>: Luyện tập. * <u>Bài 1</u>: Nêu yêu cầu bài. - Cho HS làm bài - Gọi 6HS sửa bài trên bảng. Nhận xét. * <u>Bài 2</u>: - Nêu yêu cầu bài. - Nêu cách đặt tính. - Gọi lần lượt 6HS lên bảng làm. Nhận xét. * <u>Bài 3</u>: Đọc đề bài. - Cho HS phân tích đề bài. - Cho HS làm bài. - Gọi HS lên bảng làm. Nhận xét. * <u>Bài 4</u>: - Lưu ý học sinh đặt thước đo cho chính xác.</p>	<p>- Hát. - HS làm bài</p> <p>- HS nhắc lại</p> <p>- Học sinh lên thực hiện tương tự.</p> <p>- Học sinh lên thực hiện.</p> <p>- 1HS nêu yêu cầu BT1 - Học sinh làm bài. Sửa ở bảng lớp.</p> <p>HS nêu yêu cầu BT2. - Học sinh nhắc lại. - Sửa bài ở bảng. - Hs đọc, phân tích đề bài. - 1 em giải bài. Bài giải Cả hai lớp trồng được là: $35 + 50 = 85$ (cây)</p>

<p>- Gọi HS nêu kết quả đo. Nhận xét.</p> <p>4. <u>Củng cố</u>:Hỏi tựa bài</p> <p>- Thi đua: Tính. $30 + 42$; $61 + 37$; $28 + 1$.</p> <p>- Nhận xét.</p> <p>5. <u>Dặn dò</u>:Làm lại các bài còn sai vào vở Nhận xét tiết học.</p>	<p>Đáp số: 85 cây</p> <p>- Học sinh đo và viết vào chỗ chấm.</p> <p>- HS đổi vở để nhận xét.</p> <p>- Học sinh thi đua làm bảng con.</p>
--	--

Tiết 4. Ôn Toán.

TIẾT 114: LUYỆN TẬP

I.Mục tiêu:

- Biết làm tính cộng (không nhớ) trong phạm vi 100, tập đặt tính rồi tính.
- Biết tính nhẩm.

***GT: Không làm bài tập 1(cột 3), bài tập 2(cột 2). “ vẽ được đoạn thẳng có độ dài cho trước.”**

II.Chuẩn bị:

1. Giáo viên:Đồ dùng phục vụ luyện tập.
2. Học sinh:Vở bài tập.

III.Hoạt động dạy và học:

<u>Hoạt động của giáo viên</u>	<u>Hoạt động của học sinh</u>
<p>1. <u>Ôn định</u>:</p> <p>2. <u>Bài cũ</u>: Phép cộng trong phạm vi 100</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho học sinh làm vào bảng con: $37 + 22$; $60 + 29$; $54 + 5$ - Nhận xét. <p>3. <u>Bài mới</u>:a/ <u>Giới thiệu</u>: Học bài Luyện tập. b/ <u>Hoạt động 1</u>: Hướng dẫn làm bài.</p> <p>* Bài 1: Nêu yêu cầu bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS nhắc lại cách đặt tính - Lần lượt gọi 6HS lên bảng làm-Nhận xét, tuyên dương. <p>* Bài 2: - Con hãy tính nhẩm theo cách nào thuận tiện với con nhất.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS lên bảng sửa bài. - Nhận xét <p>* Bài 3: - Gọi HS đọc đề.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích đề - Cho HS làm bài rồi sửa. <p>- Nhận xét.</p> <p>* Bài 4: Yêu cầu gì?</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hát. <p>Hsinh thực hiện ở bảng con.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 3 em làm ở bảng lớp. <p>- HS nêu Học sinh làm bài.</p> <p>Học sinh làm bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 4 em lên bảng sửa bài. $30 + 6 = 36$ $60 + 9 = 69$ $52 + 6 = 58$ $82 + 3 = 85$ <p>Đọc đề bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tự tóm tắt rồi giải. - Sửa ở bảng lớp. <p><u>Giải</u> . Lớp em có tất cả là: $21 + 14 = 35$ (bạn) Đáp số: 35 bạn</p> <p>Học sinh nêu, vẽ.</p>

<ul style="list-style-type: none"> - Nêu các bước vẽ đoạn thẳng. - Nhận xét, tuyên dương. <p>4. <u>Củng cố</u>:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên đọc đề toán, 2 đội cử đại diện lên thi đua làm tính nhanh và đúng: Bình có 16 hòn bi, An có 23 hòn bi. Hỏi 2 bạn có tất cả bao nhiêu hòn bi? - Nhận xét, tuyên dương. <p>5. <u>Dặn dò</u>:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm lại các bài còn sai vào vở. - Chuẩn bị: Luyện tập. - Nhận xét tiết học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đòi vở để kiểm tra. - Học sinh chia 2 đội cử đại diện lên thi đua. - Nhận xét.
---	--

Thứ năm ngày 2 tháng 4 năm 2015

Tiết 1. Rèn chữ

MỜI VÀO

I. Mục tiêu:

- Nhìn sách hoặc bảng, chép lại và trình bày đúng khổ thơ 1, 2 bài Mời vào khoảng 15 phút.
- Điền đúng vần ong hay oong; chữ ng hay ngh vào chỗ trống. Bài tập 2, 3 (SGK).

II. Chuẩn bị:

1. Giáo viên: Bảng phụ.
2. Học sinh:

III. Hoạt động dạy và học:

<u>Hoạt động của giáo viên</u>	<u>Hoạt động của học sinh</u>
<ol style="list-style-type: none"> 1. <u>Ôn định</u>: 2. <u>Bài cũ</u>: <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên chấm vở của các em viết lại bài. - Nhận xét. 3. <u>Bài mới</u>: <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu: Viết khổ thơ 1, 2 bài Mời vào. a) <u>Hoạt động 1</u>: Hướng dẫn viết. <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên treo bảng phụ. - Tìm những từ ngữ mà con dễ viết sai. - Nhắc lại tư thế ngồi viết, cách cầm bút. - Giáo viên đọc thông thả từng câu. - Thu vở chấm. - Nhận xét vở bài chấm. b) <u>Hoạt động 2</u>: Làm bài tập. <p>* <u>BÀI 2: Điền vần ong hay oong</u> Nam học giỏi. Bỏ thưởng cho em một chuyến đi tham</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hát. - Học sinh nêu. - Học sinh phân tích. - Học sinh viết bảng con. - Học sinh soát lại.

quan Vịnh Hạ Long. Đứng trên b.... tàu, ngắm mặt biển rộng, Nam m..... lớn lên sẽ trở thành thủy thủ.

- Bài 2 yêu cầu gì?
- GV giải thích: Đây là đoạn văn nói về bạn Nam, em hãy tìm xem điền vần nào thích hợp để hoàn chỉnh đoạn văn.
- Gọi HS lên bảng sửa bài.
- Nhận xét, tuyên dương.

*** BÀI 3: Điền chữ: ng hay ngh?**

- HS làm bài và sửa bài.
- Nhận xét.
- Nêu quy tắc viết ngh.

4. **Củng cố:** Khen những em viết đẹp, tiến bộ.

5. **Dặn dò:**

- Học thuộc quy tắc viết với ngh.
- Những em viết sai nhiều về nhà viết lại bài.
- Nhận xét tiết học.

- HS nêu.
 - 2 em làm ở bảng lớp.
 - Học sinh làm vào vở.
-
- Học sinh làm bài vào vở.

Tiết 2. Ôn Toán.

TIẾT 115: LUYỆN TẬP

I.Mục tiêu:

- Biết làm tính cộng (không nhớ) trong phạm vi 100.
- Biết tính nhẩm, vận dụng để cộng các số đo độ dài.
- * BT3 dành cho HS khá, giỏi.

II.Chuẩn bị:

1. **Giáo viên:** Đồ dùng phục vụ luyện tập.
2. **Học sinh:** Vở bài tập.

III.Hoạt động dạy và học:

<u>Hoạt động của giáo viên</u>	<u>Hoạt động của học sinh</u>
<ol style="list-style-type: none"> 1. Ôn định: 2. Bài cũ: Cho học sinh làm bảng con. $46 + 31$ $97 + 2$ $20 + 56$ $54 + 13$ <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét. 3. Bài mới: Giới thiệu: Học bài Luyện tập. Hoạt động 1: Hướng dẫn làm bài tập. * Bài 1: Nêu yêu cầu bài. - Cho HS làm bài. Lưu ý HS viết số thẳng cột. - 6HS lên bảng sửa. - Nhận xét. * Bài 2: Yêu cầu gì? - Tính nhẩm sau đó điền kết quả có kèm tên đơn vị là cm. - Chia lớp 2nhóm thi đua làm bài theo hình thức tiếp sức $20\text{cm} + 10\text{cm} = 30\text{cm}$ $30\text{cm} + 40\text{cm} = 70\text{cm}$ 	<ul style="list-style-type: none"> - Hát. <ul style="list-style-type: none"> - HS nêu yêu cầu BT1 - Học sinh làm bài. - 6HS Sửa bài. <ul style="list-style-type: none"> - HS nêu yêu cầu BT2. - Học sinh làm bài. - HS sửa bài.

<p> $14\text{cm} + 5\text{cm} = 19\text{cm}$ $25\text{cm} + 4\text{cm} = 29\text{cm}$ $32\text{cm} + 12\text{cm} = 44\text{cm}$ $43\text{cm} + 15\text{cm} = 58\text{cm}$ </p> <p>- Nhận xét, tuyên dương.</p> <p>* Bài 3: Yêu cầu gì?</p> <p>- Hãy thực hiện phép tính trước, nối với kết quả thích hợp.</p> <p>- Cho HS làm bài.</p> <p>- Nhận xét.</p> <p>* Bài 4: Đọc đề bài. Phân tích đề bài.</p> <p>- Gọi HS lên bảng giải.</p> <p style="text-align: center;">Con sên bò được là: $15 + 14 = 29$ (cm) Đáp số: 29 cm</p> <p>- Nhận xét, tuyên dương.</p> <p>4. Củng cố: Thi tính nhanh:</p> <p>- Chia lớp thành 2 đội: 1 đội nêu phép tính, 1 đội nêu đáp số và ngược lại.</p> <p>- Nhận xét, tuyên dương.</p> <p>5. Dặn dò: Về nhà làm các bài sai.</p> <p>- Chuẩn bị: Phép trừ trong phạm vi 100 (trừ không nhớ).</p> <p>- Nhận xét tiết học.</p>	<p>Học sinh lên bảng giải.</p> <p>Lớp chia 2 đội, tham gia thi đua. Đội nào không có bạn tính sai sẽ thắng.</p>
--	---

Lớp 2A1.

Tiết 3. Ôn Toán

TIẾT 144: LUYỆN TẬP.

I. Mục tiêu :

- Biết cách đọc, viết các số có 3 chữ số.
- Biết cách so sánh số có 3 chữ số.
- Biết sắp xếp các số có đến 3 chữ số theo thứ tự từ bé đến lớn hoặc ngược lại.

II. Đồ dùng dạy học:

Các bảng số gắn

III. Các hoạt động dạy và học:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Ôn định lớp :</p> <p>2. Kiểm tra bài cũ :</p> <p>- Gọi học sinh nêu cách so sánh và so sánh các số có 3 chữ số sau :</p> <p>3. Bài mới: Giới thiệu bài.</p> <p>a. Hoạt động 1: Viết (theo mẫu)</p> <p>*Bài 1: Yêu cầu học sinh tự làm bài , sau đó đổi chéo vở để kiểm tra bài nhau .</p> <p>b. Hoạt động 2: Số ?</p> <p>*Bài 2(a, b) :</p> <p>- Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì ?</p>	<p>- Hát.</p> <p>- 3 em lên bảng so sánh, dưới lớp làm vào bảng con .</p> <p>- 2 HS nhắc lại tên bài.</p> <p>- Thực hiện theo yêu cầu của GV</p> <p>- Điền các số còn thiếu vào chỗ trống .</p>

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>Yêu cầu học sinh tự làm bài .</p> <p>- Chữa bài sau đó yêu cầu HS nêu đặc điểm của từng dãy số trong bài :</p> <p>- Yêu cầu cả lớp đọc các dãy số trên .</p> <p>*Bài 3(cột 1):</p> <p>- Nêu yêu cầu của bài và cho cả lớp làm bài .</p> <p>- Chữa bài đưa ra đáp án đúng và cho điểm HS</p> <p>$543 < 590$, $432 = 342$, $670 < 676$</p> <p>$987 > 897$, $699 < 701$, $695 = 600 + 95$</p> <p>- Yêu cầu học sinh nêu cách so sánh số dựa vào việc so sánh các chữ số cùng hàng .</p> <p>*Bài 4:</p> <p>- Yêu cầu học sinh đọc đề bài .</p> <p>- Để viết các số theo thứ tự từ bé đến lớn , trước tiên chúng ta phải làm gì ?</p> <p>- Yêu cầu học sinh tự làm bài .</p> <p>- Chữa bài học sinh .</p> <p>4. Củng cố:</p> <p>- Nhận xét tiết học .</p> <p>5. Dặn dò:</p> <p>- Dặn học sinh về nhà ôn luyện cách đọc, viết số, cấu tạo số, so sánh số trong phạm vi 1000 .</p>	<p>- HS lên bảng làm , mỗi học sinh làm 1 phần, dưới lớp làm vào vở</p> <p>- 4 HS lên bảng làm bài , lần lượt trả lời về đặc điểm từng dãy số .</p> <p>- Cả lớp đọc.</p> <p>- Học sinh nêu.</p> <p>- 1 HS nêu.</p> <p>- Viết các số 875 , 1000 , 299 , 420 theo thứ tự từ bé đến lớn .</p> <p>- HS trả lời.</p> <p>- 1 học sinh lên bảng, cả lớp làm bài vào vở.</p>

Tiết 4.Ôn Luyện từ và câu

TỪ NGỮ VỀ CÂY CỐI. ĐẶT VÀ TRẢ LỜI CÂU HỎI ĐỂ LÀM GÌ?

I. Mục đích:

- Nêu được một số từ ngữ chỉ cây cối (BT1, BT2).
- Dựa theo tranh, biết đặt và trả lời câu hỏi với Để làm gì?(BT3)

II. Đồ dùng dạy học

- Tranh vẽ một cây ăn quả .
- Giấy kẻ sẵn bảng để tìm từ theo nội dung bài 2.

III.Các hoạt động dạy và học

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Ổn định lớp:</p> <p>2. Kiểm tra bài cũ</p> <p>+Làm bài tập 2, sách giáo khoa trang 87 .</p> <p>- Nhận xét từng học sinh .</p> <p>3. Bài mới: Giới thiệu bài</p>	<p>- 4 em lên bảng</p> <p>- 2 HS nhắc lại tên bài.</p>

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>a. Hoạt động 1: Hãy kể tên các bộ phận của một cây ăn quả.</p> <p>*Bài 1, 2:</p> <p>- Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì ?</p> <p>b. Hoạt động 2 : Đặt các câu hỏi có cụm từ Để làm gì?</p> <p>*Bài 3:</p> <p>- Yêu cầu học sinh đọc đề bài .</p> <p>- Bạn gái đang làm gì ?</p> <p>- Bạn trai đang làm gì ?</p> <p>- Yêu cầu 2 học sinh ngồi cạnh nhau thực hành hỏi đáp theo yêu cầu của bài , sau đó gọi một cặp học sinh thực hành trước lớp .</p> <p>- Nhận xét học sinh .</p> <p>4. Củng cố:</p> <p>- Nhận xét giờ.</p> <p>5. Dặn dò:</p> <p>- Dặn học sinh về làm bài tập và đặt câu với cụm từ “ để làm gì ?”</p>	<p>- Bài tập yêu cầu chúng ta kể tên các bộ phận cây ăn quả.</p> <p>- 1 học sinh đọc thành tiếng , cả lớp theo dõi bài trong SGK.</p> <p>- Bạn gái đang tưới nước cho cây - Bạn trai đang bắt sâu cho cây .</p> <p>- Học sinh thực hành hỏi đáp</p> <p>+Bức tranh 1 : Hỏi : Bạn gái tưới nước cho cây để làm gì ?</p> <p>+Bức tranh 2 : Hỏi :Bạn trai bắt sâu cho cây để làm gì ?</p>

Thứ sáu ngày 3 tháng 4 năm 2015

Tiết 1+2. Ôn Toán.

**PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 100
(TRỪ KHÔNG NHỚ)**

I.Mục tiêu:

- Biết đặt tính và làm tính trừ (không nhớ) số có hai chữ số.
- Biết giải toán có phép trừ số có hai chữ số.

II.Chuẩn bị:

1. Giáo viên:Bảng cài que tính.
2. Học sinh:Que tính.Vở bài tập.

III.Hoạt động dạy và học:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. <u>Ôn định</u> :	- Hát.

<p>2. <u>Bài cũ</u>: Tính:</p> $27 + 11 = \quad 64 + 5 =$ $33 \text{ cm} + 14 \text{ cm} = \quad 9 \text{ cm} + 30 \text{ cm} =$ <p>- Nhận xét.</p> <p>3. <u>Bài mới</u>: Giới thiệu:</p> <p><u>Hoạt động 1</u>: Giới thiệu cách làm tính trừ dạng $57 - 23$.</p> <p><u>Giới thiệu cách làm tính trừ</u>:</p> <p>- Hướng dẫn đặt tính: + Phân tích số 57, số 23.</p> <p>Giáo viên viết.</p> $\begin{array}{r} 57 \\ - 23 \\ \hline 34 \end{array}$ <p>a) <u>Hoạt động 2</u>: Luyện tập.</p> <p>* <u>Bài 1</u>: Nêu yêu cầu bài.</p> <p>- Cho HS làm bài rồi sửa - Lưu ý học sinh các trường hợp có số 0:</p> $\begin{array}{r} 35 \quad 59 \\ - 15 \quad - 53 \\ \hline 20 \quad 02 \end{array}$ <p>- Nhận xét, tuyên dương.</p> <p>* <u>Bài 2</u>: Yêu cầu gì?</p> <p>- Thực hiện nhẩm và ghi Đ hoặc S vào ô vuông. - Cho HS làm bài và sửa bài miệng. - Nhận xét, tuyên dương.</p> <p>* <u>Bài 3</u>: Đọc đề bài. Phân tích đề</p> <p>- Cho HS làm bài Sửa bài: Nhận xét.</p> <p>4. <u>Củng cố</u>: Trò chơi: Ai nhanh, ai đúng: Ghi phép tính $37 - 12$. Nhận xét.</p> <p>5. <u>Dặn dò</u>: Làm bài tập còn sai. - Nhận xét tiết học.</p>	<p>- Học sinh làm bảng con.</p> <p>Học sinh lên làm và nêu cách làm.</p> <p>- Học sinh nhắc lại cách đặt tính và tính.</p> <p>- Học sinh làm bài sửa ở bảng lớp.</p> <p>Học sinh đọc.</p> <p>- 1 em giải. Số trang sách Lan phải đọc là: $64 - 24 = 40$ (trang) Đáp số: 40 trang</p> <p>Học sinh cử đại diện lên thi đua, đội nào thực hiện nhanh sẽ thắng.</p>
--	---

Tiết 3+4. Ôn Tập đọc

CHÚ CÔNG

I. Mục tiêu:

- Đọc trơn cả bài. Đọc đúng các từ ngữ: nâu gạch, rẻ quạt, rục rờ, lóng lánh. Bước đầu biết nghỉ hơi ở chỗ có dấu câu.
- Hiểu ND: Đặc điểm của đuôi công lúc bé và vẻ đẹp của bộ lông công khi trưởng thành. Trả lời CH 1, 2 (SGK).

II. Chuẩn bị:

1. Giáo viên: Tranh vẽ SGK.
2. Học sinh: SGK.

III. Hoạt động dạy và học:

<u>Hoạt động của giáo viên</u>	<u>Hoạt động của học sinh</u>
<p>1. <u>Ôn định</u>:</p> <p>2. <u>Bài cũ</u>:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc bài ở SGK. - Những ai đã đến gõ cửa ngôi nhà? - Gió được mời vào nhà bằng cách nào? - Gió được chủ nhà mời vào nhà để làm gì? - Viết: kiểm chân, soạn sửa, thuyền buồm. <p>3. <u>Bài mới</u>:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu: Tập đọc bài: Chú công. <p>a) <u>Hoạt động 1</u>: Luyện đọc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên đọc mẫu. - Tìm tiếng khó đọc. - Giáo viên ghi bảng: rẻ quạt, nâu, rục rỡ, lóng lánh. - Luyện đọc tron. <p>b) <u>Học động 2</u>: Ôn vần oc – ooc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm tiếng trong bài có vần oc. - Tìm tiếng ngoài bài có vần oc – ooc. - Nói câu chứa tiếng có vần oc – ooc. <p>Nhận xét khen đội có nhiều em nói tốt.</p> <p>4/ <u>Củng cố</u>:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho HS đọc lại bài. - Nhận xét. <p>5/ <u>Tổng kết</u>:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dặn HS xem tiết 2. - Nhận xét tiết học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hát. - Học sinh đọc. - Học sinh viết bảng con. - Học sinh dò theo. - Học sinh tìm và nêu. - Học sinh luyện đọc từ. - Học sinh luyện đọc câu. - Học sinh luyện đọc đoạn. - Học sinh luyện đọc cả bài. - HS tìm và nêu. - Học sinh thi đua tìm và viết vào bảng con và nêu. - Chia 2 đội thi đua tìm. <ul style="list-style-type: none"> + Đội 1: Nói câu chứa tiếng có vần oc. + Đội 2: Nói câu chứa tiếng có vần ooc.

(Tiết 2)

<u>Hoạt động của giáo viên</u>	<u>Hoạt động của học sinh</u>
<p>1. <u>Ôn định</u>:</p> <p>2. <u>bài cũ</u>:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi 2HS đọc cả bài. - Nhận xét. <p>3. <u>Bài mới</u>:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hát.

<p>- Giới thiệu: Học sang tiết 2.</p> <p>a) <u>Hoạt động 1</u>: Tìm hiểu bài.</p> <ul style="list-style-type: none">- Giáo viên gọi học sinh đọc đoạn 1 của bài. <p>Lúc mới chào đời chú công có bộ lông màu gì?</p> <ul style="list-style-type: none">- Chú đã biết làm động tác gì? <p>=> lúc mới chào đời lông chú công màu nâu gạch, làm động tác xòe cái đuôi thành hình rẽ quạt.</p> <ul style="list-style-type: none">- Đọc đoạn 2.- Tả vẻ đẹp của công trống? <p>b) <u>Hoạt động 2</u>: Luyện nói.</p> <ul style="list-style-type: none">- Đọc yêu cầu bài.- “Tập tầm vông, con công nó múa, nó múa làm sao, nó rụt cổ vào, nó xòe cánh ra ... là tập tầm vông.” <p>4. <u>Củng cố</u>:</p> <ul style="list-style-type: none">- Đọc lại toàn bài.- Tìm những từ ngữ tả lại vẻ đẹp của con công.- Khen ngợi những em học tốt. <p>5. <u>Dặn dò</u>:</p> <ul style="list-style-type: none">- Về nhà luyện đọc lại bài.- Chuẩn bị bài: Chuyện ở lớp.- Nhận xét tiết học.	<ul style="list-style-type: none">- Học sinh đọc.- HS phát biểu- Học sinh đọc.- HS phát biểu- Học sinh đọc trơn lại cả bài.- Hát bài hát về con công.- Học sinh hát cá nhân.- Học sinh hát theo bàn, nhóm, lớp hát.- Học sinh đọc.
--	--

TUẦN 30.

Thứ hai ngày 6 tháng 4 năm 2015

Tiết 1. Toán. PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 100 (TRỪ KHÔNG NHỚ)

A - MỤC TIÊU:

*** Bước đầu giúp học sinh.**

- Biết đặt tính rồi làm tính trừ (không nhớ) trong phạm vi 100.
- Củng cố về giải toán
- Giáo dục ý thức học bộ môn.

B- ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- GV: Thẻ chục * que tính rời. - HS: Que

C - HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

<i>HOẠT ĐỘNG CỦA GV</i>	<i>HOẠT ĐỘNG CỦA HS</i>
<p>I. KIỂM TRA BÀI CŨ * Gọi 3 học sinh lên bảng làm - Giáo viên và học sinh nhận xét</p> <p>II. BÀI MỚI 1. Giới thiệu làm tính trừ (không nhớ) dạng 57-23 *- Giáo viên hướng dẫn học sinh thao tác trên que tính: Lấy 57 que tính và nêu cách lấy. Bớt đi 23 que tính (nêu cách bớt) - Giới thiệu cho học sinh kỹ thuật làm tính trừ - Như vậy $57 - 23 = 34$</p> <p>2. Thực hành <u>Bài 1</u> : Gọi học sinh đọc yêu cầu bài tập Củng cố cách đặt tính và tính kết quả <u>Bài 2</u>: Gọi 2 học sinh nêu yêu cầu bài tập <u>Bài 3</u>: Cho học sinh đọc đề toán(2 học sinh) - Học sinh nêu cách giải và trình bày bài. * Giáo viên chốt lời giải đúng.</p> <p>III. CŨNG CỐ DẶN DÒ : Giáo viên nhận xét giờ học. Nhắc học sinh làm trong vở bài tập.</p>	$20\text{cm} + 10\text{cm} = \quad 43\text{cm} + 15\text{cm} =$ $25\text{cm} + 24\text{cm} =$ - Học sinh làm theo giáo viên $\begin{array}{r} 57 \\ - 23 \\ \hline 34 \end{array}$ * 7 trừ 3 bằng 4, viết 4 * 5 trừ 2 bằng 3, viết 3 <p><u>Bài 1</u> : Tính: - Học sinh làm và chữa</p> <p><u>Bài 2</u>: Đúng ghi Đ, sai ghi S - Học sinh làm vở, và giải thích tại sao lại điền đ - s.</p> <p><u>Bài 3</u>: <i>Bài giải</i> Số trang Lan còn phải đọc là: $64 - 24 = 40 \text{ (trang)}$ Đáp số : 40 trang</p>

I.Mục tiêu:

- Đọc tron cả bài. Đọc đúng các từ ngữ: ở lớp, đứng dậy, trêu, bôi bẩn, vuốt tóc. Bước đầu biết nghỉ hơi ở cuối mỗi dòng thơ, khổ thơ.
- Hiểu ND: Mẹ chỉ muốn nghe chuyện ở lớp bé đã ngoan như thế nào? Trả lời CH 1, 2 (SGK).

II.Chuẩn bị: SGK

III.Hoạt động dạy và học:

<u>Hoạt động của giáo viên</u>	<u>Hoạt động của học sinh</u>
<p>1. <u>Ôn định:</u></p> <p>2. <u>Kiểm tra bài cũ:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh đọc bài: Chú công.Trả lời câu hỏi: - Nhận xét <p>3. <u>Bài mới:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu: Học bài: <i>Chuyện ở lớp.</i> - Ghi bảng. <p>a) <u>Hoạt động 1: Luyện đọc.</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên đọc mẫu. - Nêu từ ngữ cần luyện đọc. ❖ Giáo viên gạch chân: ở lớp, đứng dậy, trêu, bôi bẩn, vuốt tóc. - GV sửa phát âm sai. <p>b) <u>Hoạt động 2: Ôn vần uôt – uôc.</u></p> <ul style="list-style-type: none"> -Tìm tiếng trong bài có vần uôt. -Phân tích tiếng vuốt. -Tìm tiếng ngoài bài có vần uôt – uôc. → Giáo viên ghi bảng. <p>4. <u>Củng cố:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hỏi lại tựa bài. - Chỉ bảng cho HS đọc lại bài. - Nhận xét. <p>5. <u>Tổng kết:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Dặn HS chuẩn bị tiết 2. - Nhận xét tiết học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hát. <p>Học sinh đọc và trả lời câu hỏi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét. <ul style="list-style-type: none"> - Nói tiếp nhắc tựa bài. <p>Học sinh dò theo.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nêu. <p>HS phân tích: dậy, trêu, bẩn, vuốt.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét. <p>Hsinh luyện đọc từ (cá nhân, lớp).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luyện đọc câu theo hình thức tiếp sức. - Luyện đọc đoạn, bài: <p>+ 3HS đọc từng khổ thơ nối tiếp nhau.</p> <p>+ HS đọc cả bài (cá nhân, lớp).</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS tìm và nêu. - Học sinh phân tích tiếng. - Học sinh đọc tron. - Học sinh quan sát tranh và nêu tiếng. <p>- HS đọc bài.</p>

TIẾT 2

<u>Hoạt động của giáo viên</u>	<u>Hoạt động của học sinh</u>
<p>1. Ôn định:</p> <p>2. Kiểm tra bài cũ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi 2, 3HS đọc lại bài. - Nhận xét, <p>3. Bài mới:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu: Học sang tiết 2. <p>a) Hoạt động 1: Tìm hiểu bài đọc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi học sinh đọc và trả lời câu hỏi: Bạn nhỏ kể cho mẹ nghe những chuyện gì ở lớp? => chuyện bạn Hoa không thuộc bài, bạn Hùng trêu, bạn Mai tay đầy mực. - Nhận xét, tuyên dương. - Học sinh đọc đoạn 3 trả lời câu hỏi: Mẹ nói gì với bạn nhỏ? => Mẹ không nhớ chuyện bạn kể. - GV hỏi thêm: Vì sao mẹ muốn bé kể chuyện ngoan ngoãn? => mẹ mong ai cũng ngoan ngoãn. <p>b) Hoạt động 2: Luyện nói.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu đề tài luyện nói: Hãy kể với cha mẹ: ở lớp em đã ngoan ngoãn như thế nào? - Cho học sinh chơi trò chơi đóng vai. - Cách thực hiện: Gọi 2 học sinh lên bảng: Treo tranh lên, trò chuyện với nhau. + Con: Bạn nhặt rác ở lớp vứt vào thùng rác. + Bố: Con đã làm được việc gì ngoan ở lớp? - Giáo viên nhận xét. <p>4. Củng cố:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thi đua đọc trơn cả bài. - Nhận xét, tuyên dương HS đọc tốt. - Về nhà con sẽ kể chuyện gì cho bố mẹ nghe? <p>5. Dặn dò:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc lại bài. - Chuẩn bị bài: Mèo con đi học. - Nhận xét tiết học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hát. - HS đọc bài. - Nhận xét. - Học sinh đọc khổ 1 và 2. - Trả lời - Nhận xét, bổ sung. - HS đọc khổ 3 và trả lời - HS nêu - Học sinh nhận vai: bố và con. - Học sinh đóng vai bố và con. - Lớp nhận xét. - Mỗi tổ cử 1 bạn lên thi đua đọc. - Nhận xét. - HS đồng thanh đọc lại bài

Tiết 4. Rèn chữ.

TÔ CHỮ HOA L, M, N

I.Mục tiêu:

- Tô được các chữ hoa: L, M, N.
- Viết đúng các vần: *en, oen, ong, oong*; các từ ngữ: *hoa sen, nở cười, trong xanh, cải xoong* kiểu chữ viết thường, cỡ chữ theo vở Tập viết 1 – tập hai.(Mỗi từ ngữ viết được ít nhất một lần).
- * HS khá, giỏi: Viết đều nét, dẫn đúng khoảng cách và viết đủ số dòng, số chữ quy định trong vở Tập viết 1 – tập hai.

II.Chuẩn bị:

- Giáo viên: Chữ hoa L, M, N.
- Học sinh: Vở tập viết, bảng con.

III.Hoạt động dạy và học:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p><u>Ôn định:</u> <u>Kiểm tra bài cũ:</u> - Gọi 2HS lên bảng viết: hiểu thảo, đoạt giải. - Nhận xét, tuyên dương.</p> <p><u>Bài mới:</u> a) <u>Giới thiệu bài:</u> - Học bài: Tô chữ hoa: L, M, N. - Ghi bảng tựa bài: “Tô chữ hoa: L, M, N”</p> <p>b) <u>Hoạt động 1: Hướng dẫn HS tô chữ hoa.</u> * Chữ hoa L: Cho HS xem mẫu chữ hoa L. * Chữ hoa M: Cho HS xem mẫu chữ hoa M. * Chữ hoa N: Cho HS quan sát mẫu chữ hoa N. - GV nêu quy trình tô chữ hoa N</p> <p>c) <u>Hoạt động 2: Hướng dẫn HS viết vần, từ ứng dụng.</u> - Cho HS quan sát mẫu chữ các vần: <i>en, oen, ong, oong</i>; từ ứng dụng: <i>hoa sen, nở cười, trong xanh, cải xoong</i>. - Cho HS nhận xét độ cao các con chữ, khoảng cách giữa các chữ(tiếng), cách đặt dấu thanh, nối nét. - Nhận xét.</p> <p>d) <u>Hoạt động 3: HS viết vở.</u> - Nhắc tư thế ngồi viết.</p>	<p>- Hat.</p> <p>- 2HS viegbang lzp, lzp viegbang con. - Nhajnet.</p> <p>HS quan sat HS quan sat HS quan sat HS quan sat va-lang nghe.</p> <p>HS quan sat, wou cac vafi va-tl + ng dung- Nhajnet wojcao, khoang cach, - Hou sinh viegbang con tl ~ l ng dung. - Nhajnet - HS tap tohva-viegvao vz</p>

<p>- Thu 6 – 7 vở chấm. - Nhận xét vở bài chấm.</p> <p>4. <u>Củng cố:</u> - Trò chơi: Ai nhanh hơn? - Thi đua tìm tiếng có vần en viết vào bảng con. - Nhận xét.</p> <p>5. <u>Tổng kết:</u> Về nhà viết vở tập viết phần B. - Nhận xét tieghou.</p>	<p>tap vieg</p> <p>- Hou sinh ca tokhi wua. Tok naø co nhiefi ban ghi wung va wewp nhagse {thang.</p>
---	---

Thứ ba ngày 7 tháng 4 năm 2015

Tiết 1. Ôn Toán

KI LÔ MÉT VUÔNG

I. MỤC TIÊU:

- Biết ki-lô-mét là một đơn vị đo độ dài, biết đọc, viết kí hiệu đơn vị ki-lô-mét.
- Biết được quan hệ giữa đơn vị ki-lô-mét với đơn vị mét.
- Biết tính độ dài đường gấp khúc với các số đo theo đơn vị km.
- Nhận biết khoảng cách giữa các tỉnh trên bản đồ.
- Bài tập cần làm: bài 1,2,3. Còn lại dành cho HS khá, giỏi.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bản wofViej Nam

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoatwojng của giao vieh	Hoatwojng hou sinh
<p>1. <u>Ôn định:</u></p> <p>2. <u>Kiểm tra bài cũ:</u> - Gou2 HS leh kiem tra va tra lzicah hoi. + 1 met bang bao nhieh weximet? + 1 met bang bao nhieh xentimet? GV nhaj xet</p> <p>3. <u>Bài mới:</u> Gizi thiej bai- GV ghi tl u bai bang lzp * Gizi thiej wzn vxwo wojda kilomet? (km) - GV viegleh bang: kilomet- Viegtabla-km. Kilomet viegtabla-km. 1km = 1000m * Thl u hanh - Bai tap 1: Vaj dung quan hejgil & cac wzn vxwo wojda km, m, dm, cm. Nhag manh quan hejgil & km va-m. GV cho HS tl uam va chl & bai. Bai 2: GV hl zng dan HS nhm hmh ve {wou chiefi dai cac quang w zng cu the kof lah ll zutra lzicac cah hoi của bai toan. GV nhaj xet</p>	<p>HS trả lời câu hỏi</p> <p>- HS laq lai tl u bai Cho HS laq lai nhiefi lah - bai 1/ 151 1km = 1000m ; 1000m = 1km 1m = 10 dm ; 10 dm = 1m 1m = 100 cm ; 10 cm = 1dm Bai 2: HS làm bài - Bai 3:</p>

<p>- Bài 3: GV hỉ zng dẫn HS wou ban wofweknhaji biegt houg tin treh bang wof</p> <p>- Yeh cafi HS lafi ll ztneh cac cah tra lz+con lai</p>	<p>HS nghe</p>
<p>4. Củng cố:</p> <p>- Hôm nay toan cac em hou bai-gr?</p> <p>- 1 kmbang bao nhieh met?</p> <p>- 1000 m bang bao nhieh kilomet?</p> <p>5. Dặn dò:</p> <p>GV nhaj xet tieghou.</p> <p>- Vefxem lauba+</p> <p>- Chuak bxba+ sau "milimet".</p>	<p>HS trả lời</p>

Tiết 2. Ôn Tập đọc. AI NGOAN SẼ ĐƯỢC THƯỞNG

I. MỤC TIÊU:

- Ngắt nghỉ hơi đúng sau các dấu câu và cụm từ rõ ý; biết đọc rõ lời nhân vật trong câu chuyện.

- Hiểu ND: Bác Hồ rất yêu thiếu nhi. Thiếu nhi phải thật thà, xứng đáng là cháu ngoan Bác Hồ. (trả lời được CH1,3,4,5)

* HS khá, giỏi trả lời được CH2.

*** KNS: Tự nhận thức, Ra quyết định.**

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC: - GV: bài dạy, tranh minh hoạ- HS: xem bài trl zc

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Ôn định:</p> <p>2. Kiểm tra bài cũ:</p> <p>GV gọi HS đọc bài và trả lời câu hỏi</p> <p>GV nhận xét,</p> <p>3. Bài mới:* Gizi thiej bai- GV ghi tl u bai- bang lzp.</p> <p>* Luyejn wou</p> <p>a) HS luyejn wou tl ng cah</p> <p>b) Wou tl ng woan trl zc lzp.</p> <p>c) Wou tl ng woan trong nhom</p> <p>d) Thi wou gil a cac nhom</p> <p>* Trm hiekn bai:</p> <p>- Cah 1: Bac Hofwi thajm nhl hg nzi naø trong trau nhi wofg? - cah 2: Bac Hofhoi cac em HS nhl hg gr?</p>	<p>HS wou bai-</p> <p>- HS lang nghe</p> <p>- HS lap lai tl u bai-</p> <p>HS tl ng day ban noig tieg nhau wou tl ng cah</p> <p>- HS wou 5->7 em</p> <p>- HS tieg noig nhau wou tl ng doan trong bai.</p> <p>-Bac wi thajm phong ngu, phong ap, nha-beg</p>

<p>+ Nhl ̣g caḥ hoi cua Bac cho thaỵ wiefi gr?</p> <p>- Cac em wefnghxchia keo cho nhl ̣g ai? Tai sao ban Toj khohg dam nhaj̣ keo Bac chia?</p> <p>- Caḥ 5: taũsao Bac khen Tojngoan? *Luyej̣n wou laũ</p> <p>- 3 nhoṃ tḷ upaḥ vai thi wou laũtruyej̣n.</p> <p>4. Cũng cõ:</p> <p>- Caḥ chuyej̣n nay cho em biegṭ wiefi gr? GV nhaj̣ xet tieghou.</p> <p>5. Dũn dõ:</p> <p>- Vefhou baị: - Chuaḳ bxbaịsau</p>	<p>-cac chau chzi co vui khohg? Cac chau ap co no khohg?/ cac cohco mang phatu cac chau khohg?/ cac chau co thsch keo khohg?/</p> <p>- Cac ban wefnghx chia keo cho ngḷ zĩ ngoan. Chḷ ai ngoan mzi co keo.</p> <p>- Vr ban Tojtḷ uthag̣ hoṃ nay mnḥ chḷ a ngoan, chḷ a vahg̣ lzĩcoh</p> <p>- Bac khen Toj ngoan vr Toj biegṭ nhaj̣ loĩ/</p> <p>HS trũ lõ</p>
--	--

Tiẽt 3. Ôn Kẽ chuyẽn AI NGOAN SỄ ĐƯỢC THƯỜNG

I. MỤC TIÊU:

- Dũra theo tranh kũ lại đũc tũng đũan cõu chuyẽn.
- * HS khũ, giõ biẽt kũ lại cũ cõu chuyẽn (BT2); kũ lại đũc đũan cõũ theo lõ của bạn Tõ(BT3).

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: tranh minh hoau
- HS: xem baị trḷ zc.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoatwoj̣ng của giao vieh	Hoatwoj̣ng hau sinh
<p>1. Ôn đĩnh:</p> <p>2. Kiẽm tra bài cũ:</p> <p>GV goũ 2 em noĩ tiegṭ nhau keḳ chuyej̣n " nhḷ ̣g qua vaø" (moi em keḳ woan) tra lzĩcaḥ hoi.</p> <p>+ Em thscḥ naḥ vaj̣ naø trong truyej̣n? Vr sao? - GV nhaj̣ xet</p> <p>3. Bài mới: -GV ghi tḷ u baị bang lzp * Hḷ zng̣ daṇ HS tap̣ keḳ</p> <p>1) Keḳḷ ng̣ woan theo tranh.</p> <p>- GV hdaĩ HS quan saṭ tranh noị nhanh noĩ dung̣ tḷ ng̣ tranh. - GV yeḥ caũ HS dḷ u vaø tḷ ng̣ tranh keḳlaũ tḷ ng̣ woan trong nhoṃ. - Lzp va-GV nhaj̣ xet.</p>	<p>Hg</p> <p>2 em noĩ tiegṭ nhau keḳ chuyej̣n</p> <p>- HS lang̣ nghe</p> <p>- HS laq̣ laũ</p> <p>- HS quan saṭ tranh va- tra lzĩ</p>

<p>2) Thi kettoan bojcah chuyejn</p> <p>-GV giúp HS hiekh yeh cafi của bai~wekkeklau woan cuog cah chuyejn wung theo lzi~ban Toj cac em phai</p> <p>+ Tl zng tl zng mmh la~Toj noi lzi~của Toj suy nghycua Toj</p> <p>+ Khi kekphai xl ng " tohi", tl ~wafi weg cuog cah chuyejn phai nhz mmh la~Toj khong thekluc xl ng " Tohi", sau thr queh lai " ban Toj'</p> <p>- GV yeh cafi 1 em kekmau.</p> <p>- GV nhaj xet nhl hng em kekhay sang tau.</p> <p>4. Củng cố:</p> <p>- Goi 1 em kha keklautoan bojcah chuyejn.</p> <p>+ Qua cah chuyejn nay em hou w zu tsnh tog gr của Toj (Em hou w zu tsnh tog la~thaj tha~dam duhg cam nhaj loi của ban Toj)</p> <p>5. Dẫn dò:GV nhaj xet tieghou</p> <p>- Vefnha~taj keklaucah chuyejn cho gia wnh nghe.</p>	<p>- HS dl u vào tranh kek moi lafi kekHS khách nhaj xet boksung</p> <p>- Wau diej 3 nhom tieg noignhau kek3 woan.</p> <p>- 1 em kekmau cah chuyejn. Lzp lang nghe</p> <p>- Sau wo HS tieg noignhau kekrl zc lzp. 1 em kha keklaui HS trả lời</p>
---	---

Tiết 4. Rèn chữ. AI NGOAN SẼ ĐƯỢC THƯỜNG

I. MỤC TIÊU:

- Chép chính xác bài CT, trình bày những đoạn văn xuôi
- Làm được BT(2) a/b.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoatwojng của giao vieh	Hoatwojng của hou sinh
<p>1. Ổn định:</p> <p>2. Kiểm tra bài cũ:</p> <p>- Goi 3 HS viegbang lzp. Ca lzp viegbang con nhl hng tl ~ ngl {sau theo lzi~wou của GV. (but saò xuagsao, song biekh, xanh xao, to phmh, lua chsn..)</p> <p>- GV nhaj xet</p> <p>3. Bài mới:</p> <p>* Gizi thieju bai~ - GV ghi tl u bai~bang lzp.</p> <p>* GV hl zng dan HS nghe - vieg</p> <p>1) Hl zng dan chuak bx</p> <p>- GV wou mai 1 lafi.</p> <p>- GV yeh cafi HS neh noj dung bai~chsnh ta. - Woan vap kek vefviej Bac Hofweg tham cac chau nho z trainhi wofg</p>	<p>3 HS vieg bang lzp. Ca lzp viegbang con</p> <p>- HS lap laui tl u bai~</p> <p>- 2 HS wou laui bai~</p>

<p>+ Trong bài nhl 1g chl {nao vieghoa? Bac Hof Bac. - Hl zng dan HS viegtl kho. ua tzi, qualy quanh) - GV nhao cac em chu y vieghoa nhl 1g chl {vaø cah. 2) GV wou, HS viegbai-vaø vz : Woan vieg Moj buok sang, Bac Hofweg thapm trau nhi wofg^ da Bac hofg haø. - Nhaø 1 sogyeh cafi khi vieg 3) Chagn. Chl a bai. 4. Củng cố: Goi 1 em wou yeh cafi bai-tap chon chl {nao trong ngoaq wzn wekwief vaø choitrogg? a) (chuc, truc): cay truc, chuc ml ag. (Chz, trz): trz lai, che chz b)(bej, bejh): ngof bej, trang bejh (cheg chegh): chehh chegh, wofg hofcheg GV nhận xét. 5. Dặn dò: - Vefxem lauba - Chuak bx bai-sau. - Nhaj xet tieghou.</p>	<p>- Hs trm - HS tl wieg HS làm BT (2 em leh bang - cac em lam vz bai-tap)</p>
--	---

Thứ tư ngày 8 tháng 4 năm 2015

Tiết 1+2. Ôn Tập đọc

MÈO CON ĐI HỌC

I. Mục tiêu:

- Đọc tron cả bài. Đọc đúng các từ ngữ: buồn bực, kiem có, cái đuôi, cừ. Bước đầu biết nghỉ hơi ở cuối mỗi dòng thơ, khổ thơ.
- Hiểu ND: Mèo con lười học kiem có nghỉ ở nhà; cừ dọa cắt đuôi khiến Mèo sợ phải đi học. Trả lời CH 1, 2 (SGK).
- * HS khá, giỏi: học thuộc lòng bài thơ.

II. Chuẩn bị:

1. Giáo viên: Tranh vẽ SGK.
2. Học sinh: Bộ đồ dùng SGK.

III. Hoạt động dạy và học:

<u>Hoạt động của giáo viên</u>	<u>Hoạt động của học sinh</u>
<p>1. Ôn định: 2. Bài cũ: Chuyện ở lớp. - Gọi học sinh đọc bài. - Em bé kể mẹ nghe những chuyện gì? - Mẹ muốn em bé kể những chuyện gì?</p>	<p>- Hát. - 2, 3HS đọc lại bài và trả lời câu hỏi.</p>

<ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét, . - Viết bảng con: vuốt tóc, đứng dậy. - Nhận xét, <p>3. Bài mới:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu: Học bài: <i>Mèo con đi học.</i> <p>a) Hoạt động 1: Hướng dẫn luyện đọc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên đọc mẫu. - Nêu các từ khó đọc. - Giáo viên gạch chân: <i>buồn bực, kiếm cỏ, cái đuôi, cừu.</i> - GV sửa phát âm. <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét, tuyên dương. <p>b) Hoạt động 2: Ôn vần ưu – ươu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm tiếng trong bài có vần ưu. - Tìm tiếng ngoài bài có vần ưu, ươu. - Giáo viên ghi bảng. - Thi nói câu chứa tiếng có vần ưu – ươu. <p>Nhận xét.</p> <p>4. Củng cố:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc trơn cả bài. - Nhận xét. <p>5. Dặn dò:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dặn HS chuẩn bị tiết 2. - Nhận xét tiết học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét. <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nghe. - Học sinh nêu. - HS phân tích tiếng: buồn, kiếm, đuôi, cừu. - Học sinh luyện đọc từ (cá nhân, lớp)ø. - Học sinh luyện đọc câu theo hình thức tiếp nối nhau. - Luyện đọc đoạn, bài. - Thi đọc trơn cả bài theo hình thức phân vai. - HS tìm. Đọc, phân tích tiếng cừu. - HS thi đua tìm và nêu cá nhân (HS nào nêu nhiều tiếng đúng được khen). - Học sinh luyện đọc. - Cho xem tranh, đọc câu mẫu. - Chia 2 nhóm thi đua nói, 1 nhóm nói tiếng có vần ưu, 1 nhóm nói tiếng có vần ươu. - 3 đội thi đua đọc.
--	--

TIẾT 2

<u>Hoạt động của giáo viên</u>	<u>Hoạt động của học sinh</u>
<p>1. Ôn định:</p> <p>2. Kiểm tra bài cũ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi 2, 3HS đọc bài. - Nhận xét. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hát.

<p>3. Bài mới:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu: Học sang tiết 2. <p>a) Hoạt động 1: Tìm hiểu bài và luyện đọc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho học sinh đọc 4 dòng đầu. - Mèo kiêu có gì dễ trôn học? <p>=> Mèo kêu đuôi ồm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc 6 dòng cuối. - Cừu có cách gì khiến Mèo xin đi học ngay? <p>=> cắt cái đuôi ồm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét – tuyên dương. <p>* Học thuộc lòng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ bảng cho HS đọc lại bài. - Xóa dần, cho HS đọc lại. - Nhận xét. <p>b) Hoạt động 2: Luyện nói.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên treo tranh. - Vì sao bạn nhỏ trong tranh thích đến trường? <p>=> Vì bạn ấy được đi học, vui chơi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vì sao con thích đi học? - Nhận xét. <p>4. Củng cố:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thi đua đọc trơn cả bài. - Nhận xét. <p>5. Dặn dò:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc lại bài và học thuộc lòng bài thơ. - Nhận xét tiết học. - Chuẩn bị: <i>Người bạn tốt.</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 Học sinh đọc 4 dòng đầu, lớp dò theo. - Trả lời - 1 Học sinh đọc. - HS phát biểu - Nhận xét, bổ sung. - HS đồng thanh đọc lại - HS đọc (cá nhân, lớp) - Nhận xét. - Học sinh quan sát. - Học sinh nêu. - Học sinh thi đọc trơn theo phân vai.
---	--

Tiết 3. Ôn Toán. TIẾT 117: PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 100 (TRỪ KHÔNG NHỚ)

I. Mục tiêu:

- Biết đặt tính và làm tính trừ số có hai chữ số (không nhớ) dạng 65 – 30, 36 – 4.

* BT3 (cột 2, 4) dành cho HS khá, giỏi.

II. Chuẩn bị:

Giáo viên: Que tính.

Học sinh: Vở bài tập. Bộ đồ dùng.

III. Hoạt động dạy và học:

<u>Hoạt động của giáo viên</u>	<u>Hoạt động của học sinh</u>
1. Ôn định:	- Hát.

<p>2. Bài cũ: Cho học sinh làm bảng con: $65 - 23 =$ $57 - 34 =$ $95 - 55 =$ - Nhận xét.</p> <p>3. Bài mới: - Giới thiệu - Ghi bảng. a) Hoạt động 1: Giới thiệu cách làm tính trừ dạng 65 – 30: Lập phép tính trừ: $65 - 30$ b) Hoạt động 2: Giới thiệu cách làm tính trừ dạng 36 – 4: Thực hiện tương tự. c) Hoạt động 3: Luyện tập. * Bài 1: Nêu yêu cầu bài. - Lưu ý học sinh đặt số phải thẳng cột. - Nhận xét. * Bài 2: Đúng ghi đ, sai ghi s: - Yêu cầu HS nhẩm các phép tính, phép tính nào đúng ghi đ vào ô trống, sai ghi s. - Nhận xét, tuyên dương. * Bài 3: Yêu cầu gì? - GV ghi kết quả đúng. - Nhận xét, tuyên dương.</p> <p>4. Củng cố: Thi đua: Ai nhanh hơn? - Giáo viên ghi nhanh các phép tính. Học sinh sẽ lên thi đua sắp các phép tính có cùng kết quả về 1 nhóm: $40 - 20$ $62 - 42$ $98 - 78$ $57 - 13$ $89 - 45$ $76 - 32$ $28 - 7$ $36 - 15$ $47 - 26$ - Nhận xét.</p> <p>5. Dặn dò: - Nhận xét tiết học.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh làm bảng con. Nhắc tựa. Học sinh thành lập phép tính đọc và tính. * HS nêu. <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh làm bài. - Sửa ở bảng lớp. - Nhận xét. - HS làm bài cá nhân. - 4HS sửa ở bảng lớp - Nhận xét, bổ sung. * HS nêu yêu cầu BT3. <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh làm bài, sửa bài miệng. - Nhận xét. - Học sinh chia 3 đội, mỗi đội cử ra 3 em lên tham gia. - Nhận xét.
--	---

Tiết 4. Ôn Toán

TIẾT 118: LUYỆN TẬP

I. Mục tiêu:

- Biết đặt tính và làm tính trừ, tính nhẩm các số trong phạm vi 100(không nhớ).

II. Chuẩn bị:

Giáo viên: Đồ dùng phục vụ luyện tập.

Học sinh: Vở bài tập.

III. Hoạt động dạy và học:

<u>Hoạt động của giáo viên</u>	<u>Hoạt động của học sinh</u>
---------------------------------------	--------------------------------------

<p>1. Ôn định:</p> <p>2. Bài cũ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho học sinh làm bảng con: 83 – 40 76 – 5 57 – 6 65 – 60 - Nhận xét. <p>3. Bài mới:</p> <p>a) Giới thiệu: Học bài Luyện tập.</p> <p>b) Hoạt động 1: Luyện tập.</p> <p>* Bài 1: Nêu yêu cầu bài.</p> <p>45 – 23 57 – 31 72 – 60 70 – 40 66 – 25</p> <p>Lưu ý học sinh đặt các số phải thẳng cột với nhau.</p> <p>* Bài 2: Yêu cầu tính nhẩm</p> <table style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 33%;">65 – 5 =</td> <td style="width: 33%;">65 – 60 =</td> <td style="width: 33%;">65 – 65 =</td> </tr> <tr> <td>70 – 30 =</td> <td>94 – 3 =</td> <td>33 – 30 =</td> </tr> <tr> <td>21 – 1 =</td> <td>21 – 20 =</td> <td>32 – 10 =</td> </tr> </table> <ul style="list-style-type: none"> - GV ghi kết quả đúng. - Nhận xét, tuyên dương. <p>* Bài 3: Nêu yêu cầu bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trước khi điền ta làm sao? <p>- Nhận xét.</p> <p>* Bài 4: - Đọc đề bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích đề bài: + có 35 bạn, trong đó có 20 bạn nữ. + có bao nhiêu bạn nam. - Tóm tắt rồi giải. - Nhận xét <p>* Bài 5: Nói phép tính với kết quả thích hợp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét, tuyên dương. <p>4. Củng cố: Trò chơi: Ai nhanh, ai khéo.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ghi các phép tính và kết quả đúng lên bảng: 95 – 40 83 – 31 78 – 43 55, 52, 35 - Nhận xét. <p>5. Dặn dò: Chuẩn bị: Các ngày trong tuần lễ. Nhận xét tiết học.</p>	65 – 5 =	65 – 60 =	65 – 65 =	70 – 30 =	94 – 3 =	33 – 30 =	21 – 1 =	21 – 20 =	32 – 10 =	<ul style="list-style-type: none"> - Hát. - Học sinh làm vào bảng con. - 4 em làm ở bảng lớp. <p>* Đặt tính rồi tính. Hsinh làm bài. Sửa ở bảng lớp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh làm bài. - Sửa bài miệng. - Nhận xét. <p>* Điền dấu >, <, =.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính cộng hoặc tính trừ trước rồi mới so sánh. - Học sinh làm bài. - 2Sửa bài ở bảng lớp. - Nhận xét. - 1, 2HS đọc đề bài. Hslàm bài. <p style="text-align: center;">Bài giải</p> <p style="text-align: center;">Số bạn nam lớp 1B là:</p> <p style="text-align: center;">$35 - 20 = 15$ (bạn)</p> <p style="text-align: center;">Đáp số: 15 bạn</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS làm bài. - 3HS sửa bài ở bảng lớp. - Nhận xét. <p>- HS chia 3 tổ, mỗi tổ cử 3 bạn chơi tiếp sức nói nhanh phép tính với kết quả thích hợp. Tổ nào nói xong trước và đúng sẽ thắng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét.
65 – 5 =	65 – 60 =	65 – 65 =								
70 – 30 =	94 – 3 =	33 – 30 =								
21 – 1 =	21 – 20 =	32 – 10 =								

Thứ năm ngày 9 tháng 4 năm 2015

Tiết 1. Rèn chữ

MÈO CON ĐI HỌC

I. Mục tiêu:

- Nhìn sách hoặc bảng, chép lại và trình bày đúng 6 dòng đầu bài thơ Mèo con đi học: 24 chữ trong khoảng 10 – 15 phút.

- Điền đúng chữ r, d, gi ; vần in, iên vào chỗ trống. Bài tập 2(a) hoặc (b)SGK).

II. Chuẩn bị:

1. Giáo viên: Bảng phụ.
2. Học sinh: Vở viết. Bảng con. Vở bài tập.

III. Hoạt động dạy và học:

<u>Hoạt động của giáo viên</u>	<u>Hoạt động của học sinh</u>
<p>1. <u>Ôn định:</u></p> <p>2. <u>Bài cũ:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra vở của học sinh sửa lại bài. - Viết từ còn sai nhiều. - Nhận xét. <p>3. <u>Bài mới:</u> Giới thiệu: Viết bài: <i>Mèo con đi học</i> (8 dòng thơ đầu).</p> <p>a) <u>Hoạt động 1: Hướng dẫn tập chép.</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Treo bảng phụ. - Tìm tiếng khó viết. - Giáo viên gạch chân tiếng khó. - GV viết mẫu tiếng khó. <p>Thu chấm 6 – 7 vở. Nhận xét.</p> <p>b) <u>Hoạt động 2: Hướng dẫn làm bài tập.</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu yêu cầu bài 2a. - Cho HS quan sát tranh: <ul style="list-style-type: none"> + Thầy giáo dạy học. + Bé nhảy dây. + Đàn cá rô lội nước. - Nhận xét, tuyên dương. <p>Bài 2b: Điền vần iên hay in. Thực hiện tương tự bài 2a.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đàn kiến đang đi. + ... đọc bản tin. <p>4. <u>Củng cố:</u> Hỏi lại tựa bài chính tả.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khen các em viết đẹp, có tiến bộ. <p>5. <u>Dặn dò:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bạn nào viết sai nhiều thì về nhà viết lại bài. - Làm lại các bài tập. - Nhận xét tiết học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hát. - Học sinh viết bảng con. <p>Học sinh đọc đoạn viết.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh tìm và nêu. - Phân tích tiếng khó viết - Học sinh viết bảng con. - HS đọc lại đoạn viết. - Học sinh viết vở. - Học sinh dò lỗi sai. - Điền chữ r, d hay gi. - Học sinh quan sát tranh và nêu - HS làm bài và sửa bài cá nhân trên bảng. - Nhận xét, bổ sung. - 2 em làm ở bảng lớp. - Cả lớp làm vào vở.

Tiết 2. Ôn Toán. TIẾT 119: CÁC NGÀY TRONG TUẦN LỄ

I. Mục tiêu:

- Biết tuần lễ có 7 ngày, biết tên các ngày trong tuần.
- Biết đọc thứ, ngày, tháng trên tờ lịch bóc hàng ngày.

II. Chuẩn bị:

1. Giáo viên: 1 quyển lịch bóc. 1 thời khóa biểu.
2. Học sinh: Vở bài tập.

III. Hoạt động dạy và học:

<u>Hoạt động của giáo viên</u>	<u>Hoạt động của học sinh</u>
<p>1. Ôn định:</p> <p>2. Bài cũ: Điền dấu >, <, = $64 - 4 \dots 65 - 5$ $42 + 2 \dots 42 + 2$ $40 - 10 \dots 30 - 20$ $43 + 45 \dots 54 + 35$</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét, tuyên dương. Nhận xét phần KTBC. <p>3. Bài mới:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu: Học bài “<i>Các ngày trong tuần lễ</i>”. <p>a) Hoạt động 1: Giới thiệu lịch bóc hàng ngày.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Treo quyển lịch và hỏi hôm nay là thứ mấy? - Giới thiệu tuần lễ: + 1 tuần lễ có mấy ngày? Giới thiệu các ngày trong tháng: + Hôm nay là ngày bao nhiêu? + Chỉ vào tờ lịch. - Đưa một tờ lịch khác. Nhận xét, tuyên dương. <p>b) Hoạt động 2: Luyện tập.</p> <p>* Bài 1: Nêu yêu cầu bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu hôm nay là thứ hai thì ngày mai là thứ mấy? - Nhận xét, tuyên dương. <p>* Bài 2: Yêu cầu gì?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị 2 tờ lịch cho HS - Nhận xét, tuyên dương. <p>* Bài 3: Đọc yêu cầu bài.</p> <p>4. Củng cố: Thi đua trò chơi: Ai nhanh, ai đúng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thứ ba ngày 8 tháng 5. - Thứ tư ngày ... tháng - Thứ năm ngày ... tháng - Thứ ... ngày 11 tháng - Nhận xét, tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hát. - 2HS lên bảng làm, lớp làm nháp. - Nhận xét. - Nhận xét. - Học sinh quan sát và trả lời. Học sinh theo dõi. HS nêu. Học sinh nhắc lại các ngày trong tuần. Học sinh nêu. - HS nhắc lại ngày. - 1HS nói ngày của tháng, tên ngày. - Nhận xét. * Viết tiếp vào chỗ chấm. - HS phát biểu. - Học sinh làm bài. - Sửa bài bảng lớp. * Đọc các tờ lịch. - HS khác nhận xét, bổ sung. * Học sinh đọc yêu cầu bài: Đọc thời khóa biểu lớp em. - 1, 2HS đọc. - Nhận xét. - Học sinh cử đại diện lên thi đua điền vào chỗ chấm.

5. Dẫn dò: Tập xem lịch hằng ngày ở nhà

- Nhận xét.

Lớp 2A1.

Tiết 3. Ôn Toán VIẾT SỐ THÀNH TỔNG CÁC TRĂM, CHỤC, ĐƠN VỊ

I. MỤC TIÊU:

- Biết viết số có ba chữ số thành tổng của số trăm, số chục, số đơn vị và ngược lại.
- Bf 1 Bf 2 Bf 3

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: bài dạy, ghi san BT 1, 3
- HS: dụng cụ học toán.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Ôn định:</p> <p>2. Kiểm tra bài cũ: Gọi HS lên kiểm tra và sửa bài tập. $220, 221, \dots, 224, \dots, 228, 229$</p> <p>GV nhận xét.</p> <p>3. Bài mới: Gizi thiêu bài:</p> <p>* Hl zng đản vieg sogo 3 chl {soghanh tokg cac trapm, chuu, wzn vx $375 = 300 + 70 + 5$</p> <p>- Yeh cafi HS phah tsch cac sog $456, 764, 893$ thanh tokg cac trapm, chuu, wzn vx</p> <p>- Neg sog 820 va yeh cafi HS leh bang thl u hieji phân tsch sog nay, HS dl zi lzp lam bai-ra giag nhap.</p> <p>* Luyeji tap:</p> <p>- Bai 1, 2:</p> <p>- Yeh cafi HS tl uam, sau wok cheo vz wekkiek tra bai-lan nhau.</p> <p>- Yeh cafi ca lzp wou cac tokg vl a viegw zu - chl a va chagn 1 sog bai.</p> <p>- Bai 3: Yeh cafi chung ta tm tokg tl zng l ng vzi sog</p> <p>- Viegbang sog 975 va yeh cafi HS phah tsch sog nay thanh cac tokg trapm, chuu, wzn vx</p> <p>- Khi wo ta no g sog 975 vzi tokg $900 + 70 + 5$.</p> <p>- Yeh cafi HS tl uam tieg cac phafi con lai cua bai.</p> <p>- Bai 4: Giam tai</p> <p>4. Củng cố - dẫn dò:</p> <p>- Yeh cafi HS vefinha-oh laxcach wou vieg</p>	<p>1 em lam treh bang, ca lzp lam bai-ra giag nhap.</p> <p>- Ca lzp wou lai cac da y sog vl a lap w zu.</p> <p>HS lap lai tura bai</p> <p>HS tra loi</p> <p>$820 = 800 + 20 + 0$ $820 = 800 + 20$</p> <p>- Phah tsch sog</p> <p>HS viet</p> <p>- HS tl uam, sau wok cheo vz wekkiek tra bai-lan nhau.</p> <p>Ca lzp wou cac tokg vl a viegw zu - chl a va chagn 1 sog bai.</p> <p>- HS tra lzi</p> <p>- 1 em wou bai-lam của</p>

cach phah tsch sogo 3 chl {soghanh tokg cac tram,
chuu, wzn vx
- Tokg keg tieghou.

mmh trl zc lzp.

Tiết 4. Ôn Luyện từ và câu

TỪ NGỮ VỀ BÁC HỒ

I. MỤC TIÊU:

- Nêu được một số từ ngữ nói về tình cảm của Bác Hồ dành cho thiếu nhi và tình cảm của các cháu thiếu nhi đối với Bác(BT1); biết đặc câu với từ tìm được ở BT1(BT2)
- Ghi lại được hoạt động vẽ trong tranh bằng một câu ngắn(BT3)

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Tranh minh họa SGK.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Ôn định:</p> <p>2. Kiểm tra bài cũ: Goi HS leh vieg cac tl ~chl cac bojphaj của ca y va cac tl ~dung weka tl ng bojphaj. - GV nhaj xet tl ng em.</p> <p>3. Bài mới:* Gizi thiej bai: * Hl zng dan lam bai tap. - Goi 1 HS wou yeh cafi của bai. - Chia lzp thanh 4 nhom phat cho moi nhom nhaj 1 tz ~giag va but daua yeh cafi: - Sau 5 phut thao luaj, goi cac nhom leh trmh bay keg qua hoat wong. - Nhaj xet - cho glaucac tl ~wung - Tuyeh dl zng nhom trm w zu nhiefi tl ~wung, hay. - Bai 2: Goi 1 HS wou yeh cafi. waqcah vzi moi tl ~ em trm w zu z BT1. + Goi HS waqcah dl u vaø cac tl ~teh bang. Khoag nhag thieg phai la Bac Hof vzi thieg nhi ma co thek waqcah noi vefcac moq quan hej khac. - Tuyeh dl zng HS waqcah hay. - Bai 3: Goi 1 em wou yeh cafi + Cho HS quan sat va watl wch + Goi HS trmh bay bai lam của mmh. Gv co thek ghi bang cac cah hay. - GV nhaj xet tuyeh dl zng nhl fg em noi tog</p>	<p>Hát</p> <p>HS leh vieg cac tl ~ HS trả lời</p> <p>HS lặp lại tựa bài</p> <p>- 1 HS wou thanh tiegg ca lzp theo doi bai trong SGK. - Nhaj wof dung va hoat dodong nhom. - Wa diej cac nhom leh bao cao dan giag bang, sau wo wou to cac tl ~trm w zu: - 1 HS wou yeh cafi: - HS noq tieg nhau wou cah của mmh (khoang 20 HS).</p> <p>Wou yeh cafi BT SGK - HS lam bai ca nhah.</p> <p>HS làm bài</p>

4. Củng cố - dặn dò:

- Cho HS trình bày cảm xúc của mình về Bác Hồ trong 5 phút.
- Gọi 1 số học sinh đọc bài. Nhận xét trình bày.
- Về nhà viết lại vào vở và chuẩn bị bài sau.

Thứ sáu ngày 10 tháng 4 năm 2015

Tiết 1+2. Ôn Toán. TIẾT 120: CỘNG TRỪ (KHÔNG NHỚ) TRONG PHẠM VI 100.

I. Mục tiêu:

- Biết cộng, trừ các số có hai chữ số (không nhớ).
 - Cộng, trừ nhẩm.
 - Nhận biết bước đầu về quan hệ giữa phép cộng và phép trừ.
 - Giải được bài toán có lời văn trong phạm vi các phép tính đã học.
- *GT: Không làm bài tập 1(cột 2), bài 2 (cột 2)

II. Chuẩn bị: SGK

III. Hoạt động dạy và học:

<u>Hoạt động của giáo viên</u>	<u>Hoạt động của học sinh</u>
<p>1. Ôn định:</p> <p>2. Bài cũ: Nêu các ngày trong tuần.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một tuần có mấy ngày? - Hôm nay là thứ mấy, ngày mấy? - Nhận xét. <p>3. Bài mới: Giới thiệu: - Ghi bảng.</p> <p>a) Luyện tập.</p> <p>* Bài 1: Nêu yêu cầu bài.</p> $80 + 10 = \quad 80 + 5 =$ $90 - 80 = \quad 85 - 5 =$ $90 - 10 = \quad 85 - 80 =$ <ul style="list-style-type: none"> - GV ghi kết quả đúng. - Nhận xét, tuyên dương. <p>* Bài 2: Nêu yêu cầu bài.</p> $36 + 12$ $48 - 36$ $48 - 12$ <p>Lưu ý học sinh đặt phải thẳng cột.</p> <p>* Bài 3: - Đọc đề bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho HS tự làm bài. Nhận xét. <p>* Bài 4: Tương tự BT3 cho HS làm và sửa bài.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hát. - HS nêu - nhận xét - Nhắc tựa (nối tiếp). * Tính nhẩm. - Học sinh làm bài. - Sửa bài miệng. - Nhận xét. * Đặt tính rồi tính. - Học sinh làm bài. - Thi đua sửa ở bảng lớp. Nhận xét. <p>Hsinh đọc đề. Tự tóm tắt và giải.</p> <p style="text-align: center;">Bài giải</p> <p>Số que tính hai bạn có là:</p>

<p>Bài giải Lan hái được là: $68 - 34 = 34$ (bông hoa) Đáp số: 34 bông hoa</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét. <p>4. Củng cố: Nêu cách đặt tính và thực hiện tính trừ trong phạm vi 100.</p> <p>5. Dặn dò:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị: Luyện tập. - Nhận xét tiết học. 	<p>$35 + 43 = 78$ (que tính) Đáp số: 78 que tính.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét, sửa chữa. - HS đọc đề bài. - Tóm tắt và giải - Nhận xét, sửa bài. - HS nêu, nhận xét
--	---

Tiết 2. Ôn Toán.

CỘNG TRỪ (KHÔNG NHỚ) TRONG PHẠM VI 100

A. MỤC TIÊU:

* *Qua tiết học giúp học sinh:*

- Củng cố về biết làm tính cộng, trừ (không nhớ) trong phạm vi 100 ; biết tính nhẩm, vận dụng để cộng các số. Củng cố về giải bài toán có lời văn, viết tiếp vào chỗ chấm.

B. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

* GV: Nội dung các bài tập...

* HS : Vở bài tập toán...

C. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA GV HS
<p><u>I. Kiểm tra bài cũ:</u> - Gọi HS lên bảng làm, Lớp làm bảng con.- GV nhận xét</p>	<p>Viết các số từ 60 đến 90</p>
<p><u>II. Dạy học bài mới:</u> <i>1. Giới thiệu bài:</i> <i>2. Thực hành giải các bài tập.</i> - GV hướng dẫn cho HS làm các bài tập</p>	<p>Bài tập.(Trang 87) <u>Bài 1:</u> Tính nhẩm: $50 + 20 =$ $60 + 30 =$ $70 - 9 =$ $70 - 50 =$ $90 - 60 =$ $79 - 70 =$ $70 - 20 =$ $90 - 30 =$ $79 - 9 =$</p>

<p>- HS nêu số bài tập và yêu cầu từng bài.</p> <p>- GV giao bài tập cho HS</p> <p>- HS làm việc cá nhân với bài tập được giao.</p> <p>- GV quan sát giúp đỡ HS yếu.</p> <p>- HS làm xong chữa bài.</p> <p>III. Củng cố - Dẫn dò:</p> <p>- GV nhận xét giờ học, tuyên dương những học sinh học tốt.</p> <p>- Nhắc HS học kỹ bài và xem trước bài</p>	<p>Bài 2 : Đặt tính rồi tính</p> <p>74 – 31 48 – 12 95 – 60 69 – 5</p> <p>Bài 3: Bài giải</p> <p>Số quả cam chị hái được là:</p> <p>75 – 33 = 42(quả)</p> <p>Đáp số: 42 quả</p> <p>Bài 4 Viết tiếp vào chỗ chấm:</p> <p>a) Một tuần lễ có 7 ngày là: Chủ nhật, thứ hai,</p> <p>.....</p> <p>b) Hôm nay là ngày..... tháng.....</p>
---	---

Tiết 3+4. Ôn Tập đọc:

NGƯỜI BẠN TỐT

I. Mục tiêu:

- Đọc trơn cả bài. Đọc đúng các từ ngữ: *bút chì, liền đưa, sửa lại, ngay ngắn, ngượng nghịu*. Bước đầu biết nghỉ hơi ở chỗ có dấu câu.
- Hiểu ND: Nụ và Hà là những người bạn tốt, luôn giúp đỡ bạn, rất hồn nhiên và chân thành. Trả lời CH 1, 2(SGK).

II. Chuẩn bị:

1. Giáo viên: Tranh vẽ SGK.
2. Học sinh: SGK. Bảng con.

III. Hoạt động dạy và học:

<u>Hoạt động của giáo viên</u>	<u>Hoạt động của học sinh</u>
<p>1. Ôn định:</p> <p>2. Bài cũ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc thuộc lòng bài thơ: <i>Mèo con đi học</i>. + Định nghỉ học Mèo con kiếm có gì? + Vì sao Mèo con xin đi học ngay? + Vì sao con thích đi học? 	<ul style="list-style-type: none"> - Hát. - 3- 4 Học sinh đọc và trả lời. - Nhận xét.

<ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét, 3. <u>Bài mới:</u> - Giới thiệu: Học bài: <i>Người bạn tốt.</i> - Ghi bảng. a) <u>Hoạt động 1: Hướng dẫn luyện đọc.</u> - Giáo viên đọc mẫu. - Nêu các từ khó đọc. - Giáo viên gạch chân: liền, sửa lại, nằm, ngượng nghịu. b) <u>Hoạt động 2: Ôn vần uc – ut.</u> - Tìm tiếng trong bài có vần uc – ut. - Nói câu chứa tiếng có vần uc – ut. - Cho xem tranh. <p>Chia 2 đội thi đua nói:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đội A: nói câu có chứa vần uc. + Đội B: nói câu có chứa vần ut. - Nhận xét tuyên dương đội nói hay, tốt. 4. <u>Củng cố:</u> Chi bảng cho HS đọc lại bài. - Nhận xét. 5. <u>Tổng kết:</u> - Dặn HS chuẩn bị tiết 2. - Nhận xét tiết học.	<ul style="list-style-type: none"> - nói tiếp nhắc tựa. - Học sinh nghe. - Học sinh nêu. - Phân tích tiếng: liền, lại, nằm, ngượng, nghịu. - Học sinh luyện đọc từ (cá nhân, lớp). - Luyện đọc câu nối tiếp nhau (mỗi câu 2HS đọc, tổ đọc). - 2, 4HS Luyện đọc đoạn. - Luyện đọc cả bài (cá nhân, lớp). - HS tìm và nêu. - Đọc, phân tích tiếng cúc, bút. <p>Học sinh quan sát tranh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc câu mẫu. - Học sinh chia 2 đội lên thi đua nói.
--	--

TIẾT 2

<u>Hoạt động của giáo viên</u>	<u>Hoạt động của học sinh</u>
<ul style="list-style-type: none"> 1. <u>Ôn định:</u> 2. <u>Kiểm tra bài cũ:</u> - Gọi 2HS đọc bài. - Nhận xét, 3. <u>Bài mới:</u> - Giới thiệu: Học sang tiết 2. a) <u>Hoạt động 1: Tìm hiểu bài đọc, luyện đọc.</u> - Đọc đoạn 1. + Hà hỏi mượn bút, Cúc nói gì? => Cúc từ chối. + Ai đã giúp Hà? 	<ul style="list-style-type: none"> - Hát. - 1 Học sinh đọc. - HS nêu - 1 Học sinh đọc.

<p>=> Nụ cho Hà mượn.</p> <ul style="list-style-type: none">- Đọc đoạn 2.+ Bạn nào đã giúp Cúc sửa dây đeo cặp? <p>=> Hà tự đến giúp Cúc.</p> <ul style="list-style-type: none">- Đọc cả bài.+ Em hiểu thế nào là người bạn tốt? <p>=> Luôn luôn giúp đỡ bạn mọi lúc, mọi nơi.</p> <ul style="list-style-type: none">- Nhận xét, khen HS trả lời tốt. <p>b) Hoạt động 2: Luyện nói.</p> <ul style="list-style-type: none">- Cho học sinh xem tranh.- Các bạn nhỏ trong tranh đã làm được việc gì tốt? - Xung phong kể về bạn tốt của mình. + Bạn con tên gì?+ Con và bạn có hay cùng học với nhau không?+ Hãy kể về kỷ niệm giữa con và bạn.- Nhận xét <p>4. Củng cố:</p> <ul style="list-style-type: none">- Học sinh đọc lại toàn bài.- Con hiểu thế nào là người bạn tốt? <p>5. Dặn dò:</p> <ul style="list-style-type: none">- Về nhà đọc lại bài.- Chuẩn bị bài: <i>Ngưỡng cửa</i>.- Nhận xét tiết học.	<ul style="list-style-type: none">- HS nêu - HS phát biểu - Học sinh quan sát.- Học sinh dựa vào tranh kể lại việc tốt.- Học sinh lên kể về bạn mình. - Học sinh đọc.- Học sinh nêu.
---	--

TUẦN 31. Thứ hai ngày 09 tháng 3 năm 2015

Tiết 1. Toán.

Tiết 2+3. Ôn Tập đọc.

Tiết 4. Rèn chữ.

Thứ ba ngày 10 tháng 3 năm 2015

Tiết 1. Ôn Toán

Tiết 2. Ôn Tập đọc.

Tiết 3. Ôn Kể chuyện

Tiết 4. Rèn chữ

Thứ tư ngày 11 tháng 3 năm 2015

Tiết 1+2. Ôn Tập đọc

Tiết 3+4. Ôn Toán.

Thứ năm ngày 12 tháng 3 năm 2015

Tiết 1. Rèn chữ

Tiết 2. Ôn Toán.

Lớp 2A1.

Tiết 3. Ôn Toán

Tiết 4. Ôn Luyện từ và câu

Thứ sáu ngày 13 tháng 3 năm 2015

Tiết 1+2. Ôn Toán.

Tiết 3+4. Ôn Tập đọc

TUẦN 32.

Thứ hai ngày 09 tháng 3 năm 2015

Tiết 1. Toán.

Tiết 2+3. Ôn Tập đọc.

Tiết 4. Rèn chữ.

Thứ ba ngày 10 tháng 3 năm 2015

Tiết 1. Ôn Toán

Tiết 2. Ôn Tập đọc.

Tiết 3. Ôn Kể chuyện

Tiết 4. Rèn chữ

Thứ tư ngày 11 tháng 3 năm 2015

Tiết 1+2. Ôn Tập đọc

Tiết 3+4. Ôn Toán.

Thứ năm ngày 12 tháng 3 năm 2015

Tiết 1. Rèn chữ

Tiết 2. Ôn Toán.

Lớp 2A1.

Tiết 3. Ôn Toán

Tiết 4. Ôn Luyện từ và câu

Thứ sáu ngày 13 tháng 3 năm 2015

Tiết 1+2. Ôn Toán.

Tiết 3+4. Ôn Tập đọc

TUẦN 33

Thứ hai ngày 09 tháng 3 năm 2015

Tiết 1. Toán.

Tiết 2+3. Ôn Tập đọc.

Tiết 4. Rèn chữ.

Thứ ba ngày 10 tháng 3 năm 2015

Tiết 1. Ôn Toán

Tiết 2. Ôn Tập đọc.

Tiết 3. Ôn Kể chuyện

Tiết 4. Rèn chữ

Thứ tư ngày 11 tháng 3 năm 2015

Tiết 1+2. Ôn Tập đọc

Tiết 3+4. Ôn Toán.

Thứ năm ngày 12 tháng 3 năm 2015

Tiết 1. Rèn chữ

Tiết 2. Ôn Toán.

Lớp 2A1.

Tiết 3. Ôn Toán

Tiết 4. Ôn Luyện từ và câu

Thứ sáu ngày 13 tháng 3 năm 2015

Tiết 1+2. Ôn Toán.

Tiết 3+4. Ôn Tập đọc

TUẦN 34

Thứ hai ngày 09 tháng 3 năm 2015

Tiết 1. Toán.

Tiết 2+3. Ôn Tập đọc.

Tiết 4. Rèn chữ.

Thứ ba ngày 10 tháng 3 năm 2015

Tiết 1. Ôn Toán

Tiết 2. Ôn Tập đọc.

Tiết 3. Ôn Kể chuyện

Tiết 4. Rèn chữ

Thứ tư ngày 11 tháng 3 năm 2015

Tiết 1+2. Ôn Tập đọc

Tiết 3+4. Ôn Toán.

Thứ năm ngày 12 tháng 3 năm 2015

Tiết 1. Rèn chữ

Tiết 2. Ôn Toán.

Lớp 2A1.

Tiết 3. Ôn Toán

Tiết 4. Ôn Luyện từ và câu

Thứ sáu ngày 13 tháng 3 năm 2015

Tiết 1+2. Ôn Toán.

Tiết 3+4. Ôn Tập đọc

TUẦN 35

Thứ hai ngày 09 tháng 3 năm 2015

Tiết 1. Toán.

Tiết 2+3. Ôn Tập đọc.

Tiết 4. Rèn chữ.

Thứ ba ngày 10 tháng 3 năm 2015

Tiết 1. Ôn Toán

Tiết 2. Ôn Tập đọc.

Tiết 3. Ôn Kể chuyện

Tiết 4. Rèn chữ

Thứ tư ngày 11 tháng 3 năm 2015

Tiết 1+2. Ôn Tập đọc

Tiết 3+4. Ôn Toán.

Thứ năm ngày 12 tháng 3 năm 2015

Tiết 1. Rèn chữ

Tiết 2. Ôn Toán.

Lớp 2A1.

Tiết 3. Ôn Toán

Tiết 4. Ôn Luyện từ và câu

Thứ sáu ngày 13 tháng 3 năm 2015

Tiết 1+2. Ôn Toán.

Tiết 3+4. Ôn Tập đọc